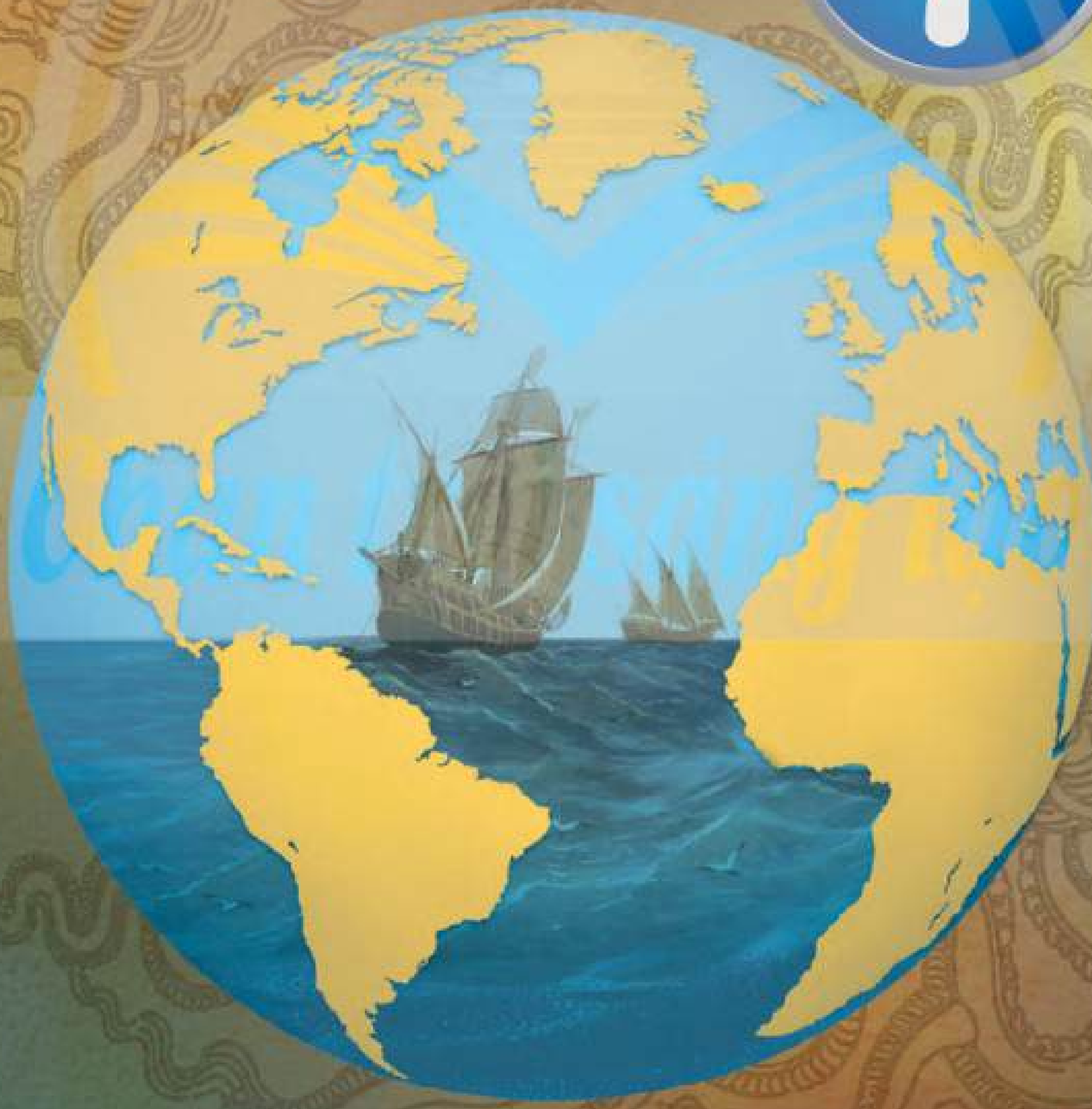
HÀ BÍCH LIÊN – MAI THỊ PHÚ PHƯƠNG (đồng Chủ biên phần Lịch sử)
NGUYỄN ĐỨC HOÀ – NGUYỄN TRÀ MY – TRẦN VĂN NHÂN – HỒ THANH TÂM – NGUYỄN KIM TƯỜNG VY

NGUYỄN KIM HỒNG (Tổng Chủ biên phần Địa lí)
PHAN VĂN PHÚ – MAI PHÚ THANH (đồng Chủ biên phần Địa lí)
VŨ THỊ BẮC – TRẦN NGỌC ĐIỆP – NGUYỄN HÀ QUỲNH GIAO – HOÀNG THỊ KIỀU OANH
HUỲNH PHẨM DŨNG PHÁT – PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG

Chân trời sáng tạo

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HÀ BÍCH LIÊN – MAI THỊ PHÚ PHƯƠNG (đồng Chủ biên phần Lịch sử)
NGUYỄN ĐỨC HOÀ – NGUYỄN TRÀ MY – TRẦN VĂN NHÂN – HỒ THANH TÂM – NGUYỄN KIM TƯỜNG VY

NGUYỄN KIM HỒNG (Tổng Chủ biên phần Địa lí)
PHAN VĂN PHÚ – MAI PHÚ THANH (đồng Chủ biên phần Địa lí)
VŨ THỊ BẮC – TRẦN NGỌC ĐIỆP – NGUYỄN HÀ QUỲNH GIAO – HOÀNG THỊ KIỀU OANH
HUỲNH PHẨM DŨNG PHÁT – PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

7

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng

các em học sinh lớp sau!

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Các em đang cầm trên tay quyển sách giáo khoa **Lịch sử và Địa lí 7** (bộ sách Chân trời sáng tạo). Tiếp nối quyển sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6, sách được biên soạn theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh, trong đó chú trọng phát huy tính sáng tạo của cả thầy và trò khi tổ chức các hoạt động dạy và học, cũng như vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

Sách gồm hai phần, tương ứng với hai phân môn Lịch sử và Địa lí:

Phần Lịch sử: gồm 5 chương và 21 bài, giới thiệu những nội dung cơ bản về lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á (từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX) và lịch sử Việt Nam (từ đầu thế kỉ X đến thế kỉ XVI).

Phần Địa lí: gồm 6 chương và 23 bài, giới thiệu về đặc điểm tự nhiên, xã hội và kinh tế của sáu châu lục: châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực.

Đặc biệt, nhằm giúp các em nâng cao hiểu biết của mình về mối quan hệ giữa khoa học địa lí và khoa học lịch sử, cuốn sách còn có hai chủ đề chung: Các cuộc đại phát kiến địa lí; Đô thị: Lịch sử và hiện tại.

Chúc các em có những trải nghiệm thật tuyệt vời và khám phá được nhiều điều thú vị, bổ ích qua từng bài học Lịch sử và Địa lí.

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU 3

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH 6

Phần LỊCH SỬ

CHƯƠNG 1. TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI 8

Bài 1. Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu 8

Bài 2. Các cuộc phát kiến địa lí 14

Bài 3. Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu trung đại 17

Bài 4. Văn hoá Phục hưng 20

Bài 5. Phong trào Cải cách tôn giáo 24

CHƯƠNG 2. TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX 26

Bài 6. Khái lược tiến trình lịch sử Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX 26

Bài 7. Các thành tựu văn hoá chủ yếu của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX 30

CHƯƠNG 3. ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX 33

Bài 8. Vương triều Gúp-ta 33

Bài 9. Vương triều Hồi giáo Đê-li 37

Bài 10. Đế quốc Mô-gôn 39

CHƯƠNG 4. ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI 42

Bài 11. Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI 42

Bài 12. Vương quốc Cam-pu-chia 45

Bài 13. Vương quốc Lào 48

CHƯƠNG 5. VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI 51

Bài 14. Công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước thời Ngô – Đinh – Tiền Lê (938 – 1009) 51

Bài 15. Công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước thời Lý (1009 – 1225) 57

Bài 16. Công cuộc xây dựng đất nước thời Trần (1226 – 1400) 65

Bài 17. Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên 71

Bài 18. Nhà Hồ và cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh (1400 – 1407) 77

Bài 19. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427) 81

Bài 20. Đại Việt thời Lê sơ (1428 – 1527) 86

Bài 21. Vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI 92

Phần ĐỊA LÍ

CHƯƠNG 1. CHÂU ÂU 97

Bài 1. Thiên nhiên châu Âu 97

Bài 2. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu 102

Bài 3. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Âu 106

Bài 4. Liên minh châu Âu 109

CHƯƠNG 2. CHÂU Á 111

Bài 5. Thiên nhiên châu Á 111

Bài 6. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á 117

Bài 7. Bản đồ chính trị châu Á, các khu vực của châu Á 120

Bài 8. Thực hành: tìm hiểu các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á 127

CHƯƠNG 3. CHÂU PHI 128

Bài 9. Thiên nhiên châu Phi 128

Bài 10. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Phi 133

Bài 11. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Phi 136

Bài 12. Thực hành: sưu tầm tư liệu về Cộng hoà Nam Phi 139

CHƯƠNG 4. CHÂU MỸ 140

Bài 13. Phát kiến ra châu Mỹ, vị trí địa lí và phạm vi châu Mỹ 140

Bài 14. Thiên nhiên và dân cư, xã hội Bắc Mỹ 143

Bài 15. Phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững, một số trung tâm kinh tế của Bắc Mỹ 150

Bài 16. Thiên nhiên Trung và Nam Mỹ 153

Bài 17. Đặc điểm dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ Latinh 157

Bài 18. Vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ rừng A-ma-dôn 160

CHƯƠNG 5. CHÂU ĐẠI DƯƠNG 162

Bài 19. Thiên nhiên châu Đại Dương 162

Bài 20. Đặc điểm dân cư, xã hội Ô-xtrây-li-a 166

Bài 21. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-li-a 170

CHƯƠNG 6. CHÂU NAM CỰC 173

Bài 22. Vị trí địa lí, lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực 173

Bài 23. Thiên nhiên châu Nam Cực 176

Chủ đề chung 1. Các cuộc đại phát kiến địa lí 181

Chủ đề chung 2. Đô thị: Lịch sử và hiện tại 187

THUẬT NGỮ 193

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Mục tiêu bài học

Là những yêu cầu cần đạt đối với học sinh sau mỗi bài học.

Hình thành kiến thức mới

Nội dung bài học (các kênh thông tin khác nhau) và hệ thống câu hỏi giúp học sinh khám phá, hình thành kiến thức mới.

Tư liệu lịch sử, sơ đồ, lược đồ,... sắp xếp theo thứ tự 1, 2, 3,... theo từng bài học (ví dụ bài 12, được kí hiệu 12.1, 12.2, 12.3,...).

Kiến thức hỗ trợ, bổ sung, nâng cao, mở rộng, tích hợp hoặc kết nối với hiện tại.

Tư liệu hình của phần Địa lí được sắp xếp theo thứ tự 1, 2, 3,... đứng trước là số bài (ví dụ tư liệu hình ở bài 11 được thể hiện như sau: Hình 11.1, Hình 11.2,...) là cơ sở để tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh.

Luyện tập

Các câu hỏi, bài tập, bài thực hành để học sinh củng cố, hệ thống hoá kiến thức, rèn luyện kĩ năng.

Vận dụng

Sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.


Bài 16 CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC THỜI TRẦN (1226 – 1400)

Học xong bài này, em sẽ:
- Mô tả được sự thành lập nhà Trần.
- Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Trần.
- Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá.

Cuối thế kỉ XII, triều Lý bắt đầu suy yếu. Chớp ngay thời cơ đó, họ Trần nhanh chóng nắm lấy vận nước, viết nên một trang sử mới cho Đại Việt. Vậy nhà Trần đã được thành lập như thế nào? Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá thời Trần có gì nổi bật?

1. Nhà Trần thành lập

Mối tơ rợ thành lập của nhà Trần. Theo em, Trần Thủ Độ có vai trò như thế nào đối với sự thành lập triều nhà Trần?

Từ cuối thế kỉ XII, nhà Lý ngày càng suy yếu nên phải dựa vào thế lực họ Trần trong triều duy trì quyền lực. Năm 1224, vua Lý Huệ Tông xuất gia đi tu, truyền ngôi cho Lý Chiêu Hoàng. Theo sự sắp xếp của Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng xướng chiếu nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh vào đầu năm 1226. Sự chuyển giao quyền lực giữa hai triều đại bằng hôn nhân đã chính thức kết thúc 216 năm tồn tại của nhà Lý. Thời đại nhà Trần bắt đầu.

Nhân vật lịch sử — Trần Thủ Độ (1194 – 1264)

Trần Thủ Độ là người có công sáng lập triều Trần. Theo sử cũ, Trần Thủ Độ "... sai bắt hơn nghìn tên quân triều Lý được coi người suy tôn. Thái Tông mới Trần lấy được nước ta đều nhờ vào mưu sức của ông (2)...".

(Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 2, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1968, trang 54)

Đền thờ các vua Trần ở Thiên Trường (Nam Định)

Mở đầu

Tạo hứng thú, xác định nhiệm vụ của bài học.

Câu hỏi giao nhiệm vụ học tập trong từng nội dung của bài học.

Bổ sung thông tin cho tiến trình phát triển của lịch sử có trong nội dung bài học.

Em có biết!

Châu Phi chiếm tới 13% trữ lượng dầu mỏ, 10% trữ lượng khí tự nhiên và 10% nguồn nước sạch có thể tái tạo của thế giới. Châu lục này cũng cung cấp tới 80% nhu cầu bạch kim, 40% nhu cầu kim cương, 25% nhu cầu vàng và 27% cô-ban (cobalt) cho thế giới, đồng thời sở hữu nguồn tài nguyên đất nông nghiệp phong phú và hệ động, thực vật đa dạng.

Hình 11.2. Đường ống dẫn dầu ở Ha-mi-bi-a (Namibia)

Quan sát hình 11.3 và dựa vào thông tin trong bài, em hãy phân tích vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác ở châu Phi.

Hình 11.3. Voi ở vườn quốc gia tại Kê-ni-a


Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Chứng minh châu Nam Cực có vị trí địa lí đặc biệt.

2. Liệt kê các mốc thời gian chính trong lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.

Vận dụng

3. Em hãy tìm hiểu về Hiệp ước Nam Cực (1959) và viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) với thông điệp: Nam Cực vì hoà bình thế giới.

Chân trời sáng tạo

Phần

LỊCH SỬ

Chân trời sáng tạo



Chương 1 TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI

Bài 1 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN Ở TÂY ÂU

Học xong bài này, em sẽ:

- Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.
- Trình bày được những đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu.
- Phân tích được vai trò của thành thị trung đại.
- Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo.

Bức tranh khắc gỗ "Người cầu, người đánh, người làm" mô tả những tầng lớp trong xã hội phong kiến ở Tây Âu. Tác phẩm nghệ thuật có từ thời "trung cổ" này dẫn dắt chúng ta bắt đầu chuyến hành trình khám phá lịch sử Tây Âu sau khi đế chế La Mã sụp đổ: Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu đã diễn ra như thế nào?



1.1 "Người cầu, người đánh, người làm" (bản in khắc gỗ, Gia-cốp May-den-bách (Jacob Meydenbach), Đức, thế kỉ XV)

1. Quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu



Đọc thông tin trong bài, quan sát lược đồ 1.2, em hãy:

– Nêu những việc làm của người Giéc-man (German) khi tràn vào lãnh thổ đế chế La Mã.

– Trình bày những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến Tây Âu.



Em có biết?

Người Phơ-răng (Franks) tiến vào xứ Gô-lơ (Gaul – nước Pháp ngày nay). Tên bộ lạc Phơ-răng sau trở thành tên chính thức của nước Pháp. Người Lông-ba (Lombard) thu phục người Ô-xtơ-rô-gốt (Ostrogoths) lập nên vương quốc có tên gọi là I-ta-li-a (Italia). Người Ăng-glô Xắc-xông (Angles Saxons) tràn vào quần đảo Anh. Tên nước Anh (England) có nghĩa là đất của người Ăng-glô. Ngôn ngữ Ăng-glô Xắc-xông (tiếng Anh cổ) trở thành nguồn gốc của ngôn ngữ thông dụng nhất trên thế giới ngày nay.

Từ đầu thế kỉ IV, đế chế La Mã cổ đại suy yếu, bị chia thành hai phần Tây La Mã và Đông La Mã. Cuộc xâm lược của các bộ tộc Giéc-man sống ngoài biên giới của đế chế làm cho tình hình càng trở nên hỗn loạn hơn. Họ chiếm đất đai, phế truất hoàng đế La Mã. Năm 476, chế độ chiếm hữu nô lệ La Mã sụp đổ. Nhiều vương quốc của người Giéc-man lần lượt ra đời ở Tây Âu, trên vùng đất trước đó vốn thuộc Tây La Mã.



1.2 Lược đồ các vương quốc của người Giéc-man thế kỉ V – VI

Từ thế kỉ VI đến thế kỉ IX, chiến tranh vẫn tiếp diễn. Vương quốc Phơ-răng dần dần làm chủ cả vùng Tây Âu lục địa. Cùng với quá trình đó, xã hội phong kiến Tây Âu dần hình thành với sự ra đời của hai giai cấp mới là lãnh chúa phong kiến và nông nô.

Các thủ lĩnh quân sự được ban cấp ruộng đất, phong tước vị, dần dần hình thành nên tầng lớp quý tộc quân sự. Nhà thờ ủng hộ các vị vua nên giáo chủ, giám mục cũng được ban tặng những vùng đất rộng lớn, trở thành tầng lớp quý tộc tăng lữ. Quý tộc quân sự và quý tộc tăng lữ hợp thành giai cấp thống trị, giàu có và nhiều quyền lực. Nô lệ được giải phóng và nông dân tự do dần dần bị mất hết ruộng đất, trở thành nông nô, lệ thuộc vào lãnh chúa.

Đến thế kỉ IX, về cơ bản xã hội phong kiến Tây Âu đã hình thành.

2. Lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu



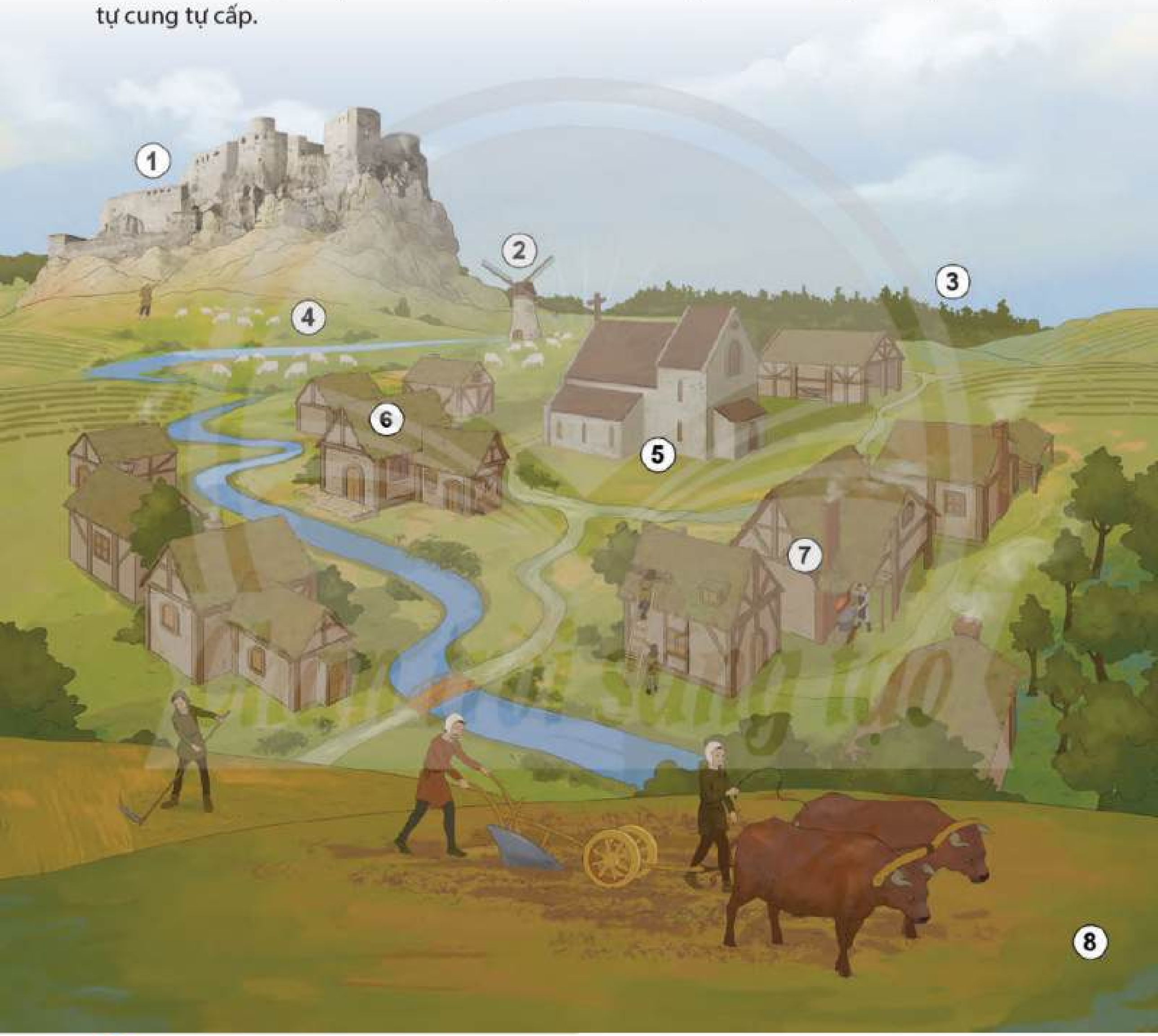
Đọc thông tin trong bài và quan sát tư liệu 1.3, em hãy trình bày:
– Đặc điểm của lãnh địa phong kiến Tây Âu.
– Mối quan hệ giữa lãnh chúa và nông nô trong xã hội phong kiến.

Đến giữa thế kỉ IX, những vùng đất đai rộng lớn đã bị các quý tộc biến thành những khu đất của riêng họ, được quyền cha truyền con nối – gọi là lãnh địa phong kiến. Mỗi lãnh địa phong kiến là một đơn vị hành chính – kinh tế biệt lập, khép kín, thuộc về một

lãnh chúa. Lãnh chúa có toàn quyền trên vùng đất đai của họ như một "ông vua", có quân đội riêng và tự đặt ra luật lệ trong lãnh địa của họ.

Lãnh chúa xây dựng lâu đài kiên cố, có hào sâu, tường bao quanh. Vùng đất đai ngoài lâu đài chủ yếu là đất canh tác nông nghiệp, đồng cỏ chăn thả gia súc, rừng và nhà ở của nông nô,...

Trong lãnh địa, kinh tế nông nghiệp là chủ yếu. Ngoại trừ muối và sắt được mua từ ngoài, mọi thứ cần dùng như lương thực, thực phẩm, công cụ lao động hay quần áo, giày dép đều do nông nô tự sản xuất trong lãnh địa. Đời sống kinh tế trong lãnh địa khép kín, tự cung tự cấp.



1.3 Một lãnh địa phong kiến Tây Âu trung đại (tranh vẽ minh hoạ)
1. Lâu đài 2. Cối xay gió 3. Rừng 4. Đồng cỏ, bãi chăn thả gia súc 5. Nhà thờ
6. Nhà ở của nông nô 7. Nhà ở của nông nô làm nghề thủ công 8. Đất canh tác nông nghiệp

Trong xã hội phong kiến, lãnh chúa không phải lao động, họ chỉ luyện tập cung kiếm, đi săn. Họ bóc lột nông nô bằng địa tô và những thứ thuế do họ tự đặt ra như thuế thân, thuế cưới xin, thuế xay bột, săn bắn,... Nông nô lệ thuộc lãnh chúa về thân phận và ruộng đất. Họ canh tác trên khu đất lãnh chúa cho họ thuê và phải nộp tô rất nặng, có khi lên đến 1/2 số sản phẩm thu được mỗi vụ,... Như vậy, quan hệ xã hội chính trong xã hội phong kiến ở Tây Âu chủ yếu là quan hệ giữa lãnh chúa và nông nô.



1.4 Đời sống của lãnh chúa và nông nô trong lãnh địa (hình ảnh trong ấn phẩm *Lịch cầu nguyện của công tước Be-ri (Berry)*, 1413 – 1416)

3. Thành thị Tây Âu trung đại



– *Thành thị Tây Âu trung đại ra đời như thế nào?*

– *Đọc thông tin trong bài và dựa vào các tư liệu 1.5, 1.6, 1.7, em hãy phân tích vai trò của thành thị đối với sự phát triển của Tây Âu trung đại.*

Thế kỉ XI, sản xuất thủ công nghiệp trong các lãnh địa phát triển dẫn đến nhu cầu trao đổi sản phẩm. Một số thợ thủ công tìm cách thoát ra khỏi lãnh địa bằng cách bỏ trốn hay dùng tiền chuộc lại thân phận. Họ tập trung ở những nơi có đông người qua lại để bán hàng và lập xưởng sản xuất. Các thị trấn nhỏ bắt đầu xuất hiện, dần dần trở thành những thành phố lớn gọi là thành thị trung đại. Cư dân sống trong các thành thị chủ yếu là thương nhân và thợ thủ công.



1.5 Cát-ca-xông (Carcassone) ở miền Nam nước Pháp (thế kỉ XII)
Cát-ca-xông là điển hình cho kiến trúc thành thị trung đại, được bảo tồn khá nguyên vẹn cho đến ngày nay.

Sự phát triển của thủ công nghiệp và thương nghiệp trong thành thị đã phá vỡ kinh tế tự nhiên của các lãnh địa, tạo điều kiện cho kinh tế hàng hoá phát triển. Những hội chợ bắt đầu xuất hiện từ thế kỉ XI, nổi tiếng nhất là hội chợ Săm-pa-nhơ (Champagne) ở Pháp.

Thành thị mang lại không khí tự do và nhu cầu mở mang tri thức cho mọi người. Thế kỉ XII, thị dân bắt đầu lập ra những trường đại học như Bô-lô-na (Bologna) ở I-ta-li-a, O-xphớt (Oxford) ở Anh hay Xoóc-bon (Sorbonne) ở Pháp,...

Thế kỉ XIII, nhiều thành thị là trung tâm kinh tế, văn hoá của Tây Âu như Luân Đôn (London) của Anh, Pa-ri (Paris) của Pháp, Lu-bếch (Lubeck) của Đức, Phi-ren-xê (Florence) của I-ta-li-a,...

Từ thế kỉ XIV đến thế kỉ XV, nền kinh tế hàng hoá của các thành thị phát triển đòi hỏi nhu cầu phá bỏ sự cản trở của kinh tế lãnh địa. Nhiều thành thị ở Anh, Pháp, Tây Ban Nha ủng hộ các vị vua tập quyền, xoá bỏ chế độ phong kiến phân quyền.

1.6 **Luật Thành thị trung đại**

1. *Tự do:* Bất cứ ai, bao gồm cả những nông nô trốn thoát ra từ một lãnh địa, sống ở thành thị đủ một năm và một ngày đều được tự do.
2. *Miễn giảm:* Thị dân được quyền miễn và không phải làm việc trong lãnh địa.
3. *Tư pháp:* Các thành thị có toà án riêng. Các công dân có uy tín được bầu ra để xét xử các vụ án liên quan đến thị dân.
4. *Đặc quyền thương mại:* Thị dân có thể bán hàng tự do trong chợ của thành thị và họ có thể thu phí đối với người ngoài thành thị muốn giao dịch ở đó.

(Rai-hát và Win-xtơn (Rinehart and Winston), *Lịch sử thế giới – Hành trình nhân loại* (*World History – The Human Journey*), NXB Hâu (Holt), 2003, trang 327)



1.7 Sinh viên Đại học Bô-lô-na ở I-ta-li-a (phù điêu, thế kỉ XIV)

4. Sự ra đời của Thiên Chúa giáo



Nêu vài nét sơ lược về sự ra đời của Thiên Chúa giáo.

Thiên Chúa giáo ra đời từ thế kỉ I ở Pa-le-xtin (Palestin), một tỉnh của La Mã vào thời kì đế chế. Ban đầu, Thiên Chúa giáo là tôn giáo của những người nghèo khổ, bị áp bức. Sau một thời gian dài bị chính quyền đàn áp, đến thế kỉ IV, Thiên Chúa giáo đã được hoàng đế La Mã công nhận và có một vị trí vững chắc trong xã hội.

Đứng đầu Giáo hội Thiên Chúa giáo là Giáo hoàng, người có quyền lực chính trị, ảnh hưởng đến sự cai trị của các vị vua. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XII, Giáo hoàng còn phát động "Thập tự chinh", đem quân đi tàn phá, cướp bóc Pa-le-xtin.

Hầu hết người dân Tây Âu đều là giáo dân. Nhà thờ trở thành trung tâm sinh hoạt văn hoá và là nơi diễn ra các nghi thức quan trọng trong cuộc sống của họ.



1.8 Nhà thờ Rêm (Reims) – nơi Giáo hoàng làm lễ đăng quang cho các vị vua Pháp thời kì trung đại



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. *Kể tên hai giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến Tây Âu trung đại và nêu mối quan hệ giữa hai giai cấp đó.*
2. *Em hãy hoàn thành bảng tóm tắt những đặc điểm của lãnh địa và thành thị Tây Âu trung đại theo mẫu dưới đây:*

Nội dung	Lãnh địa phong kiến	Thành thị trung đại
Thời gian xuất hiện	?	?
Thành phần dân cư	?	?
Hoạt động kinh tế	?	?

Vận dụng

3. *Hãy sưu tầm thông tin, tìm hiểu về hội chợ Tây Âu thời trung đại và hiện tại. Trên cơ sở đó, viết một đoạn văn ngắn mô tả về một hội chợ truyền thống ở Tây Âu.*

Bài 2 CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ

Học xong bài này, em sẽ:

- Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới.
- Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí.

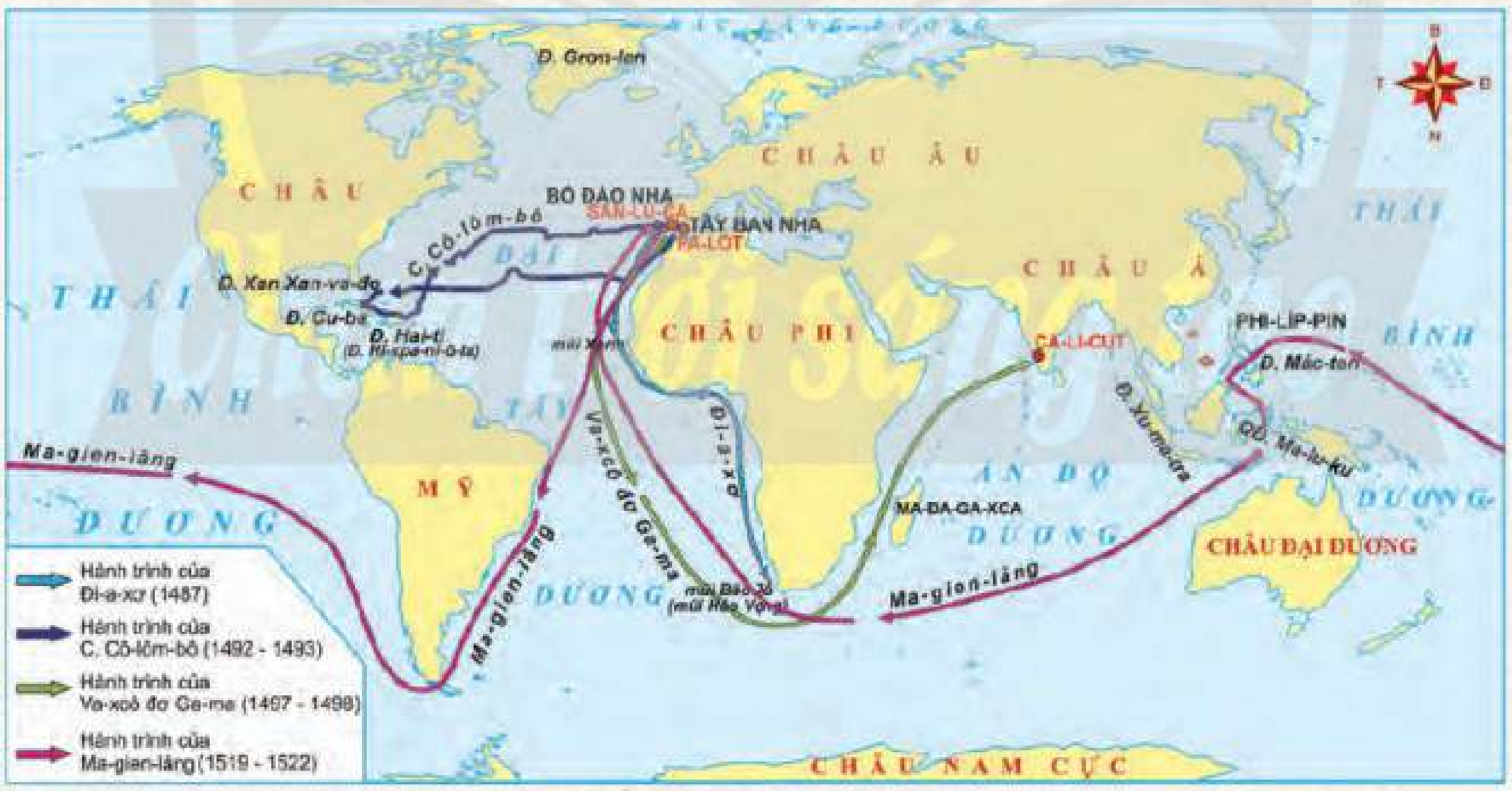
Những mặt hàng tơ lụa và hương liệu của phương Đông kích thích trí tưởng tượng của người châu Âu về một phương Đông giàu có. Khoảng thế kỉ XV, họ bắt đầu tìm đường vượt đại dương sang phương Đông bất chấp hiểm nguy. Lịch sử gọi đó là những cuộc phát kiến địa lí. Ở bài học này, các em sẽ tìm hiểu về những chuyến hải trình khám phá đó đã diễn ra như thế nào và để lại hệ quả gì cho thế giới của chúng ta?

1. Hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí



Dựa vào lược đồ 2.1 và thông tin trong bài, em hãy:

- *Miêu tả trên lược đồ hành trình của các cuộc phát kiến địa lí. Kể tên những địa danh được các nhà thám hiểm đặt tên trên những chuyến hải trình của họ.*
- *Sự kết nối đường biển giữa châu Á và châu Âu, giữa châu Âu và châu Mỹ liên quan cụ thể đến những cuộc phát kiến địa lí nào? Chuyến đi nào kết nối tất cả các châu lục lại với nhau?*



21 Lược đồ các cuộc phát kiến địa lí

Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha nằm trên bán đảo I-bê-ri-a (Iberia), phần cực tây của lục địa châu Âu, nhìn ra Đại Tây Dương, là nơi xuất phát của những cuộc phát kiến địa lí.



22 Cô-lôm-bô đặt chân lên châu Mỹ (tranh vẽ, năm 1892)

Năm 1487, nhà hàng hải Bồ Đào Nha là B. Đi-a-xơ (B. Dias) đã đi xuống được tận điểm cực nam của châu Phi. Ông đặt tên là mũi Bão Tố, sau gọi là mũi Hảo Vọng.

Năm 1492, triều đình Tây Ban Nha tài trợ cho C. Cô-lôm-bô (C. Columbus) tìm đường sang phương Đông. Ông cho thuyền đi về phía tây, đến được đảo Xan Xan-va-đo (San Salvador), Cu-ba (Cuba), Hi-xpa-ni-ô-la (Hispaniola) rồi dừng lại vì tưởng đã đến được Ấn Độ. Sự nhầm lẫn của Cô-lôm-bô khiến người ta gọi các dân tộc bản địa ở châu Mỹ là người Anh-điêng (người Ấn) cho đến tận ngày nay.

Con đường sang phương Đông bằng đường biển sau đó được khám phá bởi một người Bồ Đào Nha khác là V. Ga-ma (Vasco da Gama). Thuyền của ông đi vòng qua điểm cực nam của châu Phi, cập bến Ca-li-cút (Calicut), đến được Ấn Độ vào năm 1498.

Năm 1519, đoàn thám hiểm của Ma-gien-lăng (Magellan) tìm đường đến quần đảo gia vị Ma-lu-ku (Maluku) ở In-đô-nê-xi-a (Indonesia). Đoàn thuyền đi vòng qua điểm cực nam của châu Mỹ (sau này được gọi là eo biển Ma-gien-lăng), tiến vào đại dương mà ông đặt tên là Thái Bình Dương. Chưa tới được đảo Ma-lu-ku, ông đã bị thiệt mạng ở Phi-líp-pin (Philippines) trong một cuộc giao tranh với người dân trên đảo.

Những người còn lại về đến Tây Ban Nha vào năm 1522, hoàn thành chuyến đi vòng quanh Trái Đất đầu tiên của nhân loại.



23 Vích-to-ri-a (Victoria), con thuyền duy nhất trở về sau chuyến thám hiểm của Ma-gien-lăng (tranh vẽ, cuối thế kỉ XVI)

2. Hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí



Em hãy trình bày hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí.

Các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI đã để lại nhiều hệ quả cho lịch sử nhân loại. Thế giới đã thay đổi trong nhận thức và trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Quá trình giao lưu, tiếp xúc giữa các nền văn minh và các châu lục được mở ra từ các cuộc khám phá và chinh phục đó.



24 Sơ đồ hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Mô tả hành trình của các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI theo mẫu dưới đây:

Tên các cuộc phát kiến địa lí	Thời gian khởi hành	Con đường đã đi qua	Kết quả
?	?	?	?

Vận dụng

2. Một trong những hệ quả của phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI là sự ra đời của chủ nghĩa thực dân và quá trình xâm chiếm thuộc địa. Em hãy tìm hiểu thêm Việt Nam đã bị xâm lược và trở thành thuộc địa của nước nào.

Chân trời sáng tạo

Bài 3 SỰ HÌNH THÀNH QUAN HỆ SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA Ở TÂY ÂU TRUNG ĐẠI

Học xong bài này, em sẽ:

Xác định được những biến đổi chính trong xã hội và sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu.

Vào đầu những năm 1600, nhà văn Tây Ban Nha M. Xéc-van-téc (Miguel de Cervantes) cho ra đời tiểu thuyết Đôn Ki-hô-tê (Don Quixote). Đó là câu chuyện về một quý tộc Tây Ban Nha sa sút, bị mắc kẹt trong những huyền thoại của quá khứ thời trung cổ. Câu chuyện hài hước của M. Xéc-van-téc phản ánh một thế giới mới đang từ chối những yếu tố lạc hậu của xã hội cũ để trở thành xã hội hiện đại hơn – đó là thời kì cuối của lịch sử Tây Âu trung đại. Ở bài học này, các em sẽ tìm hiểu về những biến đổi chính trong xã hội Tây Âu thời kì này và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã nảy sinh như thế nào?

1. Những biến đổi trong xã hội Tây Âu



Nêu những biến đổi chính trong xã hội Tây Âu trung đại. Dựa vào các tư liệu 3.1 và 3.2 để có thêm thông tin cho câu trả lời của em.

Sau các cuộc phát kiến địa lí, nhờ vơ vét của cải và cướp bóc thuộc địa, các quý tộc và thương nhân Tây Âu càng giàu lên một cách nhanh chóng, tích luỹ được một số vốn ban đầu. Nhờ đó, nền sản xuất hàng hoá và thương mại của Tây Âu ngày càng phát triển. Nhiều cảng biển trở nên sầm uất. Các xưởng sản xuất với quy mô lớn, các công ty thương mại và những trang trại rộng lớn ra đời.



3.1 Cảng biển Li-xbon (Lisbon) ở Bồ Đào Nha tấp nập vào thế kỉ XVI (tranh khắc đồng, năm 1547)

Xã hội Tây Âu phân hoá sâu sắc. Tầng lớp thương nhân, chủ xưởng, ngân hàng ngày càng giàu lên, chi phối toàn bộ xã hội. Họ có quyền công dân, giàu có và xa hoa. Đại đa số dân thành thị, từ thợ thủ công, người làm thuê đến người ăn xin hay nông dân mất đất, không có quyền công dân, nghèo đói và bị bần cùng hoá.

3.2 Các dạo luật của vua Anh, Hen-ri VIII (Henry VIII) (1509 – 1547) và Ét-uốc (Edward) (1547 – 1553) về người lang thang và ăn xin năm 1530 và 1535 chỉ rõ: Những người khoẻ mạnh mà đi lang thang thì bị phạt dòn và bị tù. Nếu bị bắt lần thứ hai về tội lang thang thì lại bị đánh và bị cắt nửa tai. Nếu bị bắt lần thứ ba thì bị xử tử.

(Nguyễn Gia Phu, Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hãng, Trần Văn La, *Lịch sử thế giới trung đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, trang 75)

2. Sự nảy sinh quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu



Em hãy nêu những biểu hiện về sự nảy sinh quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong lòng xã hội phong kiến ở Tây Âu.

Từ thế kỉ XVI, trong các thành thị Tây Âu, tổ chức phường hội dần dần được thay thế bằng các công trường thủ công, nơi tập trung đông đảo những người lao động làm thuê. Họ bán sức lao động cho chủ xưởng. Quan hệ giữa chủ và thợ được thay thế bằng quan hệ giữa chủ xưởng (tư sản) và người lao động (vô sản).

3.3 Công trường thủ công là hình thức sản xuất mang tính chất tư bản chủ nghĩa đầu tiên trong lĩnh vực công nghiệp gồm công trường thủ công phân tán và công trường thủ công tập trung. Sự phân công lao động trong công trường thủ công đã đạt đến mức tỉ mỉ, ở đó mỗi người thợ chỉ làm một thao tác trong một dây chuyền mà thôi. Ví dụ trong xưởng làm kim, sợi dây thép phải qua tay 72, thậm chí 92 người thợ, mới có thể trở thành những cái kim.

(Nguyễn Gia Phu, *Lịch sử thế giới trung đại*, Sđd, trang 77)



3.4 Sản xuất mũ trong một công xưởng của công trường thủ công tập trung (tranh khắc gỗ, thế kỉ XVI)

Một bộ phận lớn chủ đất ở nông thôn cũng chuyển dần sang kinh doanh tư bản chủ nghĩa, lập các đồn điền, trang trại lớn, thuê mướn nhân công, dần trở thành tư sản nông nghiệp. Nông dân mất đất, phải vào làm thuê trong các đồn điền, trang trại, bán sức lao động, trở thành công nhân nông nghiệp.



3.5 Những công nhân đang tách lông cừu trong ngành công nghiệp len sợi ở Hà Lan (tranh vẽ, thế kỉ XVI)



Em có biết?

Năm 1600, công ty Đông Ấn của Anh thành lập. Nữ hoàng Anh là Ê-li-da-bét I (Elizabeth I) ban cho họ đặc quyền có quân đội riêng, cảng biển riêng và nắm độc quyền giao thương trà – một sản phẩm được coi là tinh tuý của nước Anh và có giá trị cao thời bấy giờ.

Trong lĩnh vực thương mại, các thương nhân, chủ ngân hàng trở thành những nhà tư bản có thế lực lớn trong xã hội. Các công ty thương mại ra đời vào đầu thế kỉ XVII, thúc đẩy buôn bán giữa các quốc gia, đem lại quyền lợi kinh tế và chính trị cho giai cấp tư sản.

Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã nảy sinh trong lòng xã hội phong kiến Tây Âu, với sự hình thành của các giai cấp mới – tư sản và vô sản.



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Hãy kể tên những giai cấp mới trong xã hội Tây Âu. Địa vị của các giai cấp này trong xã hội như thế nào?

Vận dụng

2. Tìm hiểu thêm về sự thay đổi trong cuộc sống của dân nghèo thành thị và người nông dân trong xã hội Tây Âu sau các cuộc phát kiến địa lí. Viết một đoạn văn ngắn khoảng 15 dòng nói về sự thay đổi đó.

Chân trời sáng tạo

Bài 4 VĂN HOÁ PHỤC HƯNG

Học xong bài này, em sẽ:

- Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.
- Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng.
- Nhận biết được ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu.

Vào ngày 4 – 11 – 1966, dòng nước lũ kinh hoàng trên sông A-nô (Arno) (thuộc miền Bắc I-ta-li-a) đã tràn vào các bảo tàng, nhà thờ và thư viện của thành phố Phi-ren-xê. Cả thế giới bàng hoàng, vì Phi-ren-xê là nơi lưu giữ nhiều nhất những thành tựu của văn hoá Tây Âu thời Phục hưng. Ở bài học này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng. Phong trào này có ý nghĩa và tác động như thế nào đối với xã hội Tây Âu?

1. Những biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI

Dựa vào thông tin trong bài và quan sát tư liệu 4.1, 4.2, em hãy:

– Trình bày những biến đổi quan trọng về kinh tế ở Tây Âu thế kỉ XIII – XVI.

– Cho biết những tầng lớp mới nào xuất hiện trong xã hội. Tại sao họ lại có nhu cầu xây dựng một hệ tư tưởng và văn hoá mới?



4.1 Chiếc ghế dài (banca – tiếng I-ta-li-a, bank – tiếng Anh) dùng làm quầy đổi tiền ở Phi-ren-xê, I-ta-li-a (tranh vẽ, thế kỉ XIV)

Từ thế kỉ XIII, thành thị ngày càng có vai trò là những trung tâm kinh tế quan trọng nhất của Tây Âu. Nhiều xưởng sản xuất với quy mô lớn, các công ty thương mại xuất hiện tập trung chủ yếu ở thành thị. Mầm mống quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dần dần xuất hiện.

Tầng lớp chủ xưởng, thương gia và đặc biệt chủ các ngân hàng



4.2 Phi-ren-xê (tranh vẽ, năm 1490)

trở nên vừa giàu có, vừa có thế lực nhưng lại chưa có địa vị xã hội tương xứng. Do vậy, họ ủng hộ và bảo trợ cho những tư tưởng mới trong các lĩnh vực khoa học, văn học và nghệ thuật. Một phong trào văn hoá mới đã ra đời, đi vào lịch sử với tên gọi là phong trào Văn hoá Phục hưng.

Phong trào bắt đầu vào thế kỉ XIV, diễn ra ở những thành phố tự trị, giàu có thuộc miền Bắc I-ta-li-a như: Phi-ren-xê, Mi-lan (Milan), Vơ-ni-dơ (Venice),...

Sang thế kỉ XV, XVI, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện ở những quốc gia thống nhất như Anh, Pháp, Tây Ban Nha và nhiều thành phố thuộc Hà Lan, Đức,... nên phong trào Văn hoá Phục hưng có điều kiện lan rộng khắp châu Âu.

2. Những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng



Trình bày một số thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng. Em có ấn tượng với thành tựu nào nhất? Vì sao?

Trên hành trình tìm kiếm những giá trị cho một nền văn hoá mới, các nhà khoa học, nhà văn, nhà thơ, hoạ sĩ,... đã khôi phục, làm sống lại những tinh hoa của văn hoá Hy Lạp – La Mã cổ đại. Từ thế kỉ XIV đến XVII, lịch sử đã chứng kiến sức sáng tạo vĩ đại của con người, diễn ra trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

Trong lĩnh vực văn học, nổi bật là tác phẩm *Thần khúc* (*Divine Comedy*) của nhà thơ người I-ta-li-a Đan-tê (Dante Alighieri, 1265 – 1321), *Đôn Ki-hô-tê* của nhà văn người Tây Ban Nha M. Xéc-van-téc (1547 – 1616). Đặc biệt là những vở kịch của đại văn hào người Anh W. Sếch-xpia (W. Shakepeare, 1564 – 1616) như *Hăm-lét (Hamlet), Rô-mê-ô và Giu-li-ét (Romeo and Juliet)*,... tập trung lên án sự tàn bạo, tham lam của tầng lớp phong kiến, đấu tranh cho tự do và tình yêu.



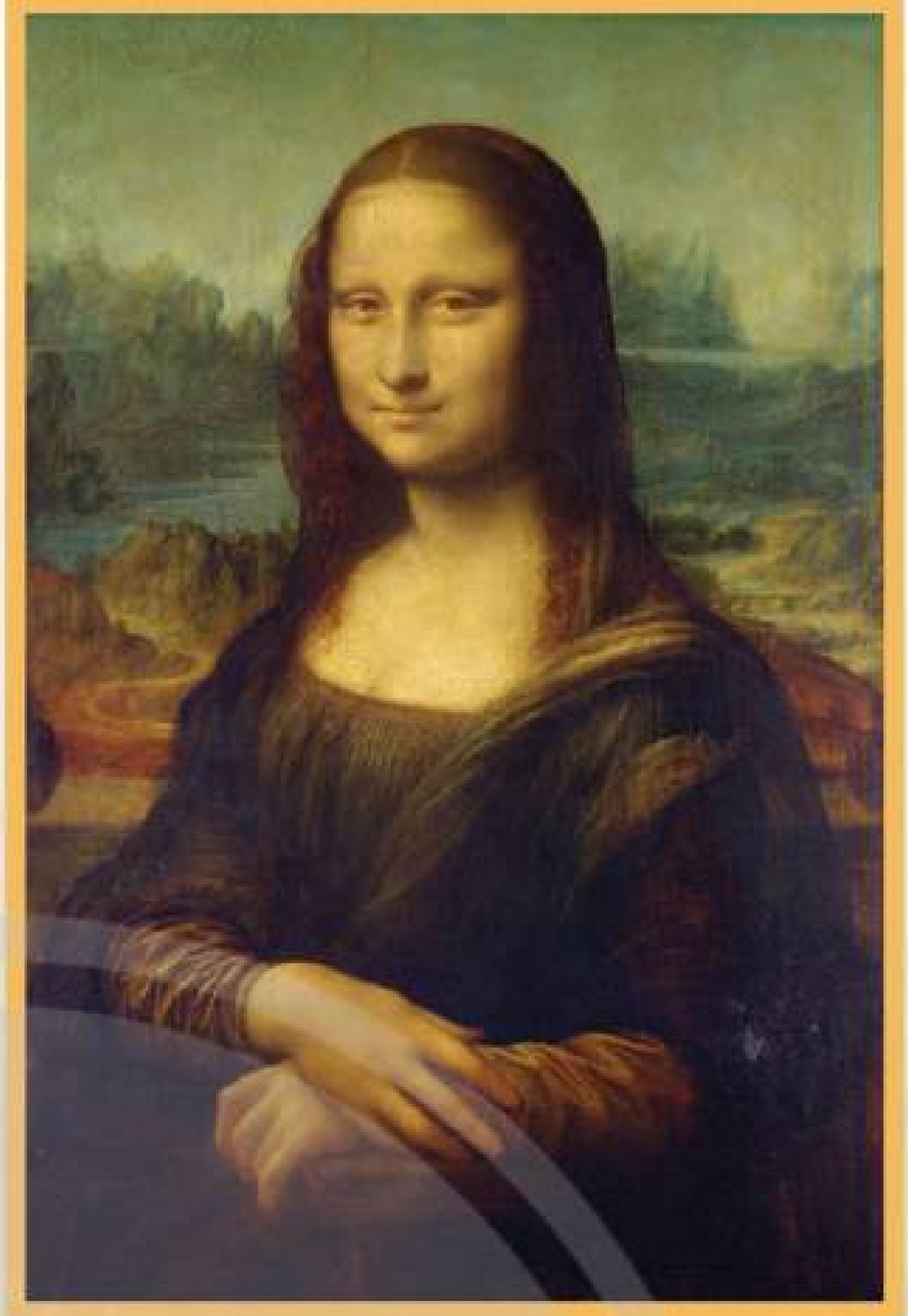
Em có biết?

Đan-tê là người mở đầu cho phong trào Văn hoá Phục hưng. Chủ đề chính trong những bài thơ của Đan-tê là lên án nghiêm khắc Giáo hội Thiên Chúa giáo. Đặc biệt, Đan-tê dành những vần thơ đẹp nhất để ca ngợi quê hương ông – thành phố Phi-ren-xê:

Tưởng như tiếng chuông xa
Nức nở chia tay buổi chiều tà...
Phi-ren-xê hỡi!
Dậy mà vui, Phi-ren-xê vĩ đại.



4.3 Tượng Đan-tê ở thành phố Phi-ren-xê (I-ta-li-a)



4.4 La Giô-công-đơ (tranh sơn dầu, Lê-ô-na đờ Vanh-xi, thế kỉ XVI, Bảo tàng Lu-vrơ (Louvre), Pháp)

Nghệ thuật Phục hưng cũng bắt đầu ở Phi-ren-xê. Thế kỉ XVI là đỉnh cao của nghệ thuật Phục hưng, gắn với tên tuổi của hai danh hoạ nổi tiếng là Lê-ô-na đờ Vanh-xi (Leonardo da Vinci, 1452 – 1519) và Mi-ken-lăng-giơ (Michelangelo, 1475 – 1564).

Lê-ô-na đờ Vanh-xi là hoạ sĩ, tác giả của những bức hoạ vẫn được coi là kiệt tác của nhân loại như: *Bữa ăn tối cuối cùng*, *La Giô-công-đơ* (La Joconde),...

Mi-ken-lăng-giơ, kiến trúc sư, nhà điêu khắc, hoạ sĩ. Những tác phẩm nổi tiếng của ông phải kể đến: *Sáng tạo thế giới* vẽ trên trần nhà nguyện Xích-xtin (Sistine Chapel) ở Rô-ma (Roma), tượng *Đa-vít* (David), *Người nô lệ bị trói*,...

4.5 Nền nghệ thuật tạo hình thời Phục hưng lấy con người làm chủ đề sáng tác. Người ta đã thoát khỏi những đường nét hạn chế, những bộ mặt nghiêm nghị hay thiểu não, những màu sắc sặc sỡ hay ảm đạm của nghệ thuật phong kiến.

(Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử văn hoá thế giới cổ trung đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2009, trang 103)

Thời Phục hưng đã xuất hiện nhiều nhà khoa học dũng cảm chống lại những quan điểm sai lầm bảo thủ, góp phần thay đổi cách nhìn của con người thời bấy giờ về Trái Đất và vũ trụ, tiêu biểu như: N. Cô-péc-ních (N. Copernicus, 1473 – 1543), G. Bru-nô (G. Bruno, 1548 – 1600), G. Ga-li-lê (G. Galilei, 1564 – 1642).



Em có biết?

N. Cô-péc-ních là người đưa ra thuyết "Nhật tâm" (Mặt Trời là trung tâm vũ trụ). Sau này, trên mộ ông, người ta khắc dòng chữ "Người đã giữ cho Mặt Trời đứng yên và đẩy cho Trái Đất chuyển dịch".

3. Ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu



Phong trào Văn hoá Phục hưng là "một cuộc cách mạng tiến bộ, vĩ đại nhất mà loài người chưa từng thấy". Em có đồng ý với quan điểm này không? Vì sao?

Thông qua tác phẩm, các nhà văn hoá Phục hưng đã đề cao con người và tự do cá nhân, đề cao khoa học – kĩ thuật, phá vỡ sự thống trị tinh thần của nhà thờ Thiên Chúa giáo đối với dân chúng và đả phá chế độ phong kiến. Do đó, phong trào đã có tác động thay đổi nhận thức của con người thời bấy giờ, đặt cơ sở và mở đường cho sự phát triển của văn hoá Tây Âu trong những thế kỉ tiếp theo.

Từ trong phong trào Văn hoá Phục hưng đã xuất hiện những "con người khổng lồ" mà tác phẩm và tư tưởng của họ đã khai sáng châu Âu trung cổ và thay đổi lịch sử văn minh nhân loại.

4.6

Đánh giá về phong trào Văn hoá Phục hưng, Ăng-ghen viết: "Đó là một cuộc cách mạng tiến bộ, vĩ đại nhất mà loài người chưa từng thấy, một thời đại cần đến những con người khổng lồ và đã sinh ra những con người khổng lồ, khổng lồ về tư tưởng, về nhiệt tình và về tính cách, khổng lồ về tài năng mọi mặt và về sự hiểu biết sâu rộng của họ".

(Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử văn hoá thế giới cổ trung đại*, Sđd, trang 110 – 111)



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Nêu một số thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng theo mẫu dưới đây:

Lĩnh vực	*Văn học*	*Nghệ thuật*	*Khoa học – kĩ thuật*
Thành tựu	*?*	*?*	*?*

Vận dụng

2. Sưu tầm một số bức tranh nghệ thuật thời Phục hưng và sắp xếp thành một bộ sưu tập nhỏ. Ở mỗi bức tranh, hãy viết chú thích về nội dung của tác phẩm.

Bài 5 PHONG TRÀO CẢI CÁCH TÔN GIÁO



Mác-tin Lu-thơ
(1483 – 1546)

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu và giải thích được nguyên nhân của phong trào Cải cách tôn giáo.
- Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo.
- Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu.

Bức ảnh bên là chân dung của nhà cải cách tôn giáo Mác-tin Lu-thơ (Martin Luther). Ngày 31 tháng 10 năm 1517, ông đã dán trên cửa nhà thờ Vít-ten-béc (Wittenberg, Đức) Luận văn 95 điều, chỉ trích Giáo hội. Sự kiện này đã khởi đầu cho phong trào Cải cách tôn giáo ở Tây Âu. Vì sao lại diễn ra phong trào này? Nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo là gì? Phong trào này đã có những tác động nào đối với xã hội Tây Âu?

1. Nguyên nhân của phong trào Cải cách tôn giáo



– Vì sao xuất hiện phong trào Cải cách tôn giáo?

– Tại sao việc nhà thờ bán "thẻ miễn tội" lại châm ngòi cho phong trào Cải cách tôn giáo bùng nổ?

Từ thời trung đại, Thiên Chúa giáo đã trở thành chỗ dựa vững chắc của chế độ phong kiến Tây Âu và chi phối toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội. Đến thời kì Phục hưng, Giáo hội Thiên Chúa giáo công khai đàn áp những tư tưởng tiến bộ, trở thành một thế lực cản trở bước tiến của xã hội. Vì thế, giai cấp tư sản đang lên muốn thay đổi và "cải cách" lại tổ chức Giáo hội Thiên Chúa giáo.

Năm 1517, do cần tiền, Giáo hội Thiên Chúa giáo cho phép tự do bán "thẻ miễn tội". Sự kiện này đã làm bùng lên phong trào Cải cách tôn giáo ở Tây Âu cuối thời kì trung đại.



5.1 Giáo sĩ bán "thẻ miễn tội" ở miền Bắc nước Đức (tranh khắc gỗ, năm 1525)



Em có biết?

Theo Giáo hội Thiên Chúa giáo đương thời, "thẻ miễn tội" có thể xoá bỏ mọi "tội lỗi" cho con người. Giá bán tuỳ theo khả năng chi trả của người mua.

2. Nội dung và tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu



– Nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo là gì? Theo em, tư liệu 5.2 và 5.3 thể hiện nội dung nào của cải cách?

– Xã hội châu Âu đã có những thay đổi gì từ phong trào Cải cách tôn giáo?

Các nhà cải cách tôn giáo công khai phê phán những hành vi sai trái của Giáo hội Thiên Chúa giáo, chống lại việc Giáo hội tuỳ tiện giải thích Kinh Thánh. Họ cho rằng, chỉ cần đặt niềm tin vào Thiên Chúa và Kinh Thánh thì con người sẽ được cứu rỗi, không cần phải thông qua các giáo sĩ hay các nghi lễ phức tạp. Do vậy, họ phủ nhận vai trò Giáo hội Thiên Chúa giáo, Giáo hoàng và chủ trương không thờ tranh tượng, xây dựng một Giáo hội Thiên Chúa giáo đơn giản, tiện lợi và tiết kiệm thời gian.

Phong trào Cải cách tôn giáo đã dẫn đến sự phân chia Thiên Chúa giáo (Ki-tô giáo) thành hai giáo phái: Cựu giáo là Công giáo và Tân giáo là tôn giáo cải cách (Tin Lành, Anh giáo,...).

Các thế lực bảo thủ đã đàn áp những người theo Tân giáo dẫn đến tình trạng bất ổn trong xã hội Tây Âu thế kỉ XVI – XVII và châm ngòi cho cuộc chiến tranh nông dân ở Đức năm 1524. Đây là cuộc đấu tranh vũ trang đầu tiên của nông dân dưới ngọn cờ của tư sản chống phong kiến ở châu Âu.

Phong trào Cải cách tôn giáo cũng đã tác động đến hoạt động phát triển kinh tế của tư sản. Hầu hết các thành phố theo tôn giáo cải cách có nền kinh tế phát triển hơn so với các thành phố theo Công giáo.



5.2 Bên trong một nhà thờ Tin Lành ở Li-ông (Lyons), Pháp (tranh sơn dầu, năm 1564)



Em có biết?

Một tôn giáo tiện lợi, phù hợp với giai cấp tư sản, được thể hiện rất rõ trong cách bài trí nhà thờ Tin Lành: không có tranh ảnh, tượng thờ. Ghế ngồi bằng gỗ cứng. Thậm chí, bên cạnh bục giảng của mục sư còn treo chiếc đồng hồ cát để đếm thời gian thuyết giảng.

5.3 Điều thứ 43 trong Luận văn 95 điều của Lu-thơ: "Các giáo dân được dạy rằng: Giúp đỡ kẻ nghèo khó là việc còn tốt hơn nhiều so với mua phép giải tội".

(Bớt-xten, S.M và Séc, R. (Burstein, S.M and Shek, R.), *Lịch sử thế giới: Từ trung đại đến hiện đại* (*World History: Medieval to Early Modern Times*), NXB Hâu, 2006, trang 331)



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Tại sao nói cải cách tôn giáo là một phong trào chống lại chế độ phong kiến Tây Âu?

Vận dụng

2. Sưu tầm tư liệu về Mác-tin Lu-thơ và tư tưởng cải cách của ông.

Chương 2 TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

Bài 6 KHÁI LƯỢC TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

Học xong bài này, em sẽ:

- Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).
- Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường.
- Mô tả được sự phát triển kinh tế dưới thời Minh – Thanh.

Tiến trình phát triển của lịch sử Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX là các triều đại phong kiến nối tiếp nhau, hết thịnh rồi suy, thống nhất rồi phân tán. Trong hơn 12 thế kỉ đó lịch sử Trung Quốc đã trải qua các thời kì nào? Những biểu hiện nào cho thấy sự thịnh vượng của thời Đường? Kinh tế thời Minh – Thanh phát triển như thế nào?

1. Khái lược tiến trình lịch sử của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX



Hãy lập sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (từ thời Đường đến thời Thanh).

Từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX, Trung Quốc đã trải qua các triều đại lớn: nhà Đường (618 – 907), thời Ngũ Đại (907 – 960), nhà Tống (960 – 1279), nhà Nguyên (1271 – 1368), nhà Minh (1368 – 1644) và nhà Thanh (1644 – 1911). Trong đó có hai triều đại không phải do người Hán lập nên là triều Nguyên (do người Mông Cổ thành lập) và triều Thanh (do người Mãn thành lập).

Nhà Đường, nhà Tống và nhà Minh là những triều đại phát triển rực rỡ về cả chính trị, kinh tế và văn hoá. Nhà Thanh là triều đại phong kiến cuối cùng của Trung Quốc. Từ giữa thế kỉ XIX, nhà Thanh ngày càng suy yếu, Trung Quốc đứng trước nguy cơ xâm lược của thực dân phương Tây.



6.1 Người Mông Cổ tràn vào Trung Quốc (tranh vẽ, thế kỉ XIV, Thư viện Quốc gia Béc-lin (Berlin), Đức)

2. Sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường



Em hãy nêu những biểu hiện sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường. Mô tả sự thịnh vượng đó qua các tư liệu 6.2 và 6.3.

Vào thời Đường, bộ máy nhà nước được củng cố và hoàn thiện từ trung ương đến địa phương. Các hoàng đế cử người thân tín cai quản các địa phương, nhiều khoa thi được mở ra để triều đình tuyển chọn nhân tài làm quan. Nhà Đường tiếp tục chính sách bành trướng lãnh thổ: đem quân chiếm Nội Mông, chinh phục Tây Vực, xâm lược Triều Tiên, củng cố chế độ cai trị ở An Nam,... Cuối thế kỉ VII, lãnh thổ nhà Đường rộng gần gấp đôi nhà Hán.



6.2 Một góc đô thị Trường An thời Đường (mô hình phục dựng)

6.3 Sách *Tân Đường thư* viết:

Năm 630, Trung Quốc được mùa lớn, "gạo mỗi đấu bốn năm tiền, cổng ngoài mấy tháng không đóng, ngựa, bò dấy đồng, khách đi đường mấy nghìn dặm không cần mang theo lương thực".

(Nguyễn Gia Phu, Nguyễn Huy Quý, *Lịch sử Trung Quốc*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009, trang 177)

Nhà Đường ban hành những chính sách phát triển nông nghiệp như miễn giảm sưu thuế, áp dụng chế độ quân điền, lấy ruộng đất công và ruộng đất bỏ hoang chia cho nông dân.

Không chỉ nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp thời Đường đều phát triển. Gốm sứ và tơ lụa của Trung Quốc theo con đường tơ lụa đi đến tận phương Tây. Con đường tơ lụa trở thành tuyến đường buôn bán quốc tế với sự tham gia của thương nhân khắp thế giới. Trong thế kỉ VII và VIII, Trường An có khoảng 2 triệu người sinh sống, trong đó có cả người Nhật Bản, A-rập, Ba Tư, Hy Lạp,...



6.4 Dệt lụa (tranh lụa thời Đường, Bảo tàng Nghệ thuật Bô-xtơn (Boston), Mỹ)

3. Sự phát triển kinh tế thời Minh – Thanh



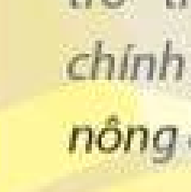
Em hãy mô tả những biểu hiện của sự phát triển kinh tế dưới thời Minh – Thanh. Tư liệu 6.6 cho em biết điều gì về hoạt động thương mại ở Trung Quốc thời Thanh?

Năm 1368, Chu Nguyên Chương lật đổ nhà Nguyên, lên ngôi hoàng đế, lập ra triều Minh. Ba thế kỉ sau, lợi dụng tình hình bất ổn cuối thời Minh, người Mãn từ phía Đông Bắc tràn xuống, chiếm toàn bộ Trung Quốc, lập ra triều Thanh (1644).

Thời kì Minh – Thanh, sản xuất nông nghiệp gia tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Các vua đầu triều Minh, Thanh thường giảm thuế khoá, chia ruộng đất cho nông dân đồng thời chú trọng công tác thuỷ lợi. Ngoài ra, việc áp dụng luân canh cây trồng, nhập nhiều giống cây trồng mới, xây dựng nhiều đồn điền chuyên canh trồng ngũ cốc hoặc chè, bông,... đã góp phần cho sự phát triển của nông nghiệp.



6.5 Đồ gốm men xanh Cảnh Đức (Giang Tây) thời nhà Minh (Bảo tàng Anh, Luân Đôn)



Em có biết?

Thế kỉ XV, thông qua các thương nhân Bồ Đào Nha và các chuyến thám hiểm của Trịnh Hoà, Trung Quốc đã du nhập nhiều giống cây trồng mới (khoai lang, ngô, lạc, ớt,...). Khoai lang đã nhanh chóng trở thành lương thực chính của nhiều gia đình nông dân Trung Quốc.

Thủ công nghiệp thời Minh – Thanh phát triển đa dạng. Những nghề thủ công nổi tiếng nhất của Trung Quốc thời kì này là nghề dệt tơ lụa, làm đồ sứ, đóng thuyền, làm giấy,... Các xưởng thủ công xuất hiện khắp nơi, phần lớn tập trung ở thành thị. Đến thời nhà Thanh đã hình thành nên những khu vực chuyên môn hoá sản xuất, đông đảo người làm thuê như nghề làm đồ sứ ở Cảnh Đức (Giang Tây), dệt ở Tô Châu,...

Chân trời sáng tạo

Hoạt động buôn bán trong và ngoài nước phát triển mạnh. Quảng Châu trở thành thương cảng lớn nhất thu hút nhiều thương nhân nước ngoài đến buôn bán. Thương nhân Trung Quốc đem hàng hoá, trao đổi buôn bán với thế giới, tập trung nhiều ở Ấn Độ, Ba Tư, A-rập và các nước Đông Nam Á.



6.6 Buôn bán trên sông thời vua Càn Long
(tranh giấy cuộn, thế kỉ XVIII, Bảo tàng Liêu Ninh, Trung Quốc)

Tuy nhiên, từ cuối triều Minh, nhà nước bắt đầu áp dụng chính sách hạn chế ngoại thương, thậm chí cấm buôn bán bằng đường biển. Đến thời nhà Thanh, sự cấm đoán càng ngặt nghèo hơn. Mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện nhưng không phát triển được.



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Tại sao nói thời Đường là thời kì thịnh vượng của phong kiến Trung Quốc?

2. Hãy hoàn thành bảng thống kê về sự phát triển kinh tế thời Đường và thời Minh – Thanh theo mẫu dưới đây. Điểm khác biệt nổi bật nhất của kinh tế thời Minh – Thanh so với thời Đường là gì?

Lĩnh vực	Thời Đường	Thời Minh – Thanh
Nông nghiệp	*?*	*?*
Thủ công nghiệp	*?*	*?*
Thương nghiệp	*?*	*?*

Vận dụng

3. Thời Minh – Thanh, trấn Cảnh Đức (Giang Tây) trở thành kinh đô đồ sứ của Trung Quốc. Em hãy sưu tầm tư liệu trên sách báo, internet, viết 1 bài khoảng 15 dòng, giới thiệu về nghề làm đồ sứ ở Cảnh Đức.

(Gợi ý tham khảo trang web: http://nghethuatxua.com/lich-su-phat-trien-va-quy-trinh-san-xuat-do-su-canh-duc-tran).

Bài 7 CÁC THÀNH TỰU VĂN HOÁ CHỦ YẾU CỦA TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

Học xong bài này, em sẽ:

- Giới thiệu được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...).
- Nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.

Trên nền tảng những thành tựu rực rỡ của văn hoá thời cổ đại, từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX, văn hoá Trung Quốc tiếp tục phát triển và đạt đến đỉnh cao trên nhiều lĩnh vực. Vậy đó là những thành tựu gì? Trên những lĩnh vực nào? Thành tựu nào có ảnh hưởng tới sự phát triển của văn minh nhân loại?

1. Nho giáo



Nêu những nội dung cơ bản của Nho giáo. Vì sao Nho giáo lại trở thành hệ tư tưởng và đạo đức của giai cấp phong kiến Trung Quốc?

Từ thời Hán, Nho giáo đã trở thành hệ tư tưởng và đạo đức của giai cấp phong kiến. Nho giáo chủ trương dùng đạo đức để cai trị và duy trì tôn ti trật tự xã hội. Từ thời Đường trở đi, việc tổ chức các khoa thi tuyển chọn quan lại đều lấy nội dung trong các sách của Nho giáo làm đề thi. Vị trí của Nho giáo ngày càng được củng cố vững chắc trong xã hội Trung Quốc.



7.1 Khổng Tử và các học trò (tranh lụa thời Tống, thế kỉ XII)



Em có biết?

Nho giáo chủ trương duy trì kỉ cương xã hội trên cơ sở phải tuân theo Tam cương, tức là coi trọng 3 mối quan hệ cơ bản: vua – tôi, cha – con, chồng – vợ; Ngũ thường là 5 đức tính của người quân tử: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín. Phụ nữ phải tuân theo Tam tòng: tại gia tòng phụ; xuất giá tòng phu; phu tử tòng tử và Tứ đức là: công, dung, ngôn, hạnh.

2. Văn học, sử học



– Hãy kể tên ba tác giả tiêu biểu của thơ Đường và "tứ đại danh tác" của văn học Trung Quốc.

– Hãy nêu các thành tựu tiêu biểu của sử học Trung Quốc thời phong kiến.

Văn học đạt được nhiều thành tựu ở các thể loại: thơ, từ, phú, kịch, tiểu thuyết.

Thơ Đường được coi là đỉnh cao nhất của thơ ca Trung Quốc, có giá trị lớn về nghệ thuật và hiện thực, tiêu biểu là "ba cây đại thụ của làng thơ Đường": Lý Bạch, Đỗ Phủ và Bạch Cư Dị.

Tiểu thuyết ra đời từ thời Nguyên và đạt đến đỉnh cao dưới thời Minh – Thanh, trong đó bốn tác phẩm được gọi là "tứ đại danh tác" của Trung Quốc là *Thuỷ hử* (Thi Nại Am); *Tam quốc diễn nghĩa* (La Quán Trung); *Tây du kí* (Ngô Thừa Ân) và *Hồng lâu mộng* (Tào Tuyết Cần).



Em có biết?

Đỗ Phủ (712 – 770) là một nhà thơ hiện thực xuất sắc nhất thời Đường. Những vần thơ của ông chủ yếu mô tả những cảnh bất công trong xã hội, nỗi khổ cực của dân chúng trong thời kì chiến tranh loạn lạc.

Sau bộ *Sử ký* nổi tiếng của Tư Mã Thiên thời Hán, các quan chép sử ở các triều đại khác nhau đã biên soạn được nhiều tác phẩm lịch sử như *Hán thư, Đường thư, Tống sử, Minh sử,...* Thời Minh – Thanh còn có những bộ bách khoa đồ sộ, trong đó đáng kể là *Vĩnh Lạc đại điển* và *Tứ khố toàn thư*.

3. Kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ



Kể tên các thành tựu tiêu biểu của nghệ thuật Trung Quốc thời phong kiến và nêu nhận xét của em về những thành tựu đó. Quan sát thêm các tư liệu 7.2 và 7.3 cho câu trả lời của em.

Nghệ thuật của Trung Quốc thời phong kiến đạt đến trình độ cao với phong cách độc đáo cả về kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ và thư pháp.

Về kiến trúc có ba loại hình: kiến trúc cung điện, kiến trúc tôn giáo và kiến trúc lăng tẩm, tiêu biểu là Tử Cấm Thành, chùa Thiên Ninh, Thập Tam lăng.



72 Pho tượng Phật trên núi Lạc Sơn (Tứ Xuyên) – tượng Phật bằng đá cao nhất thế giới



7.3 Tử Cấm Thành (Bắc Kinh)

Nghệ thuật điêu khắc, phong phú về đề tài và chất liệu, trong đó tiêu biểu nhất phải kể đến tượng Phật nghìn mắt nghìn tay và tượng Phật trên núi Lạc Sơn.

Về hội hoạ, nổi tiếng nhất là tranh thuỷ mặc (tranh vẽ bằng mực tàu), trong đó nghệ thuật vẽ tranh (hoạ pháp), kết hợp chặt chẽ với nghệ thuật viết chữ (thư pháp).



Em có biết?

Nguyễn An và dấu ấn trong xây dựng Tử Cấm Thành

Tử Cấm Thành là quần thể kiến trúc cung điện lớn nhất và đẹp nhất Trung Quốc. Nhưng ít ai biết việc xây dựng nó có dấu ấn một người Việt tài giỏi – Nguyễn An. Khi nhà Minh thống trị nước ta, ông và nhiều người Việt tài giỏi bị bắt về Trung Quốc. Năm 1416, Minh Thành Tổ giao cho ông thiết kế và trực tiếp làm Tổng đốc công xây dựng Tử Cấm Thành. Ông được gọi là "kì nhân" từ đó.



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Hoàn thành bảng thống kê các thành tựu văn hoá chủ yếu của Trung Quốc theo mẫu dưới đây:

Lĩnh vực	Thành tựu	Nhận xét
?	?	?

Vận dụng

2. Hãy tìm hiểu một số công trình kiến trúc của Trung Quốc thời phong kiến mà em yêu thích.

Chân trời sáng tạo

Chương 3 ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

Bài 8 VƯƠNG TRIỀU GÚP-TA

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ.
- Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời vương triều Gúp-ta.
- Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ dưới thời vương triều Gúp-ta.

Nhiều bảo tàng lịch sử ở Ấn Độ ngày nay vẫn còn lưu giữ những đồng tiền vàng lưu hành phổ biến vào khoảng năm 335 – 368, thể hiện cuộc hôn nhân của vua San-đra Gúp-ta I (Chandragupta I). Tên của vị vua trở thành tên vương triều: Vương triều Gúp-ta (Gupta). Vậy, vương triều Gúp-ta ra đời như thế nào? Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội có điểm gì nổi bật? Ấn Độ dưới thời vương triều Gúp-ta đạt được những thành tựu văn hoá tiêu biểu nào?



Đồng tiền vàng Gúp-ta (khoảng năm 335 – 368)

1. Điều kiện tự nhiên



Nêu những nét chính về điều kiện tự nhiên Ấn Độ.

Lãnh thổ Ấn Độ thuộc khu vực Nam Á, được ví như một tiểu lục địa. Phía bắc là dãy Hi-ma-lay-a (Himalaya) ngăn cách Ấn Độ với các vùng đất bên ngoài. Ba mặt còn lại giáp biển tạo điều kiện thuận lợi trong giao thương, buôn bán. Đồng bằng sông Ấn và sông Hằng cung cấp nguồn phù sa màu mỡ cho sự phát triển của nông nghiệp. Phía nam là vùng cao nguyên Đê-can (Deccan), cư dân chủ yếu sống bằng nghề chăn thả gia súc.

Sự đa dạng về điều kiện tự nhiên này đã tác động đến lịch sử của Ấn Độ thời phong kiến.

2. Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ thời Gúp-ta



– Trình bày những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội thời kì Gúp-ta.

– Xã hội Ấn Độ thời Gúp-ta thể hiện như thế nào qua miêu tả của nhà sư Pháp Hiển trong tư liệu 8.5?

a. Chính trị

Năm 232 TCN, Hoàng đế A-sô-ca (Ashoka) băng hà, Ấn Độ rơi vào tình trạng phân liệt. Hơn 500 năm sau, năm 320, Ấn Độ thống nhất lại dưới vương triều Gúp-ta.

Đầu thế kỉ VI, những người Hung Nô và một số tộc người ở Trung Á tràn vào xâm lược Bắc Ấn. Vương quốc Gúp-ta bị chia nhỏ và kết thúc vào năm 535.



Em có biết?

Con đường bộ duy nhất nối Ấn Độ với thế giới bên ngoài qua vùng thung lũng sông Ấn đã đưa các bộ tộc bên ngoài vào xâm lược Ấn Độ, lần lượt lập nên vương triều Hồi giáo Đê-li vào thế kỉ XIII và sau đó là vương triều Hồi giáo Mô-gôn thế kỉ XVI. Vương triều Gúp-ta là vương triều phong kiến bản địa cuối cùng của miền Bắc Ấn Độ.



8.1 Lược đồ Ấn Độ thời kì Gúp-ta

b. Kinh tế

Phần lớn người dân sống ở nông thôn và làm nghề nông. Thương mại khá phát triển ở thành thị, các đồng tiền vàng, bạc được lưu hành rộng rãi. Nghề luyện kim, đặc biệt nghề luyện sắt và làm đồ trang sức đạt đến đỉnh cao so với thế giới lúc bấy giờ.





8.3 Tượng phụ nữ thời Gúp-ta có deo trang sức (thế kỉ IV – V, Bảo tàng Stút-gát (Stuttgart), Đức)

8.4 Cột sắt Đê-li (Delhi) được dúc ở thế kỉ V

8.2 Vào thế kỉ V, những người thợ luyện kim Ấn Độ đã dúc một cái cột sắt cao 7,25 m, nặng 6 600 kg ở Đê-li. Điều đáng kinh ngạc là cho đến nay (trải qua hơn 1 600 năm) cột sắt đó vẫn hầu như không han rỉ".

(Nguyễn Gia Phu, Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hãng, Trần Văn La, *Lịch sử thế giới trung đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001, trang 338)

c. Xã hội

Chế độ đẳng cấp tiếp tục tồn tại dưới thời Gúp-ta, thể hiện rõ vị trí xã hội và nghề nghiệp của mỗi người. Theo đó, người bán hàng thuộc đẳng cấp cao hơn người thợ làm da, bởi vì người thợ làm đồ da phải xử lí những con vật chết.

8.5 Nhà sư Trung Hoa tên là Pháp Hiển, tới Ấn Độ vào khoảng năm 400 và ghi lại:

"Người dân sống rất hạnh phúc; họ muốn đi đâu thì đi vì không bị lệ thuộc vào một lãnh chúa. Chỉ có những ai canh tác trên đất của hoàng gia mới phải trả một khoản thuế. Nhà vua cai quản mà không cần chặt dấu hoặc trừng phạt thể xác... Các quân lính và người hầu của nhà vua đều được trả công. Trên khắp đất nước, người dân không giết bất kì sinh vật sống nào, không uống rượu say... Tuy nhiên, trong xã hội có những người được gọi là chan-đa-la-xơ (chandalas)(không thể chạm vào), họ làm những công việc ô uế và sống tách biệt với phần đông dân số".

(Mai-cơn Út (Michael Wood), *Ấn Độ, Sách cơ bản* (*India, Basic Books*), Niu Oóc, 2007, trang 156)

3. Một số thành tựu văn hoá tiêu biểu



– Kể tên và nêu nhận xét về những thành tựu tiêu biểu của văn hoá Ấn Độ thời Gúp-ta.

– Việc Trường Đại học Phật giáo Na-lan-đa (Nalanda) dạy tri thức về Hin-đu giáo thể hiện điều gì?

Hin-đu (Hindu) giáo là tôn giáo chính ở Ấn Độ. Tuy nhiên, Phật giáo cũng được coi trọng dưới triều Gúp-ta. Trường Đại học Phật giáo Na-lan-đa trở thành trung tâm giáo dục bậc cao trong suốt thời kì Gúp-ta. Ở đây, người học vẫn được học kinh Vê-đa (Veda), triết học Hin-đu cùng với ngữ pháp, y học.



8.6 Phế tích của Trường Đại học Phật giáo Na-lan-đa (Bi-ha (Bihar), Ấn Độ)

Về văn học, văn thơ chữ Phạn đạt được nhiều thành tựu. Nhà văn xuất sắc nhất là Ka-li-đa-sa (Kalidasa). Ông là tác giả của tác phẩm *Sơ-kun-tơ-la* (Sakuntala), mô tả tình yêu giữa nàng Sơ-kun-tơ-la và nhà vua Đu-sơn-ta (Dushyanta), sinh ra Bha-ra-ta (Bharata), vị thuỷ tổ của nhân dân Ấn Độ. Tên đất nước Ấn Độ (tiếng Hin-đi (Hindi) là Bha-ra-ta) được gọi theo tên vị thuỷ tổ này.

Trong lĩnh vực thiên văn học, người Ấn Độ đã quan sát được hiện tượng nguyệt thực, đã phát hiện ra bóng của Trái Đất có hình tròn phủ lên Mặt Trăng, từ đó họ đưa ra

giả thuyết về Trái Đất hình tròn và tự quay quanh trục của nó. Trong khi, đến trước thế kỉ XVI, phần lớn người châu Âu vẫn tin Trái Đất có hình vuông hoặc nằm trên một mặt phẳng.

Về y học, các thầy thuốc thời Gúp-ta đã biết phẫu thuật và khử trùng vết thương. Đặc biệt, họ đã biết làm vắc-xin (vaccine) trên cơ sở tạo ra lây nhiễm cho một người ở dạng bệnh nhẹ để người đó không bị bệnh ở dạng nặng hơn.

Về kiến trúc và điêu khắc, thời kì này đã tạo nên một phong cách nghệ thuật điển hình mang tên vương triều sản sinh ra nó: Phong cách nghệ thuật Gúp-ta.

Những công trình được xây dựng từ thời cổ đại như chùa hang A-gian-ta (Ajanta), bảo tháp San-chi (Sanchi) được hoàn thiện vào thời kì này. Cùng với đó là sự xuất hiện của hàng loạt các công trình kiến trúc nổi tiếng như cụm đền tháp En-lô-ra (Ellora), Đa-sa-va-ta-ra(Dashavatara),...



8.7 Đền Hin-du giáo Đa-sa-va-ta-ra (Út-ta Pra-dét (Uttar Pradesh), thế kỉ VI)
Phong cách Gúp-ta, ảnh hưởng nhiều trong nền nghệ thuật kiến trúc Chăm-pa cổ.



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Hoàn thành bảng: Khái quát về tình hình Ấn Độ thời kì vương triều Gúp-ta theo mẫu dưới đây:

	Thời gian	*Tình hình chính trị*	*Tình hình kinh tế*	*Tình hình xã hội*	*Thành tựu văn hoá*
Vương triều Gúp-ta	*?*	*?*	*?*	*?*	*?*

Vận dụng

2. Thành tựu văn hoá nào của Ấn Độ thời Gúp-ta còn có ảnh hưởng đến ngày nay?

Chân trời sáng tạo

Bài 9 VƯƠNG TRIỀU HỒI GIÁO ĐÊ-LI

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời vương triều Hồi giáo Đê-li.
- Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ dưới thời vương triều Hồi giáo Đê-li.

Từ thế kỉ XIII, nền văn minh Ấn Độ có sự tiếp xúc mạnh mẽ với nền văn minh Hồi giáo từ sự thống trị của vương triều Hồi giáo đầu tiên ở Ấn Độ – vương triều Đê-li (Delhi). Vương triều Đê-li ra đời như thế nào? Lịch sử Ấn Độ dưới thời kì Đê-li có những nét nổi bật gì về chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá?

1. Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội



Vương triều Hồi giáo Đê-li đã được thành lập như thế nào? Nêu những nét nổi bật về chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ thời Đê-li.

a. Chính trị

Sau khi vương triều Gúp-ta sụp đổ, Ấn Độ rơi vào tình trạng chia cắt. Năm 1206, người Hồi giáo gốc Thổ Nhĩ Kỳ, chiếm miền Bắc Ấn Độ, lập nên vương triều Hồi giáo đầu tiên, lấy Đê-li làm kinh đô.

Vương triều Đê-li thống nhất lãnh thổ và giữ được sự phát triển ổn định trong phần lớn thế kỉ XIV. Sang đầu thế kỉ XVI, vương triều sụp đổ trước sự tấn công liên tục của một bộ phận người Mông Cổ đến từ Trung Á.



9.1 Chinh phục Ran-tham-bơ-ho (Ranthambhor), thống nhất Ấn Độ năm 1301 (tranh vẽ, Ra-pút (Rajput), năm 1825, Bảo tàng Nghệ thuật Bô-xtơn, Mỹ)

b. Kinh tế

Nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng. Nhà nước cho đào thêm kênh và hồ chứa nước. Sự phát triển của nhiều ngành thủ công nghiệp truyền thống tạo điều kiện cho giao thương phát triển. Thương nhân Ấn Độ đem những mặt hàng nổi tiếng như vải vóc, đồ trang sức và gia vị để đổi lấy hàng hoá, đặc biệt đổi lấy ngựa chiến từ các nước Trung Á và Tây Á.



9.2 Đồng tiền lưu hành dưới thời thịnh trị của vương triều Đê-li (1325 – 1351)

c. Xã hội

Tầng lớp Bà La Môn vẫn được xem là đẳng cấp cao nhất, nhưng thực quyền trong xã hội thuộc về những người Hồi giáo. Những cư dân Ấn Độ không theo Hồi giáo phải nộp thuế ngoại đạo, bị phân biệt đối xử. Điều này gây nên nhiều bất bình trong dân chúng, dẫn đến những cuộc đấu tranh lớn góp phần làm vương triều Đê-li suy yếu.

2. Thành tựu tiêu biểu về văn hoá



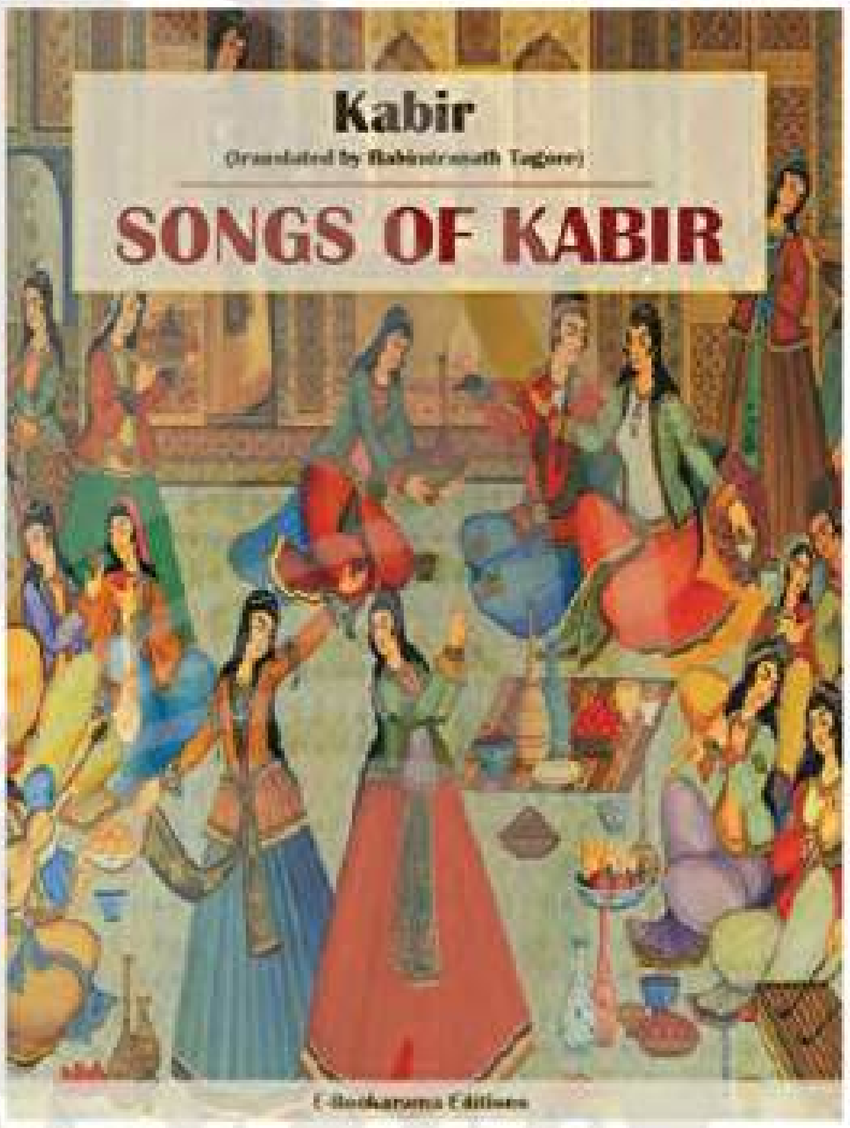
Đọc thông tin trong bài và quan sát tư liệu 9.3, em hãy nêu những đặc trưng của nghệ thuật kiến trúc Hồi giáo Đê-li.

Vương triều Đê-li đã truyền bá, áp đặt đạo Hồi vào Ấn Độ. Văn hoá Ấn Độ có thêm yếu tố mới – văn hoá Hồi giáo. Nhiều công trình kiến trúc theo kiểu Hồi giáo được xây dựng, với đặc trưng rất dễ nhận biết bởi các tháp cao, mái vòm, cửa vòm, sân rộng và hoạ tiết trang trí bằng chữ A-rập cổ.

Chữ Ba Tư được du nhập và trở thành ngôn ngữ chính thức của Ấn Độ thời vương triều Đê-li. Cuối thời kì này, xuất hiện nhà văn hoá, nhà thơ lớn của dân tộc Ấn Độ – Ka-bi (Kabir) (1440 – 1518). Những tác phẩm của ông viết bằng ngôn ngữ Hin-đi ngợi ca lòng trung thực, sống lương thiện và tinh thần khoan dung.



9.3 Phức hợp nhà thờ Hồi giáo và tháp Cu-túp Mi-na (Kutub Minar) cao 73 mét (Đê-li, thế kỉ XII – XIII)



9.4 Tác phẩm "Những bài ca của Ka-bi" – bản tiếng Anh, phổ biến khắp thế giới ngày nay



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Hoàn thành bảng: Khái quát về tình hình Ấn Độ thời kì vương triều Hồi giáo Đê-li theo mẫu dưới đây:

	Thời gian	*Tình hình chính trị*	*Tình hình kinh tế*	*Tình hình xã hội*	*Thành tựu văn hoá*
Vương triều Hồi giáo Đê-li	*?*	*?*	*?*	*?*	*?*

Vận dụng

2. Em hãy tìm hiểu một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ thời kì Đê-li.

Chân trời sáng tạo

Bài 10

ĐẾ QUỐC MÔ-GÔN

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời đế quốc Mô-gôn.
- Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ dưới thời đế quốc Mô-gôn.

Đế quốc Mô-gôn (Mogul) được khai sinh từ những cuộc chiến tranh giành quyền lực quyết liệt, nhưng trong một số giai đoạn, đặc biệt là thời trị vì của vua A-cơ-ba (Akbar), đế chế này đã tạo ra một xã hội tiến bộ, thịnh vượng và hoà nhập hiếm có trong lịch sử cai trị Ấn Độ của người Hồi giáo. Vậy, đế quốc Mô-gôn đã ra đời như thế nào? Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá có gì nổi bật?

1. Sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của đế quốc Mô-gôn



– Đế quốc Mô-gôn ra đời trong hoàn cảnh nào?

– Tại sao thời kì A-cơ-ba cai trị được xem là thịnh trị nhất của đế quốc Mô-gôn?

Đầu thế kỉ XVI, một bộ phận người Mông Cổ ở Trung Á đã tấn công Ấn Độ, lật đổ vương triều Đê-li và lập nên vương triều Hồi giáo Mô-gôn.

Năm 1556, Hoàng đế A-cơ-ba (1542 – 1605) lên nắm quyền, nỗ lực thống nhất lãnh thổ bằng các cuộc chinh phạt, đưa đế quốc Mô-gôn bước vào giai đoạn thịnh trị nhất.



10.1 A-cơ-ba tiến vào thành Su-rát (Surat) – hải cảng và trung tâm thương mại quan trọng của Ấn Độ thời Mô-gôn (hội hoạ Mô-gôn, 1590 – 1595, Bảo tàng Vích-to-ri-a và An-bớt (Albert), Luân Đôn)

A-cơ-ba đã thực hiện một loạt cải cách trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, xã hội.

	Chính trị	Kinh tế	Xã hội
Chính sách	• Hoàng đế đích thân bổ nhiệm tất cả quan chức, kể cả những vùng xa xôi, hẻo lánh. • Xây dựng luật pháp nghiêm minh, có tham khảo luật cổ truyền của Ấn Độ.	• Đo đạc lại ruộng đất. • Thống nhất hệ thống đo lường và tiền tệ.	• Khuyến khích quý tộc Mông Cổ kết thân với người Ấn. • Bãi bỏ thuế thân đánh vào người theo Hồi giáo. Thực hiện hoà hợp tôn giáo.
Tác dụng	Nền chính trị ổn định, quyền lực của A-cơ-ba được củng cố.	Sản phẩm nông nghiệp đa dạng. Kinh tế hàng hoá phát triển.	Xã hội ổn định trên cơ sở dung hoà các tôn giáo và tộc người.

2. Thành tựu văn hoá tiêu biểu



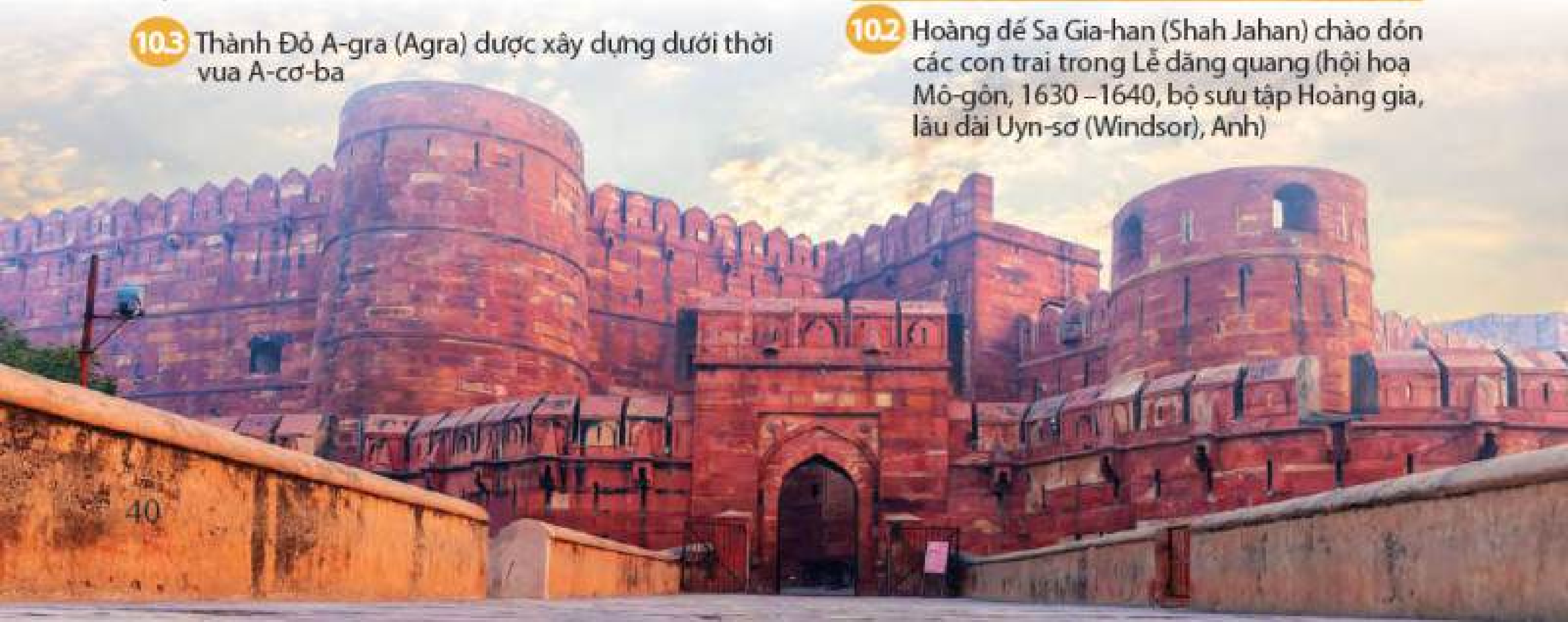
Trình bày những thành tựu tiêu biểu của văn hoá Ấn Độ thời kì đế quốc Mô-gôn.

Phát triển kinh tế, khuyến khích và thực thi tinh thần khoan dung tôn giáo, hoà hợp dân tộc là những cơ sở để văn hoá Ấn Độ thời kì Mô-gôn đạt được nhiều thành tựu đáng kể so với thế giới đương thời.

Thời của A-cơ-ba là thời kì phát triển của văn hào và thi ca Ấn Độ, trong đó nổi tiếng nhất là nhà thơ Tun-xi Đa-xơ (Tulasidasa). Tác phẩm chính của ông là trường ca *Ra-ma-cha-ri-ta Ma-na-sa (Ramcharitmanas)* (Các câu chuyện về thần Ra-ma). Trong thời gian trị vì, A-cơ-ba cho tập hợp và chép lại các bộ sử thi từ thời cổ đại, xây một thư viện khổng lồ với 24 000 cuốn sách.



10.2 Hoàng đế Sa Gia-han (Shah Jahan) chào đón các con trai trong Lễ đăng quang (hội hoạ Mô-gôn, 1630 – 1640, bộ sưu tập Hoàng gia, lâu đài Uyn-sơ (Windsor), Anh)



10.3 Thành Đỏ A-gra (Agra) được xây dựng dưới thời vua A-cơ-ba



10.4 Lăng Ta-giơ Ma-han (Taj Mahal) (A-gra, thế kỉ XVII)

Trong lĩnh vực nghệ thuật, nổi bật là những thành tựu về kiến trúc và hội hoạ. Nhiều công trình kiến trúc được xây dựng gắn với các trung tâm chính trị như Thành Đỏ ở A-gra, Thành Đỏ La Ki-la (Lal Qila) ở Đê-li. Đặc biệt, công trình kiến trúc lăng mộ Ta-giơ Ma-han ở A-gra là một kiệt tác của nghệ thuật.

Hội hoạ được khuyến khích trong hoàng tộc. Những bức tranh thu nhỏ đầy màu sắc, mô tả những sự kiện lịch sử, cuộc sống cung đình và tầng lớp quý tộc đã tạo nên một phong cách nghệ thuật độc đáo của hội hoạ Mô-gôn.

10.5 Ta-giơ Ma-han (cung điện bằng đá trắng), được mệnh danh "là nấm mộ, lăng mộ đẹp nhất thế gian", do vua Sa Gia-han xây cho hoàng hậu Mum-ta (Mumtaz) sau khi bà qua đời. Ta-giơ Ma-han là một trong những công trình văn hoá vĩ đại muôn đời của tình yêu và sự sáng tạo mà con người có thể có được.

(Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử văn hoá thế giới cổ trung đại*, Sdd, trang 228)



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Hoàn thành bảng tóm tắt tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của lịch sử Ấn Độ thời đế quốc Mô-gôn theo mẫu dưới đây:

Thời gian	*Tình hình chính trị*	*Tình hình kinh tế*	*Tình hình xã hội*	*Thành tựu văn hoá*
?	*?*	*?*	*?*	*?*

2. Em hãy nhận xét thành tựu văn hoá Ấn Độ từ thế kỉ IV đến thế kỉ XIX.

Vận dụng

3. Từ kiến thức có trong bài và tham khảo các nguồn tài liệu khác, em hãy viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về lăng Ta-giơ Ma-han.

Chân trời sáng tạo

Chương 4 ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI

Bài 11 KHÁI QUÁT VỀ ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.
- Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.

Nửa sau thế kỉ X, nhiều sự kiện lịch sử quan trọng đã xảy ra, đánh dấu lịch sử khu vực bước vào một thời kì mới – thời kì phát triển của chế độ phong kiến Đông Nam Á. Nhiều nhà sử học nhất trí rằng, thời kì này kéo dài đến nửa đầu thế kỉ XVI, khi các nước thực dân bắt đầu có mặt ở khu vực. Vậy, quá trình hình thành và phát triển của các quốc gia Đông Nam Á trong giai đoạn này như thế nào? Những thành tựu văn hoá tiêu biểu đã đạt được là gì?

1. Quá trình hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á



Dựa vào lược đồ 11.1, 11.2 và thông tin trong bài, em hãy mô tả quá trình hình thành và phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.

Thế kỉ X, lịch sử khu vực được mở đầu với sự kiện nhà nước độc lập của người Việt được thành lập. Các vương quốc ra đời trước thế kỉ X như: Cam-pu-chia (Cambodia), Pa-gan (Bagan), Sri Vi-giay-a (Srivijaya) bước vào thời kì thống nhất và phát triển.



11.1 Lược đồ các quốc gia phong kiến Đông Nam Á thế kỉ X – XIII

Thế kỉ XIII, đánh dấu một mốc quan trọng trên con đường phát triển của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á: Đại Việt chặn đứng được cuộc xâm lược của quân Mông – Nguyên và bước vào giai đoạn phát triển rực rỡ; sự xuất hiện của các quốc gia nói tiếng Thái như Su-khô-thay (Sukhothai), A-út-thay-a (Ayutthaya) ở lưu vực sông Mê Nam. Vùng hải đảo, vương quốc Mô-giô-pa-hit (Majapahit) ra đời và thống nhất phần lớn các đảo thuộc In-đô-nê-xi-a ngày nay.



11.2 Lược đồ các quốc gia phong kiến Đông Nam Á thế kỉ XIII – XV

Đầu thế kỉ XV, vương quốc Ma-lắc-ca (Malacca) được thành lập trên cơ sở sự phân liệt của Mô-giô-pa-hit. Trong vòng gần một thế kỉ sau đó, trước khi bị Bồ Đào Nha xâm lược vào năm 1511, Ma-lắc-ca là một vương quốc phát triển thịnh vượng ở Đông Nam Á.

Từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI còn là thời kì phát triển thịnh vượng của nền kinh tế khu vực. Các quốc gia có nền kinh tế nông nghiệp trù phú như A-út-thay-a, Cam-pu-chia, Đại Việt. Một số nước khác lại mạnh về thương mại biển như Mô-giô-pa-hit, Ma-lắc-ca,...

11.3

Thành phố Ma-lắc-ca được xây dựng trên hai bờ, gần cửa sông Ma-lắc-ca. Một chiếc cầu gỗ có mái che nối liền hai bên thành phố. Cạnh chợ có 4 sở cảng vụ, trông nom về việc làm thủ tục, đóng thuế, bốc dỡ và chuyển hàng hoá, chuyên cho mỗi loại thương nhân khác nhau,... Cảnh sát và người kiểm tra thị trường thường xuyên đi lại, coi sóc, giữ gìn trật tự.

(Lương Ninh, *Lịch sử thế giới trung đại*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1987, trang 228)



11.4 Thành phố Ma-lắc-ca khoảng từ năm 1511 đến năm 1560 (tranh vẽ trong ấn phẩm *Cuộc sống của Ma-gien-lăng và chuyến đi vòng quanh thế giới* (*The Life of Ferdinand Magellan and the First Circumnavigation of the Globle*))

Nơi đây người ta có thể mua mọi hàng hoá và là một chốn đô hội phồn hoa bậc nhất thế giới vào thế kỉ XV.

2. Những thành tựu văn hoá tiêu biểu



Dựa vào thông tin trong bài và các tư liệu 11.5, 11.6, em hãy trình bày những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI và rút ra nhận xét.

Phật giáo phát triển rực rỡ ở vương quốc Pa-gan (Mi-an-ma (Myanmar)), Đại Việt, các vương quốc nói tiếng Thái và Cam-pu-chia. Thế kỉ XIII, Hồi giáo bắt đầu du nhập vào Đông Nam Á và trở thành quốc giáo của nhiều vương quốc vùng hải đảo.



11.5 Kinh đô chùa Pa-gan (1044 – 1285)

Chữ viết xuất hiện sớm tạo cơ sở cho sự phát triển của văn học, sử học. Nhiều tác phẩm nổi tiếng đã ra đời trong giai đoạn này như: *Đám cưới A-giu-na-vi-va-ha (Arjunavivaha)* của nhà thơ người Gia-va (Java), Kan-va, thế kỉ XI; *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu (Đại Việt), thế kỉ XIII; sử thi *Na-ga-ra-kri-ta-ga-ma* (Nagarakritagama) của Mô-giô-pa-hit, thế kỉ XIV; *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi (Đại Việt), thế kỉ XV.



11.6 Vũ nữ Áp-sa-ra (Apsara) (phù điêu, đền Ăng-co Vát, thế kỉ XII)

Đây cũng là giai đoạn phát triển rực rỡ của nền nghệ thuật truyền thống Đông Nam Á, trước hết phải kể đến các quần thể kiến trúc ở Pa-gan, Ăng-co, Thăng Long. Nhiều tác phẩm điêu khắc gỗ của Đại Việt, điêu khắc đá của Cam-pu-chia hay những bức bích hoạ màu sắc rực rỡ vẽ trên những ngôi chùa Pa-gan vào các thế kỉ XII – XIII, vẫn được xem là những kiệt tác nghệ thuật của khu vực và thế giới.



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. *Tại sao thế kỉ XIII là một mốc quan trọng trong giai đoạn lịch sử Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI?*

Vận dụng

2. *Tìm hiểu từ sách, báo và internet một thành tựu văn hoá tiêu biểu của các nước Đông Nam Á thời kì này mà em ấn tượng nhất và giới thiệu thành tựu đó.*
3. *Kể tên các quốc gia trong giai đoạn từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI là tiền thân của các quốc gia Đông Nam Á ngày nay.*

Bài 12 VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA



Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia.
- Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co.
- Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Cam-pu-chia.

Giữa thế kỉ XIX, nhà tự nhiên học và thám hiểm người Pháp Hen-ri Mu-ô (Henri Mouhot), tình cờ khám phá ra khu đền Ăng-co Vát (Angkor Wat) hoang phế giữa một khu rừng. Sững sờ trước vẻ kì vĩ của ngôi đền, ông thốt lên: "Nó vĩ đại hơn cả những di sản của người Hy Lạp và La Mã để lại cho chúng ta". Từ khám phá của Hen-ri, những bí ẩn lịch sử gắn với khu đền này dần dần hé mở. Vương quốc Cam-pu-chia đã hình thành và phát triển như thế nào? Những thành tựu văn hoá tiêu biểu mà họ đạt được là gì?

1. Quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia



Dựa vào sơ đồ 12.1 và thông tin trong bài, em hãy tóm tắt lại quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia.

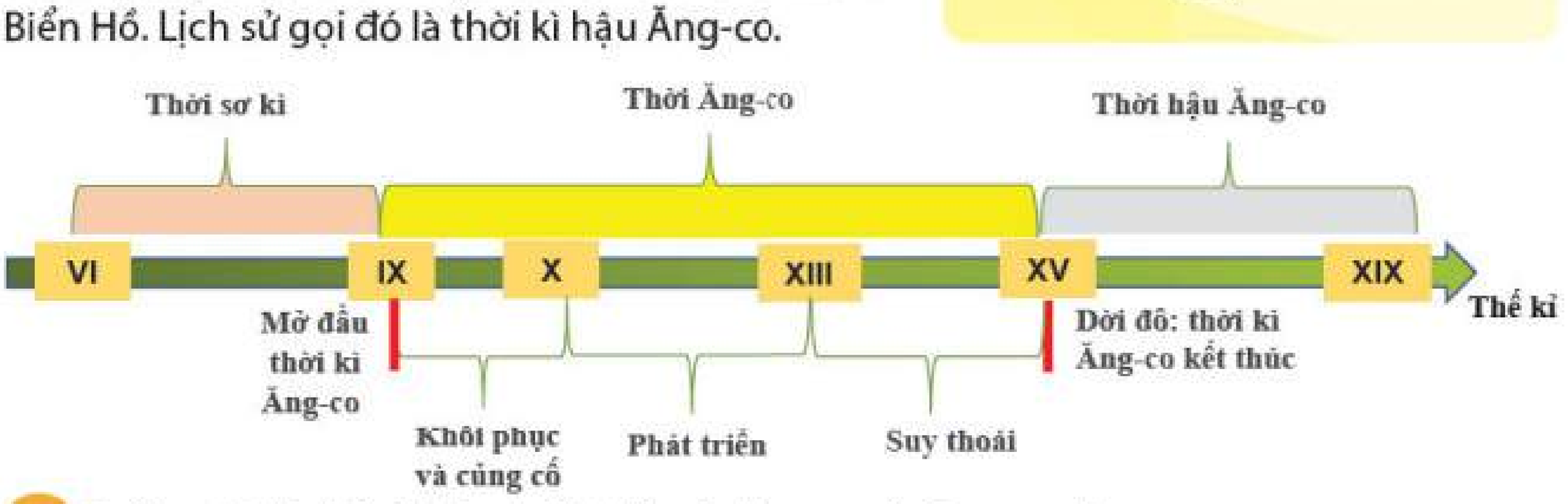
Năm 802, một người trong hoàng tộc là Giay-a-vác-man II (Jayavarman II) đã dựa vào sự ủng hộ của nhân dân, đưa Cam-pu-chia thoát khỏi sự chiếm đóng của người Gia-va. Ông lên ngôi vua, củng cố sức mạnh, xây kinh đô lùi về phía tây bắc hồ Tôn-lê Sáp (Tonle Sap), lập ra triều đại Ăng-co (Angkor).

Từ cuối thế kỉ XIII, Ăng-co liên tục bị người Thái tấn công và cướp phá. Năm 1432, họ buộc phải từ bỏ Ăng-co, chuyển dần địa bàn cư trú về bờ nam Biển Hồ. Lịch sử gọi đó là thời kì hậu Ăng-co.



Em có biết?

Truyền thuyết kể rằng, đôi vợ chồng thần tiên Cam-bu (Kambu) và Mê-ra (Mera) là thuỷ tổ của dân tộc Cam-pu-chia. Tên gọi của họ: Kambu – Mera ghép lại thành tên tộc người – Khơ-me. Con cháu của ngài Cam-bu, tức Cam-bu-chia (đọc theo tiếng Phạn: Kambuja). Về sau tên nước cũng gọi theo như thế.



12.1 Sơ đồ quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia

2. Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co



Sự phát triển của Cam-pu-chia thời kì Ăng-co được biểu hiện như thế nào?

Thời kì Ăng-co, các vị vua không ngừng mở rộng quyền lực của mình ra bên ngoài. Dưới thời trị vì của Giay-a-vác-man VII (1181 – 1220), lãnh thổ vương quốc mở rộng bao gồm cả vùng hạ lưu sông Mê Nam (thuộc Thái Lan ngày nay) và vùng trung lưu sông Mê Công (thuộc Lào ngày nay).



12.2 Lược đồ Cam-pu-chia thế kỉ IX – XVI

Nông nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu. Ngoài ra, người dân còn sống bằng đánh bắt cá ở Biển Hồ và khai thác lâm sản. Họ rất khéo tay, giỏi nghề thủ công, làm đồ gốm, trang sức và xây đền,... Việc trao đổi mua bán đã có nhưng chưa sử dụng tiền.

Sự phát triển của kinh tế thời kì Ăng-co đã thu hút dân cư tập trung đông đúc quanh kinh đô, hình thành nên một khu vực thịnh vượng ở bắc Biển Hồ.

Nhân vật lịch sử

Giay-a-vác-man VII (Trị vì 1181 – 1220)



Giay-a-vác-man VII, ông vua kiệt xuất của thời kì Ăng-co. Sau những năm tháng chinh chiến, Giay-a-vac-man VII đột ngột từ bỏ Hin-du giáo, đặt niềm tin vào Phật giáo. Ông cho xây 102 bệnh viện trên khắp lãnh thổ của đế chế với những tấm bia ghi rằng: "Người đau đớn vì bệnh tật của thần dân hơn là của chính Người...". Tương truyền, ông còn được gọi là "Vua Hủi" – có thể vì căn bệnh đã gây ra cái chết của ông.

12.3 "Hồ thuỷ lợi phía tây kinh thành rộng khoảng 14 000 ha, tưới được cho khoảng 70 000 ha ruộng,... Dựa vào bia Ta-prom (Taprohm), người ta tính ra, một gia đình có 5 người, sản xuất được ít nhất 400 kg thóc một năm... Thu hoạch hằng năm của vùng Ăng-co lên tới 150 000 tấn lúa trên một diện tích gần 1 000 km^2".

(Lương Ninh, *Tìm hiểu lịch sử – văn hoá Cam-pu-chia*, Viện Đông Nam Á, 1994, trang 151)

Em có biết?

"Vành cung thịnh vượng Biển Hồ" là một thuật ngữ lịch sử dùng để chỉ khu vực có nền nông nghiệp phát triển, dân cư đông đúc nhất thời kì Ăng-co, chủ yếu thuộc các tỉnh Siêm Riệp (Siem Reap), Kom-pông Thom (Kampong Thom) và một phần Bát-đom-boong (Battambang) ngày nay.



12.4 Đời sống sản xuất và sinh hoạt hằng ngày của người dân Ăng-co (phù điêu, đền Bay-on (Bayon), thế kỉ XIII)

3. Văn hoá của Vương quốc Cam-pu-chia

Nêu một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Cam-pu-chia.

Nhờ sớm có chữ viết và sử dụng phổ biến chữ Phạn, Cam-pu-chia đã lưu giữ được lịch sử qua bi kí gắn với những công trình kiến trúc. Từ thế kỉ XIV trở đi, chữ Khơ-me dần dần thay thế chữ Phạn, niên giám hoàng gia được viết trên lá cọ. Ngoài ra, các tác phẩm văn học dân gian, truyện thơ, sử thi cũng phát triển khá phong phú, tiêu biểu như sử thi *Riêm Kê* (Reamker), *Ja-ta-ca* (Jataka) – các bài kinh kể lại sự tích, tiền kiếp của đức Phật,...

Khoảng đầu thế kỉ XIII, đạo Phật bắt đầu du nhập vào Cam-pu-chia, thay thế dần Hin-đu giáo và chiếm ưu thế trong xã hội Cam-pu-chia cho đến tận ngày nay.

Hàng trăm đền, tháp lớn nhỏ đã được xây dựng. Trong đó, hai công trình nổi bật là Ăng-co Vát và Ăng-co Thom (Angkor Thom).



12.5 Ăng-co Vát (Cam-pu-chia, thế kỉ XII)

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. *Em hãy đánh giá sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co.*
2. *Vì sao các vua Cam-pu-chia rất chú ý đến công tác thuỷ lợi?*

Vận dụng

3. *Hãy quan sát quốc kì của Vương quốc Cam-pu-chia ngày nay và cho biết: Hình ảnh trong quốc kì lấy ý tưởng từ công trình kiến trúc nào của Cam-pu-chia thời kì Ăng-co.*



Bài 13 VƯƠNG QUỐC LÀO

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào.
- Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.
- Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào.

Truyền thuyết Lào kể rằng, sau một trận đại hồng thuỷ, các tộc người lần lượt "chui ra" từ một quả bầu mẹ và chung sống hoà thuận từ ngày đó. Lần theo những chỉ dẫn trong truyền thuyết, chúng ta hãy ngược trở về quá khứ, khám phá lịch sử Lào: Quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào đã diễn ra như thế nào? Những thành tựu văn hoá tiêu biểu mà họ đạt được là gì?



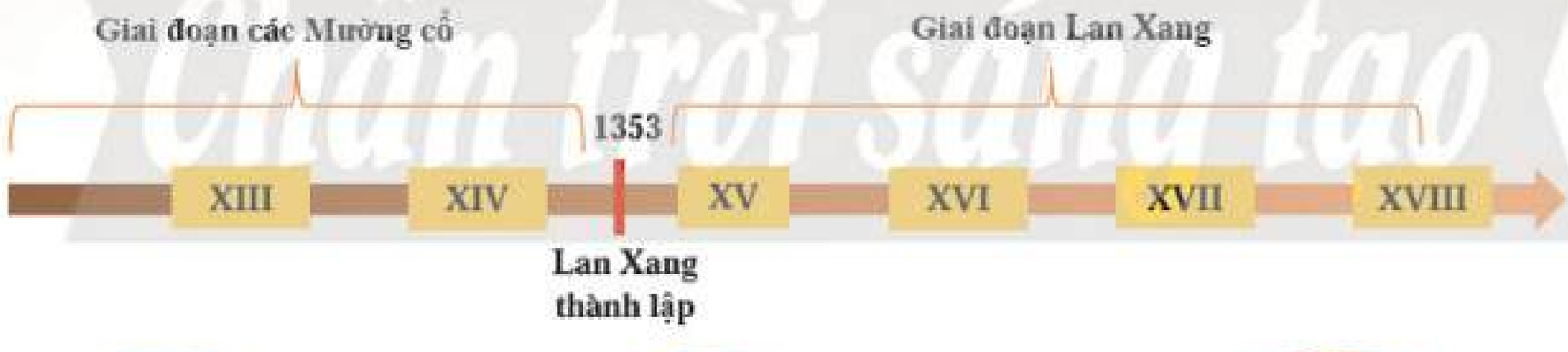
Thạt Luổng với biểu tượng quả bầu mẹ trong truyền thuyết (Viêng Chăn, năm 1566)

1. Quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào



Dựa vào sơ đồ 13.1 và thông tin trong bài, em hãy mô tả quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào.

Trên địa bàn của vương quốc các bộ tộc Lào ngày nay, từ xa xưa đã có người Lào Thơng sinh sống. Họ chính là chủ nhân của nền văn hoá cánh đồng Chum. Đến thế kỉ XIII, một nhóm người nói tiếng Thái đến định cư ở những vùng đồng bằng ven sông Mê Công, sinh sống hoà hợp với người Lào Thơng. Họ được gọi là người Lào Lùm.





Cánh đồng Chum – chủ nhân là người Lào Thơng



Trung lưu sông Mê Công – nơi sinh sống của các tộc người Lào



Tượng "Phật cầu mưa" (chất liệu gỗ, chùa Xiêng Thông, Luông Pha-bang (Luang Prabang), thế kỉ XVI)

13.1 Sơ đồ các giai đoạn phát triển của Vương quốc Lào

Năm 1353, một tộc trưởng tên là Pha Ngừm (Fa Ngum) đã tập hợp và thống nhất các tộc Lào, lên ngôi vua, đặt tên nước là Lan Xang (nghĩa là Triệu Voi). Từ đó, Vương quốc Lào từng bước phát triển và đạt đến sự thịnh vượng trong các thế kỉ XV – XVII.

2. Vương quốc Lào thời Lan Xang



Dựa vào thông tin trong bài và đọc các tư liệu 13.2, 13.3, em hãy nêu những biểu hiện về sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.

Vương quốc Lan Xang được chia thành các mường, có quan đứng đầu, lực lượng quân đội do nhà vua chỉ huy. Kinh đô ban đầu ở Mường Xoa (Luông Pha-bang), sau chuyển về Viêng Chăn.

Từ cuối thế kỉ XIV, dân cư đã dần dần trở nên đông đúc, đời sống thanh bình. Họ làm nông nghiệp, chủ yếu trồng lúa nếp, phát triển các nghề thủ công truyền thống như dệt vải, làm dao rựa bằng sắt, đồ mây tre,... và trao đổi buôn bán với các nước láng giềng.

Về đối ngoại, Lan Xang giữ quan hệ hoà hiếu với Cam-pu-chia và Đại Việt nhưng cương quyết chiến đấu chống lại những cuộc chiến tranh xâm lược. Năm 1565, họ đã chiến thắng quân xâm lược Miến Điện (Mi-an-ma), bảo vệ được lãnh thổ và nền độc lập của mình.

13.2 Cuộc điều tra dân số năm 1376 của vua Lào là Un Hươn cho kết quả: có 300 000 người Thái – Lào sống ở Lan Xang, nên ông vua này đã đổi tên là Xam Xên Thay, tức là vua của 30 vạn người.

(Lương Ninh, *Lịch sử thế giới trung đại*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1984, trang 41)

13.3 Linh mục Giô-van-ni Phi-líp-pô đơ Ma-ri-ni (Giovanni Fillippo de Marini, 1608 – 1682) cho biết: "Lái buôn Thái, A-út-thay-a và Trung Hoa thường xuyên tới Lào mua vàng và vải dệt có kẻ sọc rất đẹp, còn người Cam-pu-chia thì mua khá nhiều bông. Dân thường đãi cát suối ở vùng A-ta-pư (Attapeu) (Đông Lào) để lấy vàng. Số vàng lấy được hằng năm tới khoảng 120 kg. Dân nộp thuế bằng vàng".

(Lương Ninh, *Lịch sử thế giới trung đại*, Sđd, trang 53)

3. Một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá



Nêu một số thành tựu tiêu biểu của văn hoá Vương quốc Lào.

Phật giáo là cơ sở để thống nhất các bộ tộc Lào, có ảnh hưởng lớn đến đời sống văn hoá, xã hội của Lào. Chùa được xây dựng ở khắp nơi trên đất nước và là trung tâm văn hoá của các cộng đồng dân cư.



13.4 Chùa Xiêng Thông (có nghĩa là chùa của thành phố Vàng, Luông Pha-bang, thế kỉ XVI)

Chân trời sáng tạo

Dòng văn học truyền miệng với kho tàng truyện cổ tích, truyền thuyết,... đã có từ rất lâu. Đó là những truyền thuyết về quá trình khai thiên lập địa (truyện *Pu Nhơ – Nha Nhơ*, hay truyền thuyết về nguồn gốc các tộc người Lào (*Quả bầu Nậm*). Vào khoảng thế kỉ XIV, chữ Lào ra đời với các nét chữ cong, cùng dạng chữ với Cam-pu-chia và Miến Điện. *Lời huấn thị của Pha Ngừm* hay trường ca *Xỉn Xay*,... là những tác phẩm văn học lớn của Lào giai đoạn này.



13.5 Tranh khảm gạch màu (chùa Xiêng Thông, thế kỉ XVI)

Lào còn là xứ sở của hội hè. Người Lào thích ca hát nhảy múa. Họ nổi tiếng với những điệu hát Lăm và điệu múa Lăm-vông truyền thống.



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Hoàn thành bảng tóm tắt lịch sử Vương quốc Lào thời Lan Xang theo mẫu dưới đây:

Thời gian thành lập	*Tình hình chính trị*	*Tình hình kinh tế*	*Tình hình xã hội*	*Thành tựu văn hoá*
?	*?*	*?*	*?*	*?*

2. Dựa vào bảng tóm tắt đã hoàn thành trong câu 1, hãy đánh giá sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.

Vận dụng

3. Quan sát tư liệu 13.5, em hãy cho biết giá trị văn hoá truyền thống nào của Lào đến nay vẫn được bảo tồn và phát triển.

Chương 5 VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI

Bài 14 CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC THỜI NGÔ – ĐINH – TIỀN LÊ (938 – 1009)

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được những nét chính về thời Ngô.
- Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh.
- Mô tả được cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn năm 981.
- Giới thiệu được những nét chính về tổ chức chính quyền thời Ngô – Đinh – Tiền Lê.
- Nhận biết được đời sống xã hội, văn hoá thời Ngô – Đinh – Tiền Lê.

Trong gần một thế kỉ sau ngày giành độc lập, vận mệnh dân tộc thường xuyên lâm nguy bởi các thế lực cát cứ cũng như tham vọng xác lập lại ách thống trị ở nước ta của phong kiến phương Bắc. Các vua thời Ngô, Đinh, Tiền Lê đã thực hiện những gì để chấm dứt cát cứ, củng cố nhà nước non trẻ và chống giặc phương Bắc? Đời sống văn hoá, xã hội thời này có những điểm gì nổi bật?

1. Ngô Quyền dựng nền độc lập



Em hãy nêu những việc làm thể hiện ý thức độc lập tự chủ của Ngô Quyền trong xây dựng đất nước.

Năm 939, Ngô Quyền xưng vương, bỏ chức Tiết độ sứ và đóng đô ở Cổ Loa (nay thuộc Đông Anh, Hà Nội). Vua đứng đầu triều đình, dưới có các chức quan văn, võ, thiết lập bộ máy chính quyền mới và cử tướng lĩnh trấn giữ các châu quan trọng ở địa phương. Ngô Quyền ở ngôi được 6 năm, đất nước bình yên, nền độc lập dân tộc được củng cố, tạo nền tảng cơ bản cho sự phát triển ở các thời kì sau.



14.2 Cổng làng cổ Đường Lâm (Hà Nội) – "Làng hai vua"

14.1 "Tiền Ngô [Vương] nổi lên không chỉ có công chiến thắng mà thôi, việc đặt trăm quan, chế định triều nghi phẩm phục, có thể thấy được quy mô của bậc đế vương".

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, trang 205)



Em có biết?

Ngô Quyền và Phùng Hưng đều bắt đầu dấy binh khởi nghiệp ở Đường Lâm. Lịch sử gọi đây là vùng đất "hai vua". Chiếc cổng làng mà em thấy trong bức hình bên cạnh vẫn còn khắc dòng chữ cổ, nghĩa là "Thời nào cũng có người giỏi".

2. Công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh



– Vì sao gọi tình hình đất nước cuối thời Ngô là "Loạn 12 sứ quân"?

– Đinh Bộ Lĩnh thống nhất đất nước trong hoàn cảnh nào? Trình bày nét chính về công cuộc thống nhất đất nước của ông.

Sau khi Ngô Quyền mất (năm 944), các con ông không đủ sức giữ vững chính quyền trung ương, một số hào trưởng địa phương nổi lên chiếm giữ các nơi. Năm 965, chính quyền nhà Ngô tan rã, đất nước lâm vào tình trạng cát cứ, sử gọi là "Loạn 12 sứ quân".

Trong hoàn cảnh nước nhà rối ren, ở Hoa Lư (Ninh Bình) xuất hiện một người có tài cầm quân là Đinh Bộ Lĩnh, đánh đâu thắng đó được suy tôn là Vạn Thắng Vương. Trong hai năm (966 – 967), ông đã sử dụng sức mạnh quân sự kết hợp với những biện pháp mềm dẻo để thu phục và dẹp yên 12 sứ quân, thống nhất đất nước.



14.3 Lược đồ vị trí 12 sứ quân

14.4 "Tiên Hoàng nhờ có tài năng sáng suốt hơn người, dũng cảm mưu lược nhất đời, đương lúc nước Việt ta không có chủ, các hùng trưởng cát cứ, một phen cất quân mà mười hai sứ quân phục hết..."

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, trang 211)



14.5 Đền vua Đinh – vị trí xưa là trung tâm của kinh đô Hoa Lư
Dãy núi đá vôi bao quanh là bức tường thành tự nhiên bảo vệ kinh đô.

Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng), đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư (Ninh Bình). Năm 970, vua đặt niên hiệu là Thái Bình, đúc tiền Thái Bình hưng bảo, khẳng định vị thế độc lập của Đại Cồ Việt.



14.6 Đồng tiền Thái Bình hưng bảo (thế kỉ X)



Em có biết?

Những địa danh nổi tiếng của Thăng Long xưa, Hà Nội ngày nay như: Ô Cầu Dền, phố Tràng Tiền, phố Cầu Đông, chùa Một Cột, ngã ba Bố Đề, tháp Báo Thiên,... đều có nguồn gốc từ cố đô Hoa Lư.

3. Cuộc kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê (năm 981)



Dựa vào lược đồ 14.8, em hãy mô tả những nét chính về cuộc kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê (năm 981).

Cuối thời Đinh, nội bộ triều đình lục đục, chia rẽ. Năm 979, Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn bị ám hại, con út là Đinh Toàn nối ngôi khi mới sáu tuổi. Nhân cơ hội này, nhà Tống lăm le xâm lược nước ta. Đất nước lâm nguy, tướng sĩ trong triều suy tôn Thập đạo tướng quân Lê Hoàn lên ngôi vua, lãnh đạo kháng chiến.

14.7

Trong khi triều đình đang họp bàn kế hoạch xuất quân thì Phạm Cự Lạng cùng các tướng quân khác đều mặc áo giáp trận đi thẳng vào Nội phủ yêu cầu tôn lập Thập đạo tướng quân Lê Hoàn làm Hoàng đế trước khi xuất quân đánh giặc (...). Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: "Thái hậu thấy mọi người vui lòng quy phục bèn sai lấy áo long cổn khoác lên người Lê Hoàn, mời lên ngôi Hoàng đế". Nhà Tiền Lê thành lập.

(Phan Huy Lê (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005, trang 418)

Đầu năm 981, Hầu Nhân Bảo chỉ huy quân Tống theo hai đường thuỷ, bộ tấn công Đại Cồ Việt. Lê Hoàn trực tiếp lãnh đạo kháng chiến, tổ chức mai phục, chặn đánh địch ở Lục Đầu Giang, Bạch Đằng, Tây Kết,... Tướng Hầu Nhân Bảo tử trận, quân Tống đại bại phải rút quân về nước. Nền độc lập của Đại Cồ Việt được giữ vững.



14.8 Lược đồ kháng chiến chống Tống năm 981

4. Tổ chức chính quyền thời Đinh – Tiền Lê



Mô tả và nêu nhận xét về tổ chức chính quyền thời Đinh – Tiền Lê.

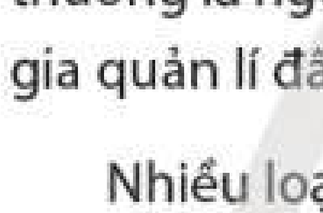
Thời Đinh, chính quyền được kiện toàn dần. Hoàng đế đứng đầu triều đình trung ương, giúp vua trị nước có các cao tăng và hai ban văn, võ. Đinh Tiên Hoàng cử tướng lĩnh thân cận giữ các chức vụ chủ chốt. Chính quyền địa phương gồm các cấp: đạo (châu), giáp, xã.

Năm 980, Lê Hoàn đổi niên hiệu là Thiên Phúc, lập nên nhà Tiền Lê. Vua đứng đầu chính quyền trung ương, phong vương cho các con và cử đi trấn giữ các nơi quan trọng. Thái sư, đại sư và các quan văn, võ giúp vua lo việc nước. Ở địa phương, năm 1002, vua đổi đạo thành lộ, phủ, châu, rồi đến giáp. Đơn vị cơ sở là xã.

Chân trời sáng tạo

Quân đội gồm 2 bộ phận: cấm quân (bảo vệ vua và kinh thành) và quân địa phương. Chính sách "ngụ binh ư nông" (gửi quân ở nhà nông) được thực hiện.

5. Đời sống xã hội, văn hoá thời Ngô – Đinh – Tiền Lê



Đời sống xã hội, văn hoá thời Ngô – Đinh – Tiền Lê có điểm gì nổi bật?

Xã hội thời Ngô, Đinh, Tiền Lê gồm hai bộ phận thống trị và bị trị, có địa vị chính trị và kinh tế khác nhau. Vua, quan và một bộ phận nhà sư, đạo sĩ giữ địa vị thống trị. Nông dân, thợ thủ công, thương nhân, nô tì là tầng lớp bị trị. Nông dân là lực lượng sản xuất chính, cày ruộng công làng xã. Nô tì là tầng lớp thấp nhất trong xã hội, số lượng ít, chủ yếu hầu hạ vua, quan.

Buổi đầu độc lập, Nho giáo chưa phát triển, Phật giáo được truyền bá rộng rãi. Chùa được xây dựng ở nhiều nơi, kinh đô Hoa Lư có chùa Bà Ngô, chùa Nhất Trụ,... Nhà sư thường là người có học, được chính quyền và nhân dân tôn trọng, nhiều vị cao tăng tham gia quản lí đất nước, một số nhà sư mở lớp dạy học ở chùa.

Nhiều loại hình văn hoá dân gian phát triển, đặc biệt là hát chèo, đánh đu, đấu vật,... Kinh đô Hoa Lư là đất tổ của sân khấu chèo.



Em có biết?

Bà Phạm Thị Trân, hiệu Huyền Nữ, là người phụ nữ Việt Nam đầu tiên trong lịch sử làm quan thời Đinh, phụ trách dạy hát múa. Theo Lương Thế Vinh (1441 – 1496) viết trong Hí phường phả lục, bà là tác giả của cách rước trống chèo. Cách đánh trống hào hùng, mạnh mẽ, có dũng khí, dùng trong chiến trận, là linh hồn sân khấu chèo ngày nay.



14.9 Cột kinh Phật thời Tiền Lê ở chùa Nhất Trụ (Hoa Lư, Ninh Bình)



Luyện tập – vận dụng

Luyện tập

1. Năm 939, Ngô Quyền xưng vương, chọn Cổ Loa làm kinh đô. Giải thích về quyết định này, nhiều ý kiến cho rằng Ngô Vương muốn tiếp nối truyền thống nước Âu Lạc xưa. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?

2. Hãy hoàn thiện các thông tin ở cột sự kiện (A) tương ứng với (B) theo mẫu dưới đây:

	Sự kiện (A)	Ý nghĩa (B)
a	*?*	*Mở đầu thời kì dựng nền độc lập.*
b	*?*	*Khởi xướng quá trình thống nhất đất nước.*
c	*?*	*Củng cố thống nhất đất nước.*

Vận dụng

3. Hãy chọn và giới thiệu một nhân vật lịch sử đã có công dựng nước hoặc giữ nước thời Ngô, Đinh, Tiền Lê. Điều gì khiến em khâm phục, muốn học tập hoặc noi gương nhân vật đó? Hãy nêu ý kiến và giải thích.

Chân trời sáng tạo

Bài 15 CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC THỜI LÝ (1009 – 1225)

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được sự thành lập nhà Lý. Đánh giá được sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn.
- Mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Lý.
- Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục thời Lý (Văn Miếu – Quốc Tử Giám, mở khoa thi,...).
- Đánh giá được những nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống và vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077).

Năm 1010, vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) về thành Đại La (Hà Nội). Theo sử cũ: "Khi thuyền đến dưới chân thành, có đám mây hình rồng vàng hiện lên, do đó vua đổi tên là Thăng Long" – nghĩa là rồng bay lên. Sự kiện dời đô này có ý nghĩa như thế nào đối với lịch sử dân tộc? Nhà Lý đã làm những gì để xây dựng và phát triển đất nước? Hơn hai trăm năm nắm giữ vận mệnh dân tộc, nhà Lý đã lãnh đạo quân dân Đại Việt chống ngoại xâm, bảo vệ đất nước như thế nào?

1. Sự thành lập nhà Lý



Dựa vào thông tin trong bài và tư liệu 15.2, em hãy:

– Cho biết nhà Lý được thành lập trong hoàn cảnh nào.

– Giải thích vì sao Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư về Đại La. Đánh giá ý nghĩa của sự kiện này.

Năm 1009, vua Lê Long Đĩnh mất, các nhà sư và đại thần trong triều đã suy tôn Lý Công Uẩn lên ngôi vua. Nhà Lý được thành lập. Năm 1010, Lý Thái Tổ đặt niên hiệu Thuận Thiên và mùa thu năm ấy, vua quyết định dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La, đổi tên là Thăng Long (Hà Nội ngày nay). Sự kiện dời đô mở ra thời kì phát triển mới cho nước nhà.

Nhân vật lịch sử

Lý Công Uẩn (974 - 1028)

Lý Công Uẩn, người châu Cổ Pháp (Từ Sơn, Bắc Ninh), là học trò của sư Vạn Hạnh. Ông làm quan triều Tiền Lê, giữ chức Điện tiền chỉ huy sứ, chỉ huy cấm quân. Ông là người tài năng, chính trực, nên được triều thần và các nhà sư ủng hộ.



15.1 Cung điện nhà Lý trong Hoàng thành Thăng Long (phục dựng, Viện nghiên cứu Kinh thành)

15.2

Chiếu dời đô năm 1010

"... thành Đại La,... ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp nước Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời".

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sdd, trang 241)



15.3 Tượng Lý Thái Tổ (vườn hoa Lý Thái Tổ, Hà Nội)

2. Tình hình chính trị



Nhà Lý đã làm gì để củng cố chế độ quân chủ?

Năm 1054, Lý Thánh Tông đổi tên nước là Đại Việt, tổ chức bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương. Vua đứng đầu nhà nước, cha truyền con nối, cử người thân giữ các chức vụ quan trọng. Các quan đại thần (quan văn, quan võ) giúp vua lo việc nước. Cả nước được chia thành 24 lộ, phủ, ở miền núi gọi là châu; dưới lộ là huyện, hương. Đơn vị cấp cơ sở là xã.

Năm 1042, nhà Lý ban hành bộ *Hình thư*, bộ luật thành văn đầu tiên của Việt Nam. Các vua Lý còn cho đặt chuông trước điện Long Trì, người dân có điều gì oan ức sẽ đánh chuông tâu lên vua.

Quân đội gồm hai bộ phận là cấm quân (bảo vệ vua, kinh thành) và quân địa phương. Triều đình thi hành chính sách "ngụ binh ư nông" – quân sĩ luân phiên vừa luyện tập, vừa cày ruộng, sẵn sàng chiến đấu khi được huy động.

Nhà Lý thi hành chính sách đoàn kết dân tộc, ban chức tước và gả công chúa cho các tù trưởng miền núi. Về đối ngoại, triều đình chủ trương giữ quan hệ hoà hiếu với nhà Tống và Chăm-pa, nhưng kiên quyết đáp trả mọi âm mưu xâm lược.



Em có biết?

Nhằm răn dạy lòng trung thành với vua, duy trì sự ổn định của nhà nước phong kiến tập quyền, quan lại triều Lý cứ tới ngày 4 – 4 âm lịch hằng năm lại tập trung về đền Đồng Cổ, lần lượt đọc lời thề: "Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, xin thần minh giết chết...." Ai vắng mặt sẽ bị đánh 50 trượng.

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sdd, trang 251)

3. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 – 1077)



– Cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý (1075 – 1077) có những nét độc đáo gì?
– Lý Thường Kiệt có vai trò như thế nào trong cuộc kháng chiến chống Tống?

a. Chủ động tiến công để phòng vệ (1075)



15.4 Lược đồ cuộc tấn công để phòng vệ của quân đội nhà Lý

Từ giữa thế kỉ XI, nhà Tống (Trung Quốc) gặp phải những khó khăn chồng chất: ngân khố cạn kiệt, dân tình đói khổ, chiến tranh với các bộ tộc phía bắc. Vua Tống muốn gây chiến với Đại Việt để giải quyết tình trạng khủng hoảng trong nước.

Sớm phát hiện được mưu đồ xâm lược của kẻ thù, nhà Lý đã chủ động chuẩn bị đối phó. Thái uý Lý Thường Kiệt được cử làm người chỉ huy cuộc kháng chiến.

Lý Thường Kiệt nhận định: "Ngồi yên đợi giặc, không bằng đem quân đánh trước để chặn thế mạnh của giặc". Tháng 10 – 1075, ông chỉ huy hơn 10 vạn quân thuỷ – bộ, chia làm hai đạo tấn công vào đất Tống. Sau khi hạ thành Ung Châu – căn cứ mạnh nhất của quân Tống, phá huỷ kho lương thực dự trữ của chúng, ông chủ động rút quân về nước.

Nhân vật lịch sử

Lý Thường Kiệt (1019 – 1105)

Lý Thường Kiệt, quê ở phường Thái Hoà (Thăng Long).

Bia Linh Xứng (Thanh Hoá) thời Lý khắc bài ca ngợi ông: "Làm việc thì siêng năng, điều khiển dân thì dôn hậu... khoan hoà giúp đỡ trăm họ, nhân từ yêu mến mọi người,... Giúp chính sự cho ba triều, dẹp yên loạn ngoài biên ải, chỉ khoảng vài năm mà tám phương yên lặng, công thật lớn lao".



Tượng đài Lý Thường Kiệt (Yên Phong, Bắc Ninh)

b. Phòng vệ tích cực và chuyển sang phản công: Trận chiến trên phòng tuyến sông Như Nguyệt

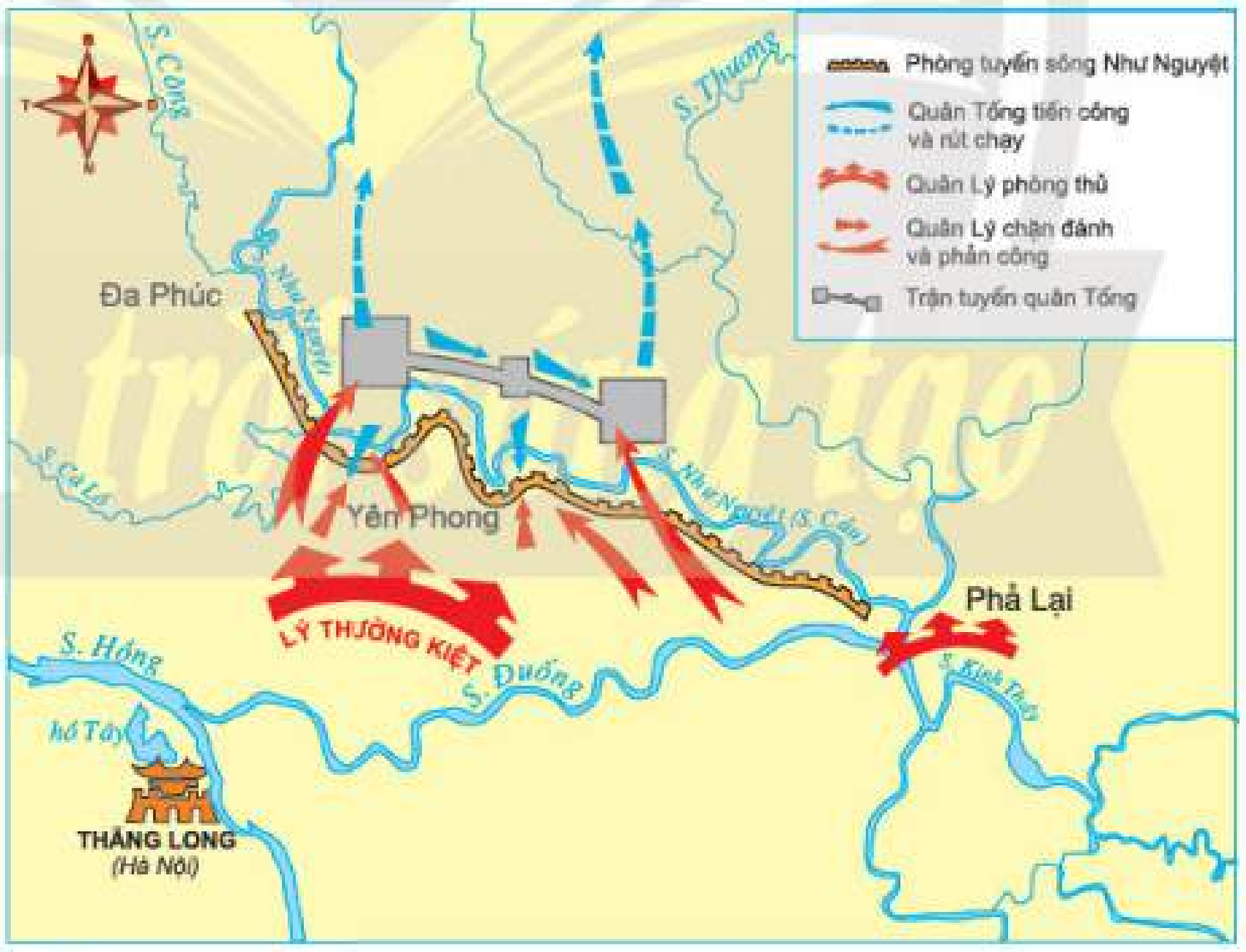
Sau khi rút quân về nước, Lý Thường Kiệt gấp rút xây dựng phòng tuyến bên bờ nam sông Như Nguyệt.



Em có biết?

Sông Như Nguyệt là một đoạn của sông Cầu, từ ngã ba sông Cà Lồ và sông Cầu đổ xuống đến Phả Lại. Đây là con sông chặn ngang tất cả các ngả đường bộ từ Quảng Tây (Trung Quốc) vào Thăng Long.

Tháng 1 – 1077, khoảng 10 vạn quân Tống do Quách Quỳ, Triệu Tiết chỉ huy vượt ải Nam Quan, tiến vào Thăng Long nhưng bị chặn lại ở bờ bắc sông Như Nguyệt. Quân Tống nhiều lần dùng bè lớn tấn công nhưng không thành.



15.5 Lược đồ trận chiến tại phòng tuyến sông Như Nguyệt

Cuối Xuân năm 1077, Lý Thường Kiệt cho quân vượt sông lúc nửa đêm, tấn công thẳng vào doanh trại giặc. Quân Tống "mười phần chết đến năm, sáu", hoang mang, tuyệt vọng. Trong tình thế đó, Lý Thường Kiệt chủ động giảng hoà. Quân Tống phải rút về nước, từ bỏ ý đồ xâm lược Đại Việt.

Em có biết?

Tương truyền, để động viên, khích lệ tinh thần chiến đấu của binh sĩ, đêm đêm, Lý Thường Kiệt cho người vào đền thờ Trương Hống, Trương Hát bên bờ sông Như Nguyệt, ngâm vang bài thơ "Nam quốc sơn hà":

"Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư".

"Sông núi nước Nam, vua Nam ở
Rành rành định phận ở sách trời
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời".

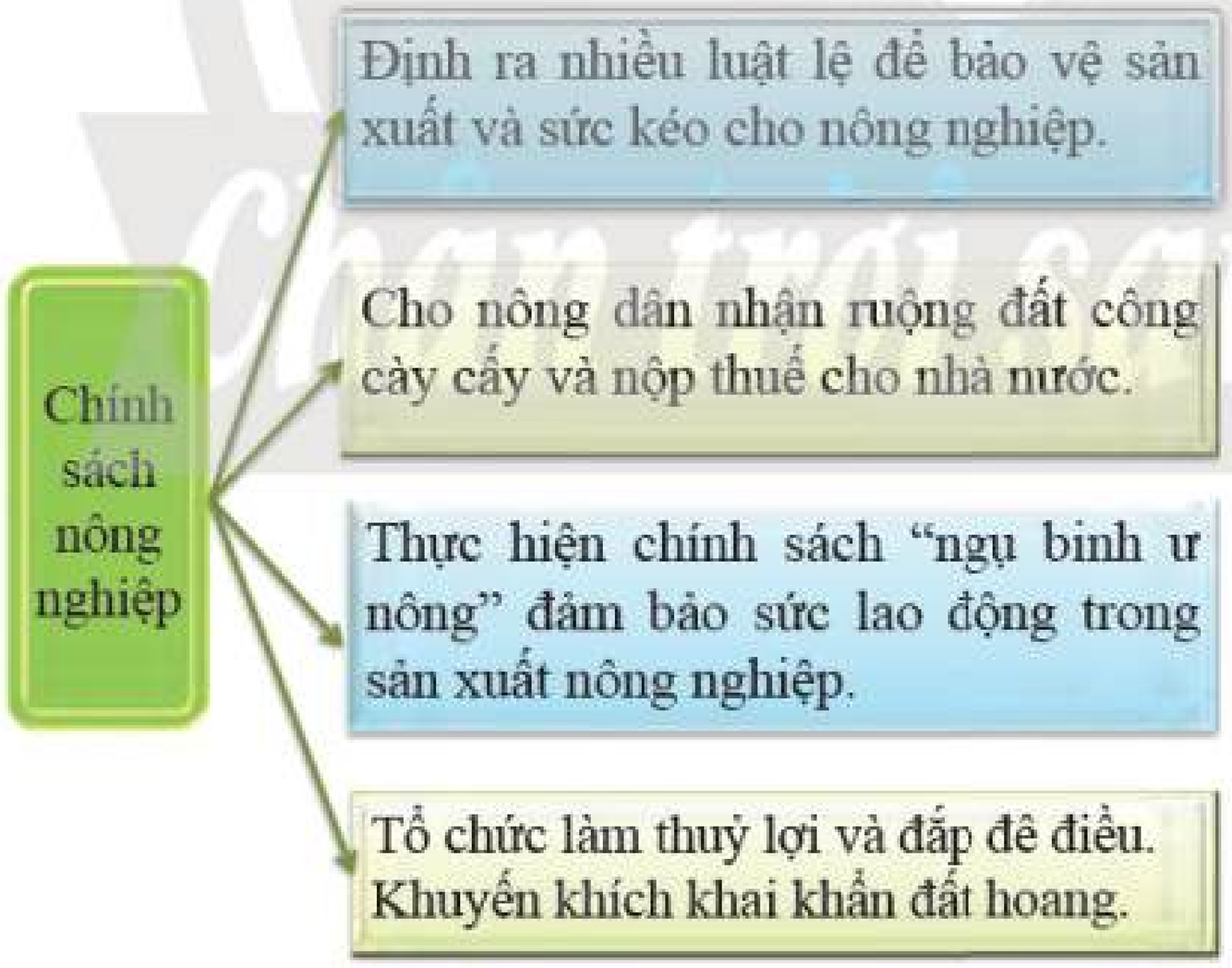
4. Tình hình kinh tế, xã hội



– Nhà Lý đã có những biện pháp gì để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp?
– Trình bày những nét chính về tình hình phát triển thủ công nghiệp và thương nghiệp thời Lý. Kể tên một số địa danh nổi tiếng về nghề thủ công và buôn bán thời kì này.
– Mô tả vài nét về đời sống xã hội thời Lý.

a. Tình hình kinh tế

Nông nghiệp được chú trọng phát triển. Hằng năm, vua thực hiện lễ cày ruộng tịch điền để khuyến khích nhân dân sản xuất. Nhà nước thực hiện nhiều biện pháp phát triển sản xuất nông nghiệp nên nhiều năm mùa màng bội thu.



15.6 Sơ đồ Chính sách nông nghiệp thời Lý

15.7 "Năm 1038, mùa xuân, vua (Thái Tông) ngự ra Bố Hải Khẩu cày ruộng tịch điền... Vua thân tế Thần Nông, tế xong tự cầm cày. Các quan tả hữu có người can rằng: "Đó là công việc của nông phu, bệ hạ việc gì làm thế". Vua nói: "Trẫm không tự mình cày cấy thì lấy gì làm xôi cúng, lấy gì cho thiên hạ noi theo". Nói xong, cày ba lần rồi thôi".

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sdd, trang 259)

Thủ công nghiệp thời kì này khá phát triển, bao gồm hai bộ phận: Thủ công nghiệp nhà nước (đúc tiền, chế tạo vũ khí,...) và thủ công nghiệp nhân dân (ươm tơ, dệt lụa, làm đồ gốm, gạch ngói, đúc đồng, rèn sắt,...). Nhiều làng nghề ra đời như làng gốm Bát Tràng, làng dệt Nhược Công,... Kinh thành Thăng Long thời bấy giờ đã có làng trồng dâu nuôi tằm dệt lụa Nghi Tàm, làng trồng cây thuốc nam và chế biến thảo dược Đại Yên.



15.8 Nắp hộp gốm men xanh lục (Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Hà Nội)

15.9 "Tháng 2 – 1040, vua đã dạy cung nữ dệt được gấm vóc. Tháng ấy xuống chiếu phát hết gấm vóc của nước Tống ở trong kho để may áo ban cho các quan,... để tỏ là vua không dùng gấm vóc của nước Tống nữa".

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sdd, trang 261)



Em có biết?

Cách làm ra lụa truyền thống

Tương truyền đất Nghi Tàm (Hà Nội) là nơi Từ Hoa công chúa nhà Lý mở trại dạy dân trong vùng trồng dâu, nuôi tằm, cho tằm kéo kén, nhả tơ để dệt lên những tấm lụa mềm mại, tinh tế. Cách làm lụa truyền thống đó vẫn còn được bảo tồn đến tận ngày nay.



Sự thịnh vượng của kinh tế nông nghiệp và các nghề thủ công nghiệp đã thúc đẩy thương nghiệp phát triển. Tiền đồng được sử dụng phổ biến hơn trước, việc buôn bán trao đổi trong và ngoài nước được mở rộng. Thăng Long có chợ Cửa Đông, chợ Tây Nhai, chợ Cửa Nam, nhiều chợ ở biên giới Việt – Tống được thành lập. Vân Đồn là cảng biển có vị trí tự nhiên thuận lợi, nằm trên trục hàng hải từ Trung Quốc xuống các nước Đông Nam Á, thuyền bè nước ngoài qua lại buôn bán tấp nập.



15.10 "Năm 1149, mùa xuân, tháng 2, thuyền buôn ba nước Trảo Oa (Gia-va), Lộ Lạc, Xiêm La (Thái Lan) vào Hải Đông xin cư trú buôn bán, bèn cho lập trang ở nơi hải đảo, gọi là Vân Đồn, để mua bán hàng hoá quý, dâng tiến sản vật địa phương".

"Năm 1184, người buôn các nước Xiêm La và Tam Phật Tề (Sri Vi-giay-a) vào trấn Vân Đồn dâng vật báu để xin buôn bán".

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sdd, trang 317, 328)

15.11 Đồng tiền Chính Long nguyên bảo (thế kỉ XII)

b. Tình hình xã hội

Thời Lý, xã hội ngày càng phân hoá. Vua, quý tộc, quan lại là tầng lớp thống trị, có nhiều đặc quyền. Địa chủ ngày càng gia tăng và có thế lực lớn. Nông dân chiếm đa số, là lực lượng sản xuất chính, các đinh nam được làng xã chia ruộng đất, phải nộp thuế và phục vụ nhà nước.

Thợ thủ công, thương nhân khá đông. Nô tì có địa vị thấp kém nhất, phục vụ trong triều đình và các gia đình quan lại.

5. Những thành tựu tiêu biểu về văn hoá – giáo dục



– Trình bày những thành tựu văn hoá – giáo dục tiêu biểu thời Lý.

– Việc xây dựng Văn Miếu – Quốc Tử Giám và mở khoa thi đầu tiên có ý nghĩa như thế nào?

Nhà Lý chú trọng phát triển giáo dục nhằm đào tạo người tài và tuyển chọn quan lại cho triều đình. Năm 1070, Lý Thánh Tông xây dựng Văn Miếu ở Thăng Long. Năm 1075, triều đình tổ chức khoa thi đầu tiên và năm 1076, mở Quốc Tử Giám để dạy học cho con em quý tộc, quan lại.

Văn học chữ Hán bước đầu phát triển, một số tác phẩm vẫn còn giá trị giáo dục đến hiện nay như *Chiếu dời đô* (Lý Công Uẩn), *Nam quốc sơn hà* (khuyết danh), *Cáo tật thị chúng* (Mãn Giác Thiền sư),...



Em có biết?

Một trong những bài thơ tiêu biểu cho dòng văn học viết thời Lý là bài ***Cáo tật thị chúng*** *(Cáo bệnh bảo mọi người) của Mãn Giác Thiền sư (1052 – 1096). Hình tượng cành mai nở trong đêm cuối cùng của mùa xuân – như sự sống dài lâu của con người trên Trái Đất – đã trở thành hình tượng bất hủ của thơ ca thời Lý.*

Xuân đi trăm hoa rụng,
Xuân đến trăm hoa cười.
Trước mắt đời diễn biến,
Trên đầu già đến nơi.
Đừng nói xuân đi hoa rụng hết,
Đêm qua, sân trước một cành mai.

(Viện Văn học, *Thơ văn Lý – Trần*, tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, trang 299)



15.12 Khuê Văn Các (Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội)

Vua quan nhà Lý và nhân dân đều tôn sùng đạo Phật. Việc xây chùa, đúc chuông, tạc tượng Phật,... được coi là việc của triều đình. Nho giáo bước đầu có vai trò trong xã hội. Đạo giáo thịnh hành, gắn kết với các tín ngưỡng dân gian. Nhiều công trình nổi tiếng được ghi lại trong sử sách như chuông Quy Điền, tháp Báo Thiên, chùa Một Cột, đặc biệt là Hoàng thành Thăng Long – quần thể kiến trúc rộng hàng chục ngàn mét vuông.

Nghệ thuật điêu khắc đa dạng, độc đáo, tinh tế được thể hiện trên các tượng Phật, các bệ đá hình hoa sen hay trên đồ gốm. Hình ảnh con rồng mình trơn, toàn thân uốn khúc mềm mại, uyển chuyển là một hình tượng nghệ thuật độc đáo của thời nhà Lý.



15.13 Chùa Diên Hựu (tranh vẽ dựa theo mô tả của *Đại Việt sử ký toàn thư* và bia Chùa Đọi, Trịnh Quang Vũ, năm 1996)



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Từ thông tin bài học, hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá, giáo dục thời Lý.

Vận dụng

2. Hãy sưu tập tư liệu và chọn giới thiệu một di sản lịch sử - văn hoá thời Lý mà em thích nhất. Giải thích vì sao.

3. Cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý để lại những bài học gì cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay?

Bài 16 CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC THỜI TRẦN (1226 – 1400)

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được sự thành lập nhà Trần.
- Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Trần.
- Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá.

Cuối thế kỉ XII, triều Lý bắt đầu suy yếu. Chớp ngay thời cơ ấy, họ Trần nhanh chóng nắm lấy vận nước, viết nên một trang sử mới cho Đại Việt. Vậy nhà Trần đã được thành lập như thế nào? Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá thời Trần có gì nổi bật?

1. Nhà Trần thành lập



Mô tả sự thành lập của nhà Trần. Theo em, Trần Thủ Độ có vai trò như thế nào đối với sự thành lập của nhà Trần?

Từ cuối thế kỉ XII, nhà Lý ngày càng suy yếu nên phải dựa vào thế lực họ Trần trong triều duy trì quyền lực. Năm 1224, vua Lý Huệ Tông xuất gia đi tu, truyền ngôi cho Lý Chiêu Hoàng. Theo sự sắp xếp của Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng xuống chiếu nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh vào đầu năm 1226. Sự chuyển giao quyền lực giữa hai triều đại bằng hôn nhân đã chính thức kết thúc 216 năm tồn tại của nhà Lý. Thời đại nhà Trần bắt đầu.

Nhân vật lịch sử **Trần Thủ Độ (1194 – 1264)**

Trần Thủ Độ là người có công sáng lập triều Trần. Theo sử cũ, Trần Thủ Độ: "... tài lược hơn người, làm quan triều Lý được mọi người suy tôn. Thái Tông (nhà Trần) lấy được thiên hạ đều nhờ vào mưu sức của ông cả...".

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, trang 34)



16.1 Đền thờ các vua Trần ở Thiên Trường (Nam Định)

2. Tình hình chính trị



Em hãy trình bày những nét chính về tình hình chính trị thời nhà Trần.

Đứng đầu nhà nước phong kiến trung ương tập quyền là vua. Nhưng khác với những triều đại trước, các vua nhà Trần thường nhường ngôi sớm cho con, xưng là Thái thượng hoàng, cùng quản lí đất nước. Các đại thần, quan văn, võ trong triều đều do người trong hoàng tộc nắm giữ. Quý tộc và quan lại được ban thái ấp, cấp bổng lộc nhưng thưởng phạt có quy định cụ thể.

16.2

"Theo thể lệ, cứ mười lăm năm mới xét lí lịch một lần: ai làm việc mười năm sẽ được thăng tước một cấp, làm việc mười lăm năm sẽ được thăng chức một bậc".

(Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007, trang 448)

Hệ thống chính quyền các cấp được tổ chức quy củ và hoàn thiện hơn thời Lý. Cả nước chia thành 12 lộ, phủ. Đơn vị hành chính ở các địa phương phổ biến là xã.

Pháp luật thời Trần đề cao sự nghiêm minh, không phân biệt quan hay dân.

Nhà nước ban hành bộ *Quốc triều hình luật*, các cơ quan pháp luật được tăng cường và hoàn thiện hơn.

Quân đội gồm có quân triều đình, quân các lộ, phủ, quân biên ải và dân binh ở làng xã. Tướng giỏi cầm quân trấn giữ vùng biên ải.

Quân đội được xây dựng và phát triển theo chủ trương "binh lính cốt tinh nhuệ, không cốt đông". Chính sách "ngụ binh ư nông" tiếp tục được thực hiện.



16.3 Chiến binh thời Trần (hình vẽ trên bình gốm, thế kỉ XIII)

3. Tình hình kinh tế



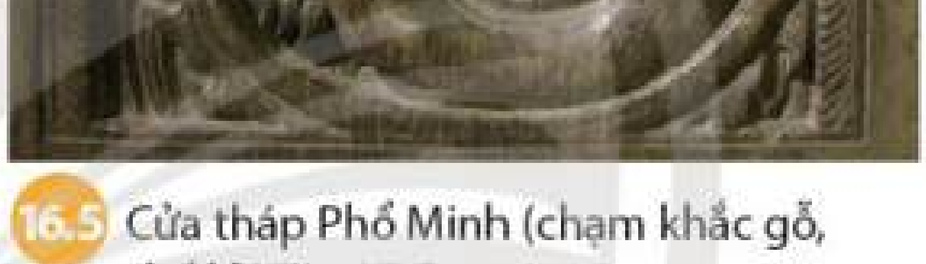
– Tình hình kinh tế thời Trần có những điểm gì nổi bật?

– Tìm những cụm từ trong tư liệu 16.4 cho thấy sự phát triển kinh tế Đại Việt dưới góc nhìn của sứ thần nhà Nguyên.

Nhà Trần thực hiện nhiều chính sách nhằm phục hồi và phát triển nông nghiệp: Khuyến khích khai khẩn đất hoang, mở rộng diện tích canh tác, đào sông ngòi, đắp đê phòng lụt, đặt các chức quan chuyên lo nông nghiệp và thuỷ lợi. Ngoài việc trồng lúa, nhân dân còn trồng nhiều loại cây khác như khoai, đậu, kê, cây ăn quả,...

Thủ công nghiệp thời Trần có những bước tiến đáng kể với sự ra đời của nhiều làng thủ công chuyên nghiệp. Thăng Long là trung tâm sản xuất và buôn bán lớn nhất nước ta, có 61 phường sản xuất với các nghề tiêu biểu như làm gốm, dệt, đúc đồng, tạc tượng, làm giấy, khắc gỗ,...

Thương nghiệp phát triển mạnh mẽ. Tiền được sử dụng phổ biến, buôn bán phát triển. Thuyền buôn ngoại quốc thường xuyên đến buôn bán ở các cảng như Vân Đồn (Quảng Ninh), Hội Thống (Hà Tĩnh), Hội Triều (Thanh Hoá),... Gốm sứ trở thành mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Đại Việt.



16.5 Cửa tháp Phổ Minh (chạm khắc gỗ, thế kỉ XIII – XIV)



16.6 Bình gốm hoa nâu (thế kỉ XIII – XIV)

16.4

Vào năm 1293, khi sứ nhà Nguyên là Lương Tăng và Trần Phu sang Đại Việt, họ đã chứng kiến một Đại Việt phồn vinh với những hình ảnh "lúa mỗi năm chín bốn lần" hay "chợ ở thôn xóm hai tháng họp một lần, trăm thứ hàng hoá tụ tập lại ở đấy".

(Hà Văn Tấn – Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII*, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2019, trang 28, 30)

4. Tình hình xã hội



– Dựa vào thông tin trong bài, em hãy cho biết xã hội thời Trần có những tầng lớp nào.

– Đọc tư liệu 16.7 và cho biết: Theo quan điểm của Hưng Đạo Vương, những yếu tố nào sẽ giúp triều đình tạo nên sự ổn định và bền vững của một xã hội.

Xã hội thời Trần tiếp tục phân hoá. Tầng lớp quý tộc, quan lại hưởng nhiều đặc quyền, đặc lợi, làm chủ những điền trang, thái ấp rộng lớn. Địa chủ ngày càng nhiều do sự phát triển của ruộng đất tư nhân. Nông dân vẫn là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội, cày ruộng công làng xã và lĩnh canh ruộng đất của địa chủ. Ngoài ra, còn có thợ thủ công và thương nhân. Nô tì là tầng lớp thấp kém nhất trong xã hội, phục vụ trong các gia đình quý tộc, quan lại.

16.7

Hưng Đạo Vương ốm. Vua ngự tới nhà thăm, hỏi rằng: "Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào?".

Vương trả lời: " [...] tuỳ thời tạo thế, có được dội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Vả lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy".

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, trang 80)

Nhờ các chính sách trọng dân và gần gũi với dân của nhà Trần nên về cơ bản xã hội yên bình và hoà thuận.

5 . Tình hình văn hoá



Nêu những thành tựu chủ yếu về văn hoá thời Trần.

a. Tư tưởng – tôn giáo

Tín ngưỡng cổ truyền vẫn phổ biến trong dân, như tục thờ tổ tiên, các anh hùng có công với dân tộc.

Thời Trần, Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo đều được coi trọng. Tầng lớp nho sĩ đỗ đạt qua các kì thi được triều đình trọng dụng. Đặc biệt, thời kì này đánh dấu sự phát triển của Phật giáo dân tộc với sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử do Trần Nhân Tông sáng lập. Chùa Vĩnh Nghiêm (tên dân gian là Đức La), nay thuộc Bắc Giang trở thành trung tâm đào tạo tăng đồ Phật giáo lớn nhất thời Trần.

Nhân vật lịch sử

Trần Nhân Tông (1258 – 1308)

Trần Nhân Tông, vị vua thứ ba của nhà Trần. Ông là người lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi trong hai lần kháng chiến chống quân Nguyên. Sau khi nhường ngôi cho con, ông xuất gia tu hành, trở thành một vị tổ của Thiền phái Trúc Lâm, dòng Phật giáo chính thống của dân tộc.

b. Giáo dục và khoa học – kĩ thuật

Năm 1253, Quốc Tử Giám được mở rộng và thu nhận cả con cái thường dân có sức học xuất sắc. Trường tư cũng được mở nhiều ở làng xã. Từ thời Trần định lệ thi Thái học sinh và chọn tam khôi (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa) trong kì thi Đình.

Về sử học, Lê Văn Hưu biên soạn *Đại Việt sử ký* – bộ quốc sử đầu tiên của Đại Việt. Ngoài ra, còn có một số bộ sử khác như *Việt sử lược* (khuyết danh), *Việt sử cương mục* của Hồ Tông Thốc.

Về quân sự, nổi tiếng có *Binh thư yếu lược* của Trần Quốc Tuấn.

Về y học, có Thiền sư Tuệ Tĩnh – ông tổ của thuốc Nam – là người đầu tiên xây dựng nền y học truyền thống của người Việt.

Lĩnh vực thiên văn học có Đặng Lộ, Trần Nguyên Đán.

c. Văn học và nghệ thuật

Sự phát triển của giáo dục và những thắng lợi của dân tộc sau những lần chiến thắng quân xâm lược Mông – Nguyên đã đưa văn học thời Trần phát triển rực rỡ. Nhà thơ Trần Nguyên Đán thế kỉ XIV phải thốt lên: "Tướng võ, quan hầu đều biết chữ. Thợ thuyền, thư lại cũng hay thơ".

Nhiều tác phẩm văn học nổi tiếng ra đời trong thời kì này như *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn, *Phú sông Bạch Đằng* của Trương Hán Siêu, *Tụng giá hoàn kinh sư* của Trần Quang Khải, *Thiên Trường văn vọng* của Trần Nhân Tông,...

Nhân vật lịch sử

Chu Văn An (1292 – 1370)



Chu Văn An, người ở làng Quang (nay thuộc xã Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội). Vào dời vua Trần Minh Tông (1314 – 1329), ông dỗ Thái học sinh, được vua mời ra làm quan và dạy học ở Quốc Tử Giám. Sau đó, ông từ quan về mở trường tư ở làng Huỳnh Cung, thuộc xã Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội ngày nay. Học trò theo học rất đông, nhiều người hiển đạt lừng danh như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát,... Cuối đời, ông về vùng núi Chí Linh (Hải Dương) ở ẩn và tiếp tục dạy học cho đến khi qua đời.



16.8 Tháp Phổ Minh (Nam Định)

Các công trình kiến trúc tôn giáo được xây dựng khá nhiều, tiêu biểu như tháp Phổ Minh (Nam Định), tháp Bình Sơn (Vĩnh Phúc), chùa Thái Lạc (Hưng Yên). Ngoài ra, các tác phẩm điêu khắc bằng đá như tượng hổ ở lăng Trần Thủ Độ, chạm khắc gỗ trên cánh cửa ở chùa Phổ Minh,... được coi là những kiệt tác của nghệ thuật dân tộc.

Thời Trần, hát chèo và múa rối nước phổ biến từ đình làng cho tới cung đình. Nhiều nhạc cụ như trống cơm, sáo, tiêu, đàn cầm đã phổ biến vào thời kì này.



16.9 Nhạc công chơi đàn cầm cưỡi trên lưng chim (điêu khắc gỗ, chùa Thái Lạc, Hưng Yên, thế kỉ XIV)



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Nêu những biểu hiện về sự củng cố chế độ phong kiến tập quyền dưới thời nhà Trần.

2. Lập bảng tóm tắt về những thành tựu văn hoá tiêu biểu của thời Trần theo mẫu dưới đây:

Lĩnh vực	*Nội dung tóm tắt*	*Danh nhân tiêu biểu*
Tư tưởng, tôn giáo	*?*	*?*
Giáo dục, khoa học	*?*	*?*
Văn học, nghệ thuật	*?*	*?*

Vận dụng

3. Tìm hiểu ở địa phương nơi em đang sống hoặc qua sách báo, internet, hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 100 từ giới thiệu một di tích lịch sử liên quan đến công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ độc lập dân tộc của nhà Trần.

Bài 17 BA LẦN KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG – NGUYÊN

Học xong bài này, em sẽ:

- Lập được lược đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.
- Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt.
- Đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông,...

Thế kỉ XIII, nhà nước phong kiến Mông Cổ được thành lập, tiến hành xâm lược nhiều nước ở khắp lục địa Á – Âu. Sự hung hãn đến mức người châu Âu thốt lên: "Vó ngựa quân Mông Cổ đi đến đâu, ở đó cỏ không mọc được". Nước Đại Việt cũng không nằm ngoài con đường chinh phạt của họ. Vậy, quân dân Đại Việt đã chuẩn bị, tổ chức đánh giặc và thắng giặc như thế nào? Thắng lợi đó bắt nguồn từ những nguyên nhân nào và có ý nghĩa lịch sử ra sao?

1. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ năm 1258



Dựa vào sơ đồ 17.1 và lược đồ 17.2, hãy trình bày diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258.

Năm 1257, Mông Cổ đã cho quân áp sát biên giới Đại Việt rồi ba lần cử sứ giả đến Thăng Long dụ hàng. Vua Trần Thái Tông cho bắt giam sứ giả, đồng thời ra lệnh cả nước ra sức tập luyện, chuẩn bị vũ khí, sẵn sàng đánh giặc.



17.1 Sơ đồ diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258



17.2 Lược đồ kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ năm 1258



Em có biết?

Trước thế giặc mạnh, vua Trần Thái Tông tỏ ý lo lắng và hỏi ý kiến Thái sư Trần Thủ Độ. Ông khẳng khái trả lời: "Đầu thần chưa rơi xuống đất, bệ hạ đừng lo gì khác".

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, Sdd, trang 28)

2. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên năm 1285



– Khai thác thông tin trong bài và lược đồ 17.5, em hãy vẽ sơ đồ tư duy diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285.

– Khai thác tư liệu 17.3 và 17.4, em hãy rút ra đặc điểm chung về tinh thần chống giặc ngoại xâm của vua quan và nhân dân thời Trần.

Năm 1271, Hốt Tất Liệt lập ra nhà Nguyên. Năm 1279, sau khi chiếm toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc, nhà Nguyên tập trung lực lượng, ráo riết chuẩn bị xâm lược Đại Việt.

Trước tình hình đó, vua Trần triệu tập hội nghị Bình Than (Bắc Ninh) năm 1282, hội nghị Diên Hồng (Thăng Long) năm 1285 để bàn kế sách đánh giặc. Trần Quốc Tuấn được cử làm Quốc công tiết chế – Tổng chỉ huy các lực lượng kháng chiến. Trước trận chiến, để động viên khích lệ tinh thần chiến đấu của binh lính, Hưng Đạo Vương đã viết *Hịch tướng sĩ*.

17.3 Thượng hoàng triệu phụ lão trong nước họp ở thềm điện Diên Hồng, ban yến và hỏi kế đánh giặc. Các phụ lão đều nói "đánh", muôn người cùng hô một tiếng, như bật ra từ một cửa miệng.

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, Sdd, trang 50)

Cuối tháng 1 năm 1285, Thoát Hoan dẫn 50 vạn quân từ phía bắc, Toa Đô dẫn 10 vạn quân từ phía nam (Chăm-pa) tấn công Đại Việt. Trước thế giặc mạnh, quân Trần lui quân về Vạn Kiếp (Chí Linh, Hải Dương). Vua tôi nhà Trần tiếp tục thực hiện kế sách "vườn không nhà trống", rút từ Thăng Long về Thiên Trường (Nam Định).



Em có biết?

Trong kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên năm 1285, Trần Bình Trọng đã chặn đánh kìm chân quân giặc suốt 7 ngày để vua Trần và triều đình rút lui an toàn về Thiên Trường. Do quá chênh lệch lực lượng, cuối cùng ông bị bắt. Thoát Hoan muốn dụ hàng ông, nhưng Trần Bình Trọng đã khảng khái trả lời: "Ta thà làm ma nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc".

17.4

Vua Thánh Tông đến gặp Quốc Tuấn và có ý dò hỏi: "Thế giặc như vậy, ta phải hàng thôi". Quốc Tuấn trả lời: "Bệ hạ chém đầu tôi trước rồi hãy hàng".

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, trang 81)



17.5 Lược đồ kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285

Tháng 5 năm 1285, quân Trần phản công, đánh bại quân địch ở Tây Kết, Hàm Tử (Hưng Yên), Chương Dương (Hà Nội), tiến về giải phóng kinh đô. Toa Đô tử trận, Thoát Hoan phải chui ống đồng, bắt quân lính khiêng chạy về nước. Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi.

3. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên năm 1287 – 1288



– Dựa vào sơ đồ 17.7 và lược đồ 17.8, em hãy trình bày những diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 – 1288.

– Vì sao khi bước vào kháng chiến, trước thế giặc rất mạnh, Hưng Đạo Vương lại khẳng định với vua Trần: "Năm nay đánh giặc nhàn"?

Sau hai lần thất bại ở Đại Việt, vua Nguyên tiếp tục cử Thoát Hoan xâm lược Đại Việt một lần nữa. Đoán được dã tâm và ý đồ xâm lược của kẻ thù, quân dân nhà Trần lại khẩn trương chuẩn bị kháng chiến.

17.6 Vua hỏi Hưng Đạo Vương: "Giặc tới, liệu tình hình thế nào?". Vương trả lời: "Năm nay đánh giặc nhàn".

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, trang 59)

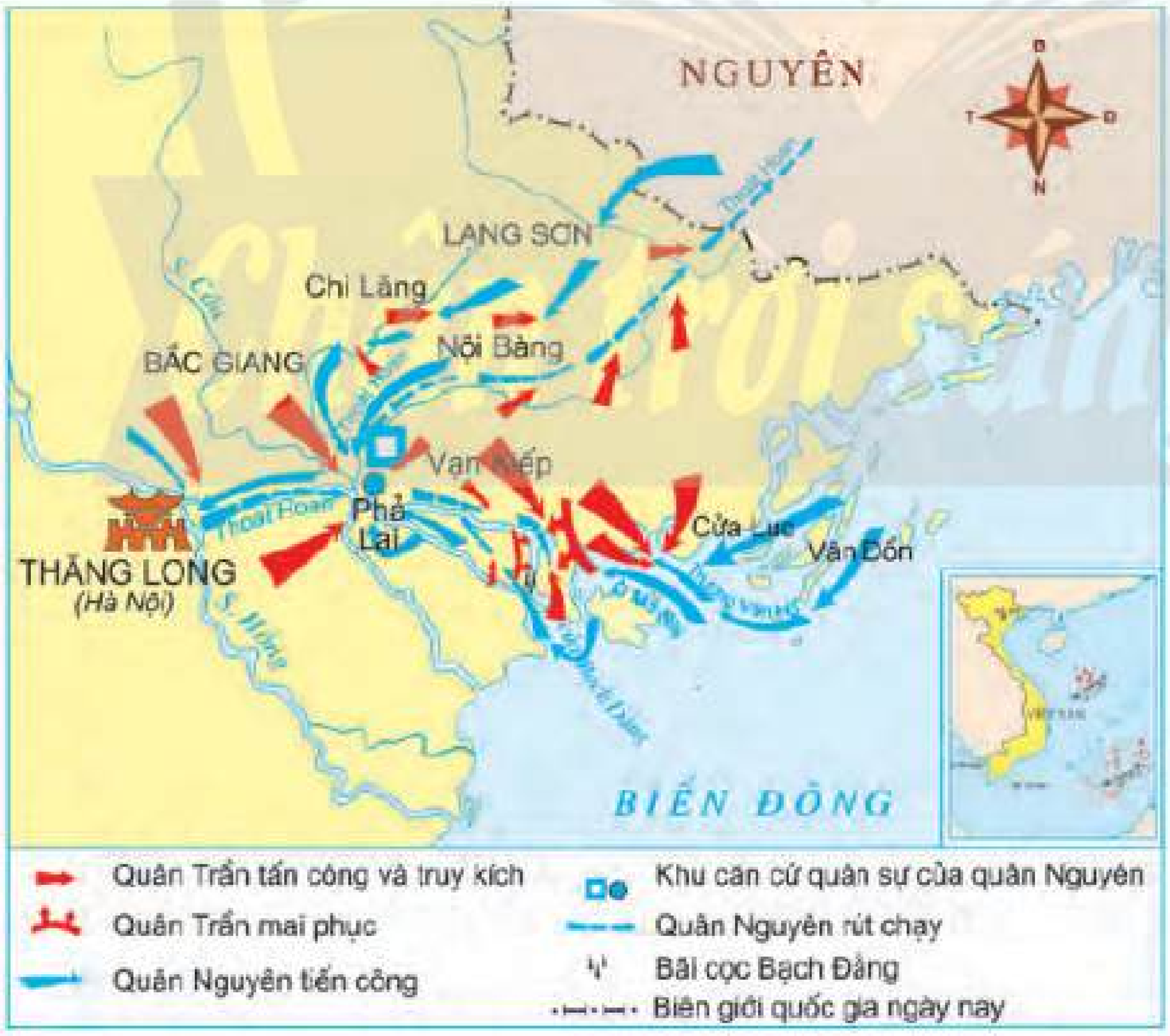
Tháng 12 – 1287, 50 vạn quân Nguyên do Thoát Hoan chỉ huy, theo đường bộ tiến vào Đại Việt, hơn 600 chiến thuyền do Ô Mã Nhi chỉ huy theo đường thuỷ tiến vào vùng biển Đông Bắc. Tiếp theo sau là đoàn thuyền lương.

Tại Vân Đồn, Trần Khánh Dư chỉ huy quân Trần phục kích và đánh tan đoàn thuyền lương của quân Nguyên.

Quân Nguyên chiếm được thành Thăng Long "vườn không nhà trống" nên ngày càng lâm vào thế khó khăn. Đường cùng, Thoát Hoan quyết định rút quân về nước.

Tháng 4 – 1288, Trần Quốc Tuấn bố trí trận địa mai phục trên sông Bạch Đằng. Toàn bộ cánh quân thuỷ của địch bị tiêu diệt. Ô Mã Nhi bị bắt sống. Cánh quân của Thoát Hoan trên đường rút chạy cũng bị truy đuổi quyết liệt. Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi.

17.7 Sơ đồ diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 – 1288



17.8 Lược đồ kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 – 1288

17.9 "Trước đó, Vương (Trần Quốc Tuấn) đã đóng cọc ở cửa sông Bạch Đằng, phủ cỏ lên trên. Hôm ấy, nhân lúc nước triều lên, Vương cho quân khiêu chiến rồi giả cách thua chạy, bọn giặc đuổi theo, quân ta cố sức đánh lại. Nước triều xuống, thuyền giặc vướng cọc hết... Hai vua đem quân tiếp đến, tung quân đánh lớn, quân Nguyên chết đuối nhiều không kể xiết, nước sông do vậy đỏ ngầu cả".

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, trang 61, 62)

4. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên



– Phân tích nguyên nhân thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên (thế kỉ XIII). Tham khảo thêm tư liệu 17.10 cho câu trả lời của em.

– Nêu ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.

– Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn có vai trò như thế nào đối với triều đại nhà Trần và lịch sử dân tộc thế kỉ XIII?

Nguyên nhân thắng lợi:

Thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên trước hết là kết quả của lòng yêu nước, của sự đoàn kết toàn dân, trên dưới một lòng cùng tham gia đánh giặc.

Nhà Trần đề ra kế sách đánh giặc đúng đắn, sáng tạo, biết phát huy truyền thống đánh giặc của cha ông "lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh", "tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu",...

Tài năng thao lược của các vua nhà Trần cùng các danh tướng như Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư, đặc biệt là Trần Quốc Tuấn đã góp phần làm nên thắng lợi này.

17.10

"Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hoà mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt... Tuỳ thời tạo thế, có được dội quân một lòng như cha con thì mới dùng được".

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, trang 79)

Nhân vật lịch sử

Trần Quốc Tuấn, vị anh hùng dân tộc, nhà văn hoá vĩ đại trong lịch sử Việt Nam. Với vai trò Quốc công tiết chế – Tổng chỉ huy quân đội, ông chủ động giải quyết những bất hoà trong nội bộ vương triều, dốc lòng báo đền "nợ nước" góp công lớn ba lần đánh bại quân Mông – Nguyên. Ông còn là tác giả của hai bộ binh thư và đặc biệt bài *Hịch tướng sĩ* nổi tiếng. Năm 1289, vua phong ông tước Hưng Đạo Đại Vương. Sau khi ông mất, nhân dân gọi ông là Đức Thánh, dựng tượng, lập đền thờ trên khắp mọi miền đất nước.



Tượng Đức Thánh Trần Hưng Đạo
(Bến Bạch Đằng,
Thành phố Hồ Chí Minh)

Chân trời sáng tạo

Ý nghĩa lịch sử:

Thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên của quân dân Đại Việt đã đập tan tham vọng, ý chí xâm lược của quân Mông – Nguyên, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, mở ra nền thái bình hơn một thế kỉ cho Đại Việt. Chiến thắng này góp phần quyết định chặn đứng làn sóng xâm lược của quân Mông – Nguyên đối với Nhật Bản và các nước Đông Nam Á.

Thắng lợi này đã khẳng định tinh thần quật cường, khí phách của một dân tộc không chịu khuất phục trước bất kì kẻ thù nào và để lại nhiều bài học lịch sử quý giá về xây dựng khối đoàn kết quân dân trong công cuộc đấu tranh và bảo vệ Tổ quốc.



17.11 Hào khí Đông A – Bạch Đằng 1288
(tranh sơn mài, Nguyễn Trường Linh)

17.12

Chương Dương cướp giáo giặc,
Hàm Tử bắt quân thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy ngàn thu.

(Lê Bảo (tuyển chọn và biên soạn), *Thơ văn Lý – Trần*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999, trang 35)



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. *Từ thông tin trong bài, em hãy điền các trận đánh tiêu biểu vào các ô trống tương ứng với từng cuộc kháng chiến.*
2. *Từ kiến thức đã học, em hãy đánh giá vai trò của Trần Thủ Độ và Trần Quốc Tuấn trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược Mông – Nguyên.*



Vận dụng

3. *Theo em, nhân tố quyết định tạo nên chiến thắng trong các cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên là gì? Nhân tố đó được kế thừa và phát huy như thế nào trong thời bình?*

Bài 18 NHÀ HỒ VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MINH (1400 – 1407)

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được sự ra đời của nhà Hồ.
- Giới thiệu được một số nội dung chủ yếu trong cải cách của Hồ Quý Ly và nêu được tác động của những cải cách ấy đối với xã hội thời nhà Hồ.
- Mô tả được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh.
- Giải thích được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh.

Khi các em cầm trên tay những tờ tiền giấy, vốn rất quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày, chắc các em không biết rằng tiền giấy ở Việt Nam đã từng xuất hiện từ hơn 600 năm trước, gắn liền với giai đoạn lịch sử ngắn ngủi thời nhà Hồ. Vậy, nhà Hồ ra đời trong hoàn cảnh nào? Trong 7 năm tồn tại, nhà Hồ đã thực hiện những cải cách gì? Vì sao kháng chiến chống Minh của nhà Hồ bị thất bại? Bài học này sẽ giải đáp cho các em những câu hỏi đó.

1. Nhà Hồ thành lập



Nhà Hồ được thành lập như thế nào?

Cuối thế kỉ XIV, nhà Trần bước vào thời kì khủng hoảng, suy yếu, không chăm lo phát triển kinh tế, nạn mất mùa xảy ra liên tiếp. Các cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp cả nước.

Trước tình hình đó, năm 1400, Hồ Quý Ly phế truất vua Trần (Trần Thiếu Đế) và lên làm vua, lập ra nhà Hồ, đổi tên nước là Đại Ngu (có nghĩa là niềm vui lớn).

Nhân vật lịch sử

Hồ Quý Ly sinh năm 1336, chưa rõ năm mất, là một người có tài và nhiều tham vọng. Hồ Quý Ly lấy em gái vua Trần Nghệ Tông. Con gái ông là hoàng hậu của vua Trần Thuận Tông (1377 – 1399). Nhờ những mối quan hệ đó, ông rất được vua Trần trọng dụng. Năm 1394, ông đã nắm giữ chức vụ cao nhất trong triều đình là Nhập nội phụ chính Thái sư Bình chương quân quốc trọng sự (tương đương với chức Tể tướng).

2. Cải cách của Hồ Quý Ly

a. Nội dung cải cách



Nêu những nội dung chính trong cải cách của Hồ Quý Ly.

Hồ Quý Ly đã thực hiện nhiều chính sách và biện pháp cải cách trên mọi lĩnh vực.

Chính trị – Hành chính

- Đổi tên một số đơn vị hành chính cấp trấn. Đặt chức An phủ sứ ở các lộ để quản mọi việc trong phủ, châu, huyện.
- Thông qua thi cử, tuyển chọn người đỗ đạt, bổ nhiệm làm quan.
- Dời đô về thành An Tôn (thành Tây Đô, Thanh Hoá).

Kinh tế – Xã hội

- Ban hành tiền giấy (Thông bảo hội sao). Lần đầu tiên tiền giấy được sử dụng ở Việt Nam.
- Ban hành chính sách hạn nô và hạn điền (quy định số lượng ruộng đất và nô tì của quan lại, quý tộc).
- Ban hành chính sách thuế mới.

Quân sự – Quốc phòng

- Chỉnh đốn lại quân đội, xây dựng tuyến phòng thủ, xây thành Đa Bang, thành An Tôn,...
- Chú trọng chế tạo nhiều vũ khí mới: súng thần cơ (loại đại bác đầu tiên ở nước ta), cổ lâu thuyền (loại thuyền chiến lớn có hai tầng),...

Văn hoá – Giáo dục

- Chấn chỉnh lại Phật giáo (buộc các nhà sư dưới 50 tuổi phải hoàn tục); sửa đổi chế độ thi cử, học tập.
- Lần đầu tiên dùng chữ Nôm để chấn hưng văn hoá dân tộc. Dịch sách chữ Hán sang chữ Nôm, khuyến khích sáng tác thơ bằng chữ Nôm.

18.1 Sơ đồ nội dung cải cách của Hồ Quý Ly



18.2 Cổng Nam thành Tây Đô (còn gọi là thành nhà Hồ, Thanh Hoá)

b. Tác động của cải cách đến đời sống xã hội thời Hồ



Những cải cách của Hồ Quý Ly đã tác động thế nào đến xã hội đương thời? Tham khảo thêm tư liệu 18.4 cho câu trả lời của em.

Công cuộc cải cách của Hồ Quý Ly khá toàn diện và có tác động tích cực nhằm cố gắng giải quyết những khủng hoảng xã hội cuối thời Trần. Các biện pháp của ông đã loại bỏ bớt những quý tộc bất tài, bổ sung đội ngũ Nho sĩ mới, có thực tài vào bộ máy nhà nước; hạn chế được nạn tập trung ruộng đất và tăng cường sức mạnh quân sự của đất nước. Đặc biệt lĩnh vực văn hoá – giáo dục có nhiều điểm tiến bộ, mang tính dân tộc rõ nét.

Tuy nhiên, cải cách của Hồ Quý Ly còn bộc lộ nhiều hạn chế, có cải cách chưa triệt để như chính sách hạn nô,...



18.3 Đạn đá phát hiện trong khu vực thành nhà Hồ dùng cho súng thần công (Trung tâm Bảo tồn di sản thành nhà Hồ, Thanh Hoá)

18.4 Nói về việc phát hành tiền giấy, Phan Huy Chú nhận xét: "... người có tiền giấy cất giữ cũng dễ rách nát, mà kẻ làm giả mạo sinh ra khôn cùng, thực không phải là cách bình ổn vật giá mà lưu thông của cải vậy. Quý Ly không xét kĩ đến cái gốc lợi hại, chỉ ham chuộng hư danh sáng chế... khiến dân nghe thấy đã sợ, thêm mối xôn xao, thế có phải chế độ bình trị đâu".

(Viện Sử học, Phan Huy Chú *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, trang 112)

3. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh (1406 – 1407)

a. Cuộc xâm lược của quân Minh và thất bại của nhà Hồ



Mô tả những nét chính về cuộc kháng chiến của nhà Hồ chống quân xâm lược Minh.

Cuối thế kỉ XIV, nhận thấy nước ta đang rơi vào khủng hoảng, nhà Minh chuẩn bị lực lượng xâm chiếm. Tháng 11 – 1406, lấy cớ "phù Trần, diệt Hồ", hơn 20 vạn quân Minh do Trương Phụ, Mộc Thạnh chỉ huy tiến vào nước ta.

Sau những thất bại ở biên giới, quân nhà Hồ lui về thành Đa Bang (Ba Vì, Hà Nội) cố thủ. Tháng 1 – 1407, nhiều trận chiến ác liệt giữa hai bên diễn ra trước thành Đa Bang. Cuối cùng, thành Đa Bang thất thủ, Đông Đô sau đó cũng nhanh chóng bị chiếm. Quân nhà Hồ rút về cố thủ ở Tây Đô. Tháng 6 – 1407, Hồ Quý Ly và các con bị bắt. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh của nhà Hồ hoàn toàn thất bại.

Cánh Diều Sáng tạo

b. Nguyên nhân thất bại



– Vì sao cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược của nhà Hồ bị thất bại nhanh chóng?

– Em có suy nghĩ gì về câu nói của Hồ Nguyên Trừng: "Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo"?

Cuộc kháng chiến thất bại là do những chính sách của nhà Hồ không được nhân dân ủng hộ. Nhà Hồ không đề ra được đường lối kháng chiến đúng đắn, quá chú trọng xây dựng phòng tuyến quân sự và lực lượng quân đội chính quy.

18.5 Hán Thương (vị vua cuối cùng của nhà Hồ)... cùng với các quan ở kinh họp bàn nên đánh hay nên hoà (giặc Minh). Có người khuyên nên đánh, chớ để làm mối lo ngày sau. Trấn thủ Bắc Giang Nguyễn Quân cho là nên tạm hoà, chiều theo những điều chúng muốn để hoãn binh thì hơn. Tả tướng quốc Trừng (Hồ Nguyên Trừng) nói:

"Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo".

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Sđd, trang 305)



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. *Hoàn thành sơ đồ tư duy về những chính sách cải cách của Hồ Quý Ly.*



2. *Lập niên biểu những sự kiện tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ.*

Vận dụng

3. *Năm 2011, tổ chức UNESCO đã công nhận một công trình kiến trúc thời nhà Hồ là Di sản văn hoá thế giới. Theo em, đó là công trình nào? Trong vai một hướng dẫn viên du lịch, em hãy viết một bài giới thiệu về công trình đó.*

Bài 19 KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418 – 1427)

Học xong bài này, em sẽ:

– Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

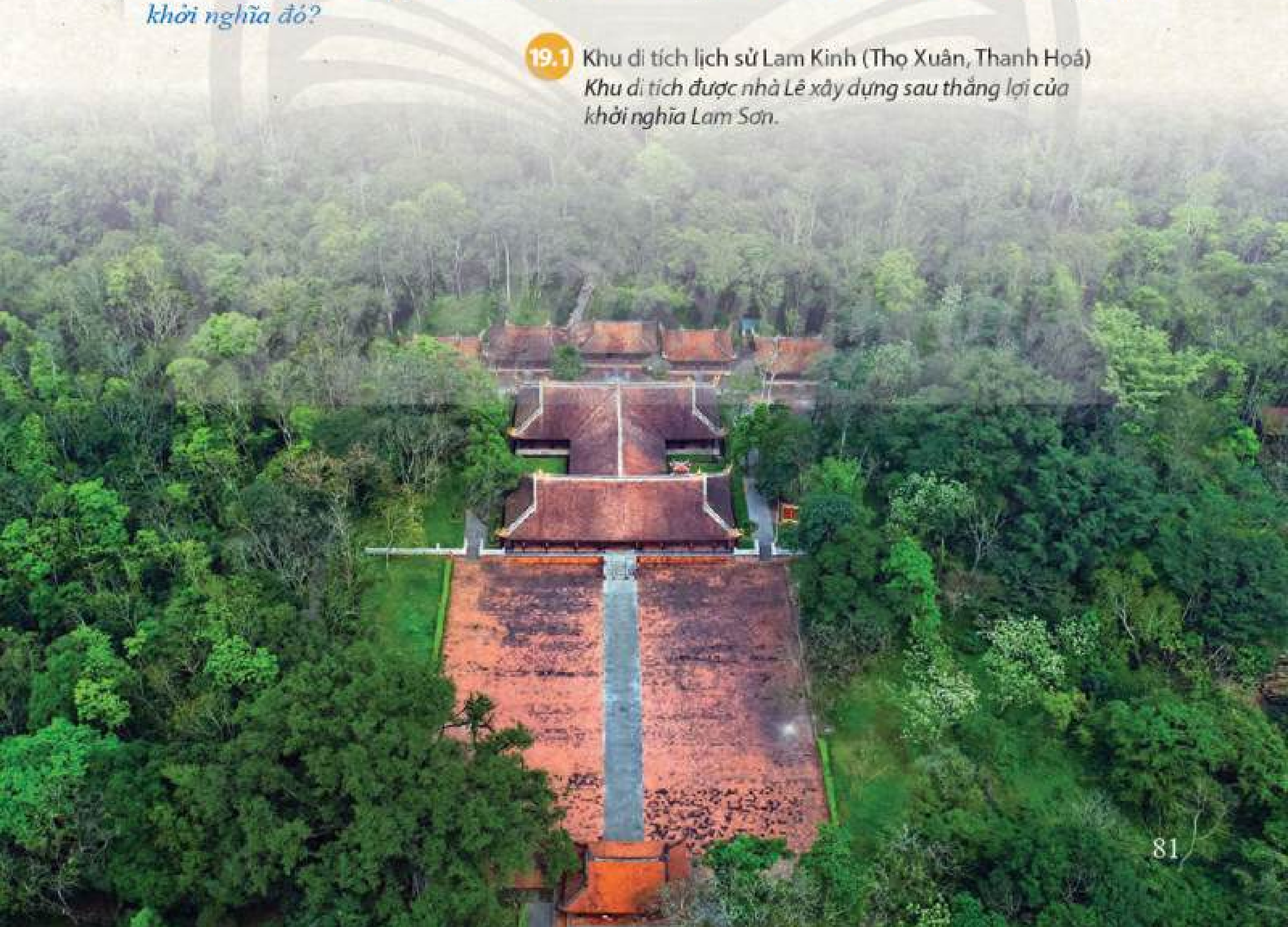
– Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

– Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

– Đánh giá được vai trò của một số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...

Ta đây:
Núi Lam Sơn dấy nghĩa
Chốn hoang dã nương mình
Ngẫm thù lớn há đội trời chung
Căm giặc nước thề không cùng sống

Những áng văn bất hủ trong "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi đưa chúng ta về vùng rừng núi Lam Sơn hiểm trở, phía tây tỉnh Thanh Hoá ngày nay, bắt đầu cuộc hành trình tìm hiểu cuộc khởi nghĩa Lam Sơn hào hùng của dân tộc vào thế kỉ XV. Vậy, cuộc khởi nghĩa đó có những sự kiện tiêu biểu nào? Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của khởi nghĩa là gì? Những người anh hùng đã có vai trò như thế nào trong cuộc khởi nghĩa đó?



19.1 Khu di tích lịch sử Lam Kinh (Thọ Xuân, Thanh Hoá)
Khu di tích được nhà Lê xây dựng sau thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn.

1. Một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

a. Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa



Vì sao anh hùng hào kiệt khắp nơi tụ về Lam Sơn? Mục đích của họ là gì? Đọc thêm tư liệu 19.2 cho câu trả lời của em.

Sau khi chiếm được nước ta, nhà Minh nhanh chóng thiết lập bộ máy đô hộ, thẳng tay đàn áp những cuộc khởi nghĩa của nhân dân.

Lê Lợi, hào trưởng vùng Lam Sơn (Thanh Hoá) đã tích cực tích trữ lương thực, vũ khí, chờ đợi thời cơ khởi nghĩa và bí mật tập hợp những người cùng chí hướng. Đông đảo anh hùng hào kiệt đã tụ nghĩa về Lam Sơn, trong đó có Nguyễn Trãi.

Đầu năm 1418, Lê Lợi tự xưng là Bình Định Vương, truyền hịch, kêu gọi nhân dân khởi nghĩa.

19.2

Lời thề ở Lũng Nhai năm 1416

"Năm 1416, tại Lũng Nhai, một địa điểm gần Lam Sơn, Lê Lợi cùng 18 người bạn chiến đấu thân cận nhất làm lễ thề kết nghĩa anh em, nguyện một lòng đánh giặc cứu nước… chung sức đồng lòng, giữ gìn đất nước để trong cõi được sống yên lành, nguyện sống chết có nhau, không quên lời thề sắt son".

(Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000, trang 283)

b. Những năm đầu của cuộc khởi nghĩa (1418 – 1423)



Trình bày những khó khăn của nghĩa quân Lam Sơn trong những năm đầu của cuộc khởi nghĩa.

Trong buổi đầu khởi nghĩa, lực lượng còn yếu, nghĩa quân gặp rất nhiều khó khăn, chịu những tổn thất lớn. Ba lần Lê Lợi phải cho rút quân lên vùng núi Chí Linh (huyện Lang Chánh, Thanh Hoá). Có lúc, lực lượng nghĩa quân chỉ còn 100 người, thiếu lương thực trầm trọng. Lê Lợi phải giết cả voi, ngựa để nuôi quân.

Trước tình thế khó khăn, Lê Lợi chủ trương tạm hoà với quân Minh. Nguyễn Trãi đã thương lượng thành công. Mùa hè năm 1423, nghĩa quân trở về căn cứ Lam Sơn, từng bước khôi phục và phát triển lực lượng.



Em có biết?

Giữa năm 1418, quân Minh vây ráp liên tiếp, tình thế nguy khốn. Một trong 18 hào kiệt Lũng Nhai là Lê Lai đã đóng giả làm Lê Lợi để nhử địch, cứu chủ tướng khỏi bị truy sát, giải vây cho cuộc khởi nghĩa. Lê Lai hi sinh. Quân Minh lầm tưởng đã giết được Lê Lợi nên rút quân.

c. Mở rộng địa bàn hoạt động và giành những thắng lợi đầu tiên (1424 – 1425)



Khai thác tư liệu 19.3 và cho biết tại sao Nguyễn Chích đề xuất kế hoạch chuyển địa bàn hoạt động chính của nghĩa quân vào Nghệ An. Kế hoạch đó đem lại kết quả như thế nào?

Năm 1424, theo kế hoạch mà Nguyễn Chích đề xuất, Lê Lợi chuyển địa bàn hoạt động, đưa quân tiến về phía nam, đánh chiếm Nghệ An. Chỉ trong vòng 10 tháng, nghĩa quân đã giải phóng một vùng rộng lớn từ Thanh Hoá vào đến đèo Hải Vân.

19.3

Trong một buổi họp bàn với các tướng, Nguyễn Chích nói: "Nghệ An là nơi hiểm yếu, đất rộng, người đông,... Nay hãy trước hết thu lấy thành Trà Lân, chiếm giữ cho được Nghệ An để làm đất dứng chân, rồi dựa vào sức người và của cải đất ấy mà quay ra đánh Đông Đô thì có thể tính xong việc dẹp yên thiên hạ".

(Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Sdd, trang 755)

d. Khởi nghĩa toàn thắng (1426 – 1427)

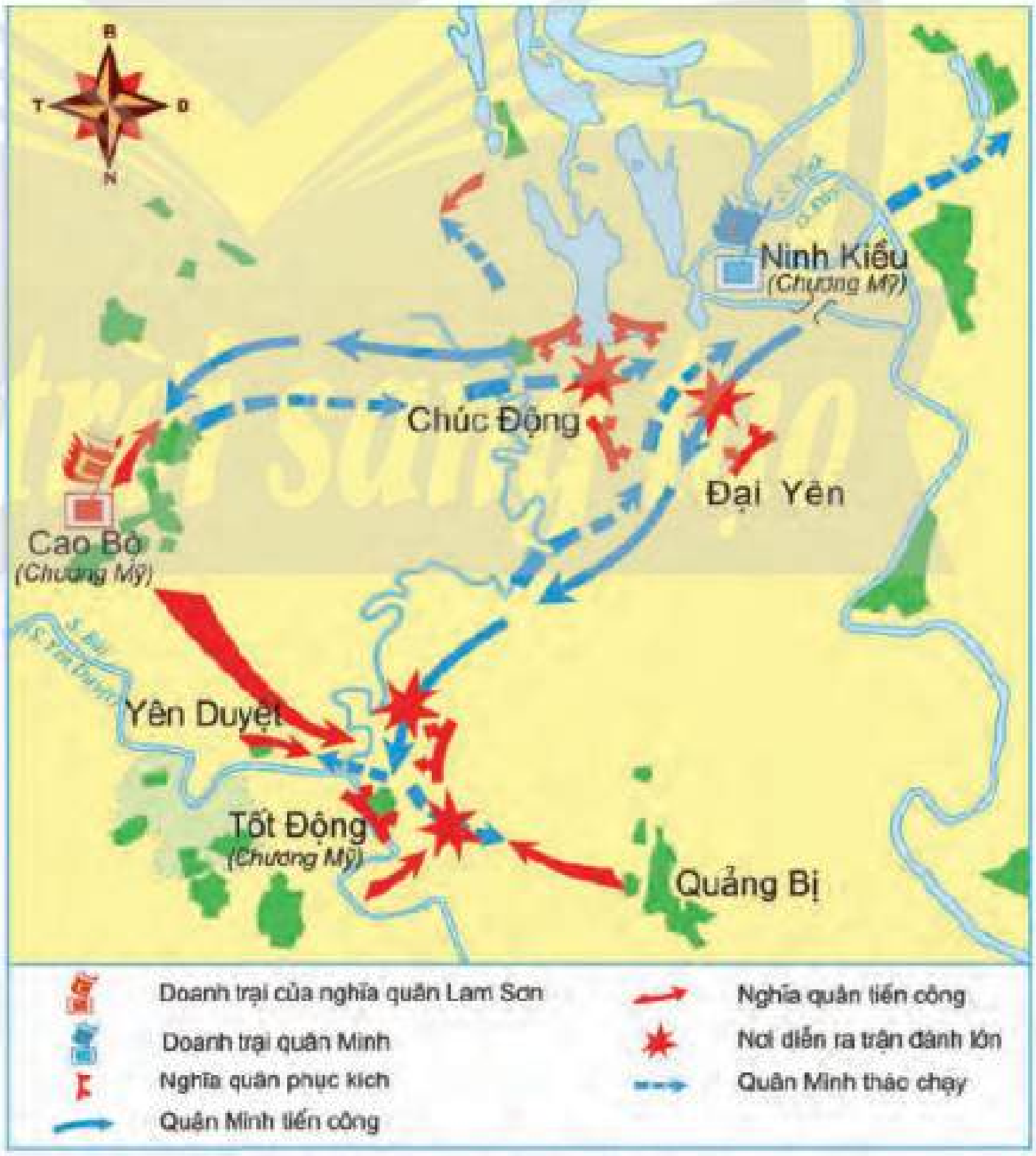


Dựa vào lược đồ 19.4, 19.5 và thông tin trong bài, em hãy trình bày tóm tắt diễn biến trận Tốt Động – Chúc Động và trận Chi Lăng – Xương Giang.

Tháng 9 – 1426, nghĩa quân tiến ra Bắc, liên tiếp đánh thắng nhiều trận. Quân Minh buộc phải rút vào thành Đông Quan (Hà Nội) cố thủ và chờ viện binh. Cuộc khởi nghĩa chuyển sang giai đoạn phản công.

Chiến thắng Tốt Động – Chúc Động

Tháng 11 – 1426, Vương Thông chỉ huy viện binh kéo đến Đông Quan, mở cuộc tấn công đánh vào Cao Bộ (Chương Mỹ, Hà Nội), nơi quân chủ lực Lam Sơn đóng giữ. Nghĩa quân bố trí mai phục ở Tốt Động và Chúc Động. Quân Minh rơi vào trận địa, bị phục kích, tổn thất nặng nề. Nghĩa quân thừa thắng vây hãm Đông Quan và giải phóng nhiều châu, huyện.

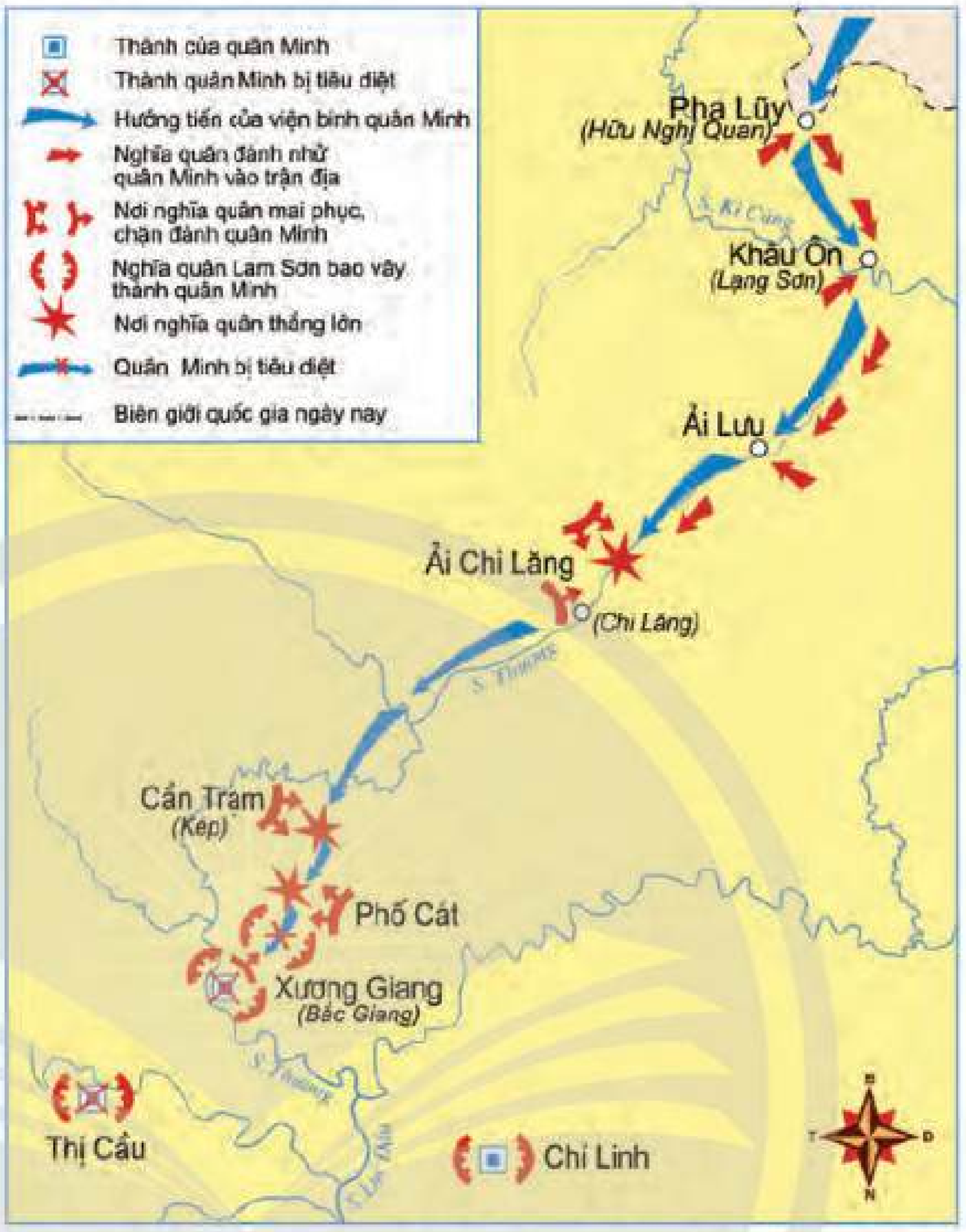


19.4 Lược đồ trận Tốt Động – Chúc Động

Chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang

Tháng 10 – 1427, vua Minh lệnh cho Liễu Thăng và Mộc Thạnh dẫn 15 vạn quân chia thành 2 ngả, tiến vào nước ta cứu viện cho Vương Thông.

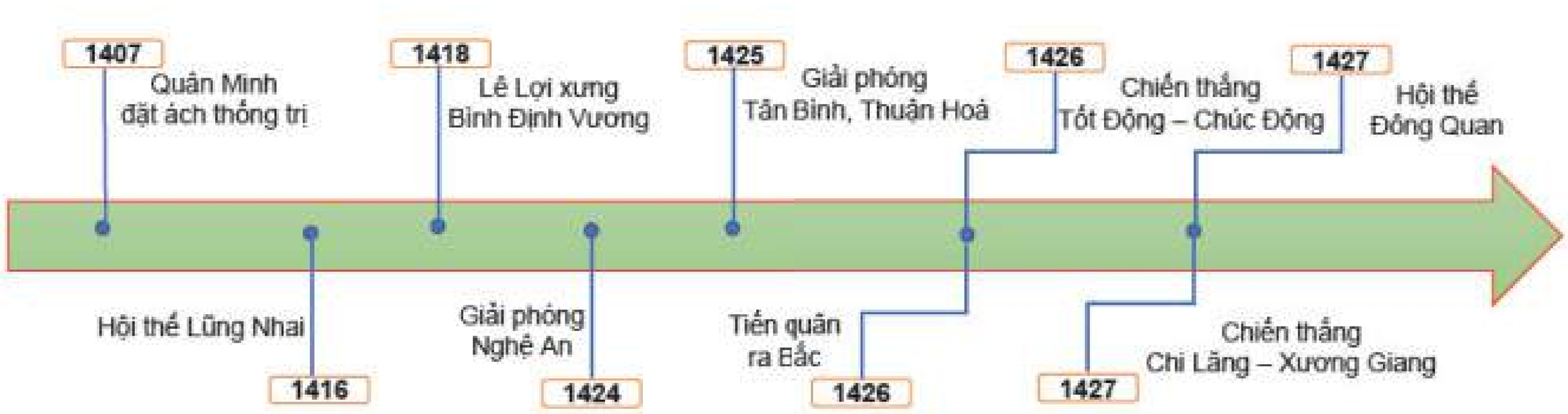
Tại Chi Lăng, quân Minh rơi vào trận địa phục kích của nghĩa quân, Liễu Thăng bị chém đầu. Số quân còn lại rút chạy về Xương Giang, cũng bị truy đuổi và tiêu diệt. Nghe tin Liễu Thăng tử trận, Mộc Thạnh vội vã cho quân rút về nước.



19.5 Lược đồ trận Chi Lăng – Xương Giang

Hội thề Đông Quan

Nghĩa quân siết chặt vòng vây thành Đông Quan, Nguyễn Trãi viết thư dụ Vương Thông ra hàng, mở đường sống cho quân Minh. Ngày 10 tháng 12 năm 1427, tại phía nam thành Đông Quan đã diễn ra hội thề chấm dứt chiến tranh. Lê Lợi cấp thuyền, xe và lương thảo cho quân Minh rút về nước.



19.6 Sơ đồ tóm tắt những sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

Chân trời sáng tạo

2. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử



– Giải thích nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

– Hãy trình bày ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn do tinh thần yêu nước, đoàn kết của cả dân tộc. Nhân dân cùng tướng sĩ đoàn kết một lòng, hăng hái tham gia, ủng hộ khởi nghĩa. Thắng lợi này còn gắn liền với đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn của những người lãnh đạo khởi nghĩa. Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã biết dựa vào dân, đưa cuộc khởi nghĩa phát triển thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ giải phóng đất nước.

Khởi nghĩa thắng lợi đã lật đổ được ách thống trị tàn bạo của nhà Minh mở ra thời kì phát triển mới của quốc gia Đại Việt – thời Lê sơ.



Em có biết?

Nguyễn Trãi đã cùng với Lê Lợi lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Ông đề cao nghệ thuật "tâm công" (đánh vào lòng người) trong cuộc đối đầu với kẻ thù mạnh hơn gấp bội. Ông đã viết hàng chục lá thư dụ hàng quân Minh, nhờ đó giành được nhiều thành trì mà không tốn xương máu của nghĩa quân. Khi khởi nghĩa thắng lợi, thay mặt Lê Lợi, ông đã viết Bình Ngô đại cáo khẳng định về nền độc lập, chủ quyền của quốc gia Đại Việt.



Chân dung Nguyễn Trãi



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Em hãy xác định thời gian, ý nghĩa của những sự kiện tiêu biểu trong khởi nghĩa Lam Sơn theo mẫu dưới đây:

Sự kiện	Thời gian	Ý nghĩa
Hội thề Lũng Nhai	*?*	*?*
Giải phóng Nghệ An	*?*	*?*
Chiến thắng Tốt Động – Chúc Động	*?*	*?*
Chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang	*?*	*?*
Hội thề Đông Quan	*?*	*?*

Vận dụng

2. Kể tên các vị anh hùng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Sưu tầm tư liệu và viết một đoạn văn ngắn kể về người anh hùng mà em có ấn tượng nhất.

Bài 20 ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1428 – 1527)

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được sự thành lập nhà Lê sơ.
- Nhận biết được tình hình kinh tế – xã hội thời Lê sơ.
- Giới thiệu được sự phát triển văn hoá, giáo dục và một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ.

Đôi rồng đá trước thềm điện Kính Thiên trong Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội), một tuyệt tác của nghệ thuật điêu khắc gắn với vương triều Lê sơ còn lại khá nguyên vẹn đến ngày nay. Hãy chia sẻ hiểu biết của em về vương triều này: Triều Lê sơ đã được thành lập như thế nào? Tình hình kinh tế, xã hội, sự phát triển của văn hoá, giáo dục ra sao? Những danh nhân văn hoá tiêu biểu của vương triều này là ai?

1. Nhà Lê sơ thành lập



– Em hãy mô tả những nét chính về sự thành lập nhà Lê sơ.

– Đọc tư liệu 20.3 và cho biết chủ trương bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia của triều Lê sơ thể hiện như thế nào qua lời căn dặn của vua Lê Thánh Tông.

Tháng 4 năm 1428, sau thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, khôi phục quốc hiệu Đại Việt, lập ra nhà Lê sơ, đóng đô ở Đông Kinh (tức thành Thăng Long).

20.1 Bậc thềm điện Kính Thiên (Hoàng thành Thăng Long, Hà Nội)

Điện Kính Thiên được xây dựng năm 1428, là cung điện trung tâm của hoàng thành thời Lê sơ.



Chính quyền phong kiến được hoàn thiện dần từ trung ương tới địa phương, đến thời Lê Thánh Tông thì hoàn chỉnh nhất. Hoàng đế trực tiếp nắm mọi quyền hành, kể cả chức Tổng chỉ huy quân đội.

Cả nước có 13 đạo/ thừa tuyên và một phủ Trung Đô (Thăng Long). Quan đứng đầu địa phương là An phủ sứ được thay bằng ba ti phụ trách ba lĩnh vực hoạt động là: quân sự; luật pháp; hành chính, hộ tịch, thuế khoá.

Dưới đạo là phủ rồi đến huyện hoặc châu. Cấp đơn vị hành chính nhỏ nhất là xã.



20.2 Lược đồ nước Đại Việt thời Lê sơ

Để củng cố chế độ tập quyền, vua Lê Thánh Tông cho biên soạn và ban hành *Quốc triều hình luật* (còn gọi là bộ luật *Hồng Đức*). Ngoài những điều luật nhằm bảo vệ nhà vua và chế độ phong kiến, luật *Hồng Đức* còn chú trọng bảo vệ chủ quyền quốc gia, khuyến khích sản xuất, bảo vệ một số quyền lợi phụ nữ,...

Triều Lê sơ chú trọng xây dựng quân đội mạnh, tiếp tục duy trì chính sách "ngụ binh ư nông". Nhờ có lực lượng quân đội mạnh, cùng với ý chí cương quyết bảo vệ biên giới lãnh thổ, an ninh biên giới và chủ quyền quốc gia luôn được giữ vững.

20.3

Vua Lê Thánh Tông từng căn dặn Thái bảo Lê Cảnh Huy: "Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ? Ngươi phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ [nhà Minh] lấn dần. Nếu họ không nghe, còn có thể sai sứ sang phương Bắc trình bày rõ điều ngay lẽ gian. Nếu ngươi dám dem một thước, một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di".

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, Sdd, trang 462)

2. Tình hình kinh tế – xã hội



– Em hãy trình bày những nét chính về tình hình kinh tế thời Lê sơ. Em có ấn tượng với thành tựu kinh tế nào nhất? Lí giải sự lựa chọn của em.

– Xã hội thời Lê sơ có những tầng lớp căn bản nào? Tầng lớp nào là lực lượng sản xuất chính?

– Đọc tư liệu 20.5, theo em những biện pháp được nêu trong bộ Quốc triều hình luật có giúp ổn định trật tự xã hội thời Lê sơ không?

a. Kinh tế thời Lê sơ

Để nhanh chóng khôi phục và phát triển nông nghiệp, nhà Lê sơ đã ban hành nhiều chính sách tiến bộ như chính sách quân điền, chia ruộng đất công cho các thành viên trong làng xã (kể cả phụ nữ goá, trẻ mồ côi), cấm giết trâu, bò bừa bãi, cấm điều động dân phu trong mùa cấy gặt. Một số chức quan lo về nông nghiệp được đặt ra như Khuyến nông sứ, Hà đê sứ, Đồn điền sứ,... Nhờ vậy, nông nghiệp nhanh chóng được phục hồi và phát triển, đời sống nhân dân trở lại ổn định.

Đông Kinh (Thăng Long) trở thành một trung tâm kinh tế sầm uất với 36 phố phường, vừa sản xuất, vừa buôn bán. Các làng nghề thủ công cũng phát triển theo hướng chuyên nghiệp, tiêu biểu như gốm Chu Đậu (Hải Dương), làng làm đồ sắt Vân Chàng (Nam Định), đồ đồng Đại Bái (Bắc Ninh),... Triều đình còn lập ra Cục bách tác – chuyên việc đúc tiền, đúc vũ khí, đóng thuyền, may mũ áo cho vua quan,...



Em có biết?

Gốm Chu Đậu (Nam Sách, Hải Dương) phát triển rực rỡ dưới triều Lê sơ. Ngày nay, sản phẩm gốm Chu Đậu vẫn là một mặt hàng có giá trị cao vì thấm đẫm chất văn hoá Việt:

"Có gốm Chu Đậu trong nhà
Như là có cả ông bà tổ tiên".

Gốm Chu Đậu hiện được trưng bày tại 46 bảo tàng danh tiếng của 32 quốc gia trên thế giới.

Sự phát triển của nông nghiệp và thủ công nghiệp đã góp phần thúc đẩy kinh tế hàng hoá thời Lê sơ phát triển.



Em có biết?

Nhà Lê cho đắp nhiều con đê ngăn nước mặn, có kè đá chắc chắn. Những đoạn đê đó vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay, nhân dân thường gọi là "đê Hồng Đức".



20.4 Gốm sứ Chu Đậu (thế kỉ XV, Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh)

Chân trời sáng tạo

Giao thương với nước ngoài tấp nập, nhưng thuyền bè các nước láng giềng qua lại buôn bán ở cửa khẩu được kiểm soát chặt chẽ. Các sản phẩm sành, sứ, vải, lụa, lâm sản quý là những mặt hàng được thương nhân nước ngoài ưa chuộng.

20.5 "Những người coi chợ trong kinh thành sách nhiễu tiền lều chợ thì xử tội đánh 50 roi,... lấy thuế chợ quá nặng mất chức coi chợ, bồi thường tiền gấp đôi trả cho dân; Nếu lấy thuế chợ không đúng luật thì xử tội đánh 80 trượng và dẫn đi rêu rao trong chợ 3 ngày. Người thu thuế chợ trong các lộ, các huyện, các làng quá nặng bị xử tội thêm một bậc".

(*Quốc triều hình luật*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, Điều 186, trang 87 – 88)

b. Xã hội thời Lê sơ

Xã hội Đại Việt thời Lê sơ phân hoá thành nhiều tầng lớp khác nhau. Sự phân biệt giữa quý tộc và thường dân trở nên sâu sắc, được quy định bởi luật pháp.

Tầng lớp quý tộc (vua, quan lại) và địa chủ có nhiều đặc quyền đặc lợi. Nông dân chiếm tuyệt đại đa số dân cư. Họ cày ruộng đất công, nộp thuế cho nhà nước, thực hiện lao dịch, binh dịch hoặc phải cày cấy ruộng thuê của địa chủ, quan lại và nộp tô cho chủ ruộng.

Tầng lớp thương nhân, thợ thủ công ngày càng đông hơn nhưng không được xã hội phong kiến coi trọng. Tầng lớp nô tì giảm dần do nhà Lê hạn chế nghiêm ngặt việc mua bán nô tì.

3. Tình hình văn hoá, giáo dục



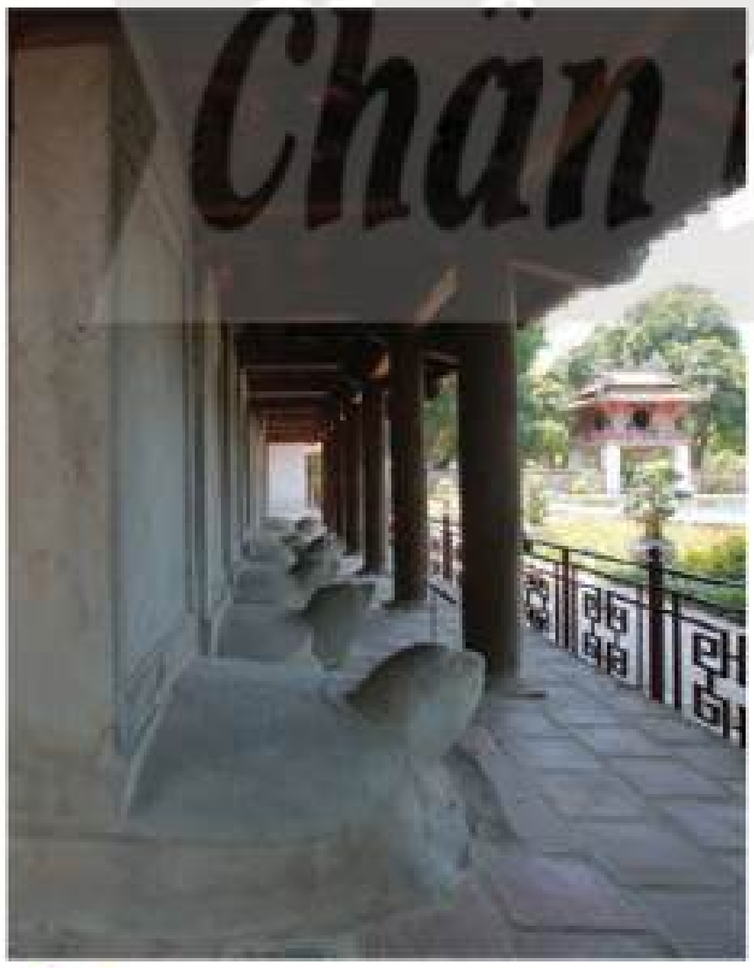
– Kể tên những thành tựu tiêu biểu về văn học, khoa học và nghệ thuật thời Lê sơ.

– Giáo dục thời Lê sơ có bước phát triển như thế nào so với thời Trần?

– Quan sát tư liệu 20.6 kết hợp đọc thông tin trong bài, em hãy cho biết nhà Lê dựng bia Tiến sĩ trong Văn Miếu nhằm mục đích gì.

Thời Lê sơ, Nho giáo chiếm vị trí độc tôn; Phật giáo, Đạo giáo bị hạn chế.

Giáo dục, đào tạo quan lại với nội dung thi cử là các sách của đạo Nho được đề cao. Ngay sau khi lên ngôi, vua Lê Thái Tổ đã cho dựng lại Quốc Tử Giám ở kinh thành. Ở các đạo, phủ đều có trường học. Các khoa thi được mở thường xuyên để tuyển chọn quan lại. Những người đỗ đạt được khắc tên vào văn bia ở Văn Miếu (gọi là bia Tiến sĩ) để "làm gương sáng cho muôn đời".



20.6 Bia Tiến sĩ (Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội)



Em có biết?

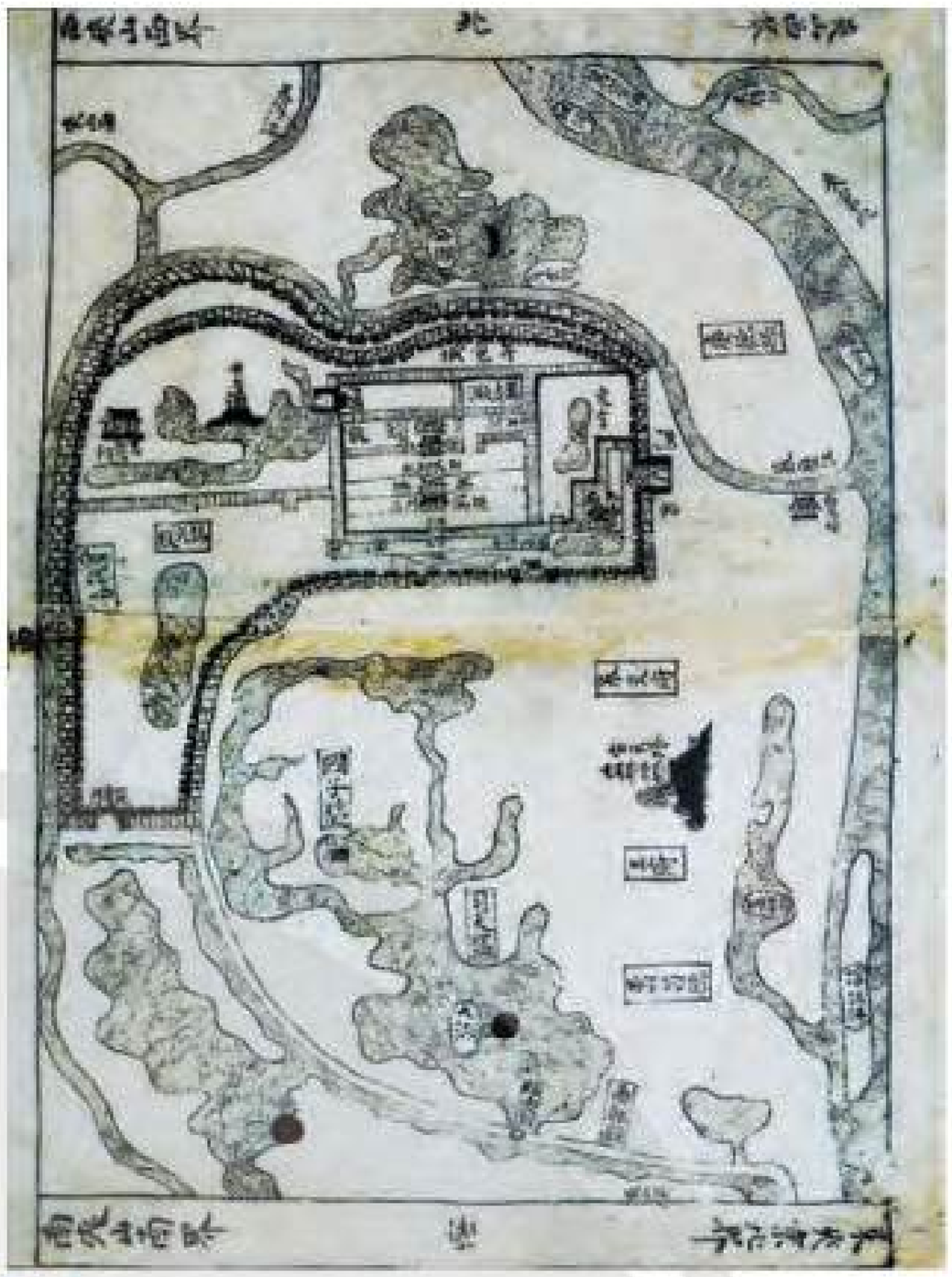
Hiền tài là nguyên khí quốc gia

Năm 1484, Tiến sĩ Thân Nhân Trung đã soạn bài văn bia: "Đề danh Tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442)", trong đó có đoạn viết: "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp".

(Theo bản dịch *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978, trang 63 – 64)

Văn học thời Lê sơ cũng có nhiều thành tựu nổi bật. Chiếm ưu thế là văn học chữ Hán với các tác phẩm *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi), *Quỳnh uyển cửu ca* (Lê Thánh Tông),... Bên cạnh đó là các tác phẩm văn học chữ Nôm, tiêu biểu như *Quốc âm thi tập* (Nguyễn Trãi), *Hồng Đức quốc âm thi tập* (Lê Thánh Tông),...

Về sử học, có Ngô Sĩ Liên với *Đại Việt sử ký toàn thư*. Về địa lí, có bộ *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, đặc biệt là tập *Hồng Đức bản đồ* được vua Lê Thánh Tông lệnh cho các thừa tuyên vẽ, hoàn thành vào năm 1490. Về y học, có *Bản thảo thực vật toát yếu* của Phan Phu Tiên. Về toán học, có *Đại thành toán pháp* của Lương Thế Vinh, *Lập thành toán pháp* của Vũ Hữu.



20.7 Bản đồ Đông Kinh (Thăng Long) trong tập *Hồng Đức bản đồ*

Từ thời vua Lê Thái Tông, nhã nhạc cung đình chính thức ra đời, bước đầu quy định về nhạc khí và các bài biểu diễn đơn giản. Các loại hình nghệ thuật như chèo, tuồng rất phát triển và giữ một vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của dân chúng.



20.8 Đấu rồng thời Lê sơ bằng đá xanh (điện Kính Thiên, Hà Nội)



20.9 Tượng voi chầu bằng đá (Lam Kinh, Thanh Hoá)

Nghệ thuật kiến trúc thời Lê sơ tập trung chủ yếu trong các công trình lăng tẩm, cung điện. Điện Lam Kinh (Thanh Hoá), điện Kính Thiên (Hà Nội) là những công trình kiến trúc đặc sắc thời kì này. Nghệ thuật điêu khắc sử dụng chất liệu đá, trau chuốt, tỉ mỉ, khối hình hoà quyện trong không gian là một phong cách điển hình của thời Lê sơ.

Chân trời sáng tạo

4. Một số danh nhân văn hoá tiêu biểu



Dựa vào thông tin trong bài, em hãy giới thiệu một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ.

Nguyễn Trãi (1380 – 1442), anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới. Cả cuộc đời của Nguyễn Trãi, khi đánh giặc cũng như khi xây dựng đất nước luôn đề cao tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước, thương dân. Nguyễn Trãi để lại cho đời những tác phẩm có giá trị, tiêu biểu như: *Quân trung từ mệnh tập, Bình Ngô đại cáo, Lam Sơn thực lục, Dư địa chí*,...

Vua Lê Thánh Tông (1442 – 1497) lên ngôi năm 1460, đặt niên hiệu là Quang Thuận, năm 1470 đổi niên hiệu là Hồng Đức. 37 năm trị vì của ông là giai đoạn đất nước thịnh vượng về mọi mặt. Ngoài tài trị nước, ông còn là nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc. Di sản thơ văn của ông khá đồ sộ với nhiều tác phẩm như *Hồng Đức quốc âm thi tập, Quỳnh uyển cửu ca*,... Ông lập hội "Tao đàn" (Nhóm các nhà thơ), tạo nên trào lưu văn học cung đình, đánh dấu bước phát triển cao của văn chương đương thời.

Lương Thế Vinh (1441 – 1496), nhà toán học. Ông đỗ Trạng nguyên năm 1463, do giỏi tính toán nên người ta thường gọi là Trạng Lường. Công trình tiêu biểu của ông là *Đại thành toán pháp*. Lương Thế Vinh còn là tác giả của tác phẩm *Hí phường phả lục*, trong đó mô tả các môn nghệ thuật thời bấy giờ như chèo, tuồng, múa rối,...

Ngô Sĩ Liên (thế kỉ XV), nhà sử học thời Lê sơ. Ông đỗ Tiến sĩ năm 1442, từng đảm nhận các vị trí quan trọng ở Hàn lâm viện. Ông đóng vai trò trọng yếu trong việc biên soạn bộ quốc sử *Đại Việt sử ký toàn thư*.



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. *Em hãy cho biết các vua nhà Lê sơ đã có những biện pháp gì để khẳng định và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải của Đại Việt.*
2. *Lập bảng thống kê về tình hình xã hội và văn hoá thời Lê sơ.*
3. *Kể tên những tác phẩm tiêu biểu của các danh nhân văn hoá thời Lê sơ theo từng lĩnh vực: văn học, sử học, toán học.*

Vận dụng

4. *Năm 1484, Thân Nhân Trung theo lệnh của vua Lê Thánh Tông đã soạn lời văn cho bia Tiến sĩ đầu tiên khoa Nhâm Tuất (năm 1442) ở Văn Miếu, trong đó có câu: "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia". Theo em, câu nói này có ý nghĩa gì? Hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của mình.*

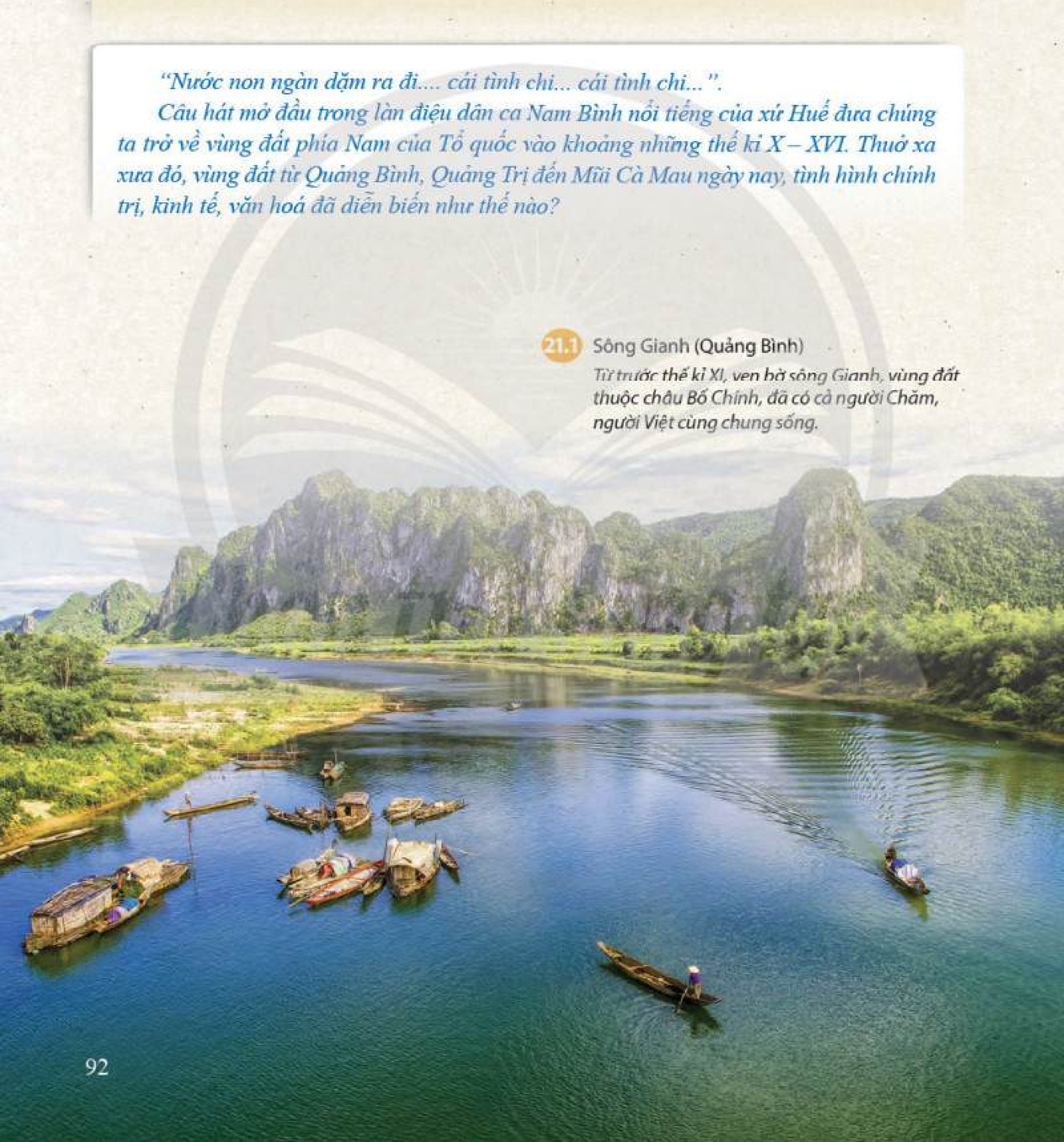
Bài 21 VÙNG ĐẤT PHÍA NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI

Học xong bài này, em sẽ:

Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hoá ở vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

"Nước non ngàn dặm ra đi.... cái tình chi... cái tình chi... ".

Câu hát mở đầu trong làn điệu dân ca Nam Bình nổi tiếng của xứ Huế đưa chúng ta trở về vùng đất phía Nam của Tổ quốc vào khoảng những thế kỉ X – XVI. Thuở xa xưa đó, vùng đất từ Quảng Bình, Quảng Trị đến Mũi Cà Mau ngày nay, tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá đã diễn biến như thế nào?



21.1 Sông Gianh (Quảng Bình)

Từ trước thế kỉ XI, ven bờ sông Gianh, vùng đất thuộc châu Bố Chính, đã có cả người Chăm, người Việt cùng chung sống.

1. Diễn biến cơ bản về chính trị của vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI



Nêu những diễn biến cơ bản về chính trị của vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

Từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI, trên vùng đất thuộc Vương quốc Chăm-pa, chiến tranh thường xuyên xảy ra giữa Chăm-pa với hai nước láng giềng là Cam-pu-chia và Đại Việt. Năm 1069, vào thời Lý, sau một cuộc chiến, vua Chăm-pa đã nhường lại ba châu là Bố Chính, Địa Lý (Quảng Bình) và Ma Linh (phía bắc tỉnh Quảng Trị) cho Đại Việt. Từ năm 1113 đến năm 1220, chiến tranh giữa Chăm-pa và Cam-pu-chia kéo dài hơn 100 năm, trong đó có hai lần Cam-pu-chia chiếm đóng kinh đô của Chăm-pa lúc bấy giờ là Vi-giay-a (Vijaya, Bình Định).

Cuối thế kỉ XIII, Chăm-pa cùng với Đại Việt kháng chiến chống quân Mông – Nguyên và thiết lập mối quan hệ hoà hiếu. Năm 1306, vua Chăm-pa là Chế Mân kết hôn với công chúa Huyền Trân của Đại Việt. Chế Mân đã cắt châu Ô, châu Rí (phía nam Quảng Trị và Thừa Thiên Huế làm sính lễ. Năm 1307, châu Ô, châu Rí đổi tên thành châu Thuận, châu Hoá.



21.2 Lễ hội đền Huyền Trân công chúa (Thừa Thiên Huế)



21.3 Núi Đá Bia – ranh giới phía nam của nước Đại Việt cuối thế kỉ XV, đầu thế kỉ XVI (nay thuộc tỉnh Phú Yên)

Nửa sau thế kỉ XIV đến cuối thế kỉ XV, những xung đột giữa hai nhà nước phong kiến Chăm-pa và Đại Việt lại tái diễn, dẫn đến sự sáp nhập dần các vùng Chiêm Động (Quảng Nam), Cổ Luỹ (Quảng Ngãi) và Vi-giay-a (Bình Định) vào Đại Việt. Lãnh thổ Chăm-pa bị thu hẹp dần, chỉ còn từ phía nam đèo Cả đến sông Dinh (Bình Thuận).

21.4 Năm 1471, vua Lê cho lập dạo Quảng Nam, bao gồm các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định ngày nay. Cùng năm đó, với ý định tạo nên sự yên ổn lâu dài ở phía nam, vua Lê cho lập hai nước dệm là Hoa Anh (thuộc Phú Yên) và Nam Bàn – phía tây Hoa Anh – vùng Cheo Reo (thuộc Gia Lai). Cư dân hai nước Chăm-pa và Đại Việt có thể tự do sinh sống, qua lại.

(Lương Ninh, *Lịch sử Vương quốc Chăm-pa*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004, trang 114, 184)

Nằm ngoài những biến động chính trị đó, từ lưu vực sông Đồng Nai trở vào (thuộc Nam Bộ Việt Nam ngày nay) từ thế kỉ X đến thế kỉ XV gần như không có dấu chân người.

Trước đó, vào thế kỉ VII, Vương quốc Phù Nam suy yếu và bị Chân Lạp (Cam-pu-chia) xâm chiếm, vùng đất Nam Bộ thuộc quyền cai quản của triều đình Chân Lạp. Tuy nhiên, Chân Lạp hơn một thế kỉ sau đó cũng không quản lí được vùng đất này. Vào thời kì Ăng-co, triều đình chỉ tập trung phát triển vương quốc ở khu vực Biển Hồ, dân cư cũng theo đó mà tập trung về. Vùng đất Nam Bộ bị bỏ hoang từ thuở đó.

Từ Bến Tre, Tiền Giang, Đồng Tháp ngày nay, xuống phía nam, sang bên kia sông,

21.5 "... Nhìn lên bờ sông, chúng tôi thấy toàn là cây mây cao vút, cổ thụ, cát vàng, lau sậy trắng,... Vào nửa đường trong cửa sông, người ta chỉ thấy cảnh đồng ruộng bỏ hoang, không có một gốc cây nào. Xa hơn tầm mắt chỉ toàn là cỏ kê rờn rờn. Hàng trăm hàng ngàn trâu rừng tựu họp từng bầy trong vùng này".

(Chu Đạt Quan, *Chân Lạp phong thổ ký*, bản dịch Lê Hương, NXB Kỉ nguyên mới, Sài Gòn, 1973, trang 80)

dọc theo những vùng đất bên bờ tây sông Hậu cho đến tận Mũi Cà Mau,... là những vùng đầm lầy, những mảng rừng đước, kênh, rạch quanh co, chằng chịt.

Tình trạng hoang dã này vẫn tiếp tục tồn tại cho đến cuối thế kỉ XVI, khi có sự xuất hiện và khai phá của người Việt.

2. Tình hình kinh tế, văn hoá vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI



Trình bày những diễn biến chính về kinh tế, văn hoá của vùng đất phía Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

Việc trồng lúa vẫn tiếp tục giữ vai trò nuôi sống dân Chăm-pa và những lớp dân di cư từ Đại Việt vào phía nam sau thế kỉ X. Nhờ biển khơi và kĩ thuật đóng thuyền nên nghề đánh cá phát triển từ trước thế kỉ X, vẫn tiếp tục là một ngành kinh tế quan trọng của cư dân thời kì này. Một số nghề thủ công vẫn được duy trì và phát triển như làm đồ gốm và dệt vải, đóng thuyền,... Bên cạnh đó, các cộng đồng cư dân ven biển còn buôn bán sản vật, trao đổi hàng hoá với thương nhân nước ngoài.

Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XV, triều đình phong kiến Đại Việt đã tổ chức nhiều đợt di dân vào vùng đất phía Nam.



21.6 Hình ảnh những con thuyền của người Chăm khắc trên tường ở đền Ăng-co Vát (Cam-pu-chia, thế kỉ XII)

21.7 Linh mục người I-ta-li-a là Ô-đô-ri-đê Bô-đê-nô-nê (Odoride Bordenone) đến miền Trung vào thế kỉ XIV và mô tả: "... một xứ sở rất đẹp,... Ở đây, người ta gặp một điều rất kì lạ, vì mọi loài cá trên biển đều đến đây, tựa như người ta không thấy gì trên biển ngoài cá...".

(Lương Ninh, *Lịch sử Vương quốc Chăm-pa*, Sdd, trang 121)

Từ Quảng Bình đến Phú Yên, người Việt và người Chăm cùng sinh sống hoà thuận, tạo nên những cộng đồng cư dân mới, hoà nhập về văn hoá. Đời sống yên bình nên dân số tăng nhanh vào thế kỉ XV.

21.8 Đầu thế kỉ XV, hai phủ Tân Bình và Thuận Hoá (vùng đất từ dèo Ngang đến dèo Hải Vân) có 116 xã, 3 602 hộ và 10 400 nhân khẩu. Nhưng đến nửa sau thế kỉ XV, vào niên hiệu Hồng Đức, chỉ tính riêng Thuận Hoá, số xã đã lên đến 741.

(Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2007, trang 46, 54)



Em có biết?

Ngày nay, ở Thừa Thiên Huế vẫn còn nhiều dòng họ gốc Chăm: họ Ông, Ma, Trà, Chế. Trong quá trình hình thành văn hoá Huế, văn hoá Chăm có sự ảnh hưởng nhất định trong âm nhạc, tín ngưỡng và cả trong cách ăn mặc.

Khi đến cư trú ở vùng đất mới, bên cạnh tín ngưỡng truyền thống của dân tộc, người Việt tôn trọng và tiếp thu tín ngưỡng của người Chăm. Nhiều phong tục độc đáo thể hiện sự hoà nhập giữa hai nền văn hoá xuất hiện. Nhiều đền, tháp Chăm trở thành nơi thờ cúng chung của cả người Việt và người Chăm.



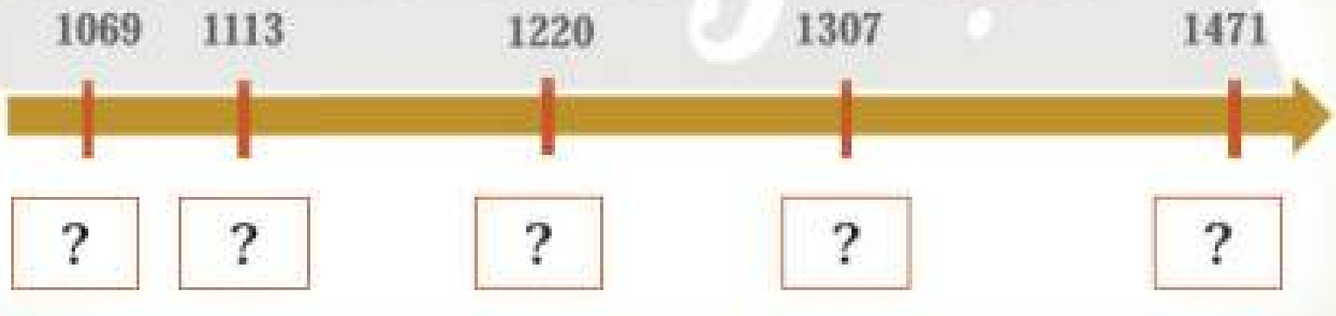
21.9 Tháp Nhạn (Phú Yên, thế kỉ XI)



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. *Điền những sự kiện chính trị cơ bản của vùng đất phía Nam từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI cho phù hợp với các mốc thời gian dưới đây:*



2. *Liên hệ với kiến thức lịch sử đã học về Vương quốc Phù Nam, em hãy nêu điểm khác biệt căn bản về tình hình phát triển của vùng đất Nam Bộ từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI so với giai đoạn trước đó (từ thế kỉ I đến thế kỉ VII). Vì sao lại có sự khác biệt này?*

Vận dụng

3. *Sưu tầm các tư liệu, tìm hiểu về một công trình kiến trúc của Chăm-pa mà hiện nay vẫn là nơi tổ chức lễ hội hay thờ cúng của cư dân địa phương các tỉnh miền Trung Việt Nam.*

Chân trời sáng tạo

Phần

ĐỊA LÍ

Chân trời sáng tạo

Chương 1 CHÂU ÂU

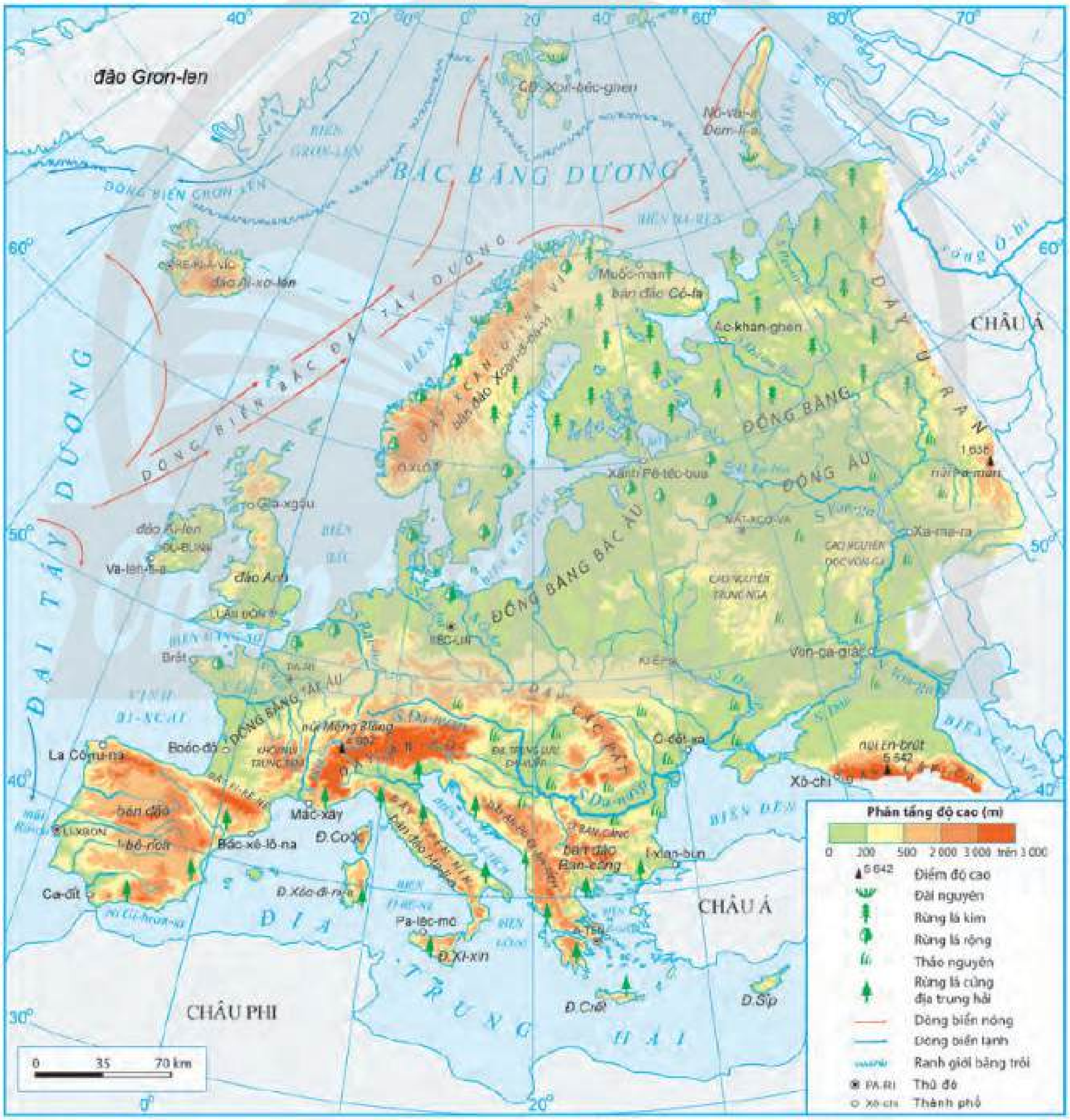
Bài 1 THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.
- Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính, đặc điểm phân hoá khí hậu; xác định được trên bản đồ các sông lớn như Rai-nơ (Rhein), Đa-nuýp (Danube), Von-ga (Volga); các đới thiên nhiên.

Châu Âu là một bộ phận của lục địa Á - Âu, có phần lớn lãnh thổ nằm trong đới ôn hoà. Thiên nhiên nơi đây đẹp như một bức tranh đầy màu sắc. Vậy, thiên nhiên châu Âu có đặc điểm gì nổi bật và phân hoá như thế nào?

1. Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lãnh thổ châu Âu



Hình 1.1. Bản đồ tự nhiên châu Âu



Dựa vào hình 1.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Trình bày đặc điểm kích thước và hình dạng của châu Âu.

– Nêu đặc điểm vị trí địa lí của châu Âu.

Châu Âu là châu lục ở phía tây của lục địa Á - Âu, nằm hoàn toàn trên bán cầu Bắc. Lãnh thổ trên đất liền trải dài từ khoảng 36^0B đến 71^0B.

Châu Âu có ba mặt giáp biển và đại dương: phía bắc giáp Bắc Băng Dương; phía tây giáp Đại Tây Dương; phía nam giáp Địa Trung Hải. Phía đông có dãy U-ran (Ural), là ranh giới tự nhiên ngăn cách châu Âu với châu Á.

Châu Âu có diện tích nhỏ, khoảng 10,5 triệu km^2, chỉ lớn hơn châu Đại Dương. Đường bờ biển dài khoảng 43 000 km, bị cắt xẻ mạnh, biển ăn sâu vào đất liền, tạo nhiều bán đảo, vũng vịnh. Ngoài ra, châu Âu còn có nhiều đảo và quần đảo.

2. Đặc điểm tự nhiên châu Âu

a. Địa hình



Dựa vào hình 1.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Kể tên và xác định các đồng bằng, các dãy núi chính ở châu Âu.

– Phân tích đặc điểm các khu vực địa hình đồng bằng và miền núi ở châu Âu.

Nhìn chung, địa hình châu Âu khá đơn giản, chia làm hai khu vực địa hình chính:

– Địa hình đồng bằng: chiếm phần lớn diện tích, phân bố chủ yếu ở phía đông và trung tâm, tạo thành một dải. Đông Âu là đồng bằng lớn nhất, chiếm hơn 50% diện tích châu Âu.

– Địa hình miền núi:

+ Địa hình núi già: nằm ở phía bắc và trung tâm chạy theo hướng bắc – nam như: dãy núi Xcan-đi-na-vi (Scandinavia), U-ran,...

+ Địa hình núi trẻ: chỉ chiếm 1,5% diện tích lãnh thổ, phân bố chủ yếu ở phía nam như: dãy núi Pi-rê-nê (Pyrenees), An-pơ (Alps), Các-pát (Carpat), Ban-căng (Balkan),... Đỉnh En-brút (Elbrus) là đỉnh núi cao nhất châu Âu (5 642 m).

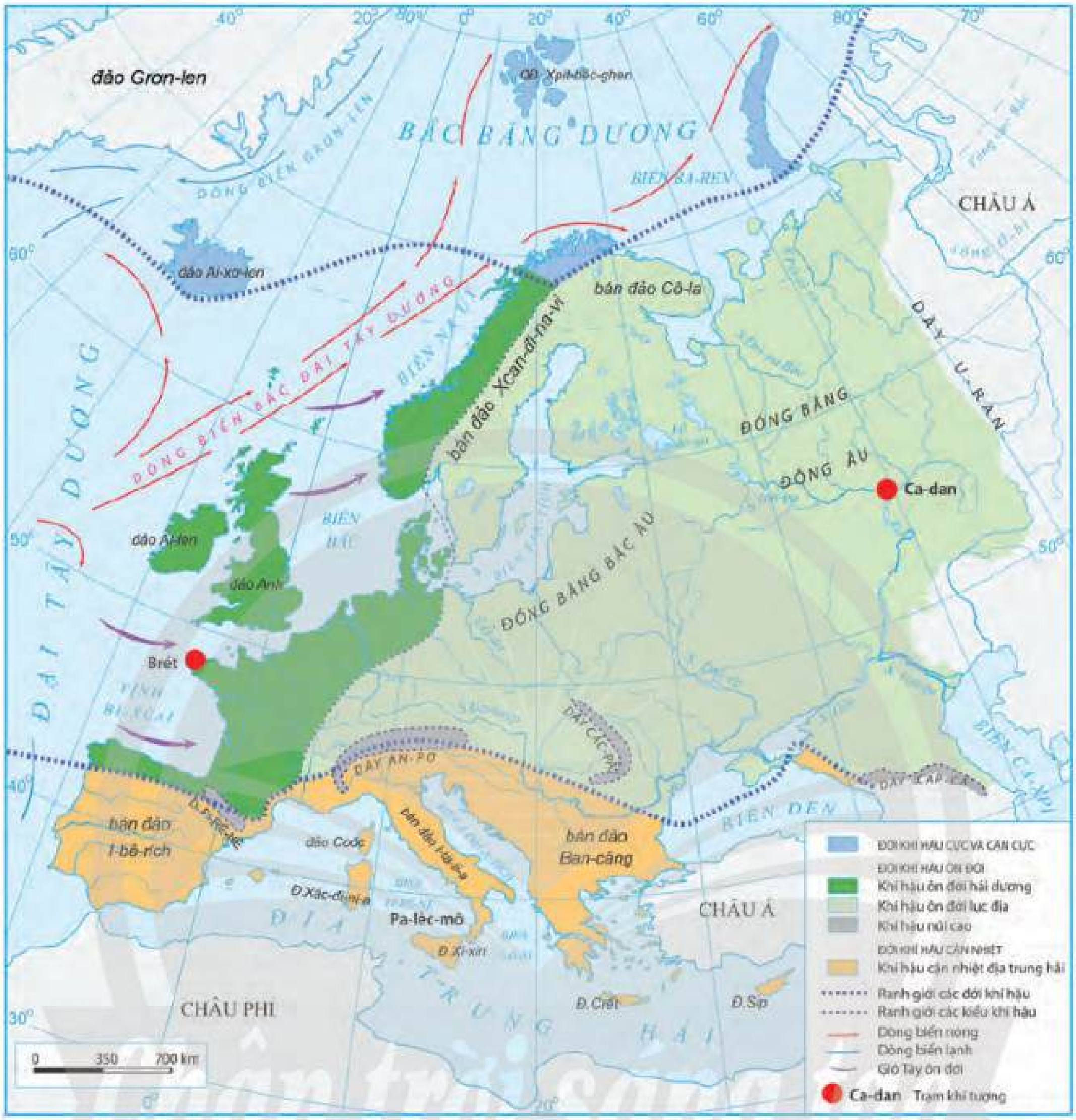
b. Khí hậu



Dựa vào hình 1.2 và thông tin trong bài, em hãy:

– Kể tên các đới và kiểu khí hậu của châu Âu.

– Trình bày đặc điểm phân hoá khí hậu ở châu Âu.



Hình 1.2. Bản đồ khí hậu châu Âu

Khí hậu châu Âu phân hoá đa dạng thành các đới và kiểu khí hậu:

– Đới khí hậu cực và cận cực: phân bố ở phía bắc châu lục và các đảo vùng cực. Khí hậu lạnh giá quanh năm, lượng mưa rất ít.

– Đới khí hậu ôn đới: chiếm diện tích lớn nhất, bao gồm hai kiểu khí hậu:

+ Kiểu khí hậu ôn đới hải dương: phân bố ở các đảo và vùng ven biển phía tây. Khí hậu điều hoà, mùa hạ mát, mùa đông không lạnh lắm; nhiệt độ trung bình năm thường trên 0^0C; mưa quanh năm và lượng mưa tương đối lớn.

+ Kiểu khí hậu ôn đới lục địa: phân bố ở vùng trung tâm và phía đông châu lục. So với kiểu khí hậu ôn đới hải dương, kiểu khí hậu này có mùa hạ nóng hơn, mùa đông lạnh hơn, có tuyết rơi nhiều; lượng mưa ít, giảm dần từ tây sang đông.

– Đới khí hậu cận nhiệt: phân bố ở phía nam châu lục với kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải: mùa hạ nóng, khô; mùa đông ấm, có mưa rào; lượng mưa ở mức trung bình.

– Ngoài ra, ở các khu vực núi cao, khí hậu thay đổi theo độ cao, trên đỉnh núi thường có băng tuyết bao phủ.

c. Sông ngòi



Dựa vào hình 1.1 và thông tin trong bài, em hãy:
– Xác định các con sông lớn ở châu Âu: Von-ga, Đa-nuýp, Rai-nơ.
– Cho biết các con sông trên đổ ra biển và đại dương nào.

Châu Âu có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phần lớn các sông đầy nước quanh năm, không có lũ lớn, được nối với nhau bởi hệ thống các kênh đào. Các sông đổ ra Bắc Băng Dương bị đóng băng vào mùa đông, nhất là vùng cửa sông.

Các sông dài và quan trọng nhất châu Âu là sông Von-ga (3 690 km), sông Đa-nuýp (2 850 km), sông Rai-nơ (1 320 km).

d. Các đới thiên nhiên



Dựa vào hình 1.1, hình 1.2 và thông tin trong bài, em hãy:
– Xác định các đới thiên nhiên ở châu Âu.
– Cho biết thiên nhiên ở đới ôn hoà của châu Âu có sự phân hoá như thế nào.

Châu Âu nằm trên hai đới thiên nhiên chủ yếu sau:

– Đới lạnh: chiếm diện tích nhỏ ở các đảo, quần đảo thuộc Bắc Băng Dương và một phần lãnh thổ phía bắc châu lục. Động vật, thực vật nghèo nàn. Thực vật có các loài như: rêu, địa y, bạch dương lùn, liễu lùn,...; động vật có chuột lem-mút, cú Bắc cực,...

– Đới ôn hoà: chiếm phần lớn lãnh thổ châu Âu, thiên nhiên phân hoá đa dạng:

+ Ở khu vực ven biển phía tây: phổ biến rừng lá rộng với thực vật chủ yếu là sồi, dẻ; động vật có gấu nâu, chim gõ kiến, gà rừng,...

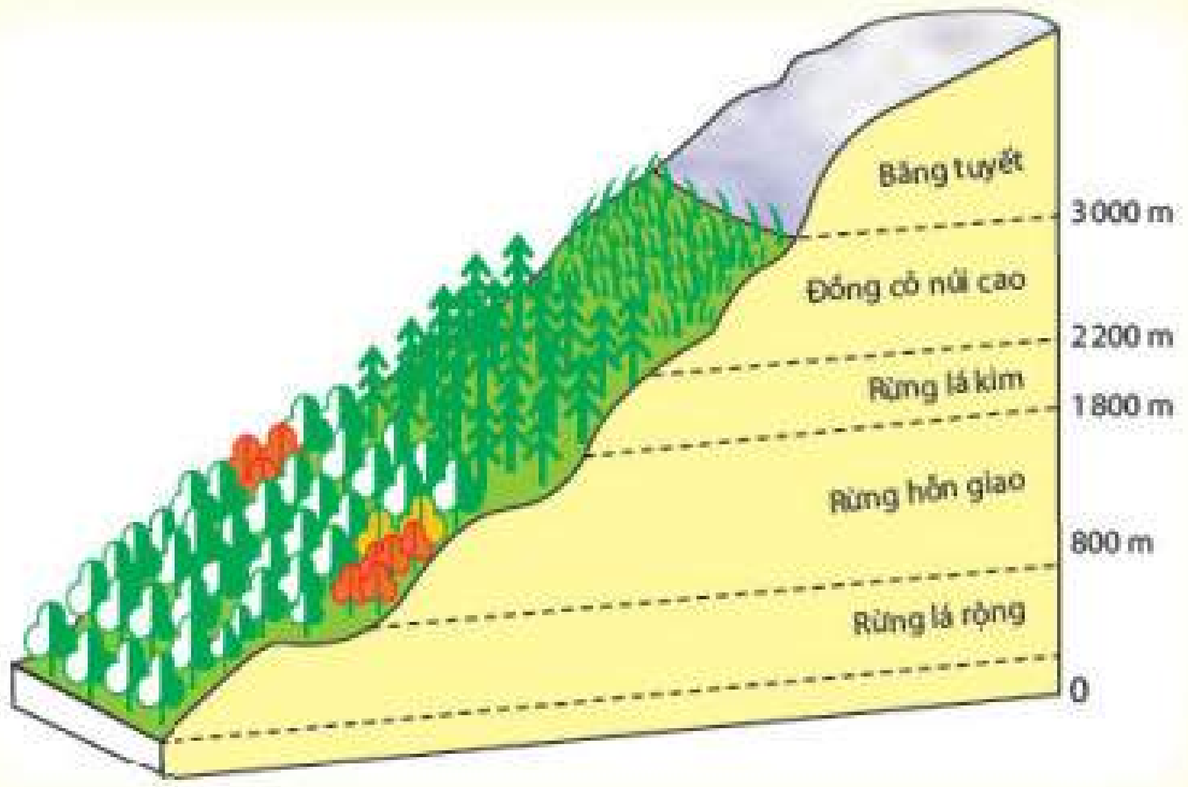
+ Ở khu vực lục địa phía đông: thiên nhiên có sự thay đổi từ bắc xuống nam: từ rừng lá kim nghèo thành phần loài với thực vật chủ yếu là thông, vân sam, chuyển dần sang rừng hỗn giao, thảo nguyên rừng,...; động vật có nai sừng tấm, gấu,... Phía đông nam nóng và khô hơn nên thảo nguyên chiếm ưu thế; động vật phổ biến là sơn dương, chó sói, đại bàng,... Ven biển Ca-xpi (Caspi) xuất hiện bán hoang mạc.

+ Ở phía nam châu lục, sinh vật thích nghi với điều kiện khí hậu khô, nóng vào mùa hạ. Ở đây có rừng lá cứng địa trung hải, như: sồi thường xanh, cây bụi; trong rừng có cầy đốm, khỉ mặt đỏ,...



Em có biết?

Ở các dãy núi cao phía nam châu Âu, thảm thực vật có sự thay đổi theo độ cao. Ở độ cao trên 3 000 m có băng tuyết bao phủ.



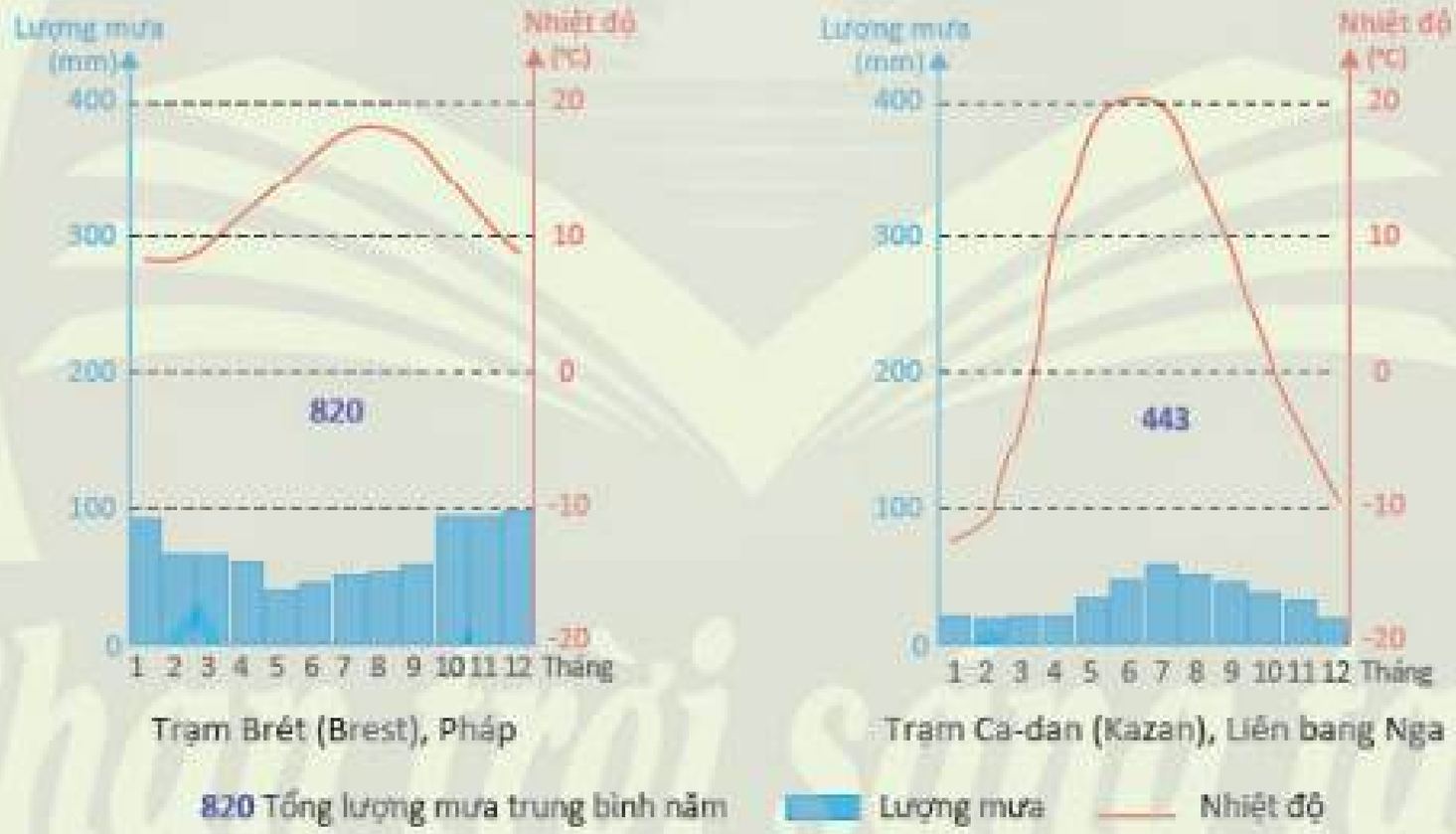
Hình 1.3. Phân bố thảm thực vật theo độ cao ở sườn bắc dãy An-pơ



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Cho biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của hai trạm khí tượng sau:



Hình 1.4. Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của hai trạm khí tượng ở châu Âu

a. Nhận xét đặc điểm nhiệt độ và lượng mưa tại hai trạm khí tượng trên.

b. Cho biết hai trạm khí tượng trên thuộc kiểu khí hậu nào.

Vận dụng

2. Em hãy lựa chọn thực hiện một trong hai nhiệm vụ sau:

***Nhiệm vụ 1:** Hãy sưu tầm những thông tin về khí hậu ở châu Âu hiện nay và viết một đoạn văn ngắn thể hiện tóm tắt những thông tin em sưu tầm được.*

***Nhiệm vụ 2:** Hãy sưu tầm những hình ảnh về sông ngòi hoặc đới thiên nhiên của châu Âu. Chia sẻ với các bạn.*

Bài 2 ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU ÂU

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư ở châu Âu.
- Trình bày được đặc điểm di cư và đô thị hoá ở châu Âu.

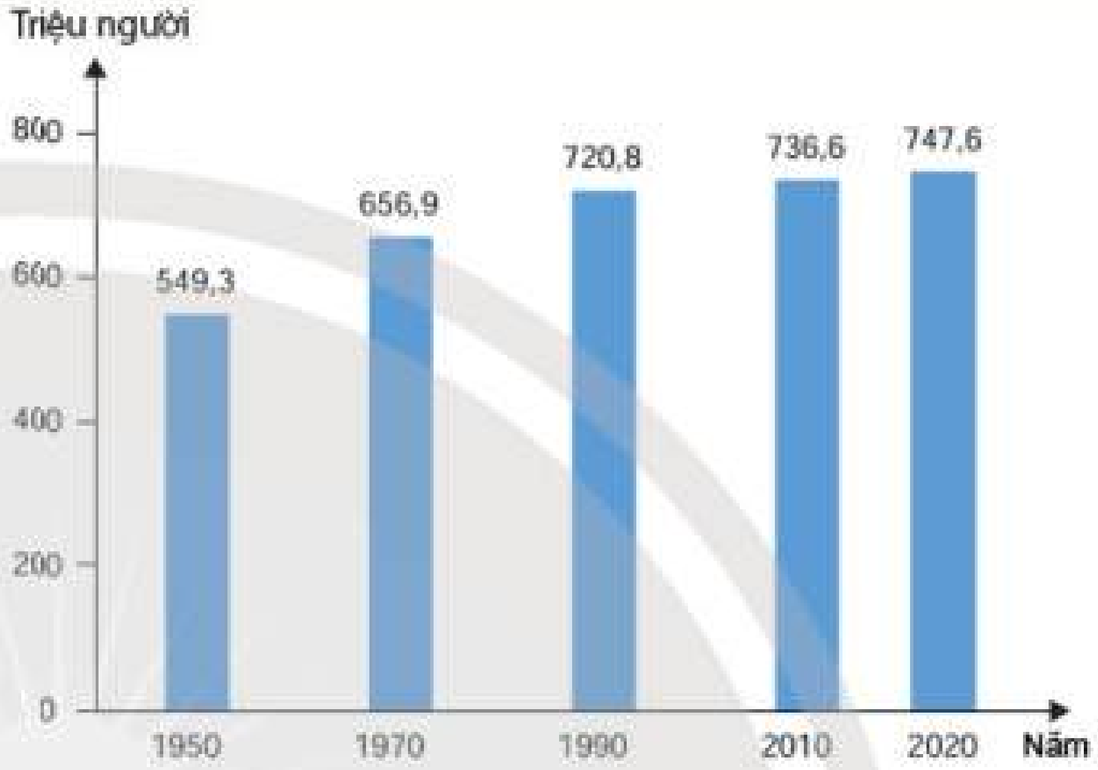
Châu Âu có lịch sử phát triển kinh tế và định cư lâu đời. Những yếu tố này đã tạo nên đặc điểm gì nổi bật về cơ cấu dân cư, tình hình di cư và đô thị hoá ở châu Âu?

1. Đặc điểm dân cư châu Âu

a. Quy mô và gia tăng dân số



Dựa vào hình 2.1 và thông tin trong bài, em hãy nhận xét sự thay đổi quy mô dân số châu Âu trong giai đoạn 1950 – 2020.



Hình 2.1. Quy mô dân số châu Âu, giai đoạn 1950 – 2020

Năm 2020, số dân châu Âu đạt khoảng 747,6 triệu người (bao gồm cả số dân của Liên bang Nga), chiếm gần 10% số dân thế giới và xếp thứ tư trong các châu lục. Hiện nay, quy mô dân số châu Âu tăng chậm.

Tỉ suất tăng dân số tự nhiên của châu Âu rất thấp, thậm chí có năm xuống đến giá trị âm (– 0,1% năm 2020). Những năm gần đây, số dân châu Âu tăng chủ yếu là do nhập cư.

b. Cơ cấu dân cư



Dựa vào bảng số liệu, hình 2.2 và thông tin trong bài, em hãy trình bày đặc điểm về cơ cấu dân cư châu Âu.

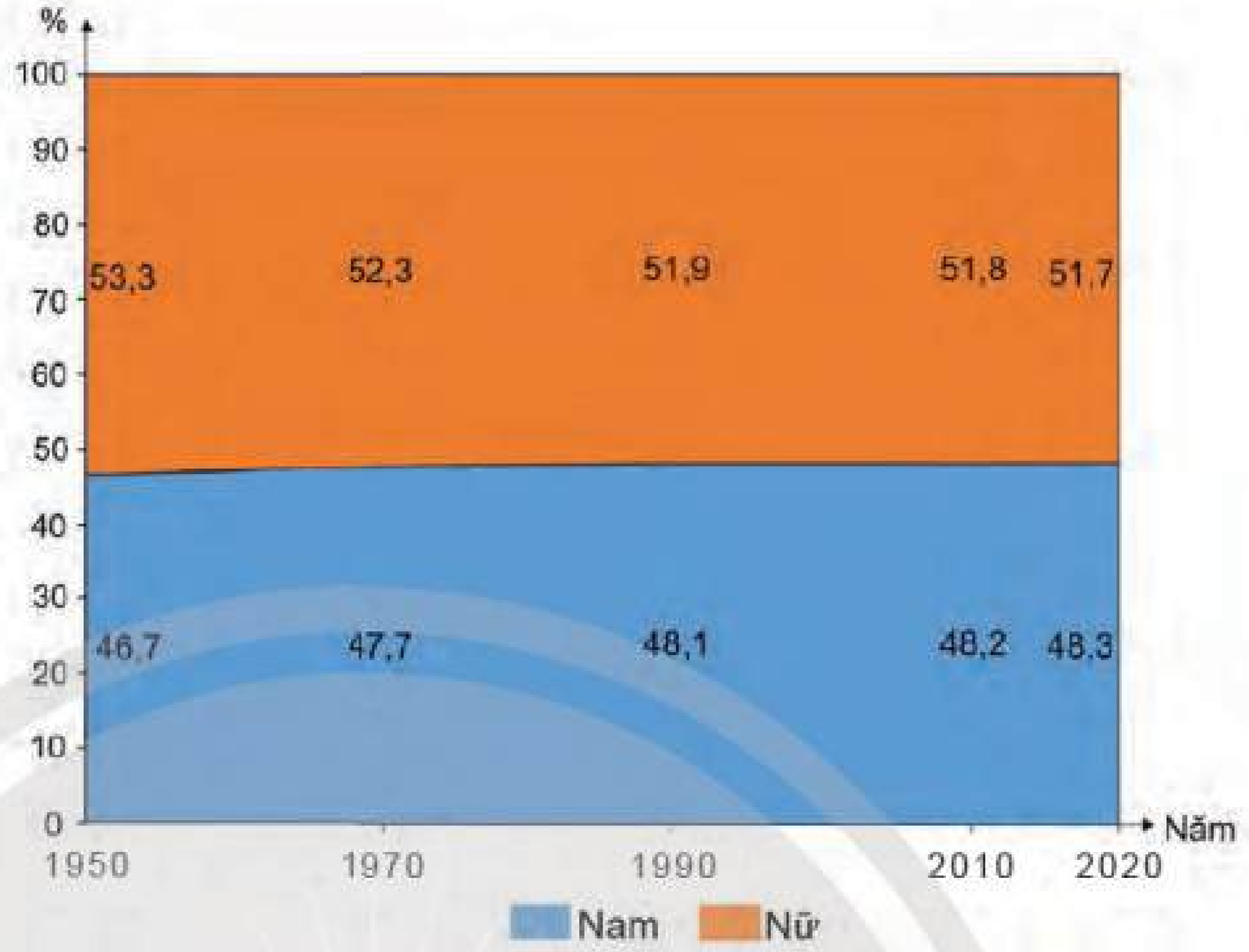
Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi: Châu Âu có cơ cấu dân số già với tỉ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên ngày càng tăng. Năm 2020, châu Âu có gần 143 triệu người từ 65 tuổi trở lên, chiếm 19% số dân. Tình trạng dân số già phổ biến ở nhiều quốc gia châu Âu do tỉ lệ sinh ngày càng giảm và tuổi thọ trung bình của dân cư tăng.

Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở châu Âu, giai đoạn 1950 – 2020 (%)

Nhóm tuổi \ Năm	1950	1970	1995	2020
Từ 0 đến 14 tuổi	26	25	19	16
Từ 15 đến 64 tuổi	66	64	67	65
Từ 65 tuổi trở lên	8	11	14	19

Chân trời sáng tạo

Cơ cấu dân số theo giới tính: Trong giai đoạn 1950 – 2020, cơ cấu dân số theo giới tính của châu Âu có tỉ lệ nữ cao hơn nam và đang có sự thay đổi. Điều này ảnh hưởng bởi các yếu tố xã hội, vấn đề chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ em.



Hình 2.2. Tỉ lệ nam và tỉ lệ nữ trong tổng số dân ở châu Âu, giai đoạn 1950 – 2020

Cơ cấu dân số theo trình độ học vấn: Dân cư châu Âu có trình độ học vấn cao. Năm 2019, số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên ở châu Âu là 11,8 năm; thuộc nhóm cao trên thế giới. Trình độ học vấn cao tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế – xã hội của các quốc gia châu Âu.

2. Di cư ở châu Âu



Dựa vào thông tin trong bài, em hãy cho biết:

– Đặc điểm di cư ở châu Âu.

– Người nhập cư vào châu Âu có nguồn gốc từ đâu. Họ mang đến những thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế – xã hội ở châu Âu?

Từ thế kỉ XV, với các cuộc phát kiến địa lí, người châu Âu đã di cư đến khai phá các vùng đất mới ở châu Mỹ.

Từ giữa thế kỉ XX đến nay, người nhập cư vào châu Âu tăng mạnh. Năm 2020, châu Âu tiếp nhận khoảng 86,7 triệu người di cư quốc tế. Người nhập cư đến châu Âu chủ yếu là lao động đến từ các khu vực của châu Á và Bắc Phi. Trong nội bộ các quốc gia châu Âu, lao động di chuyển chủ yếu từ khu vực Nam Âu và Đông Âu đến Tây Âu để làm việc.

Người nhập cư đã góp phần giải quyết tình trạng thiếu hụt lao động, tăng nhu cầu các sản phẩm và dịch vụ. Tuy nhiên, việc nhập cư trái phép vào châu Âu gây ra nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế – xã hội và an ninh trật tự đối với các quốc gia.

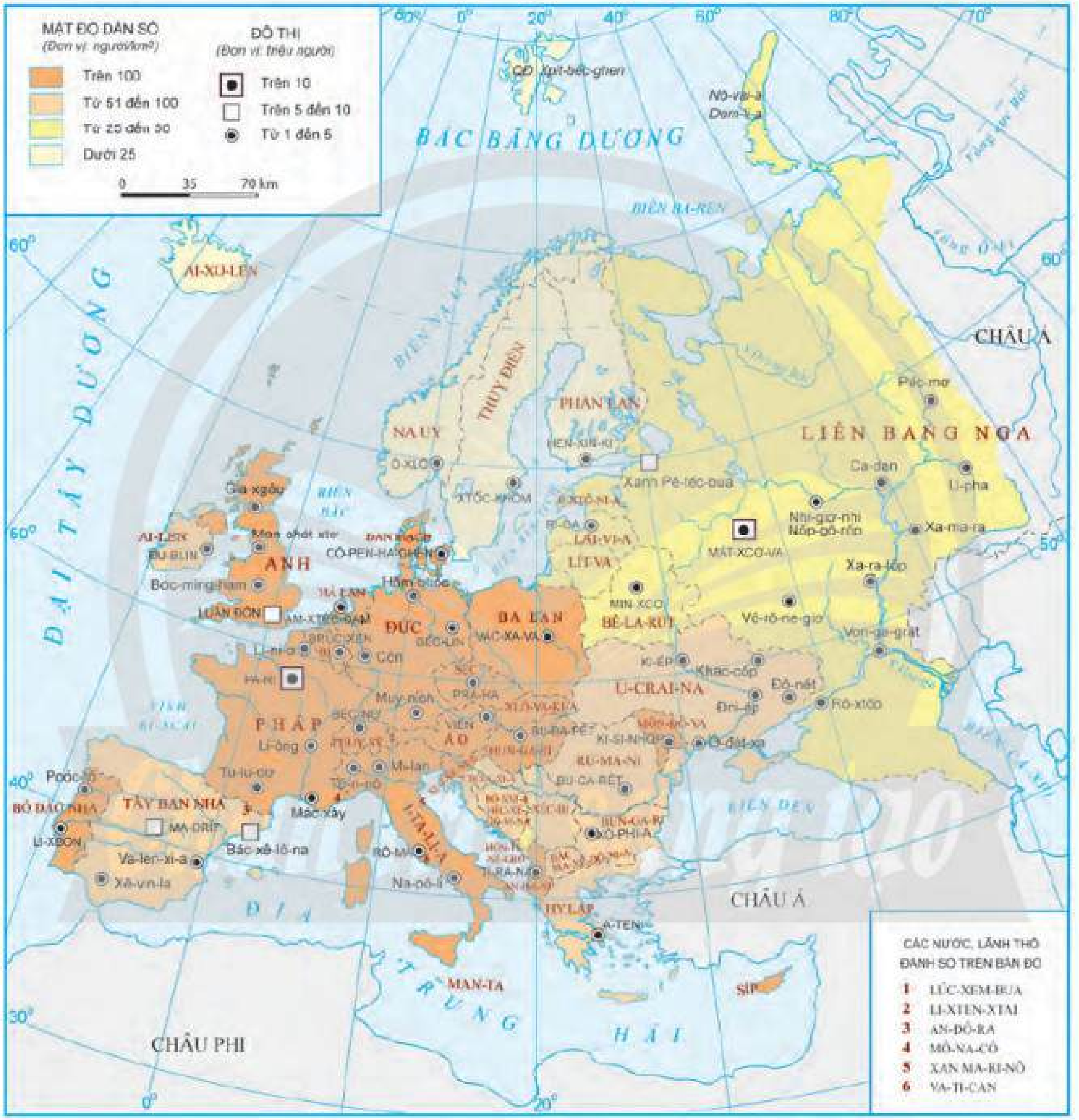
3. Đô thị hoá ở châu Âu



Quan sát hình 2.3 và dựa vào thông tin trong bài, em hãy:

– Trình bày đặc điểm đô thị hoá ở châu Âu.

– Kể tên một số đô thị có quy mô trên 5 triệu dân ở châu Âu.



Hình 2.3. Bản đồ phân bố dân cư và một số đô thị ở châu Âu, năm 2020

Dân cư châu Âu phân bố không đều. Những vùng có mật độ dân số cao thường là các đồng bằng, các thung lũng lớn và các vùng duyên hải. Trong khi đó, dân cư phân bố thưa thớt ở vùng có khí hậu lạnh giá phía bắc.

Quá trình đô thị hoá ở châu Âu được bắt đầu với những đô thị xuất hiện từ thời cổ đại và phát triển trong thời kì trung đại. Đến nửa cuối thế kỉ XVIII, đô thị hoá phát triển mạnh mẽ dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh. Các đô thị không ngừng gia tăng quy mô dân số và nhiều đô thị mới hình thành. Sự mở rộng các đô thị đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội của các quốc gia ở châu Âu.

Châu Âu hiện có mức độ đô thị hoá cao với 75% số dân sống trong các đô thị (năm 2020). Những vùng phát triển công nghiệp lâu đời, hoạt động kinh tế sôi động ở Tây Âu tập trung đông dân cư thành thị.

Mạng lưới đô thị phát triển rộng khắp với nhiều thành phố đông dân và hiện đại, các đô thị vệ tinh xuất hiện ngày càng nhiều. Sự phát triển sản xuất công nghiệp và mở rộng đô thị ra khu vực ngoại thành đã thúc đẩy quá trình đô thị hoá ở nông thôn. Điều kiện sống của người dân nông thôn được nâng cao, ngày càng gần với điều kiện sống ở thành thị. Lối sống đô thị văn minh, hiện đại, hành vi ứng xử văn hoá, tác phong làm việc khoa học,... đã trở nên phổ biến trong dân cư châu Âu.



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Vẽ sơ đồ hệ thống hoá các đặc điểm dân cư châu Âu.

2. Dựa vào hình 2.3, hãy liệt kê ít nhất 3 thành phố của châu Âu nằm ở ven biển.

Vận dụng

3. Em hãy sưu tầm thông tin và một số hình ảnh về sự phát triển của các đô thị ở châu Âu.

Chân trời sáng tạo

Bài 3 PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU

Học xong bài này, em sẽ:

Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu

Các quốc gia ở châu Âu luôn hướng đến mục tiêu bảo vệ môi trường trong việc khai thác, sử dụng thiên nhiên để phát triển bền vững. Vậy, châu Âu bảo vệ môi trường như thế nào nhằm duy trì sự phát triển lâu dài và bền vững?

Việc khai thác, sử dụng thiên nhiên ở châu Âu đã có nhiều tiến bộ nhờ trình độ khoa học – kĩ thuật tiên tiến và các biện pháp tổ chức, quản lí chặt chẽ. Điều này thể hiện qua các hoạt động bảo vệ môi trường nước, môi trường không khí và đa dạng sinh học.

1. Bảo vệ môi trường nước



Dựa vào hình 3.1 và thông tin trong bài, em hãy trình bày thực trạng khai thác và bảo vệ môi trường nước ở châu Âu.

Nguồn nước cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất ở châu Âu phong phú, trong đó, lượng nước từ sông và nước ngầm chiếm khoảng 88%, từ các hồ chiếm khoảng 12%. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản là ngành sử dụng nhiều nước nhất, chiếm hơn 60% tổng lượng nước ngọt sử dụng hằng năm ở châu Âu.



Hình 3.1. Một đoạn sông Thêm (Thames) chảy qua trung tâm Luân Đôn, Anh

Trước đây, tình trạng khai thác nguồn nước quá mức, các hoá chất từ sản xuất nông nghiệp, nước thải từ sản xuất công nghiệp và sinh hoạt,... đã làm môi trường nước ở châu Âu bị ô nhiễm, chỉ khoảng 44% nguồn nước sông, hồ và 75% nguồn nước ngầm đạt chất lượng tốt.

Trước thực trạng đó, các quốc gia châu Âu đã nỗ lực cải thiện chất lượng môi trường nước với các biện pháp như: ban hành các quy định về nước, nước thải đô thị, nước uống để kiểm soát chất lượng; cải tiến kĩ thuật, đổi mới công nghệ xử lí nước thải; giảm sử dụng hoá chất trong sản xuất nông nghiệp; nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường nước;...

Việc thực hiện có hiệu quả các biện pháp trên đã giúp giảm lượng nước sử dụng cho các ngành kinh tế, giảm nồng độ các chất gây ô nhiễm như các chất hoá học, chất thải rắn,... đảm bảo cung cấp đủ nước với chất lượng tốt cho sinh hoạt và sản xuất.

2. Bảo vệ môi trường không khí



Quan sát hình 3.2 và dựa vào thông tin trong bài, em hãy:

– Nhận xét sự thay đổi tỉ lệ một số chất gây ô nhiễm không khí ở châu Âu năm 2019 so với năm 2005. Giải thích vì sao có sự thay đổi đó.

– Nêu các biện pháp bảo vệ môi trường không khí ở châu Âu.

Trước đây, hoạt động giao thông vận tải (đường bộ, hàng không, đường biển,...), hoạt động sản xuất công nghiệp, sản xuất điện, sinh hoạt của hộ gia đình, sản xuất nông nghiệp thải ra một lượng đáng kể chất gây ô nhiễm không khí ở châu Âu: nitơ điôxít (NO_2), amôniac (NH_3), sunfua điôxít (SO_2), bụi mịn ($PM_{2,5}$),...



Hình 3.2. So sánh tỉ lệ một số chất gây ô nhiễm không khí ở châu Âu, năm 2019 so với năm 2005 (lấy năm 2005 = 100%)

Chính vì vậy, châu Âu đã triển khai các biện pháp để làm giảm lượng phát thải chất gây ô nhiễm không khí. Từ năm 2005 đến năm 2019, chất lượng môi trường không khí đã được cải thiện rõ rệt, mức độ ô nhiễm đã giảm dần.

Kết quả này có được nhờ các biện pháp:

– Giảm sử dụng than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên,... trong sản xuất điện.

– Làm sạch khí thải nhà máy điện và các nhà máy công nghiệp.

– Xây dựng các khu phát thải thấp ở các thành phố, sử dụng xe ô tô đạt tiêu chuẩn khí thải của châu Âu để hạn chế nguồn khí phát thải.

– Phát triển nông nghiệp sinh thái giúp giảm thiểu ô nhiễm từ chất thải của sản xuất nông nghiệp.

– Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để kiểm soát chất lượng không khí.

3. Bảo vệ đa dạng sinh học



Dựa vào bảng số liệu và thông tin trong bài, em hãy trình bày vấn đề bảo vệ đa dạng sinh học ở châu Âu.

Tỉ lệ che phủ rừng bình quân của châu Âu và một số quốc gia châu Âu, năm 2020

	Tỉ lệ che phủ rừng (%)
Châu Âu	**35**
Phần Lan	66
Thuỵ Điển	63
Đức	32
I-ta-li-a (Italia)	32
Pháp	31

Đa dạng sinh học giữ vai trò quan trọng đối với châu Âu, nhất là đa dạng sinh học rừng và biển. Rừng góp phần điều hoà khí hậu, giữ đất, giữ nước, bảo vệ đa dạng sinh học và cung cấp gỗ cho sản xuất giấy, sản xuất đồ dân dụng,... Nguồn lợi sinh vật biển đa dạng đã thúc đẩy sự phát triển mạnh của ngành thuỷ sản ở châu Âu.

Tuy nhiên, hoạt động khai thác quá mức tài nguyên, vấn đề ô nhiễm không khí, nước, biến đổi khí hậu,... đã làm suy giảm đa dạng sinh học ở châu Âu. Nhiều loài động, thực vật bị sụt giảm về số lượng như: một số loài chim, côn trùng, cá,...

Châu Âu đã thực hiện nhiều biện pháp để bảo vệ đa dạng sinh học như: thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, áp dụng các quy định rất nghiêm ngặt trong đánh bắt thuỷ sản, trồng rừng, quản lí rừng chặt chẽ, xây dựng vành đai xanh quanh khu vực đô thị, áp dụng các quy định bảo tồn thành phần loài và môi trường sống của chúng,... Nhờ vậy, tỉ lệ che phủ rừng bình quân ở châu Âu ngày càng tăng và đạt 35% (năm 2020). Nhiều loài sinh vật được bảo tồn. Việc trồng cây xanh hoá đô thị cũng đang được đẩy mạnh ở khắp châu lục, góp phần bảo vệ môi trường, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. *Em hãy liệt kê các biện pháp bảo vệ môi trường nước, môi trường không khí và đa dạng sinh học ở châu Âu vào bảng theo mẫu sau:*

	Biện pháp bảo vệ
Môi trường nước	*?*
Môi trường không khí	*?*
Đa dạng sinh học	*?*

Vận dụng

2. *Em hãy lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau:*

Nhiệm vụ 1: *Sưu tầm hình ảnh về các hoạt động bảo vệ môi trường của một số quốc gia ở châu Âu.*

Nhiệm vụ 2: *Tìm hiểu và viết báo cáo ngắn về một hoạt động bảo vệ môi trường (nước, không khí hoặc đa dạng sinh học) ở địa phương em.*

Bài 4 LIÊN MINH CHÂU ÂU

Học xong bài này, em sẽ:

Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.

Liên minh châu Âu là một cộng đồng đa dạng về văn hoá, ngôn ngữ, tôn giáo,... Điều này góp phần giúp Liên minh châu Âu trở thành một khu vực kinh tế thống nhất và quan trọng trên thế giới. Vậy, Liên minh châu Âu có vị trí như thế nào trong nền kinh tế thế giới?



– Số quốc gia thành viên (2020): 27
– Diện tích (2020): 4,1 triệu km^2
– Số dân (2020): 447,7 triệu người

1. Khái quát về Liên minh châu Âu



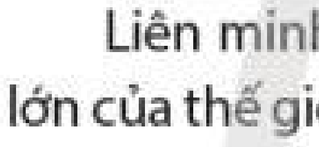
Hình 4. Bản đồ các nước thuộc Liên minh châu Âu, năm 2020



Dựa vào hình 4 và thông tin trong bài, em hãy trình bày khái quát về Liên minh châu Âu.

Tiền thân của Liên minh châu Âu là Cộng đồng Kinh tế châu Âu (EEC) được thành lập với 6 quốc gia thành viên là Đức, Pháp, I-ta-li-a, Hà Lan, Bỉ, Lúc-xem-bua (Luxembourg). Đến năm 2020, sau khi Anh rời Liên minh châu Âu, tổ chức này có 27 quốc gia thành viên.

2. Trung tâm kinh tế lớn



Dựa vào bảng số liệu và thông tin trong bài, em hãy:

- *Nêu tên những hoạt động kinh tế quan trọng của Liên minh châu Âu.*
- *Chứng minh Liên minh châu Âu là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.*

GDP của một số nền kinh tế lớn nhất thế giới, năm 2020

Nền kinh tế	GDP (tỉ USD, giá hiện hành)
Hoa Kỳ	20 893,7
Liên minh châu Âu	15 292,1
Trung Quốc	14 722,7
Nhật Bản	5 057,8
Thế giới	**84 679,9**

Liên minh châu Âu là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn của thế giới. Năm 2020, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt hơn 15 nghìn tỉ USD (xếp thứ 2 thế giới).

Liên minh châu Âu là trung tâm dịch vụ và công nghiệp hàng đầu thế giới, giữ vai trò quan trọng đối với hoạt động tài chính – ngân hàng, giao thông vận tải, truyền thông, ngành công nghiệp công nghệ cao,...

Đối tác kinh tế lớn nhất của Liên minh châu Âu là các quốc gia ở Bắc Mỹ và châu Á – Thái Bình Dương.



Em có biết?

Đồng tiền chung châu Âu (Ơ-rô) bắt đầu được sử dụng từ năm 2002. Đến năm 2020, có 19 quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu sử dụng Ơ-rô là đồng tiền chính thức của quốc gia mình.



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Dựa vào bảng GDP của một số nền kinh tế lớn nhất thế giới, năm 2020, em hãy tính tỉ trọng GDP của các trung tâm kinh tế lớn so với toàn thế giới năm 2020 và rút ra nhận xét.

Vận dụng

2. Em hãy chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ 1: *Sưu tầm và giới thiệu với bạn bè về hình ảnh những sản phẩm của Việt Nam xuất khẩu đến Liên minh châu Âu.*

Nhiệm vụ 2: *Ở tỉnh (thành phố) nơi em sống có sản phẩm nào xuất khẩu sang châu Âu không? Nếu có, em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) giới thiệu về sản phẩm đó.*

Chương 2 CHÂU Á

Bài 5 THIÊN NHIÊN CHÂU Á

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.
- Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
- Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.

Châu Á tiếp giáp với ba đại dương và hai châu lục, lãnh thổ trải dài từ vùng cực tới Xích đạo. Do phạm vi lãnh thổ rộng lớn, châu Á có điều kiện tự nhiên rất đa dạng. Vậy, thiên nhiên châu Á có những đặc điểm gì nổi bật? Những đặc điểm ấy có ý nghĩa thế nào đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên?

1. Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á



Dựa vào hình 5.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Trình bày đặc điểm vị trí địa lí châu Á.

– Nêu đặc điểm hình dạng và kích thước châu Á.

Về vị trí, phần lãnh thổ trên đất liền của châu Á kéo dài từ vùng cận cực Bắc tới Xích đạo, một số đảo và quần đảo kéo đến khoảng vĩ tuyến 10^0N. Châu Á tiếp giáp với hai châu lục: phía tây giáp với châu Âu, phía tây nam giáp với châu Phi qua eo đất Xuy-ê (Suez). Ba mặt còn lại tiếp giáp với các biển và đại dương: phía bắc giáp Bắc Băng Dương, phía đông giáp Thái Bình Dương và phía nam giáp Ấn Độ Dương.

Về kích thước, châu Á là châu lục rộng lớn nhất thế giới với diện tích phần đất liền là 41,5 triệu km^2 (bao gồm cả phần lãnh thổ của Liên bang Nga ở châu Á); tính cả các đảo, diện tích châu Á khoảng 44,4 triệu km^2.

Về hình dạng, lãnh thổ châu Á có dạng khối rộng lớn. Bờ biển bị chia cắt mạnh, có nhiều bán đảo, vịnh biển,...

Em có biết?

– Biển Đông là biển lớn thứ tư thế giới.

– Bán đảo A-ráp (Arab) là bán đảo lớn nhất trên thế giới.

– Châu Á có vực biển Ma-ri-a-na (Mariana) sâu nhất thế giới (11 034 m).

2. Đặc điểm tự nhiên châu Á

a. Địa hình, khoáng sản

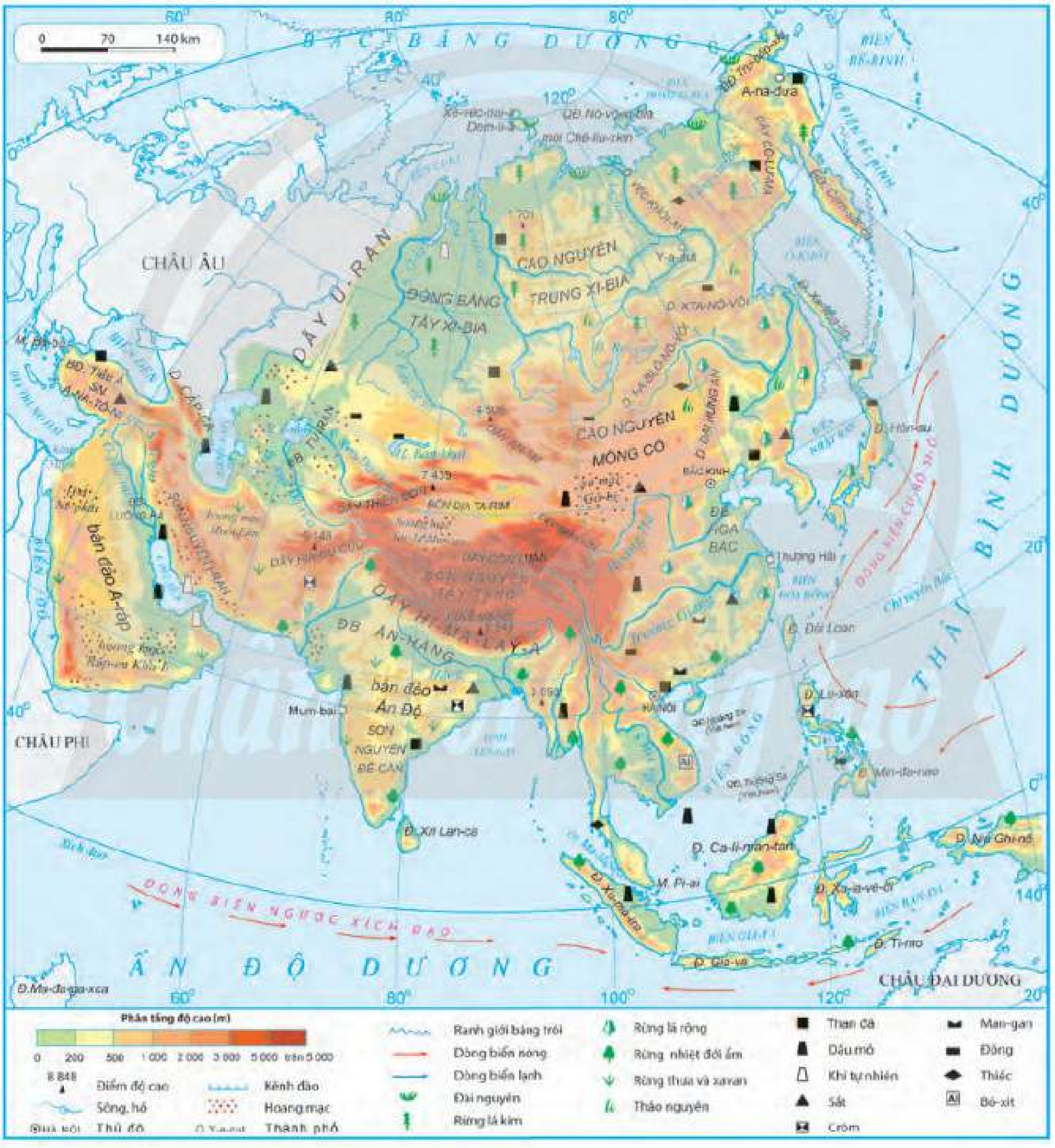


Dựa vào hình 5.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Kể tên và xác định trên bản đồ các khu vực địa hình của châu Á.

– Xác định khu vực phân bố các khoáng sản chính ở châu Á.

– Trình bày ý nghĩa của đặc điểm địa hình, khoáng sản đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.



Hình 5.1. Bản đồ tự nhiên châu Á

Châu Á có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên, cao nguyên đồ sộ và nhiều đồng bằng rộng bậc nhất thế giới:

– Khu vực núi, sơn nguyên và cao nguyên: chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ, trong đó có sơn nguyên Tây Tạng đồ sộ nhất thế giới, cao trên 4 500 m so với mực nước biển. Càng về phía biển, địa hình càng thấp dần. Một số dãy núi ở châu Á có hướng đông – tây hoặc gần đông – tây, bắc – nam hoặc gần bắc – nam. Đây là khu vực địa hình thuận lợi cho phát triển chăn nuôi du mục, trồng cây đặc sản; tuy nhiên trong quá trình khai thác cần lưu ý vấn đề chống xói mòn, sạt lở đất,...

– Khu vực đồng bằng: chiếm 1/4 diện tích châu Á, trong đó có các đồng bằng rộng lớn nhất thế giới, phân bố chủ yếu ven biển. Các đồng bằng là nơi thuận lợi cho sản xuất và định cư. Đây là nơi dân cư tập trung đông đúc, nhiều nền văn minh đã ra đời ở khu vực này.

Châu Á có nguồn khoáng sản rất phong phú và trữ lượng lớn. Các khoáng sản quan trọng gồm: sắt, man-gan, đồng, than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên,... có trữ lượng bậc nhất thế giới. Các khoáng sản này có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế của nhiều quốc gia trong châu lục. Tuy nhiên, hoạt động khai thác khoáng sản của nhiều nước còn chưa gắn với bảo vệ, gây lãng phí và ô nhiễm môi trường.

b. Khí hậu



Dựa vào hình 5.2 và thông tin trong bài, em hãy:

– Kể tên các đới và kiểu khí hậu ở châu Á.

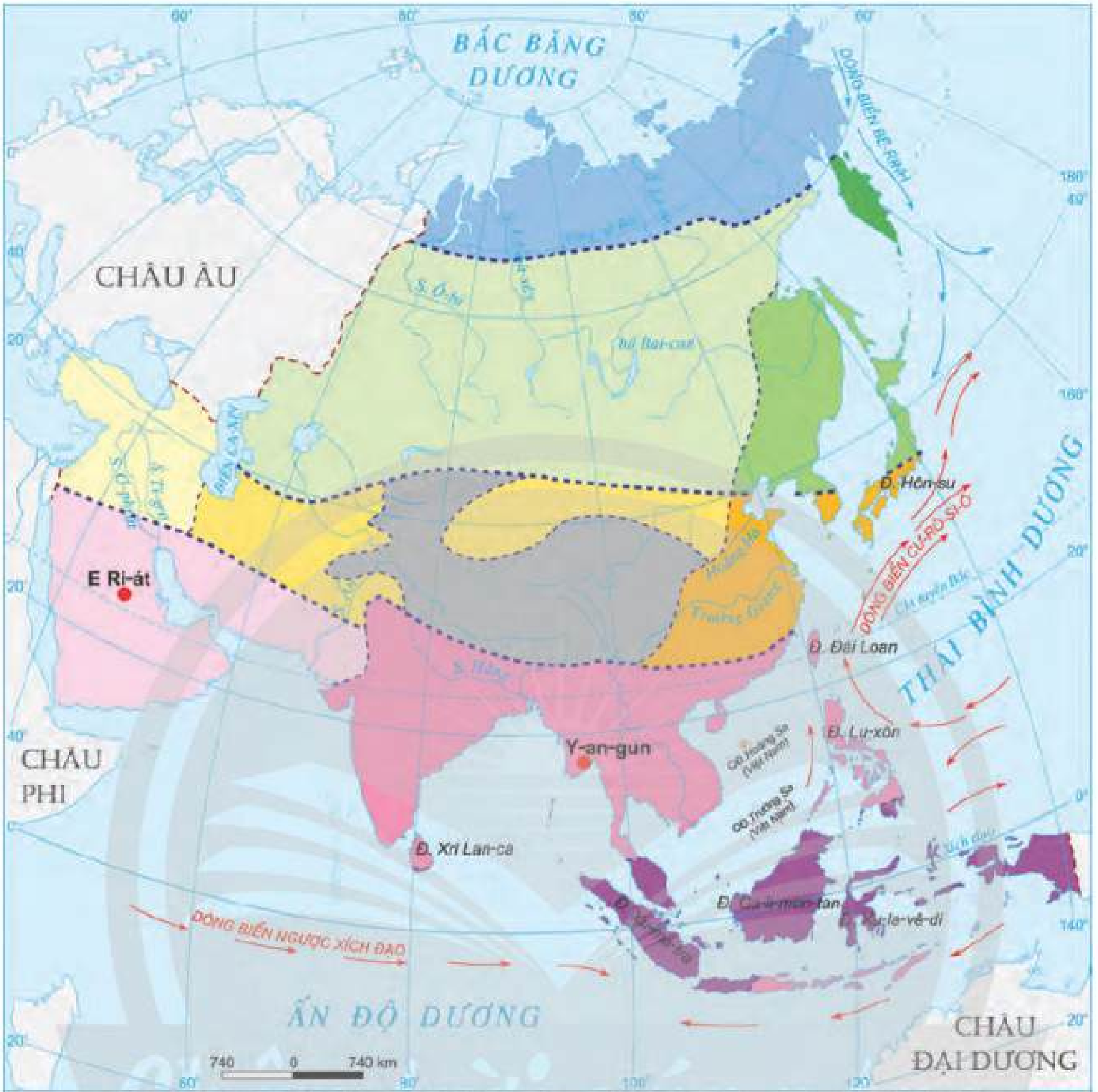
– Cho biết khí hậu châu Á phân hoá như thế nào. Kiểu khí hậu nào là phổ biến nhất?

Khí hậu châu Á phân hoá đa dạng thành nhiều đới. Mỗi đới lại gồm nhiều kiểu khí hậu, có sự khác biệt về nhiệt độ, chế độ gió và lượng mưa. Phổ biến là kiểu khí hậu gió mùa và kiểu khí hậu lục địa.

Kiểu khí hậu gió mùa phân bố ở phía đông và đông nam châu Á, một năm có hai mùa rõ rệt: mùa đông lạnh và khô; mùa hạ nóng, ẩm, mưa nhiều.

Kiểu khí hậu lục địa phân bố ở trung tâm châu Á, rất khô hạn, lượng mưa trung bình năm dưới 300 mm; mùa đông lạnh và khô, mùa hạ nóng và khô.

Những vùng khí hậu khô hạn, khắc nghiệt chiếm tỉ lệ lớn so với toàn bộ diện tích châu Á, gây khó khăn cho sản xuất, sinh hoạt của dân cư. Những vùng khí hậu ẩm thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp nhưng thường có bão, lũ gây nhiều thiệt hại cho người dân.



Hình 5.2. Bản đồ khí hậu châu Á

c. Sông ngòi và hồ



Dựa vào hình 5.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Kể tên một số sông và hồ lớn ở châu Á.

– Trình bày đặc điểm sông ngòi châu Á.

– Nêu ý nghĩa của sông, hồ đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

Châu Á có nhiều hệ thống sông lớn bậc nhất thế giới như: Ô-bi (Obi), Hoàng Hà, Trường Giang, Mê Công,... Tuy nhiên, sông ngòi ở châu Á phân bố không đều. Ở các khu vực mưa nhiều (Đông Á, Đông Nam Á, Nam Á), sông có lượng nước lớn; mùa lũ tương ứng với mùa mưa, mùa cạn tương ứng với mùa khô. Ở những khu vực khô hạn (Tây Nam Á, Trung Á), mạng lưới sông thưa thớt, nhiều nơi sâu trong nội địa không có dòng chảy.

Sông ngòi ở châu Á tạo điều kiện phát triển thuỷ điện, du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản, giao thông đường thuỷ,... Tuy nhiên, vào mùa mưa thường có lũ, lụt gây nhiều thiệt hại lớn.

Châu Á có khá nhiều hồ, trong đó có các hồ sâu và lớn nhất thế giới như: hồ Bai-can (Baikal), A-ran (Aral), Ban-khát (Balkhash),... Những hồ lớn của châu lục giúp điều hoà không khí, tạo phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp và là nơi cư trú của nhiều loài sinh vật.

d. Các đới thiên nhiên



Dựa vào hình 5.1, hình 5.2 và thông tin trong bài, em hãy:

– Trình bày sự phân hoá của các đới thiên nhiên châu Á.

– Cho biết trong việc khai thác và sử dụng các đới thiên nhiên cần chú ý vấn đề gì để bảo vệ môi trường.

Do đặc điểm địa hình và khí hậu nên châu Á có đới thiên nhiên đa dạng, cụ thể:

– Đới lạnh: ở phía bắc châu lục, thời tiết khắc nghiệt và có gió mạnh; phổ biến là hoang mạc cực, đồng rêu và đồng rêu rừng; động vật chủ yếu là các loài chịu lạnh, về mùa hạ có nhiều loài chim từ phương Nam di cư lên.

– Đới ôn hoà: chiếm diện tích lớn nhất, có sự phân hoá từ rừng lá kim sang rừng hỗn giao và rừng lá rộng, thảo nguyên rừng và thảo nguyên; càng vào sâu trong lục địa, khí hậu khô hạn nên chủ yếu là bán hoang mạc và hoang mạc. Khu vực núi cao phổ biến là thảo nguyên và băng tuyết.

– Đới nóng: ở vùng khí hậu gió mùa, xích đạo; thực vật điển hình là rừng nhiệt đới. Rừng có nhiều tầng và thường xanh; ở những nơi khuất gió hoặc khô hạn có rừng thưa, xavan, cây bụi và hoang mạc.

Ngày nay, đa số các đới thiên nhiên ở châu Á đều chịu ảnh hưởng bởi sự khai phá của con người. Vì vậy, việc bảo vệ và phục hồi rừng là nhiệm vụ rất quan trọng của các quốc gia.



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Cho bảng số liệu sau:

Nhiệt độ (^{0}C) và lượng mưa (mm) của hai trạm khí tượng ở châu Á

Địa điểm	Tháng / Yếu tố	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
E Ri-át (A-rập Xê-út)	Nhiệt độ	14,2	15,2	21,2	24,9	29,5	33,3	33,5	33,5	30,7	25,9	20,5	15,5
	Lượng mưa	17	19	18	17	10	0	0	0	0	0	4	12
Y-an-gun (Mi-an-ma)	Nhiệt độ	25,1	25,4	28,5	30,4	29,1	27,5	27	27	27,3	27,9	27,2	25,4
	Lượng mưa	4	5	8	448	309	502	578	538	391	190	53	13

Dựa vào bảng số liệu trên, em hãy:

a. Xác định vị trí của hai trạm khí tượng E Ri-át (Ar Riyadh) và Y-an-gun (Yangon) trên hình 5.2.

b. Nhận xét đặc điểm nhiệt độ và lượng mưa ở hai trạm khí tượng.

Vận dụng

2. Em hãy lựa chọn thực hiện một trong hai nhiệm vụ sau:

***Nhiệm vụ 1:** Tìm hiểu và viết một đoạn văn ngắn mô tả đặc điểm của một đồng bằng hoặc cao nguyên ở châu Á.*

***Nhiệm vụ 2:** Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về một con sông, hồ lớn hoặc đới thiên nhiên ở châu Á.*

Bài 6 ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU Á

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo châu Á.
- Trình bày được sự phân bố dân cư và các đô thị lớn ở châu Á.

Châu Á là châu lục đông dân nhất thế giới, là cái nôi của những nền văn minh lâu đời, những tôn giáo lớn trên thế giới. Vậy dân cư, xã hội của châu Á có những đặc điểm gì nổi bật? Phân bố dân cư và các đô thị ở châu Á như thế nào?

1. Đặc điểm dân cư

a. Quy mô và cơ cấu dân số



Dựa vào thông tin trong bài và bảng 6.1, em hãy:

- *Cho biết số dân của châu Á năm 2020.*
- *Nhận xét cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của châu Á trong giai đoạn 2005 – 2020.*

Bảng 6.1. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của châu Á (không tính số dân của Liên bang Nga), giai đoạn 2005 – 2020

(Đơn vị: %)

Nhóm tuổi \ Năm	2005	2010	2015	2020
Từ 0 đến 14 tuổi	27,6	25,9	24,6	23,5
Từ 15 đến 64 tuổi	66,1	67,4	67,9	67,6
Từ 65 tuổi trở lên	6,3	6,7	7,5	8,9

Năm 2020, số dân của châu Á là 4,64 tỉ người (không tính số dân của Liên bang Nga), chiếm gần 60% số dân thế giới. Hai quốc gia đông dân nhất châu Á là Trung Quốc (1,44 tỉ người) và Ấn Độ (1,39 tỉ người). Thời gian gần đây, tỉ suất tăng dân số tự nhiên của châu Á đang có xu hướng giảm, chỉ còn 0,86% vào năm 2020.

Châu Á có cơ cấu dân số trẻ với nhóm người từ 0 đến 14 tuổi chiếm gần 24% số dân, nhóm người từ 65 tuổi trở lên chiếm gần 9% số dân (năm 2020). Tuy nhiên, châu Á cũng có quốc gia có cơ cấu dân số già như Nhật Bản; một số quốc gia khác đang trong xu hướng già hoá dân số như Hàn Quốc, Trung Quốc,... Cơ cấu dân số theo giới của các nước châu Á thường có tỉ lệ nam cao hơn nữ trong tổng số dân. Những yếu tố này ảnh hưởng đến lực lượng lao động, tác động đến sự phát triển kinh tế các quốc gia trong tương lai.

Dân cư châu Á bao gồm nhiều chủng tộc: Môn-gô-lô-it (Mongoloid), Ơ-rô-pê-ô-it (Europeoid), Ô-xtra-lô-it (Australoid),... với nền văn hoá đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc.

b. Phân bố dân cư



Dựa vào hình 6.1 và thông tin trong bài, em hãy trình bày sự phân bố dân cư châu Á.

Năm 2020, châu Á (không tính Liên bang Nga) có mật độ dân số cao nhất trong các châu lục (150 người/km^2). Dân cư châu Á phân bố không đồng đều giữa các quốc gia và khu vực do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội khác nhau.



Hình 6.1. Bản đồ phân bố dân cư và một số đô thị ở châu Á, năm 2020

c. Các đô thị lớn



Dựa vào hình 6.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Xác định 10 đô thị đông dân nhất ở châu Á (không tính Liên bang Nga).

– Cho biết các đô thị lớn của châu Á thường tập trung tại khu vực nào. Vì sao?

Năm 2020, châu Á đứng đầu thế giới về số lượng các đô thị có quy mô dân số lớn; tỉ lệ dân thành thị của châu Á là 50,9% và đang có xu hướng tăng nhanh. Các đô thị, nhất là các đô thị lớn của châu Á thường tập trung tại khu vực ven biển, nơi có nhiều điều kiện thuận lợi cho đời sống và sản xuất, trao đổi, buôn bán với các nước.



Em có biết?

Vùng siêu đô thị Tô-ky-ô (Tokyo) gồm thủ đô Tô-ky-ô và ba tỉnh liền kề là Xai-ta-ma (Saitama), Ka-na-ga-oa (Kanagawa) và Chi-ba (Chiba) có tổng số dân là 37,2 triệu người, chiếm hơn 29% số dân Nhật Bản (năm 2020).



Hình 6.2. Một phần đô thị Tô-ky-ô, Nhật Bản

2. Tôn giáo ở châu Á



Dựa vào thông tin trong bài, em hãy trình bày đặc điểm tôn giáo ở châu Á.

Châu Á là nơi ra đời của các tôn giáo lớn, đóng vai trò quan trọng trong lịch sử văn hoá nhân loại, bao gồm Ấn Độ giáo, Phật giáo, Ki-tô giáo và Hồi giáo. Ấn Độ giáo và Phật giáo khởi nguồn tại Ấn Độ, Ki-tô giáo và Hồi giáo ra đời trên vùng đất Tây Nam Á. Tôn giáo ảnh hưởng sâu sắc đến văn hoá, kiến trúc, du lịch và lễ hội của các quốc gia châu Á.



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Dựa vào bảng 6.2, em hãy nhận xét sự thay đổi số dân và tỉ lệ dân thành thị của châu Á trong giai đoạn 2005 – 2020.

Bảng 6.2. Số dân và tỉ lệ dân thành thị của châu Á (không tính số dân của Liên bang Nga), giai đoạn 2005 – 2020

Năm	2005	2010	2015	2020
Số dân (tỉ người)	3,98	4,21	4,43	4,64
Tỉ lệ dân thành thị (%)	41,0	44,6	47,8	50,9

Vận dụng

2. Em hãy thu thập thông tin về dân cư của tỉnh (thành phố) nơi em sinh sống dựa trên một số thông tin gợi ý sau: số dân, mật độ dân số, tỉ suất tăng dân số tự nhiên, cơ cấu dân số theo tuổi,...

Bài 7 BẢN ĐỒ CHÍNH TRỊ CHÂU Á, CÁC KHU VỰC CỦA CHÂU Á

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á.

Sự kết hợp giữa các điều kiện tự nhiên và dân cư, xã hội đã tạo nên các khu vực khác nhau trên bản đồ chính trị châu Á. Mỗi khu vực của châu Á lại có một nét độc đáo riêng về tự nhiên. Vậy, đặc điểm tự nhiên của khu vực nào làm em ấn tượng nhất?

1. Bản đồ chính trị các khu vực của châu Á



Hình 7.1. Bản đồ chính trị các khu vực của châu Á



Dựa vào hình 7.1, em hãy xác định các khu vực của châu Á và các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ trong từng khu vực.

Hiện nay, châu Á có 49 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trên bản đồ chính trị, châu Á được phân chia thành sáu khu vực:

CÁC KHU VỰC CỦA CHÂU Á

Khu vực	Các quốc gia và vùng lãnh thổ
Bắc Á	Phần lãnh thổ châu Á của Liên bang Nga
Trung Á	Ca-dắc-xtan, U-dơ-bê-ki-xtan, Tát-gi-ki-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan, Cư-rơ-gư-xtan
Đông Á	Mông Cổ, Trung Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản
Tây Á (Tây Nam Á)	A-rập Xê-út, Thổ Nhĩ Kỳ, Gru-di-a, Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Pa-le-xtin, I-xra-en, Xi-ri, Li-băng, Gioóc-đa-ni, I-rắc, Ca-ta, Các tiểu vương quốc A-rập Thống Nhất (UAE), Ba-ranh, Cô-oét, Ô-man, Y-ê-men
Nam Á	Ấn Độ, Pa-ki-xtan, I-ran, Áp-ga-ni-xtan, Nê-pan, Bu-tan, Băng-la-đét, Xri Lan-ca, Man-đi-vơ
Đông Nam Á	Việt Nam, Mi-an-ma, Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Bru-nây, Đông Ti-mo

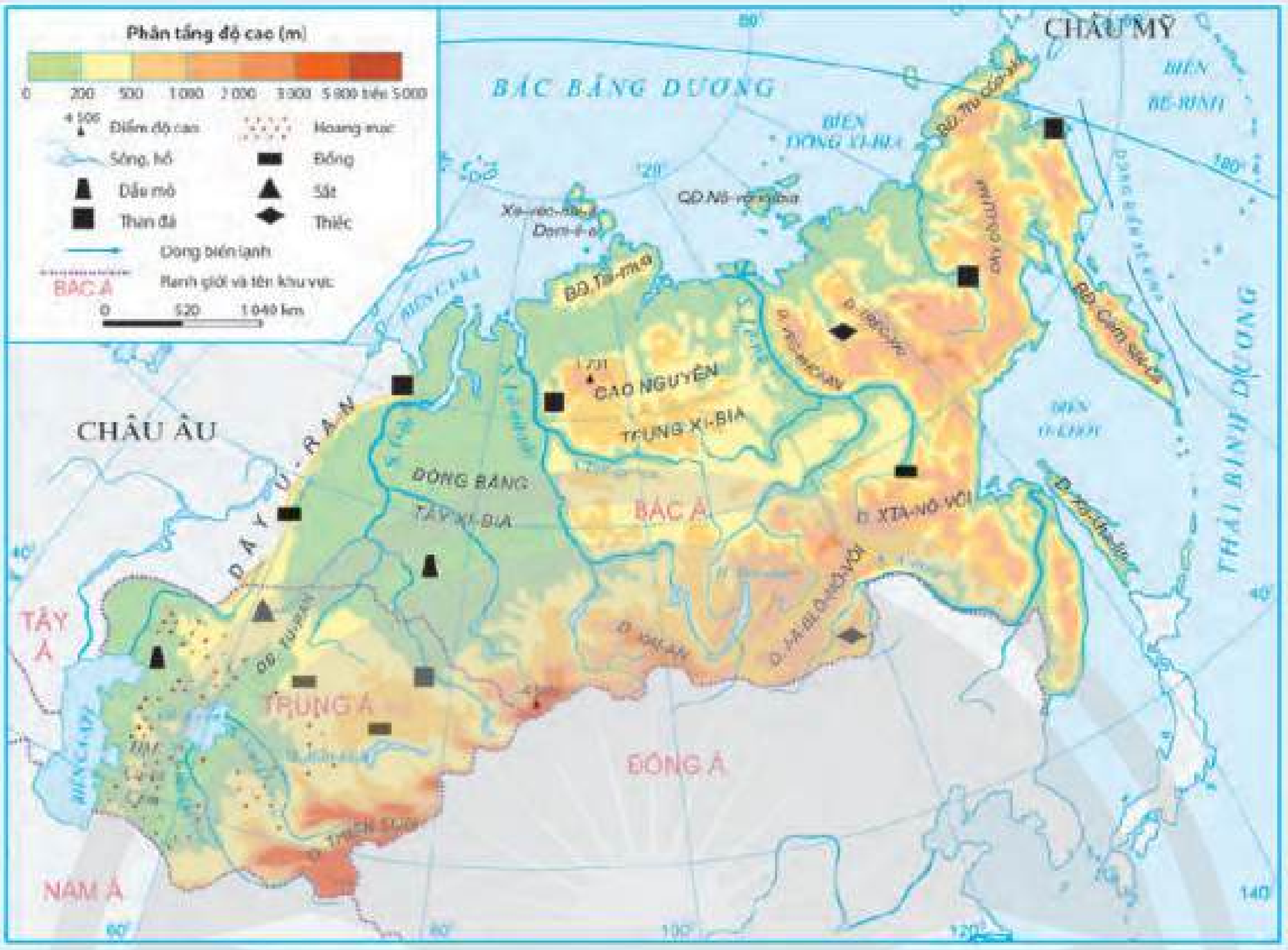
Trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các quốc gia ở châu Á rất khác nhau, có nước phát triển hàng đầu thế giới như Nhật Bản, nước công nghiệp mới như Hàn Quốc, Xin-ga-po,... và các nước đang phát triển. Trong những năm gần đây, tình hình kinh tế – xã hội của nhiều nước châu Á đang có chuyển biến tích cực.

2. Đặc điểm tự nhiên các khu vực của châu Á



Quan sát bản đồ tự nhiên của từng khu vực của châu Á và các thông tin trong bài, em hãy trình bày đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi, các đới thiên nhiên chính,...) của một trong các khu vực ở châu Á: Bắc Á, Trung Á, Đông Á, Tây Á, Nam Á hoặc Đông Nam Á.

a. Khu vực Bắc Á



Hình 7.2. Bản đồ tự nhiên khu vực Bắc Á và khu vực Trung Á

Bắc Á có ba khu vực địa hình chính là đồng bằng Tây Xi-bia, cao nguyên Trung Xi-bia, miền núi Đông và Nam Xi-bia.

Vùng giáp Bắc Băng Dương thuộc đới lạnh với thực vật chủ yếu là đài nguyên; phần lớn lãnh thổ còn lại có khí hậu ôn đới lục địa với thực vật chủ yếu là rừng tai-ga. Các sông lớn như: Lê-na (Lena), I-ê-nít-xây (Yenisei), Ô-bi,... chảy theo hướng từ nam lên bắc, đóng băng mùa đông, lũ vào mùa xuân. Bai-can là hồ nước ngọt lớn và sâu nhất thế giới.

Bắc Á có nguồn tài nguyên phong phú, bao gồm: sắt, thiếc, đồng, than đá, dầu mỏ,...

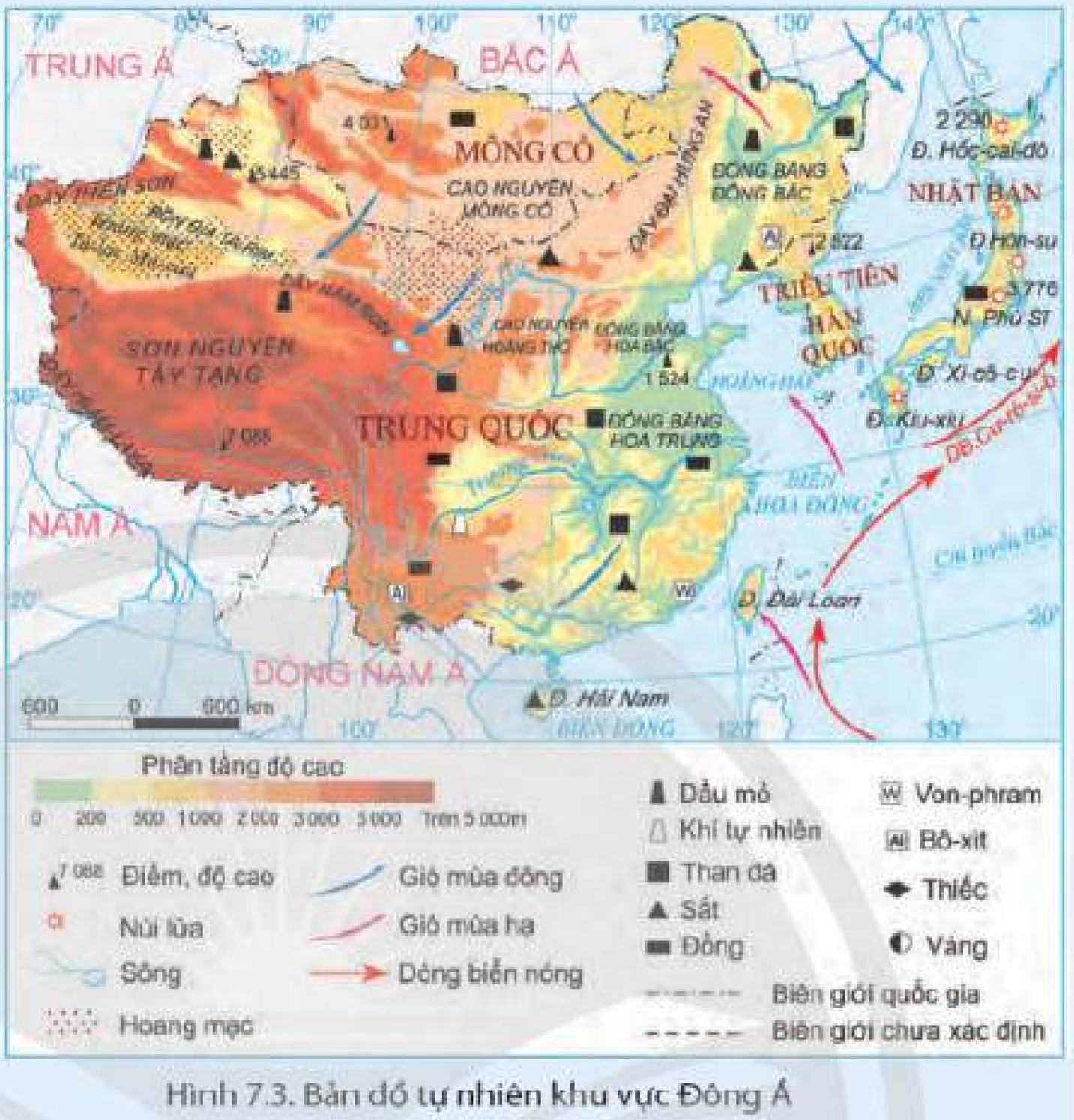
b. Khu vực Trung Á

Trung Á nằm ở trung tâm của châu Á, không tiếp giáp đại dương và bị các hệ thống núi bao bọc xung quanh, khí hậu mang tính chất ôn đới lục địa gay gắt. Cảnh quan chủ yếu là thảo nguyên, bán hoang mạc và hoang mạc; khu vực núi cao có rừng lá kim phát triển.

Khoáng sản chủ yếu là than đá, dầu mỏ, sắt, kim loại quý và kim loại màu.

c. Khu vực Đông Á

Đông Á có thể chia thành hai bộ phận lục địa và hải đảo. Phần lớn khu vực này thuộc đới ôn hoà, ở phía nam có khí hậu cận nhiệt đới; phía đông phần lục địa và phần hải đảo chịu ảnh hưởng của gió mùa.



Hình 7.3. Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Á

– Phần lục địa: gồm Trung Quốc, Mông Cổ, Triều Tiên và Hàn Quốc.

+ Ở phía tây Trung Quốc có các hệ thống núi, sơn nguyên đồ sộ và các bồn địa; khí hậu ôn đới lục địa; cảnh quan thảo nguyên, bán hoang mạc và hoang mạc là chủ yếu.

+ Ở phía đông là các vùng đồi núi thấp xen các đồng bằng rộng, khí hậu ẩm hơn, có thảo nguyên rừng ở phía bắc, rừng cận nhiệt ở miền Trung và rừng nhiệt đới ẩm ở phía nam. Các sông lớn là Hoàng Hà, Trường Giang,...

– Phần hải đảo: gồm quần đảo Nhật Bản, đảo Đài Loan và đảo Hải Nam. Quần đảo Nhật Bản là nơi có nhiều núi lửa còn hoạt động.

Đông Á có nhiều khoáng sản như: sắt, đồng, chì, kẽm, thiếc, than đá, dầu mỏ,...

d. Khu vực Tây Á

Tây Á có ba khu vực địa hình chính: các sơn nguyên ở bán đảo A-ráp, đồng bằng Lưỡng Hà và miền núi cao.

Khí hậu Tây Á chủ yếu là cận nhiệt địa trung hải ở phía bắc và nhiệt đới khô ở phía nam nên khô hạn và nóng; hoang mạc và bán hoang mạc chiếm phần lớn diện tích. Trên các vùng núi cao (từ 1 000 m trở lên) phát triển rừng thưa và cây bụi do khí hậu dịu mát hơn.

Hai sông lớn trong khu vực là Ti-grơ (Tigris) và Ơ-phrát (Euphrates). Biển Chết là hồ nước mặn nổi tiếng trên thế giới, nằm dưới mực nước biển 427 m.

Khoáng sản quan trọng nhất của khu vực là dầu mỏ, tập trung chủ yếu ở vịnh Péc-xích (Persian). Các khoáng sản khác có đồng, sắt, than đá,...

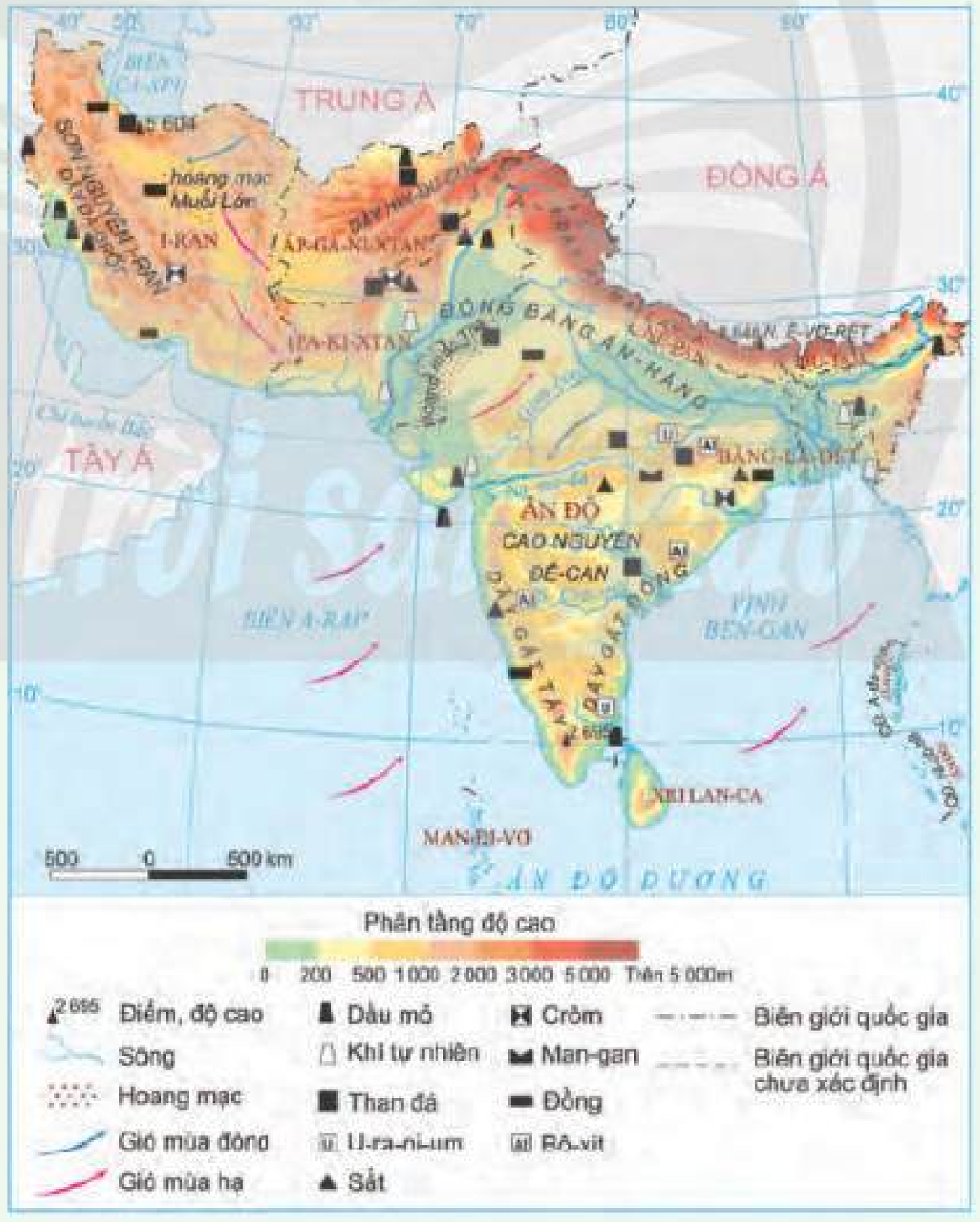


Hình 7.4. Bản đồ tự nhiên khu vực Tây Á

đ. Khu vực Nam Á

Nam Á có các miền địa hình: miền núi Hi-ma-lay-a là hệ thống núi trẻ cao và đồ sộ nhất thế giới có đỉnh Ê-vơ-rét (Everest) (cao 8 848 m), cao nguyên Đê-can ở phía nam, sơn nguyên I-ran (Iran) ở phía tây và đồng bằng Ấn – Hằng.

Phần lớn Nam Á có khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình: mùa đông có gió mùa đông bắc với thời tiết lạnh, khô; mùa hạ có gió mùa tây nam nóng, ẩm từ Ấn Độ Dương thổi vào gây mưa, đặc biệt là



Hình 7.5. Bản đồ tự nhiên khu vực Nam Á

sườn nam dãy Hi-ma-lay-a. Phía tây nam có khí hậu nhiệt đới khô. Trên các khu vực núi cao có sự phân hoá theo độ cao địa hình, các sườn phía nam có khí hậu nóng ẩm, các sườn phía bắc có khí hậu khô và lạnh hơn.

Nam Á có hai sông lớn là sông Ấn và sông Hằng bồi đắp nên đồng bằng Ấn – Hằng màu mỡ.

Nam Á có rừng nhiệt đới ẩm ở phía đông; xavan, hoang mạc ở phía tây và cảnh quan núi cao ở Hi-ma-lay-a.

Khoáng sản chủ yếu là dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá, sắt,...

e. Khu vực Đông Nam Á



Hình 7.6. Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á

Lãnh thổ Đông Nam Á bao gồm hai bộ phận: phần đất liền và các quần đảo. Địa hình phần đất liền bao gồm các dãy núi nối tiếp dãy Hi-ma-lay-a chạy dài hướng bắc – nam hoặc tây bắc – đông nam, bao quanh những khối cao nguyên thấp. Đồng bằng phù sa màu mỡ tập trung ở ven biển và hạ lưu các sông lớn. Các quần đảo thuộc

In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin nằm trên vùng có động đất và núi lửa hoạt động (In-đô-nê-xi-a có tới 500 núi lửa, trong đó khoảng 170 núi lửa đang hoạt động).

Đông Nam Á có khí hậu xích đạo, cận xích đạo và nhiệt đới ẩm gió mùa. Mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều; mùa đông khô. Một số khu vực có thời tiết lạnh do có gió mùa mùa đông hoạt động như phía bắc của Mi-an-ma và Việt Nam. Trên các đảo và phần phía nam của lục địa có khí hậu xích đạo và cận xích đạo. Quần đảo Phi-líp-pin bị ảnh hưởng nhiều của bão nhiệt đới.

Các sông lớn là sông Hồng, sông Mê Công, sông I-ra-oa-đi (Irrawaddy),... Biển Hồ là hồ nước ngọt lớn nhất Đông Nam Á.

Phần lớn lãnh thổ Đông Nam Á là rừng nhiệt đới ẩm, phía tây có rừng rụng lá theo mùa. Trên các đảo phổ biến là rừng xích đạo ẩm và rừng gió mùa.

Khoáng sản khá phong phú, quan trọng là dầu mỏ, thiếc, sắt, than đá,...



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Dựa vào hình 7.1, em hãy lựa chọn một trong các khu vực của châu Á và kể tên ít nhất 3 quốc gia trong khu vực đó.

2. Hoàn thành bảng tổng hợp thể hiện đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á theo mẫu sau:

Đặc điểm / Khu vực	Địa hình	Khí hậu	Sông ngòi	Thực vật
?	?	?	?	?

Vận dụng

3. Em hãy sưu tầm thông tin hoặc hình ảnh về một khu vực của châu Á mà em yêu thích.

Bài 8 THỰC HÀNH: TÌM HIỂU CÁC NỀN KINH TẾ LỚN VÀ KINH TẾ MỚI NỔI Ở CHÂU Á

Học xong bài này, em sẽ:

Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po).

1. Chuẩn bị

a. Lựa chọn nội dung

Lựa chọn một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po để viết báo cáo.

b. Lập đề cương báo cáo và phân công nhiệm vụ

– Lập đề cương báo cáo (bao gồm các đề mục và nội dung cần thể hiện trong báo cáo).

– Phân công viết báo cáo theo nội dung.

c. Thực hiện sưu tầm tài liệu

Thực hiện sưu tầm tài liệu qua internet, sách, báo, tạp chí,…

d. Xử lí thông tin

– Chọn lọc tư liệu từ các nguồn thu thập được.

– Xử lí số liệu, thông tin, hình ảnh,…

– Sắp xếp các thông tin, tư liệu theo đề cương đã xây dựng.

2. Viết báo cáo

Gợi ý nội dung báo cáo:

TÊN QUỐC GIA

1. Khái quát về nền kinh tế của quốc gia
2. Đặc điểm nền kinh tế
   a. Lịch sử phát triển nền kinh tế
   b. Cơ cấu nền kinh tế
   c. Một số ngành kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ)

3. Trình bày báo cáo

– Trình bày báo cáo theo nội dung được phân công.

– Hình thức trình bày: chọn một trong các hình thức như: bài thuyết trình, áp-phích, sân khấu hoá,...

Chương 3 CHÂU PHI

Bài 9 THIÊN NHIÊN CHÂU PHI

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.
- Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi.

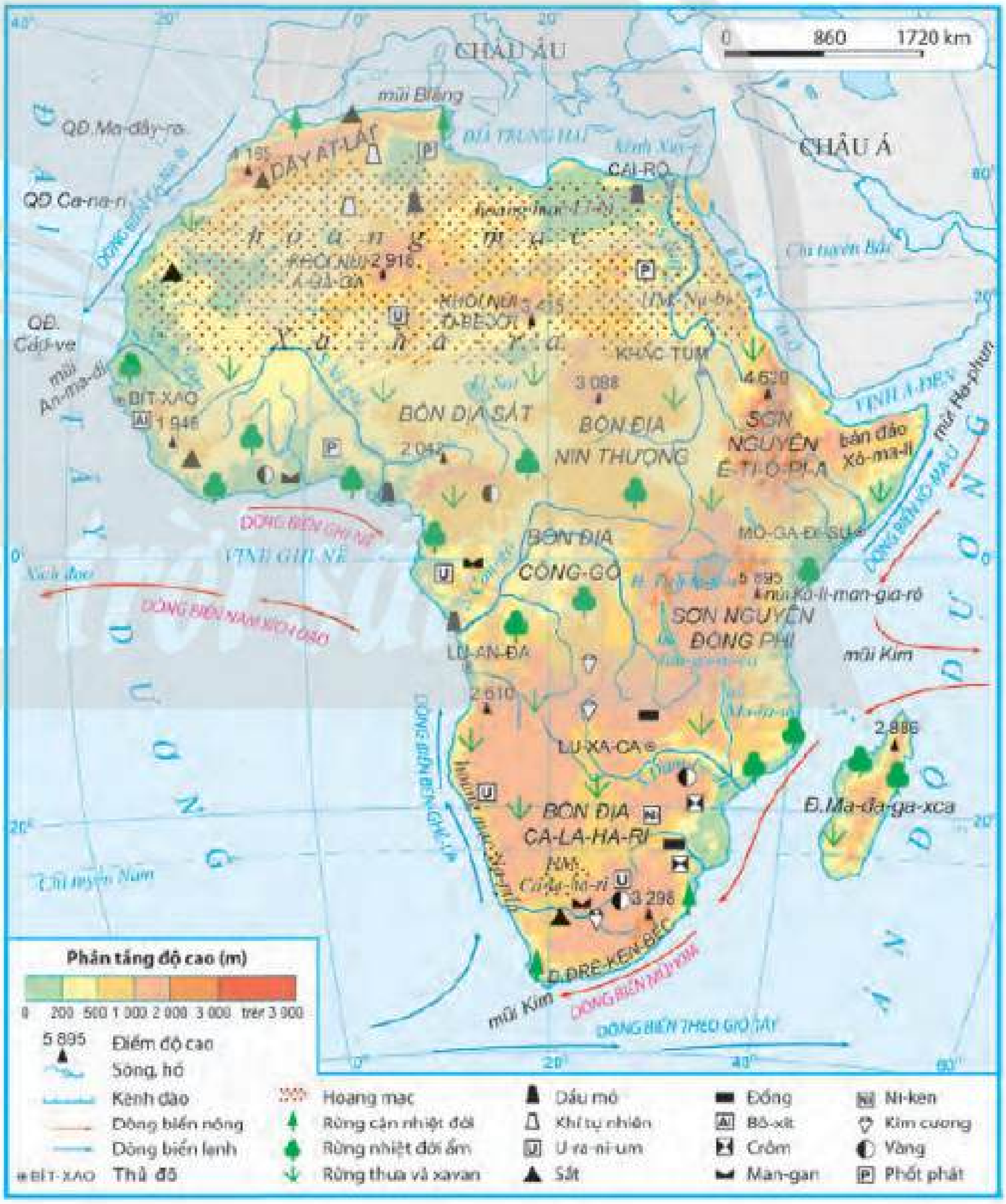
Khi nhắc đến châu Phi, chúng ta thường nghĩ đến những hoang mạc rộng lớn, khí hậu khô nóng, những khu rừng già, các hồ nước ngọt,... Vậy, châu Phi có vị trí như thế nào? Thiên nhiên châu Phi có những đặc điểm gì nổi bật?

1. Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi



Dựa vào hình 9.1 và thông tin trong bài, em hãy:

- *Nêu đặc điểm hình dạng và kích thước châu Phi.*
- *Trình bày đặc điểm vị trí địa lí châu Phi.*



Hình 9.1. Bản đồ tự nhiên châu Phi

Châu Phi nằm ở cả bán cầu Bắc và bán cầu Nam, bán cầu Đông và bán cầu Tây. Phần lớn lãnh thổ nằm giữa chí tuyến Bắc và chí tuyến Nam.

Châu Phi được bao bọc bởi Ấn Độ Dương ở phía đông và Đại Tây Dương ở phía tây. Phía bắc, châu Phi tiếp giáp với châu Âu qua Địa Trung Hải, phía đông bắc tiếp giáp với châu Á qua Biển Đỏ và bán đảo Xi-nai (Sinai). Nơi hẹp nhất trên bán đảo Xi-nai, người ta đã đào một kênh nối Biển Đỏ với Địa Trung Hải, đó là kênh Xuy-ê.

Diện tích châu Phi hơn 30 triệu km^2, là châu lục lớn thứ ba trên thế giới. Hình dạng châu Phi có dạng khối, đường bờ biển ít bị chia cắt. Vịnh biển lớn nhất là vịnh Ghi-nê (Guinea) và bán đảo lớn nhất là bán đảo Xô-ma-li (Somali). Ma-đa-ga-xca (Madagascar) là đảo lớn nhất châu Phi.

2. Đặc điểm tự nhiên

a. Địa hình và khoáng sản



Dựa vào hình 9.1 và thông tin trong bài, em hãy:
– Phân tích đặc điểm địa hình châu Phi.
– Cho biết sự phân bố các loại khoáng sản chính ở châu Phi.

– Địa hình: Châu Phi có địa hình bề mặt khá bằng phẳng, độ cao trung bình khoảng 750 m so với mực nước biển. Địa hình châu Phi cao về phía đông nam và thấp về phía tây bắc. Các dạng địa hình chính: sơn nguyên, bồn địa, hoang mạc, núi thấp và đồng bằng.

Các sơn nguyên, nơi có nhiều đỉnh núi cao hơn 4 000 m, phân bố chủ yếu ở phía đông và nam như: sơn nguyên Ê-ti-ô-pi-a (Ethiopia), sơn nguyên Đông Phi,...

Các bồn địa xen giữa những vùng đất cao, điển hình như: bồn địa Công-gô (Congo), bồn địa Ca-la-ha-ri (Kalahari), bồn địa Sát (Chad),...

Châu Phi là nơi có những hoang mạc rộng lớn và rất khô hạn như: Xa-ha-ra (Sahara), Na-míp (Namib),...

Phía bắc và nam châu Phi có một số dãy núi như: Át-lát (Atlas), Đrê-ken-béc (Drakensberg),...

Các đồng bằng thấp có diện tích nhỏ, phân bố ở ven biển như: đồng bằng châu thổ sông Nin (Nile), các đồng bằng ven vịnh Ghi-nê,...

– Khoáng sản: Châu Phi giàu tài nguyên khoáng sản: vàng, kim cương, sắt, dầu mỏ, khí tự nhiên, u-ra-ni-um, crôm, man-gan,... Nhiều loại khoáng sản quý có trữ lượng hàng đầu thế giới.

Khoáng sản ở châu Phi phân bố không đều. Khu vực Bắc Phi tập trung nhiều dầu mỏ; vàng và kim cương phân bố chủ yếu ở Nam Phi.

Hiện nay, khoáng sản đóng vai trò quan trọng để phát triển kinh tế ở một số quốc gia châu Phi.

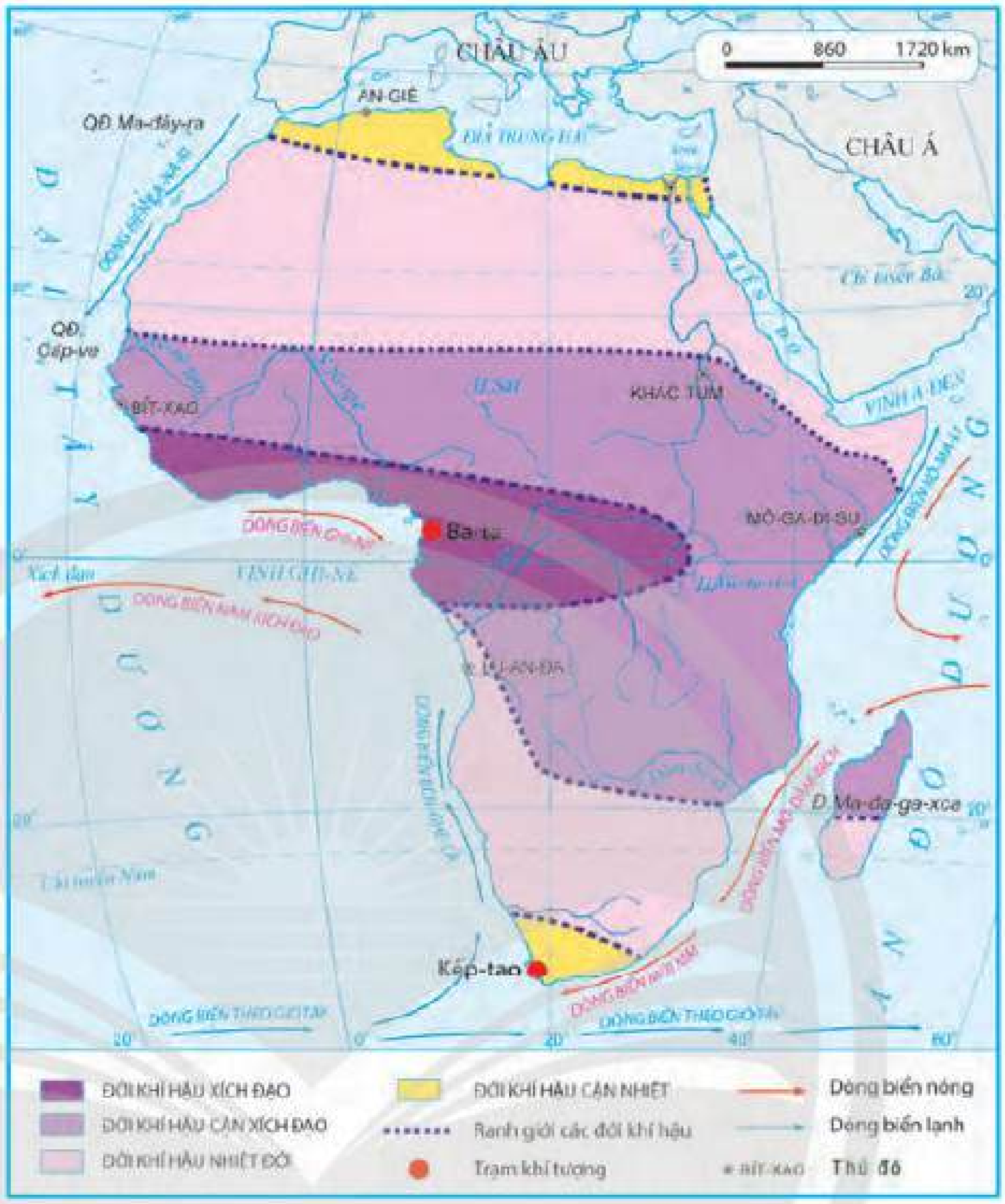
b. Khí hậu



Dựa vào hình 9.2 và thông tin trong bài, em hãy:

– Nêu tên các đới khí hậu ở châu Phi.

– Nhận xét đặc điểm chung của khí hậu châu Phi.



Hình 9.2. Bản đồ khí hậu châu Phi

Châu Phi là châu lục có nhiệt độ trung bình cao nhất thế giới, phần lớn lãnh thổ nằm trong các đới nóng, bao gồm:

– Đới khí hậu xích đạo: nhiệt độ trung bình năm cao, khoảng 25^0C, mưa quanh năm, lượng mưa lớn, có nơi đạt tới 3 000 mm/năm như ở ven vịnh Ghi-nê và bồn địa Công-gô.

– Đới khí hậu cận xích đạo: nhiệt độ trung bình năm trên 20^0C, lượng mưa khá lớn, càng về phía hai chí tuyến lượng mưa càng giảm và thời gian khô hạn càng tăng.

– Đới khí hậu nhiệt đới: mang tính chất lục địa rất nóng, khô và thay đổi theo mùa trong năm. Nhiều nơi ở các hoang mạc, nhiệt độ trung bình mùa hạ trên 40^0C, trời ít mây, lượng mưa dưới 25 mm/năm, có nơi cả năm không có mưa.

– Đới khí hậu cận nhiệt: nhiệt độ chênh lệch giữa mùa đông và mùa hạ khá lớn, lượng mưa trung bình khoảng 500 mm/năm và số ngày mưa ít.

Cánh diều trời sáng tạo

c. Sông, hồ



Dựa vào hình 9.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Nêu tên các sông và hồ chính ở châu Phi.

– Nhận xét đặc điểm mạng lưới sông, hồ ở châu Phi.

Nhìn chung, châu Phi có mạng lưới sông ngòi phân bố không đều. Nguồn cung cấp nước chủ yếu là nước mưa nên chế độ nước sông phụ thuộc chế độ mưa. Ở các hoang mạc rất ít sông, chỉ có dòng chảy vào mùa mưa và không có nước vào mùa khô. Ở bồn địa Công-gô và phía bắc vịnh Ghi-nê do mưa nhiều nên mạng lưới sông dày đặc, lượng nước lớn.

Châu Phi có một số hệ thống sông lớn: Công-gô, Nin, Dăm-be-di (Zambezi), Ni-giê (Niger),... Phần lớn các hệ thống sông chính ở châu Phi đổ nước vào các biển, vịnh biển,... thuộc Đại Tây Dương.

Các hồ lớn của châu Phi phân bố chủ yếu ở Đông Phi. Hồ Vích-to-ri-a, Tan-ga-ni-ca (Tanganyka), Ma-la-uy (Malawi) là những hồ có diện tích lớn trên thế giới. Các hồ ở châu Phi là nguồn cung cấp nước ngọt và thuỷ sản quan trọng cho người dân trong vùng.

d. Các môi trường tự nhiên



Dựa vào thông tin trong bài, em hãy trình bày đặc điểm các môi trường tự nhiên ở châu Phi.

Ngoài môi trường cận nhiệt thuộc đới ôn hoà, phần lớn thiên nhiên châu Phi thuộc môi trường đới nóng.

– Môi trường xích đạo: gồm bồn địa Công-gô và phía bắc vịnh Ghi-nê. Giới sinh vật ở đây rất phát triển, đặc trưng là rừng thường xanh. Mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều nước quanh năm. Đất màu mỡ nên thuận lợi phát triển nông nghiệp.

– Môi trường nhiệt đới: phân bố ở hai bên môi trường xích đạo. Đi về phía chí tuyến, thảm thực vật chuyển từ kiểu rừng sang đồng cỏ cao và cây bụi gai. Sông ngòi có lưu lượng nước khá lớn nhưng thay đổi theo mùa. Đất đỏ vàng là chủ yếu, có thể khai thác tốt cho nông nghiệp nếu đảm bảo được nước tưới.

– Môi trường hoang mạc: chiếm diện tích lớn nhất, phân bố chủ yếu ở khu vực chí tuyến. Thảm thực vật, sông ngòi kém phát triển.

– Môi trường cận nhiệt: chỉ chiếm một phần lãnh thổ nhỏ ở phía bắc và nam châu Phi. Nơi đây phát triển cây lá cứng để hạn chế thoát nước. Mạng lưới sông ít phát triển.

Em có biết?

Ki-li-man-gia-rô (Kilimanjaro) là một núi lửa đã ngừng hoạt động ở đông bắc Tan-da-ni-a (Tanzania). Đỉnh núi cao 5 895 m so với mực nước biển nên mặc dù có vị trí ở gần Xích đạo nhưng vẫn có băng tuyết bao phủ quanh năm.

Ki-li-man-gia-rô có sự đa dạng sinh học rất lớn, đặc biệt nhiều kiểu rừng phân bố ở dải độ cao 3 000 m. Do nhiệt độ có xu hướng tăng lên nên diện tích băng tuyết trên đỉnh núi đang giảm dần.



Hình 9.3. Đỉnh núi Ki-li-man-gia-rô nhìn từ vườn quốc gia Am-bô-xê-li (Amboseli), Kê-ni-a (Kenya)

Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Cho biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của hai trạm khí tượng sau:



Hình 9.4. Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa hai trạm khí tượng của châu Phi

a. Dựa vào hình 9.2, cho biết hai trạm khí tượng trên thuộc đới khí hậu nào.

b. Ở mỗi trạm khí tượng, em hãy cho biết:

– Nhiệt độ tháng cao nhất, nhiệt độ tháng thấp nhất; vào những tháng nào.

– Tổng lượng mưa trung bình năm, tháng có lượng mưa cao nhất, tháng có lượng mưa thấp nhất.

2. Vì sao mạng lưới sông, hồ ở châu Phi phân bố không đều?

Vận dụng

3. Em hãy sưu tầm hình ảnh và viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) giới thiệu một di sản thiên nhiên hoặc một vườn quốc gia ở châu Phi.

Chân trời sáng tạo

Bài 10 ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU PHI

Học xong bài này, em sẽ:

Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi (vấn đề nạn đói, vấn đề xung đột quân sự,...)

Châu Phi có các quốc gia quy mô dân số trên 100 triệu người như Ni-giê-ri-a (Nigeria), Ê-ti-ô-pi-a, Ai Cập. Đây cũng là châu lục có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao và có một số vấn đề về xã hội tồn tại. Vậy dân cư, xã hội châu Phi có những vấn đề nổi cộm gì?

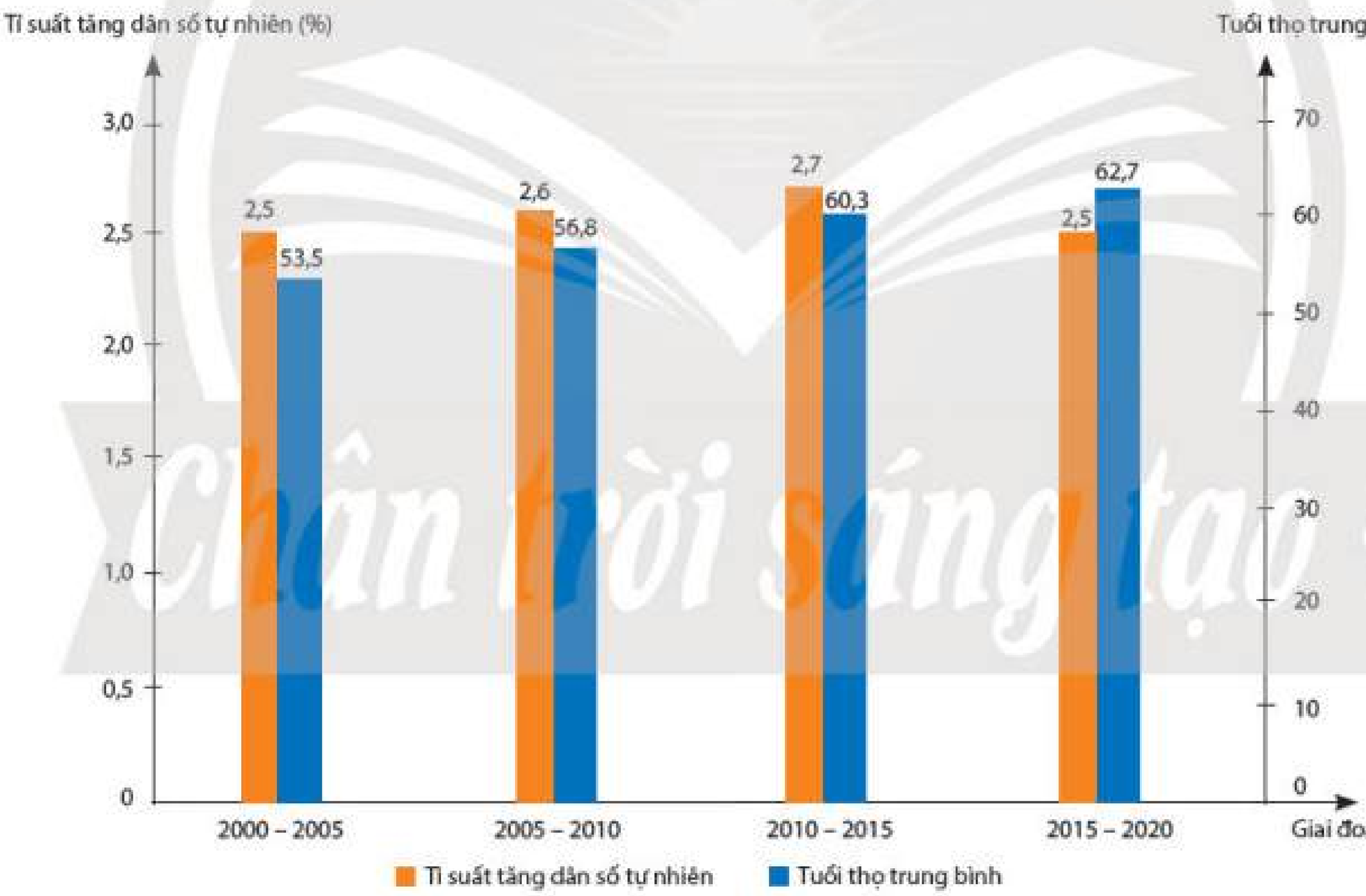
1. Những vấn đề về dân cư



Dựa vào hình 10.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Nhận xét tỉ suất tăng dân số tự nhiên của châu Phi từ giai đoạn 2000 – 2005 đến giai đoạn 2015 – 2020.

– Cho biết dân số còn tăng nhanh ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội châu Phi.



Hình 10.1. Tỉ suất tăng dân số tự nhiên và tuổi thọ trung bình của châu Phi qua một số giai đoạn

Châu Phi là châu lục đông dân đứng thứ hai thế giới (sau châu Á). Năm 2020, châu Phi có số dân hơn 1,3 tỉ người, chiếm hơn 17% số dân thế giới. Dân số châu Phi vẫn còn tăng nhanh. Từ năm 2000 đến nay, với tỉ suất sinh cao và tỉ suất tử giảm dần, tỉ suất tăng dân số tự nhiên của châu Phi vẫn còn ở mức cao so với thế giới. Nhiều quốc gia ở châu Phi có tỉ suất

Chân trời sáng tạo

tăng dân số tự nhiên trên 3%. Bên cạnh đó, tuổi thọ trung bình của người dân dần được cải thiện, tăng dần qua các năm. Châu Phi có số người xuất cư nhiều hơn nhập cư. Phần lớn dân di cư chuyển đến châu Âu, Bắc Mỹ, Tây Á và chủ yếu là những người trong độ tuổi lao động.

Châu Phi có cơ cấu dân số trẻ với số dân trong và dưới tuổi lao động chiếm tỉ lệ cao. Năm 2020, số người trong độ tuổi 0 – 14 tuổi chiếm khoảng 40,6% số dân và số người trong độ tuổi 15 – 64 tuổi chiếm 55,9% số dân.

Dân số đông, tăng nhanh cùng với số người trong độ tuổi lao động chiếm tỉ lệ cao tạo ra nhiều áp lực đối với phát triển kinh tế – xã hội như giải quyết việc làm, đói nghèo,...

2. Những vấn đề về xã hội



Dựa vào thông tin trong bài, em hãy trình bày nguyên nhân và hậu quả của một vấn đề xã hội ở châu Phi.

Hiện nay, mặc dù châu Phi đã có những bước tiến bộ đáng kể về đời sống xã hội nhưng ở châu lục này vẫn còn tồn tại một số vấn đề xã hội nổi cộm cần được giải quyết để cải thiện chất lượng cuộc sống dân cư. Các vấn đề về xã hội tồn tại từ lâu và đan xen với nhau đã dẫn đến những hậu quả về chính trị, kinh tế – xã hội và môi trường châu Phi.

a. Nạn đói

Nạn đói vẫn còn xảy ra ở nhiều quốc gia châu Phi, đặc biệt ở khu vực Nam Xa-ha-ra do điều kiện canh tác hạn chế, xung đột vũ trang dẫn đến sản lượng lương thực không đủ để cung cấp cho người dân. Hằng năm, một số quốc gia ở châu Phi cần cứu trợ khẩn cấp về lương thực.

b. Xung đột quân sự

Hiện nay, một số khu vực của châu Phi đang diễn ra các cuộc xung đột quân sự do mâu thuẫn giữa các bộ tộc, do cạnh tranh về tài nguyên,... gây ảnh hưởng lớn đến đời sống người dân, quá trình phát triển kinh tế – xã hội, môi trường thiên nhiên,...

3. Di sản lịch sử



Dựa vào thông tin trong bài, em hãy:

– Chứng minh châu Phi có nhiều di sản lịch sử.

– Cho biết trong việc khai thác và phát huy các di sản, châu Phi cần lưu ý những vấn đề gì.

Châu Phi là một trong những cái nôi của loài người với các di sản có lịch sử từ lâu đời như phép tính, giấy,... Đặc biệt, châu Phi có khá nhiều di sản lịch sử nổi tiếng được công nhận là di sản thế giới như: các kim tự tháp từ Gi-da (Giza) tới Đát-sua (Dahshur) ở Ai Cập, thành phố cổ Tim-bút-tu (Timbuktu) ở Ma-li (Mali), hoàng cung A-bô-mây (Abomey) ở Bê-nanh (Benin),...

Việc chăm sóc và bảo vệ các di sản như công tác trùng tu, bảo tồn gặp khó khăn do nguồn kinh phí lớn, nguy cơ xung đột quân sự, hoạt động khủng bố, ảnh hưởng của thiên tai,... làm cho các công trình bị phá huỷ, xuống cấp. Để bảo vệ và phát huy giá trị của các di sản này đòi hỏi sự chung tay bảo vệ của chính quyền và nhân dân các nước châu Phi cũng như cộng đồng quốc tế.



Em có biết?

Kim tự tháp ở Ai Cập

Các nhà khoa học đã tìm ra 138 kim tự tháp ở Ai Cập. Trong đó, Đại kim tự tháp Gi-da (một trong bảy kì quan thế giới cổ đại) là kim tự tháp lớn nhất. Đại kim tự tháp Gi-da được xây dựng từ hơn 2,3 triệu khối đá, mỗi khối đá có trọng lượng từ 2,5 đến 15 tấn. Quá trình xây dựng các kim tự tháp vẫn là một ẩn số cho đến ngày nay.



Hình 10.2. Quần thể kim tự tháp Gi-da



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Em hãy hoàn thành bảng tổng hợp thông tin về các vấn đề xã hội nổi cộm ở châu Phi theo mẫu sau:

Vấn đề xã hội	*Ảnh hưởng đến đời sống người dân*
?	*?*

Vận dụng

2. Hãy sưu tầm thông tin, hình ảnh từ sách báo và mạng internet về một di sản lịch sử của châu Phi và chia sẻ với các bạn cùng lớp.

Chân trời sáng tạo

Bài 11 PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN CHÂU PHI

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau.
- Phân tích một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên ở châu Phi (vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,...).

Châu Phi nổi tiếng thế giới với những cảnh quan đa dạng, hùng vĩ; những loài động vật hoang dã như voi, sư tử; các mỏ dầu và kim cương có giá trị;... Vậy, con người đang khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Phi như thế nào?

1. Khai thác và sử dụng thiên nhiên



Dựa vào hình 11.1 và thông tin trong bài, em hãy cho biết người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường như thế nào.



a. Trồng lúa mì ở Nam Phi



b. Khách du lịch khám phá hoang mạc Xa-ha-ra

Hình 11.1. Một số hoạt động khai thác thiên nhiên ở châu Phi

a. Khai thác thiên nhiên ở môi trường xích đạo

Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, con người đã sử dụng đất để trồng cây công nghiệp quy mô lớn như: cọ dầu, ca cao, cao su và cây lương thực như ngô, lúa nước. Bên cạnh đó, các quốc gia cũng tiến hành khai thác khoáng sản như dầu mỏ, bô-xit,... Tuy vậy, người dân nơi đây đang phải đối mặt với những thách thức do diện tích rừng bị suy giảm, đất đai xói mòn,... ảnh hưởng đến hiệu quả của các hoạt động khai thác thiên nhiên.

b. Khai thác thiên nhiên ở môi trường nhiệt đới

Môi trường nhiệt đới có hệ động vật và thực vật đặc trưng, do đó, nhiều quốc gia đã tận dụng ưu thế này để thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên nhằm bảo vệ đa dạng sinh học và thu hút khách du lịch. Một số mỏ khoáng sản có giá trị như vàng, đồng,... đang được khai thác.

Khu vực Đông Nam châu Phi với lượng ẩm tương đối lớn, đang được khai thác để trồng cây công nghiệp (cà phê, chè,...), cây ăn quả xuất khẩu. Ở các vùng ven sa mạc, người dân tham gia các dự án trồng rừng ngăn chặn hiện tượng sa mạc hoá. Đối với khu vực xavan Nam Xa-ha-ra, các loại cây trồng như lạc, bông,... và vật nuôi như dê, cừu,... được lựa chọn để phù hợp với điều kiện tự nhiên. Tuy vậy, thoái hoá đất và nguồn nước hạn chế là những khó khăn đáng kể của người dân sinh sống trong môi trường này.

c. Khai thác thiên nhiên ở môi trường hoang mạc

Với hoang mạc chiếm phần lớn diện tích và đang có xu hướng mở rộng, hoạt động khai thác thiên nhiên nơi đây diễn ra không thuận lợi như các môi trường khác. Vì vậy, một số quốc gia đã ứng dụng công nghệ mới có thể thích ứng với điều kiện khắc nghiệt của tự nhiên nhằm khai thác lãnh thổ có hiệu quả như: khai thác, chế biến dầu mỏ và khí tự nhiên trong hoang mạc Xa-ha-ra, nhất là phần lãnh thổ thuộc Li-bi (Libya) và An-giê-ri (Algeria); dùng công nghệ tưới tiết kiệm nước và công nghệ nhà kính để thành lập các trang trại ở ốc đảo; xây dựng các nhà máy điện mặt trời; tổ chức các giải thể thao như đua xe trên hoang mạc; tổ chức các hoạt động du lịch khám phá,...

d. Khai thác thiên nhiên ở môi trường cận nhiệt

Ở khu vực ven Địa Trung Hải và rìa Nam Phi có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển các loại cây trồng cận nhiệt như: lúa mì, nho, ô liu,... và chăn nuôi cừu. Hoạt động du lịch nghỉ dưỡng cũng được phát triển mạnh với các trung tâm du lịch nổi tiếng như Cai-rô (Cairo), Kếp-tao (Cape Town),...

Ngoài ra, hoạt động khai thác khoáng sản ở môi trường này diễn ra khá mạnh với khai thác dầu khí ở phía bắc và vàng, kim cương ở phía nam. Tuy vậy, môi trường này hiện đang bị đe doạ bởi hiện tượng hoang mạc hoá, nhất là trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay.

Em có biết?

Châu Phi chiếm tới 12% trữ lượng dầu mỏ, 10% trữ lượng khí tự nhiên và 10% nguồn nước sạch có thể tái tạo của thế giới. Châu lục này cũng cung cấp tới 80% nhu cầu bạch kim, 40% nhu cầu kim cương, 25% nhu cầu vàng và 27% cô-ban (cobalt) cho thế giới; đồng thời sở hữu nguồn tài nguyên đất nông nghiệp phong phú và hệ động, thực vật quý giá.

Hình 11.2. Đường ống dẫn dầu ở Na-mi-bi-a (Namibia)

Chân trời sáng tạo

2. Vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên



Quan sát hình 11.3 và dựa vào thông tin trong bài, em hãy phân tích vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác ở châu Phi.



Hình 11.3. Voi ở vườn quốc gia tại Kê-ni-a

Châu Phi nổi tiếng với sự đa dạng của các loài động vật hoang dã. Tuy nhiên, nạn săn trộm và mua bán bất hợp pháp các sản phẩm như ngà voi, sừng tê giác,... làm cho số lượng các loài động vật hoang dã suy giảm đáng kể. Đây chính là vấn đề nan giải của châu Phi trong công cuộc bảo vệ thiên nhiên.

Trước thực trạng đó, các quốc gia châu Phi đã và đang thực thi nhiều chính sách bảo vệ động vật hoang dã như:

– Một số quốc gia đã thành lập các khu bảo tồn tự nhiên, các vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển để bảo vệ các loài động vật quý hiếm. Tính đến năm 2020, châu Phi có 218 vườn quốc gia và khu bảo tồn phân bố trên 35 quốc gia, trong đó có 79 khu dự trữ sinh quyển được công nhận.

– Tại một số quốc gia, việc săn bắn động vật hoang dã trong danh mục cấp phép với số lượng giới hạn là hợp pháp. Phần lớn các quốc gia đều có quy định rất nghiêm đối với việc săn bắn, mua bán động vật hoang dã.



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Em hãy hoàn thành bảng tổng hợp thông tin về phương thức khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Phi theo mẫu sau:

	Môi trường xích đạo	*Môi trường nhiệt đới*	*Môi trường hoang mạc*	*Môi trường cận nhiệt*
Những vấn đề cần chú ý trong khai thác và sử dụng, bảo vệ thiên nhiên	*?*	*?*	*?*	*?*

Vận dụng

2. Em hãy vẽ tranh hoặc viết một đoạn văn thể hiện thông điệp kêu gọi bảo vệ động vật hoang dã ở châu Phi.

Kết nối tri thức sáng tạo

Bài 12 THỰC HÀNH: SƯU TẦM TƯ LIỆU VỀ CỘNG HOÀ NAM PHI

Học xong bài này, em sẽ:

Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày được một số sự kiện lịch sử về Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây.



Cộng hoà Nam Phi

– Diện tích: 1 220 813 km^2

– Số dân (2020): 59,3 triệu người

– Thủ đô: Prê-tô-ri-a (Pretoria)

1. Chuẩn bị

a. Lựa chọn nội dung

Lựa chọn một trong những nội dung về sự kiện lịch sử của Cộng hoà Nam Phi sau đây:

1. Giành độc lập, tách khỏi khối Liên hiệp Anh và thành lập nước Cộng hoà Nam Phi.
2. Bãi bỏ chế độ A-pác-thai (Apartheid).
3. Lần bầu cử đa chủng tộc đầu tiên ở Cộng hoà Nam Phi.
4. Tổng thống da màu đầu tiên ở Cộng hoà Nam Phi.

b. Lập đề cương báo cáo và phân công nhiệm vụ

– Lập đề cương báo cáo (bao gồm các đề mục và nội dung cần thể hiện trong báo cáo).

– Phân công viết báo cáo theo nội dung.

c. Thực hiện sưu tầm tài liệu

Thực hiện sưu tầm tài liệu qua internet, sách, báo, tạp chí,...

d. Xử lí thông tin

– Chọn lọc tư liệu từ các nguồn thu thập được.

– Xử lí số liệu, thông tin, hình ảnh,...

– Sắp xếp các thông tin, tư liệu theo đề cương đã xây dựng.

2. Viết báo cáo

Gợi ý nội dung báo cáo

TÊN SỰ KIỆN

1. Khái quát về sự kiện
   a. Thời gian, địa điểm xảy ra sự kiện.
   b. Bối cảnh ra đời của sự kiện.
2. Nội dung chính của sự kiện
3. Ý nghĩa chính trị, kinh tế – xã hội của sự kiện

3. Trình bày báo cáo

– Trình bày báo cáo theo nội dung được phân công.

– Hình thức trình bày: chọn một trong các hình thức như: bài thuyết trình, hộp thông tin, áp-phích, sơ đồ, hình vẽ,...

Chân trời sáng tạo

Chương 4 CHÂU MỸ

Bài 13 PHÁT KIẾN RA CHÂU MỸ, VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI CHÂU MỸ

Học xong bài này, em sẽ:

- Phân tích được các hệ quả địa lí – lịch sử của việc Cri-xtô-phơ Cô-lôm-bô (Christopher Columbus) phát kiến ra châu Mỹ (1492 –1502).
- Trình bày khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ.

Em có bao giờ tự hỏi vì sao châu Mỹ được gọi là "Tân thế giới" và người bản địa châu Mỹ được gọi là người Anh-điêng hay không? Châu Mỹ có vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ như thế nào?

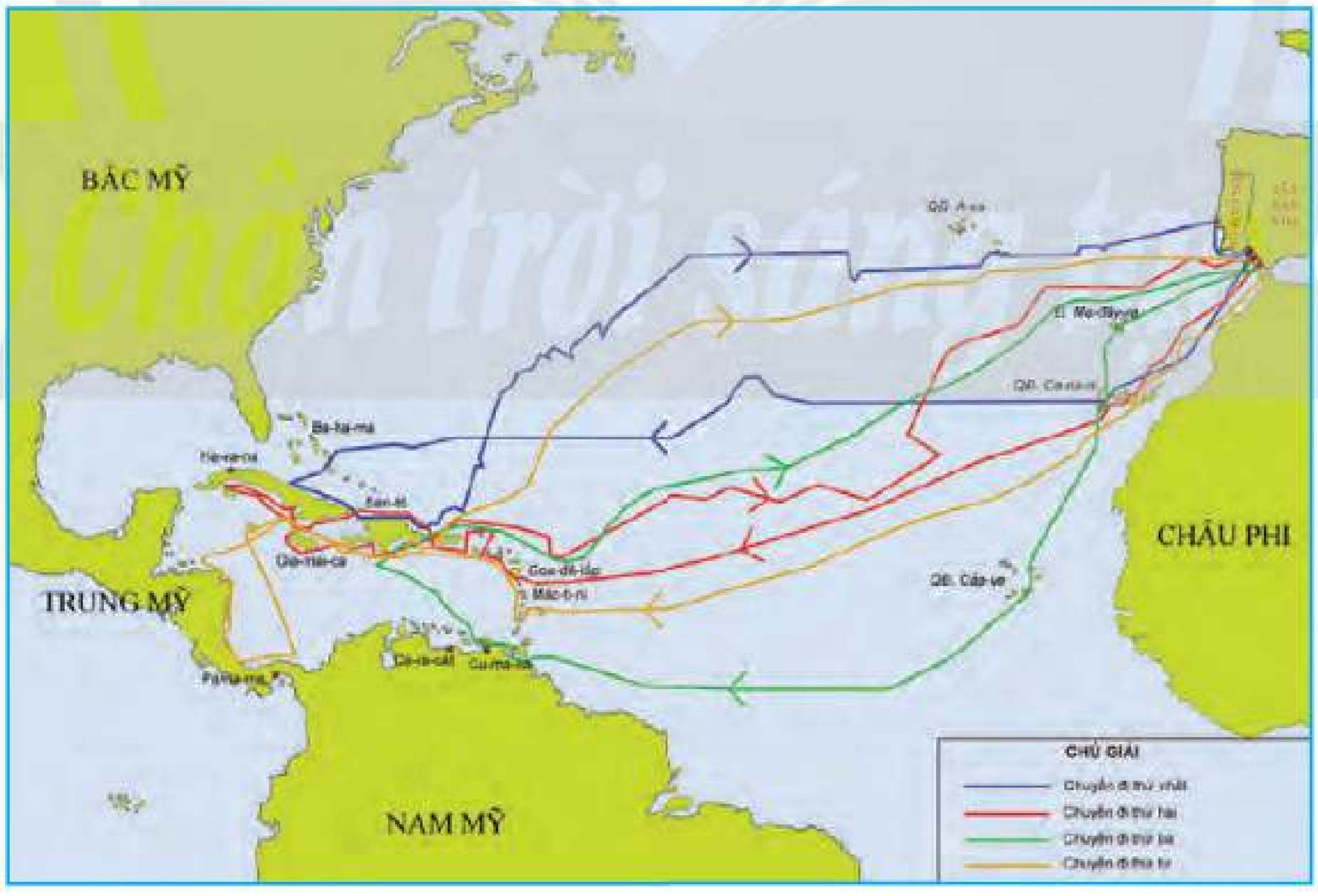
1. Phát kiến ra châu Mỹ – Tân thế giới



Dựa vào hình 13.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Mô tả sự kiện Cri-xtô-phơ Cô-lôm-bô (C. Cô-lôm-bô) phát kiến ra châu Mỹ.

– Phân tích hệ quả địa lí – lịch sử của việc C. Cô-lôm-bô phát kiến ra châu Mỹ (1492 – 1502).



Hình 13.1. Lược đồ các cuộc hải trình đến châu Mỹ của C. Cô-lôm-bô

Trong giai đoạn 1492 – 1502, C. Cô-lôm-bô thực hiện bốn cuộc hải trình vượt Đại Tây Dương từ châu Âu sang châu Mỹ. Các chuyến thám hiểm của C. Cô-lôm-bô đã phát hiện ra các đảo thuộc quần đảo Ca-ri-bê (Caribbean), vùng ven Đại Tây Dương của khu vực Trung Mỹ và Nam Mỹ. C. Cô-lôm-bô tin vùng đất mới này ở gần Ấn Độ nên gọi là Tây Ấn và cư dân nơi đây là người Ấn.



Em có biết?

Năm 1507, Va-xin-mu-lơ (Waldseemuller) đã cho công bố bản đồ thế giới đầu tiên có thể hiện châu Mỹ.

Trên bản đồ, châu Mỹ là một dải đất hẹp và dài nằm ở bên trái châu Âu, địa danh "America" được ghi ở Nam Mỹ ngày nay. Và châu lục do C. Cô-lôm-bô khám phá được gọi tên là America (châu Mỹ) cho đến bây giờ.



Chú giải:
1: Châu Âu 2: Châu Phi 3: Quần đảo Ca-ri-bê 4: Nơi ghi tên "AMERICA".

Hình 13.2. Bản đồ thế giới của Va-xin-mu-lơ, năm 1507

Đối với người châu Âu, việc phát kiến ra châu Mỹ đã khẳng định dạng hình cầu của Trái Đất, mở ra những nhận thức mới về thế giới. Cũng từ đó, các quốc gia châu Âu tiến hành xâm chiếm thuộc địa ở châu lục mới. Trong lịch sử, ngoài người châu Âu còn có người châu Phi bị đưa đến châu Mỹ làm nô lệ, người châu Á đến châu Mỹ tìm cơ hội mới,... đã đẩy nhanh quá trình di cư đến châu Mỹ. Đồng thời, các hoạt động khai thác tài nguyên, thương mại, truyền giáo,... diễn ra mạnh mẽ đã tác động sâu sắc đến các cộng đồng bản địa, góp phần làm đa dạng bản sắc văn hoá của châu Mỹ như ngày nay.

2. Vị trí địa lí và phạm vi châu Mỹ



Dựa vào hình 13.3 và thông tin trong bài, em hãy:

– Cho biết châu Mỹ nằm trên những bán cầu nào. Lãnh thổ trên đất liền trải dài qua khoảng bao nhiêu vĩ độ?

– Nêu tên các biển, đại dương tiếp giáp với châu Mỹ.

Châu Mỹ có diện tích khoảng 42 triệu km^2, lớn thứ hai thế giới sau châu Á; nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, trải dài từ vùng cực Bắc đến gần châu Nam Cực. Vị trí của châu Mỹ nằm tách biệt với các châu lục khác và được bao bọc bởi các đại dương: Bắc Băng Dương ở phía bắc, Thái Bình Dương ở phía tây và Đại Tây Dương ở phía đông.

Châu Mỹ bao gồm ba khu vực: Bắc Mỹ gồm Ca-na-đa (Canada) và Hoa Kỳ; Trung Mỹ bao gồm dải đất từ Mê-hi-cô (Mexico) đến Pa-na-ma (Panama) và các đảo, quần đảo trong biển Ca-ri-bê; Nam Mỹ là vùng đất rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia ở phía nam Pa-na-ma.



Hình 13.3. Bản đồ các khu vực của châu Mỹ



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Em hãy lập sơ đồ tóm tắt những hệ quả địa lí – lịch sử của việc C. Cô-lôm-bô phát kiến ra châu Mỹ.

2. Dựa vào hình 13.3, hãy xác định vị trí các khu vực Bắc Mỹ, Trung Mỹ, Nam Mỹ.

Vận dụng

3. Em hãy sưu tầm thông tin và viết một đoạn văn ngắn mô tả các cuộc hải trình đến châu Mỹ của C.Cô-lôm-bô (thời gian, nơi xuất phát, các vùng đất đã đến,...).

Chân trời sáng tạo

Bài 14 THIÊN NHIÊN VÀ DÂN CƯ, XÃ HỘI BẮC MỸ

Học xong bài này, em sẽ:

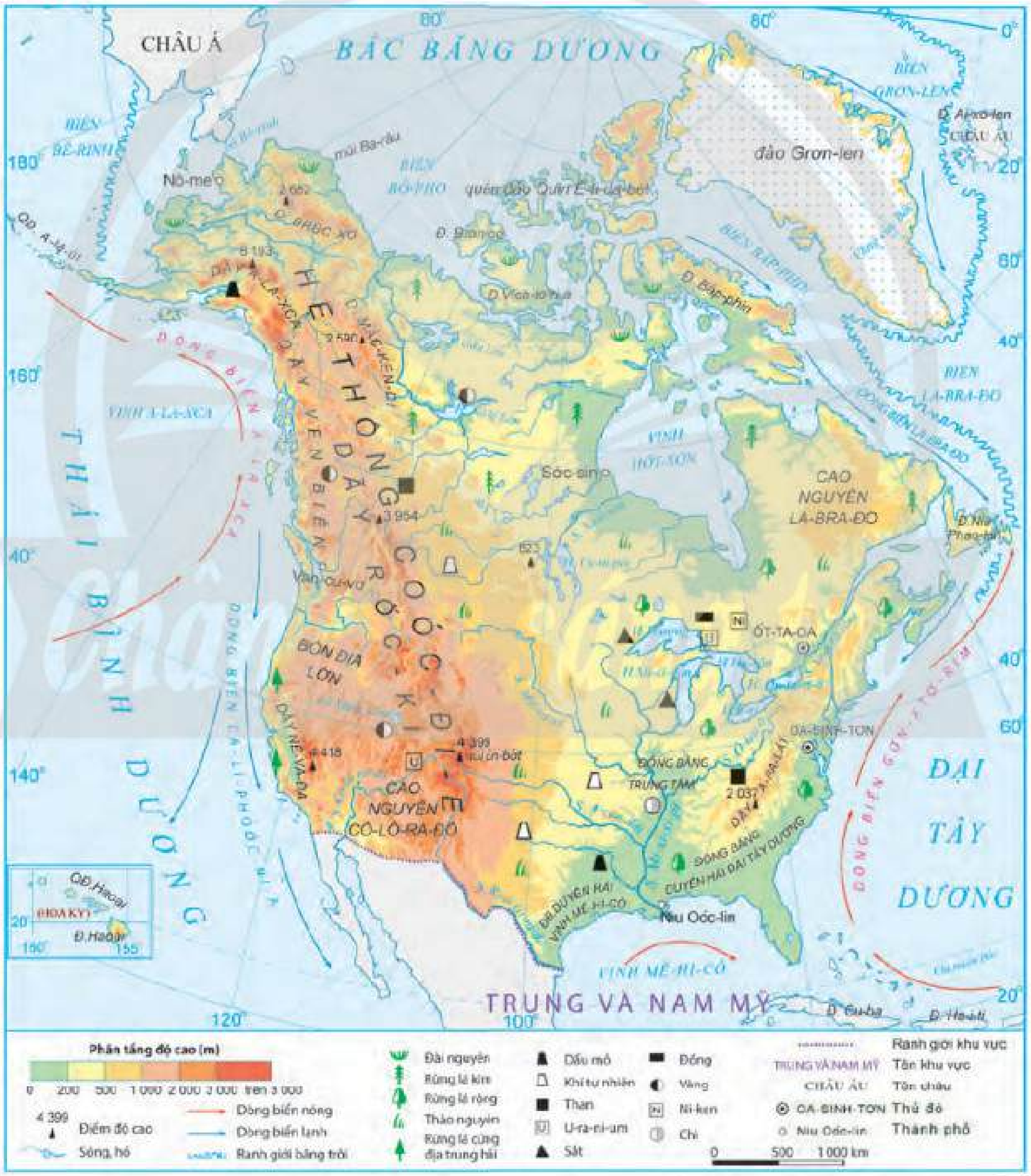
- Trình bày một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hoá của địa hình, khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên.
- Phân tích được một trong những vấn đề dân cư, xã hội: vấn đề nhập cư và chủng tộc, vấn đề đô thị hoá.

Nhờ thiên nhiên đặc sắc và văn hoá đa dạng, Bắc Mỹ là một trong những khu vực có tài nguyên du lịch phong phú.

Vậy, thiên nhiên Bắc Mỹ có đặc điểm gì nổi bật? Các vấn đề dân cư, xã hội nơi đây như thế nào?

1. Đặc điểm chung của thiên nhiên Bắc Mỹ

a. Địa hình



Hình 14.1. Bản đồ tự nhiên khu vực Bắc Mỹ



Dựa vào hình 14.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Kể tên các cao nguyên, bồn địa, dãy núi và đồng bằng ở Bắc Mỹ.

– Trình bày sự phân hoá địa hình Bắc Mỹ theo chiều đông – tây.

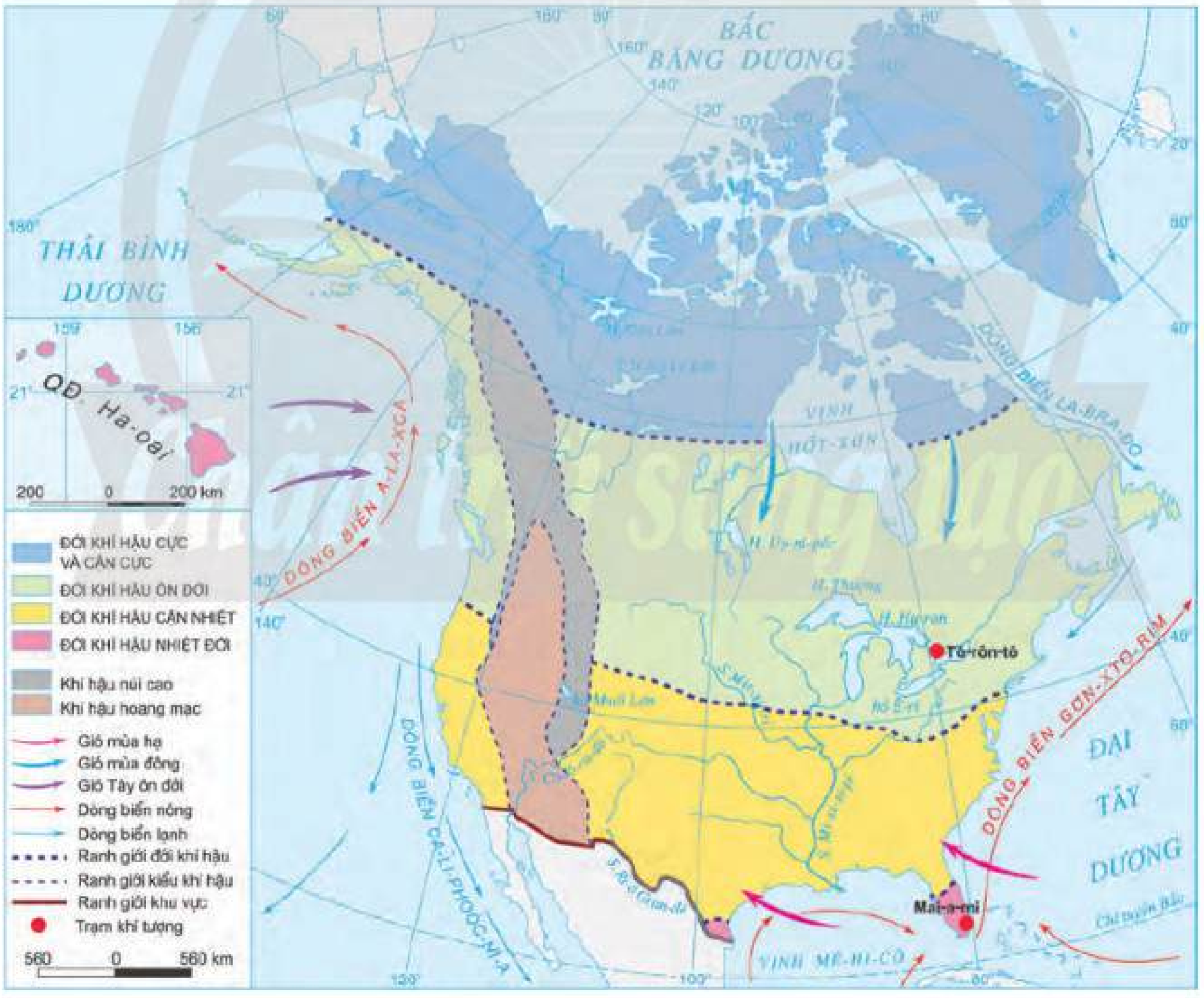
Khu vực Bắc Mỹ có địa hình đa dạng, phân hoá theo chiều đông – tây:

– Miền núi thấp và trung bình ở phía đông, bao gồm dãy núi già A-pa-lát (Appalachian), cao nguyên La-bra-đo (Labrador).

– Miền đồng bằng là khu vực rộng lớn ở giữa, cao trung bình 200 – 500 m, thấp dần từ tây bắc xuống đông nam, bao gồm đồng bằng Ca-na-đa, đồng bằng Lớn, đồng bằng Trung Tâm và đồng bằng Duyên Hải.

– Miền núi cao phân bố ở phía tây là địa hình hiểm trở nhất Bắc Mỹ, kéo dài 9 000 km theo chiều bắc – nam. Hệ thống núi Coóc-đi-e (Cordillera) chiếm ưu thế, xen giữa các dãy núi là cao nguyên, bồn địa,... Ở đây có nhiều đỉnh núi cao hơn 4 000 m.

b. Khí hậu



Hình 14.2. Bản đồ khí hậu khu vực Bắc Mỹ



Dựa vào hình 14.2 và thông tin trong bài, em hãy trình bày sự phân hoá khí hậu Bắc Mỹ theo chiều bắc – nam và theo chiều đông – tây.

Khí hậu của Bắc Mỹ có sự phân hoá đa dạng cả theo chiều bắc – nam và theo chiều đông – tây, bao gồm:

– Đới khí hậu cực và cận cực: phân bố từ 60^0B trở lên vùng cực. Nhiệt độ trung bình năm thấp, mùa đông rất lạnh; lượng mưa rất ít.

– Đới khí hậu ôn đới: chiếm diện tích lớn nhất, ở khoảng vĩ độ 40^0 – 60^0B.

Ở vùng ven biển, khí hậu ôn hoà, lượng mưa tương đối lớn. Vào sâu trong nội địa, mùa hạ nóng, nhiệt độ tăng dần từ bắc xuống nam. Mùa đông ở phía bắc lạnh, tuyết phủ dày; ở phía nam ít lạnh hơn. Lượng mưa ít, nhiều nơi không mưa trong thời gian dài.

– Đới khí hậu cận nhiệt: chiếm diện tích lớn ở phía nam. Ven biển phía tây có khí hậu cận nhiệt địa trung hải, mùa hạ nóng, khô; mùa đông ấm, lượng mưa khá ít. Ven biển phía đông có khí hậu cận nhiệt ẩm, mùa hạ nóng, ẩm; mùa đông tương đối lạnh, khô, lượng mưa khá nhiều và tăng dần về phía biển.

– Đới khí hậu nhiệt đới: chiếm diện tích nhỏ nhất, ở phía nam bán đảo Phlo-ri-đa (Florida) và quần đảo Ha-oai (Hawaii); nhiệt độ cao quanh năm; lượng mưa nhiều nhưng phân bố không đều.

c. Sông, hồ



Dựa vào hình 14.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Kể tên các sông và hồ chính ở Bắc Mỹ.

– Nhận xét đặc điểm phân bố mạng lưới sông ngòi của Bắc Mỹ.

Bắc Mỹ có hệ thống sông, hồ khá phát triển. Sông, hồ có nguồn cung cấp nước do băng tuyết tan và do mưa.

Bắc Mỹ có một số hệ thống sông lớn như: Xanh Lô-răng (Saint Laurent), Mi-xi-xi-pi (Mississippi), Ri-ô Gran-đê (Rio Grande),... Phần lớn các hệ thống sông đổ ra Đại Tây Dương. Mi-xi-xi-pi là hệ thống sông lớn nhất Bắc Mỹ với nhiều phụ lưu lớn. Chế độ dòng chảy của sông phụ thuộc nhiều vào chế độ mưa.

Bắc Mỹ có nhiều hồ, phần lớn phân bố ở phía bắc. Vùng Hồ Lớn là hệ thống hồ quan trọng nhất, gồm 5 hồ nối liền nhau: hồ Thượng, Hu-rôn (Huron), Mi-si-gân (Michigan), Ê-ri (Erie), Ôn-ta-ri-ô (Ontario).

d. Các đới thiên nhiên



Dựa vào thông tin trong bài, em hãy trình bày đặc điểm các đới thiên nhiên ở Bắc Mỹ.

Thiên nhiên Bắc Mỹ rất đa dạng, bao gồm ba đới:

– Đới lạnh: có khí hậu cực và cận cực lạnh giá; cảnh quan chủ yếu là đồng rêu, ở phía nam có rừng thưa. Động vật ít phong phú, có gấu trắng, báo Bắc cực, tuần lộc, các loài chim di trú,... Đới này có lượng băng tuyết vĩnh cửu rất lớn.

– Đới ôn hoà: có diện tích lớn nhất, gồm phía nam Ca-na-đa và phần lớn lãnh thổ Hoa Kỳ. Thiên nhiên có sự thay đổi từ rừng lá kim (thông, vân sam, tuyết tùng,...) ở phía bắc chuyển dần sang đồng cỏ ở trung tâm và rừng lá rộng (sồi, dẻ gai,...) ở phía nam. Ở Tây Nam Hoa Kỳ, vùng ven biển có rừng lá cứng, cây bụi; vùng nội địa có các hoang mạc và bán hoang mạc. Động vật chủ yếu gồm bò rừng Mỹ, sư tử Mỹ, chó sói, gấu nâu, gấu trúc, báo Mỹ,...

– Đới nóng: chiếm diện tích lớn ở phía nam Hoa Kỳ. Rừng nhiệt đới ẩm phát triển. Phía tây nam có khí hậu khô hạn nên cảnh quan chủ yếu là cây bụi, bán hoang mạc và hoang mạc. Do quần đảo Ha-oai nằm biệt lập giữa Thái Bình Dương nên có nhiều loài đặc hữu.

2. Dân cư, xã hội Bắc Mỹ

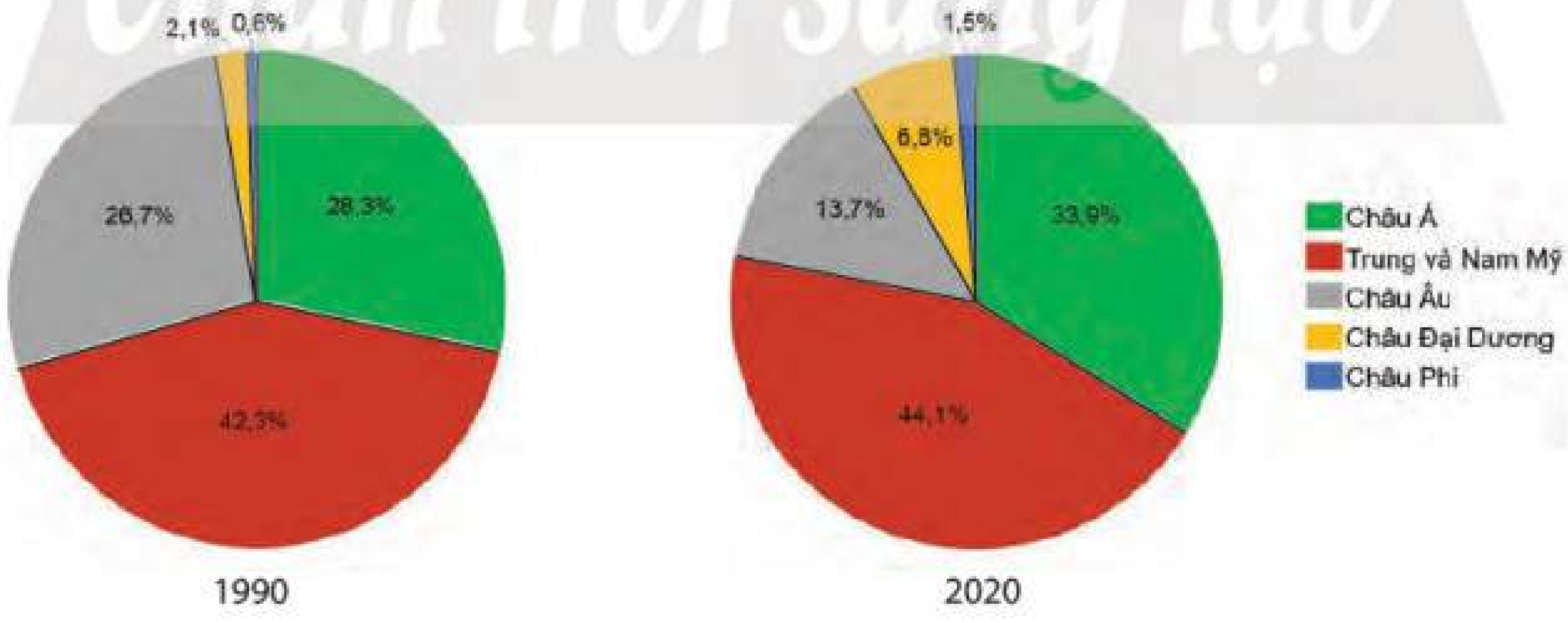
a. Vấn đề nhập cư và chủng tộc



Dựa vào hình 14.3 và thông tin trong bài, em hãy:

– Trình bày vấn đề nhập cư và chủng tộc ở Bắc Mỹ.

– Nêu những ảnh hưởng của vấn đề này đối với sự phát triển kinh tế – xã hội Bắc Mỹ.



Hình 14.3. Cơ cấu người nhập cư vào Bắc Mỹ phân theo châu lục và khu vực trên thế giới, năm 1990 và 2020

Sau năm 1492, nhiều chuyến thám hiểm đến châu Mỹ được tài trợ bởi Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Anh, Pháp, Đan Mạch, Hà Lan,... đã thúc đẩy dòng di cư lớn từ châu Âu vào Bắc Mỹ. Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, người châu Phi bị cưỡng bức di cư đến Bắc Mỹ làm việc trong các đồn điền, hầm mỏ, công trình xây dựng,... Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Bắc Mỹ thu hút người nhập cư từ khắp nơi trên thế giới. Những thập niên gần đây, người nhập cư vào Bắc Mỹ chủ yếu đến từ khu vực Trung và Nam Mỹ, châu Á. Hoa Kỳ là quốc gia nhận người nhập cư lớn nhất thế giới.

Với lịch sử nhập cư như vậy, dân cư Bắc Mỹ rất đa dạng về chủng tộc: có cả người Môn-gô-lô-it từ châu Á, người Ơ-rô-pê-ô-it từ châu Âu, người Nê-grô-it (Negroid) từ châu Phi,... Trong quá trình chung sống lâu dài, các nhóm người này hoà huyết, hình thành nên nhiều nhóm người lai.

Năm 2020, Bắc Mỹ có số dân gần 370 triệu người, trong đó, nhập cư đóng góp đáng kể vào gia tăng dân số của khu vực. Người nhập cư có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế, văn hoá và tạo ra nhiều ảnh hưởng đến đời sống xã hội ở Bắc Mỹ.

b. Vấn đề đô thị hoá



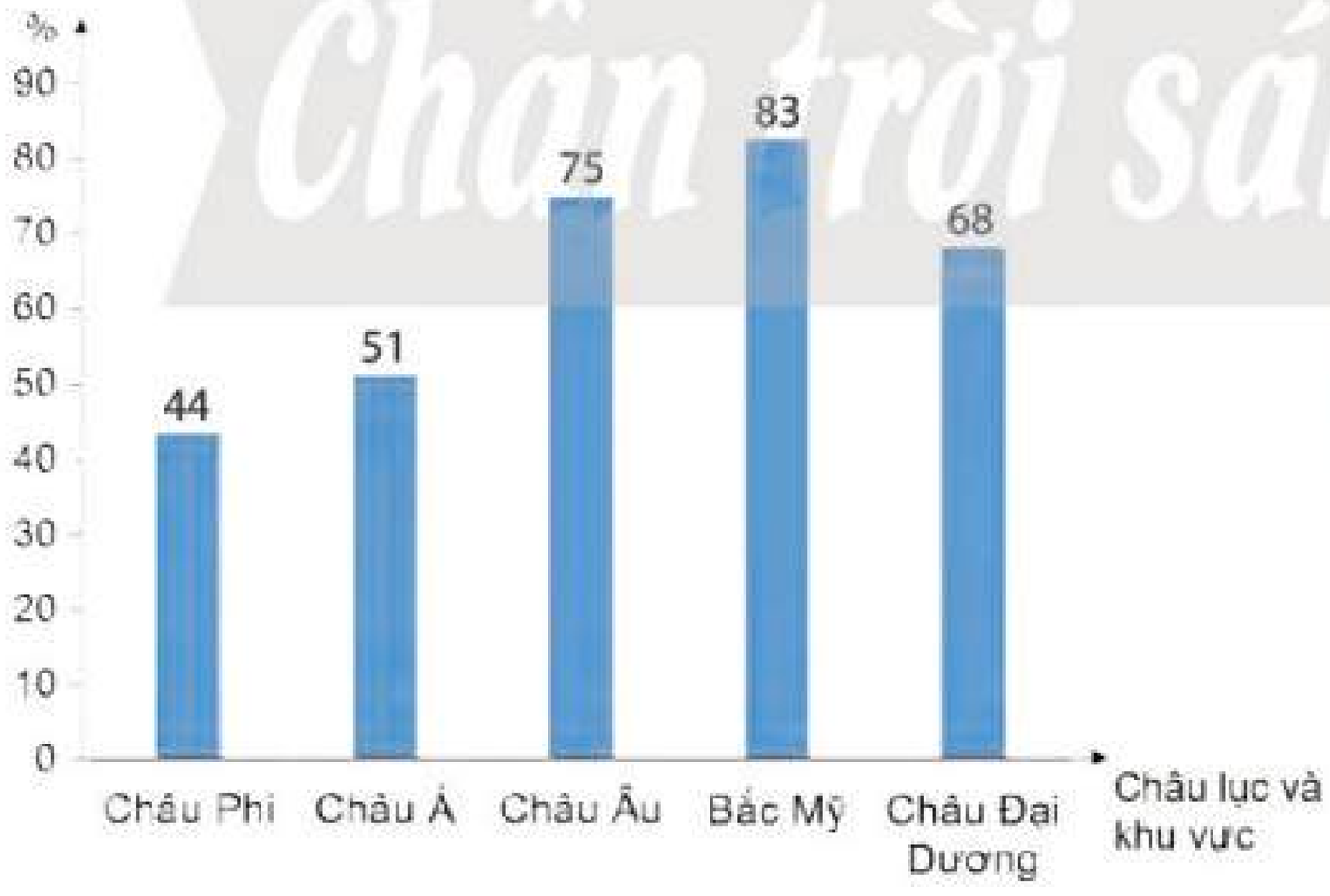
Dựa vào các hình 14.4, 14.5, 14.6 và thông tin trong bài, em hãy phân tích vấn đề đô thị hoá ở Bắc Mỹ.

Quá trình đô thị hoá ở Bắc Mỹ gắn liền với quá trình công nghiệp hoá. Những khu vực phát triển công nghiệp sớm như vùng ven Hồ Lớn, vùng Đông Bắc Hoa Kỳ,... là nơi bắt đầu quá trình đô thị hoá ở Bắc Mỹ nên tập trung nhiều đô thị lớn, nổi bật là dải đô thị từ Bô-xtơn (Boston) đến Oa-sinh-tơn (Washington).

Hiện nay, quá trình đô thị hoá ở Bắc Mỹ được thúc đẩy bởi các ngành dịch vụ và công nghệ cao. Các đô thị phát triển nhanh ở khu vực Tây Nam Hoa Kỳ. Những nơi thiên nhiên ít thuận lợi như phía bắc Ca-na-đa và khu vực nội địa Bắc Mỹ, đô thị thưa thớt hơn. Năm 2020, Bắc Mỹ có hơn 300 triệu người sinh sống ở khu vực đô thị, tỉ lệ dân số đô thị gần 83%. Hai siêu đô thị của Bắc Mỹ là Niu Oóc (New York) và Lốt An-giơ-lét (Los Angeles).



Hình 14.4. Bản đồ phân bố một số đô thị ở Bắc Mỹ, năm 2020



Hình 14.5. Tỉ lệ dân số đô thị trong tổng số dân ở các khu vực và châu lục trên thế giới, năm 2020



Hình 14.6. Một phần thành phố Niu Oóc, Hoa Kỳ

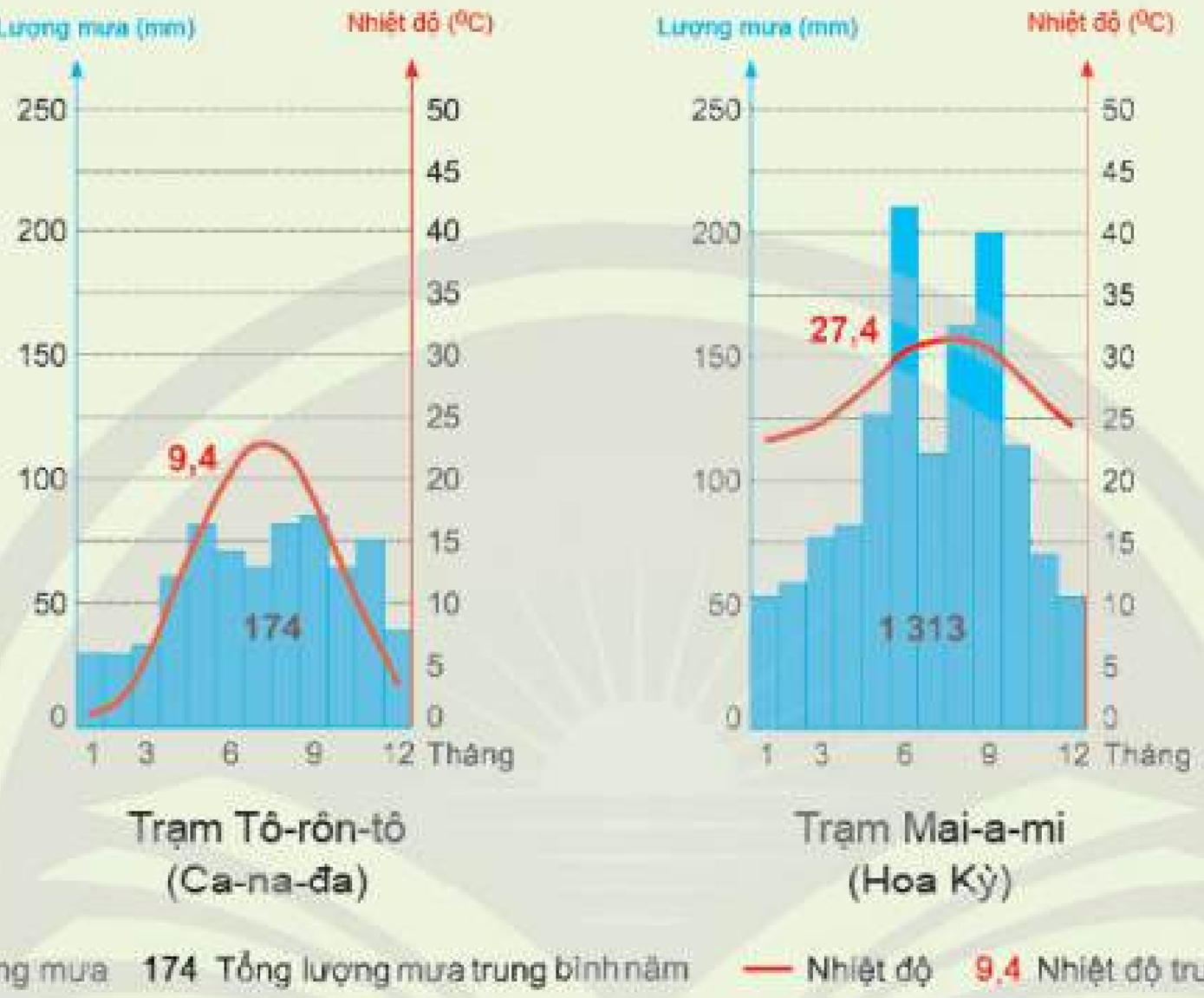
Chân trời sáng tạo



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Cho biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của hai trạm khí tượng sau:



Hình 14.7. Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa một số trạm khí tượng của khu vực Bắc Mỹ

a. Hãy xác định vị trí hai trạm khí tượng trên hình 14.2.

b. Nhận xét nhiệt độ và lượng mưa của hai trạm khí tượng trên.

2. Chứng minh rằng Bắc Mỹ có thành phần chủng tộc đa dạng.

Vận dụng

3. Bắc Mỹ có nhiều cảnh quan thiên nhiên và công trình văn hoá nổi tiếng được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên và di sản văn hoá thế giới. Em hãy sưu tập hình ảnh và viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) giới thiệu một di sản thế giới ở Bắc Mỹ mà em yêu thích.

Bài 15 PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC TỰ NHIÊN BỀN VỮNG, MỘT SỐ TRUNG TÂM KINH TẾ CỦA BẮC MỸ

Học xong bài này, em sẽ:

- Phân tích được phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ.
- Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng của Bắc Mỹ.

Nguồn tài nguyên thiên nhiên ở Bắc Mỹ rất phong phú và đa dạng. Nhờ có phương thức khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên hợp lí, Bắc Mỹ đã phát triển trở thành khu vực kinh tế lớn và hiện đại hàng đầu thế giới. Vậy, khu vực này đã áp dụng những phương thức nào để khai thác hợp lí các nguồn tài nguyên? Nơi đây có những trung tâm kinh tế quan trọng nào?

1. Phương thức khai thác các nguồn tài nguyên theo hướng bền vững



Dựa vào hình 15.1, hình 15.2 và thông tin trong bài, em hãy phân tích phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ thông qua việc sử dụng các nguồn tài nguyên.

a. Khai thác tài nguyên đất



Hình 15.1. Cánh đồng ngô ở Hoa Kỳ

Bắc Mỹ có nhiều đồng bằng rộng lớn, đất đai màu mỡ và đã được khai thác từ lâu để trồng trọt. Sản xuất nông nghiệp được tiến hành chuyên canh trong các trang trại lớn. Tuy nhiên, do thời gian dài sử dụng lượng phân hoá học lớn nên đất đai bị thoái hoá.

Gần đây, các nước Bắc Mỹ đã áp dụng khoa học – kĩ thuật hiện đại kết hợp với các phương thức khai thác đa canh và luân canh, trồng trọt kết hợp chăn nuôi, tăng cường sử dụng nguồn phân bón sinh học nên năng suất lao động vẫn rất cao, đồng thời bảo vệ và chống thoái hoá đất.

b. Khai thác tài nguyên nước

Bắc Mỹ là khu vực có nguồn nước ngọt rất dồi dào do có nhiều sông và hồ lớn. Nguồn nước ở đây được sử dụng tổng hợp trong nhiều lĩnh vực: giao thông thuỷ, phát triển thuỷ điện, cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và phục vụ sinh hoạt, nuôi trồng thuỷ sản, phát triển du lịch,...

Việc khai thác quá mức cùng với lượng chất thải rất lớn trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt đã làm ô nhiễm nguồn nước. Vì vậy, việc bảo vệ nguồn nước sông, hồ đang rất được quan tâm. Các nước Bắc Mỹ đã đề ra những quy định rất chặt chẽ về việc xả thải. Tiết kiệm nguồn nước ngọt trong sản xuất và sinh hoạt cũng rất được chú trọng.

c. Khai thác tài nguyên khoáng sản

Bắc Mỹ là nơi có nhiều khoáng sản với trữ lượng lớn, tiêu biểu là than, đồng, sắt, vàng, u-ra-ni-um, dầu mỏ và khí tự nhiên. Từ những năm 1950, hoạt động khai thác khoáng sản của khu vực tăng lên nhanh chóng, nhất là khai thác than, dầu mỏ và khí tự nhiên nên các nguồn tài nguyên này đang dần bị cạn kiệt và gây ô nhiễm môi trường.

Hiện nay, các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch như: năng lượng mặt trời, gió, địa nhiệt, thuỷ triều,... đang được sử dụng thay thế dần cho nguồn năng lượng hoá thạch. Xu hướng này mang lại nhiều lợi ích kinh tế đồng thời bảo vệ môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững.

d. Khai thác các tài nguyên khác

Do có vị trí tiếp giáp với ba đại dương lớn nên nguồn tài nguyên sinh vật biển của Bắc Mỹ rất đa dạng. Hằng năm, một lượng lớn thuỷ hải sản được đánh bắt, đáp ứng nhu cầu thực phẩm của người dân. Để đảm bảo sự phát triển của nguồn lợi thuỷ hải sản, các nước ở Bắc Mỹ đã có những quy định rất chặt chẽ về thời gian đánh bắt, kích thước và số lượng hải sản được đánh bắt cho mỗi loại phương tiện cụ thể.

Bắc Mỹ có nguồn tài nguyên rừng rất lớn, bao gồm rừng lá kim, rừng hỗn hợp, rừng lá rộng,... Một lượng lớn gỗ đã được khai thác dùng cho công nghiệp sản xuất giấy và chế biến gỗ. Bên cạnh việc khai thác, các quốc gia Bắc Mỹ cũng đưa ra nhiều biện pháp để bảo vệ rừng như ban hành luật bảo vệ rừng, quy định trồng mới rừng sau khi khai thác,...



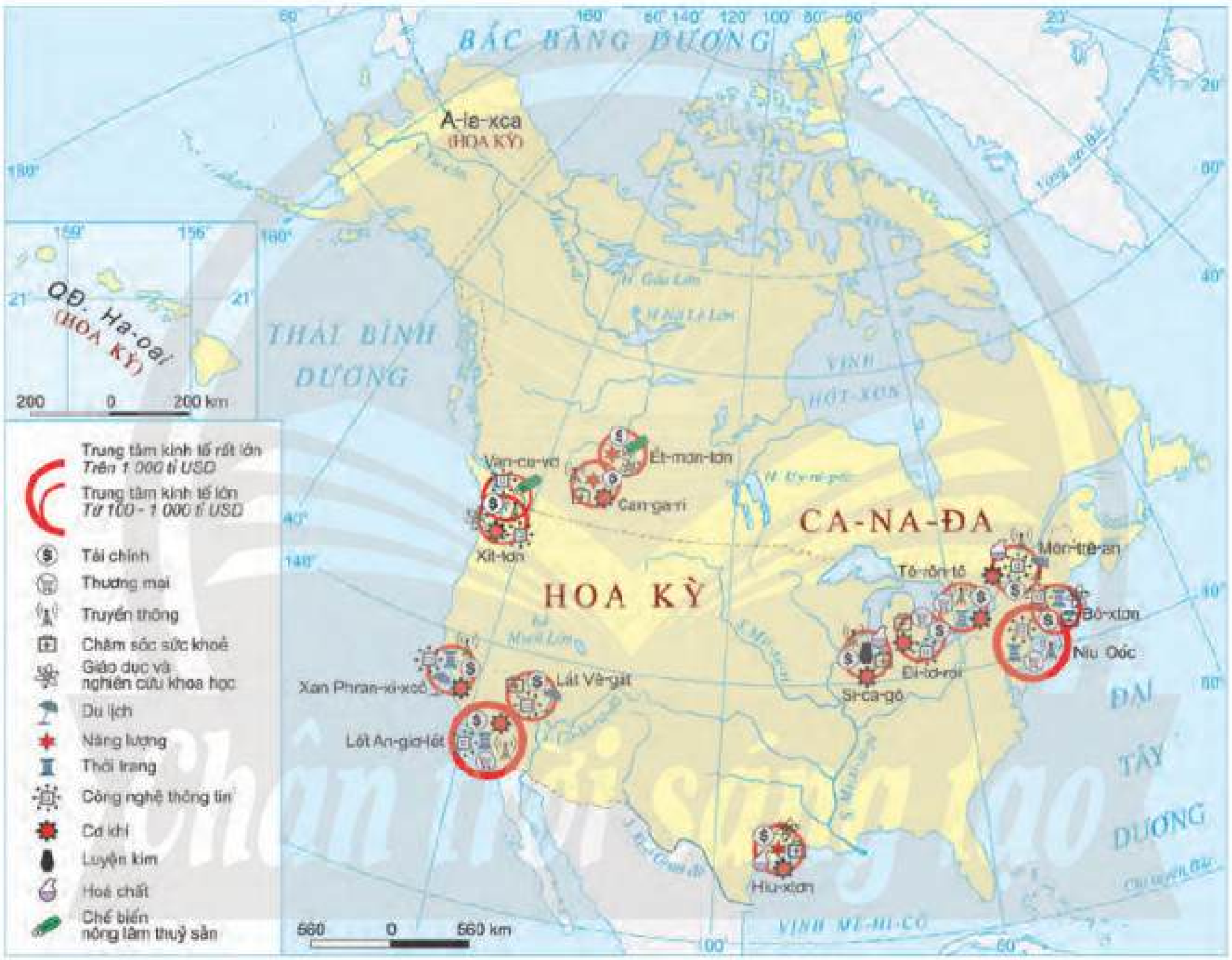
Hình 15.2. Rừng thông ở Ca-na-da

2. Một số trung tâm kinh tế của Bắc Mỹ



Quan sát hình 15.3, em hãy:
– Xác định trên bản đồ các trung tâm kinh tế quan trọng của Bắc Mỹ.
– Kể tên các ngành kinh tế ở một số trung tâm.

Bắc Mỹ có nhiều trung tâm kinh tế lớn và rất lớn, có cơ cấu ngành đa dạng. Phần lớn các trung tâm phân bố tập trung ở khu vực phía đông và đông bắc của Bắc Mỹ (Niu Oóc, Bô-xtơn, Tô-rôn-tô (Toronto),...). Trong những năm gần đây, các trung tâm kinh tế xuất hiện ngày càng nhiều ở phía nam (Hiu-xtơn (Houston)) và phía tây (Lốt An-giơ-lét).



Hình 15.3. Một số trung tâm kinh tế quan trọng của Bắc Mỹ, năm 2020



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Vì sao các hoạt động kinh tế ở Bắc Mỹ có hiệu quả cao về kinh tế và môi trường?

Vận dụng

2. Em hãy tìm thông tin và giới thiệu với các bạn một hoạt động sản xuất theo hướng phát triển bền vững ở khu vực Bắc Mỹ.

Bài 16 THIÊN NHIÊN TRUNG VÀ NAM MỸ

Học xong bài này, em sẽ:

Trình bày được sự phân hoá tự nhiên theo chiều đông – tây, theo chiều bắc – nam và theo chiều cao (trên dãy núi An-đét).

Trung và Nam Mỹ là một trong những khu vực có lượng mưa dồi dào, tạo điều kiện thuận lợi cho giới tự nhiên phát triển phong phú. Vậy, thiên nhiên Trung và Nam Mỹ phân hoá như thế nào theo chiều đông – tây, chiều bắc – nam và theo chiều cao?

Khu vực Trung và Nam Mỹ bao gồm eo đất Trung Mỹ, các đảo và quần đảo trong biển Ca-ri-bê và toàn bộ lục địa Nam Mỹ. Do lãnh thổ rộng lớn lại trải dài trên nhiều vĩ độ nên tự nhiên có sự phân hoá theo chiều đông – tây, theo chiều bắc – nam và theo chiều cao.

1. Phân hoá tự nhiên theo chiều đông – tây



Quan sát hình 16.1 và đọc thông tin trong bài, em hãy trình bày sự phân hoá theo chiều đông – tây của tự nhiên khu vực Trung và Nam Mỹ.

– Ở Trung Mỹ, các sườn núi phía đông eo đất Trung Mỹ và các quần đảo có mưa nhiều, rừng rậm nhiệt đới bao phủ. Sườn núi phía tây eo đất Trung Mỹ mưa ít nên phát triển xavan và rừng thưa, cây bụi.

– Ở Nam Mỹ, sự phân hoá tự nhiên theo chiều đông – tây theo các khu vực địa hình rất rõ nét: các sơn nguyên ở phía đông, đồng bằng ở giữa và núi ở phía tây.

+ Phía đông là các sơn nguyên: sơn nguyên Guy-a-na (Guyana) được hình thành từ lâu đời và bị bào mòn mạnh, trở thành miền đồi và núi thấp; khí hậu nóng ẩm, rừng rậm rạp. Sơn nguyên Bra-xin (Brazil) có bề mặt bị cắt xẻ, rìa phía đông có núi thấp xen các cao nguyên núi lửa; đất tốt nhưng khí hậu khô hạn hơn nên cảnh quan rừng thưa và xavan là chủ yếu.

+ Ở giữa là các đồng bằng, bao gồm: đồng bằng La-nốt (Llanos), đồng bằng A-ma-dôn (Amazon), đồng bằng La Pla-ta (La Plata) và đồng bằng Pam-pa (Pampa). Đồng bằng A-ma-dôn là đồng bằng rộng và bằng phẳng nhất thế giới, nằm trong khu vực khí hậu xích đạo nóng ẩm, mưa quanh năm nên toàn bộ đồng bằng được rừng rậm bao phủ. Các đồng bằng còn lại có mưa ít nên thực vật chủ yếu là xavan và cây bụi.

+ Phía tây là miền núi trẻ An-đét (Andes) cao trung bình từ 3 000 – 5 000 m, gồm nhiều dãy núi song song so le nhau, xen giữa là các thung lũng và cao nguyên. Cảnh quan có sự khác biệt giữa sườn đông và sườn tây.



Hình 16.1. Bản đồ tự nhiên khu vực Trung và Nam Mỹ

2. Phân hoá tự nhiên theo chiều bắc – nam



Quan sát hình 16.2 và đọc thông tin trong bài, em hãy trình bày sự phân hoá tự nhiên của khu vực Trung và Nam Mỹ theo chiều bắc – nam.

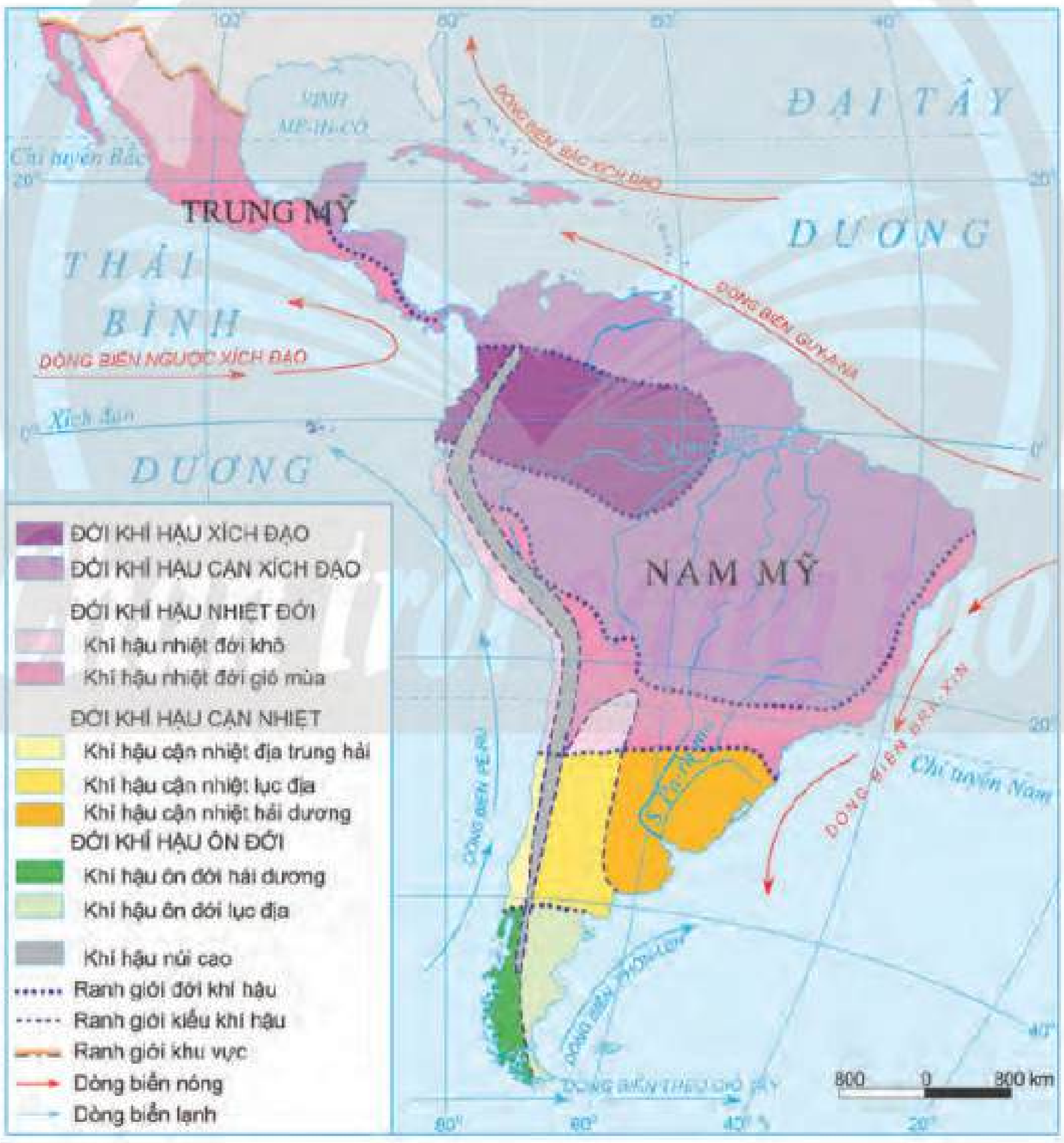
Thiên nhiên Trung và Nam Mỹ phân hoá đa dạng theo chiều bắc – nam, thể hiện rõ nét ở khí hậu và cảnh quan như sau:

– Đới khí hậu xích đạo và cận xích đạo: ở quần đảo Ăng-ti (Antilles), sơn nguyên Guy-a-na, đồng bằng La-nốt và đồng bằng A-ma-dôn với đặc điểm nóng quanh năm, lượng mưa tăng dần từ tây sang đông. Cảnh quan phổ biến là rừng nhiệt đới ẩm và xavan.

– Đới khí hậu nhiệt đới: chiếm phần lớn eo đất Trung Mỹ và khu vực chí tuyến Nam ở lục địa Nam Mỹ với đặc điểm nóng quanh năm, lượng mưa tăng dần từ tây sang đông. Cảnh quan thay đổi từ hoang mạc, cây bụi đến xavan và rừng nhiệt đới ẩm.

– Đới khí hậu cận nhiệt: chiếm diện tích nhỏ ở phía nam lục địa Nam Mỹ, mùa hạ nóng và mùa đông ấm; ven biển phía đông có mưa nhiều hơn, thảm thực vật điển hình là rừng cận nhiệt và thảo nguyên rừng, ven biển phía tây mưa rất ít, cảnh quan hoang mạc và bán hoang mạc.

– Đới khí hậu ôn đới: ở phần cực nam của lục địa Nam Mỹ, mùa hạ mát và mùa đông không quá lạnh. Những nơi mưa nhiều, cảnh quan điển hình là rừng hỗn hợp, những nơi ít mưa có cảnh quan hoang mạc và bán hoang mạc.

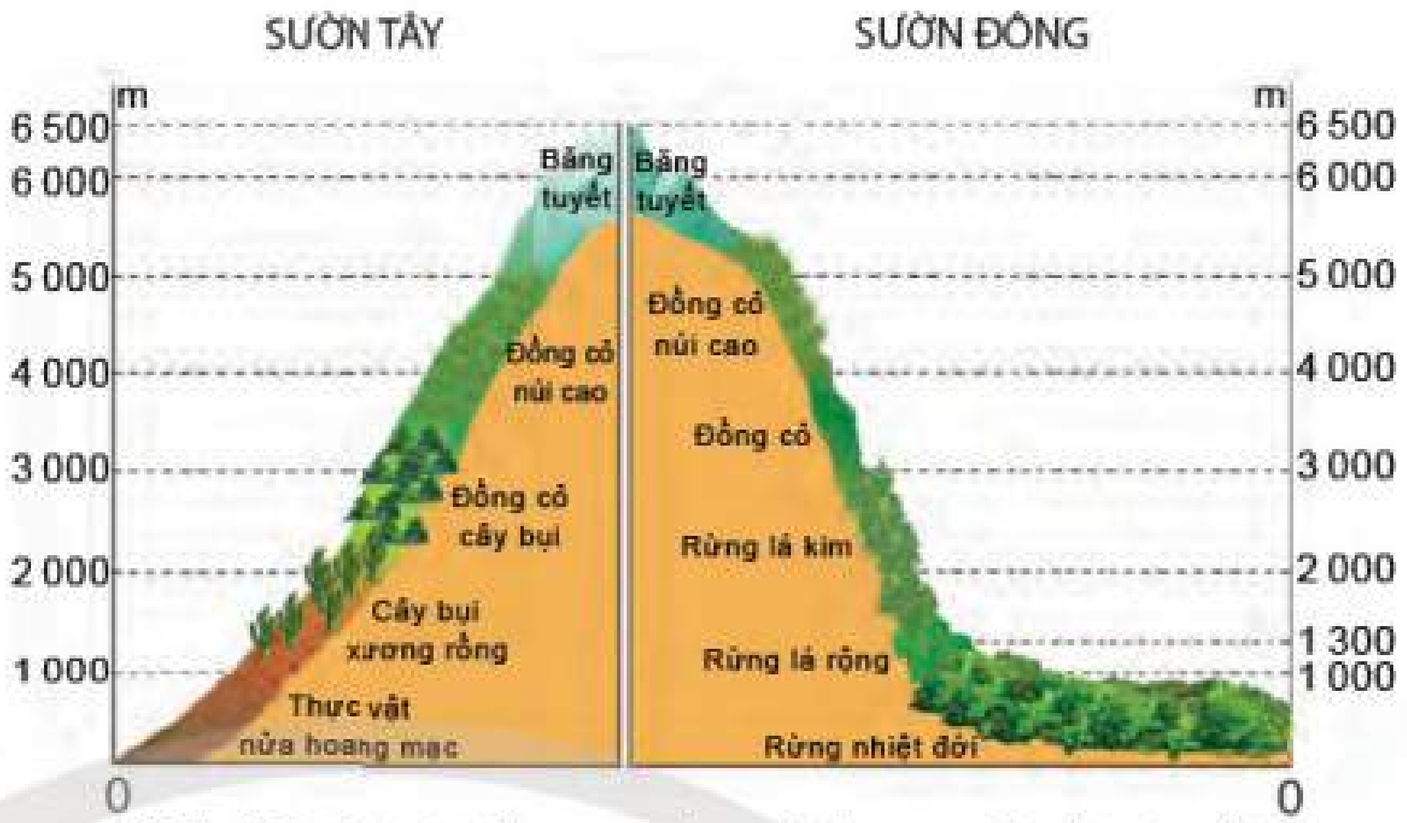


Hình 16.2. Bản đồ khí hậu Trung và Nam Mỹ

3. Phân hoá tự nhiên theo chiều cao



Quan sát hình 16.3 và đọc thông tin trong bài, em hãy trình bày sự phân hoá tự nhiên theo chiều cao của dãy núi An-đét.



Hình 16.3. Các đai thực vật theo chiều cao của dãy An-đét thuộc Pê-ru (Peru)

Do địa hình núi cao, có nhiều đỉnh vượt quá 6 000 m nên thiên nhiên miền núi An-đét có sự thay đổi theo chiều cao rõ rệt.

Ở dưới thấp, vùng Bắc và Trung An-đét thuộc khí hậu nóng và ẩm ướt nên cảnh quan phổ biến là rừng xích đạo xanh quanh năm rậm rạp. Vùng Nam An-đét thuộc khí hậu ôn hoà, rừng cận nhiệt và ôn đới phát triển.

Càng lên cao, nhiệt độ và độ ẩm thay đổi, các cảnh quan tự nhiên cũng thay đổi theo, trên các đỉnh núi cao có băng tuyết.



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Dựa vào nội dung bài học, em hãy hệ thống hoá một số đặc điểm tự nhiên của khu vực Trung và Nam Mỹ vào bảng theo mẫu sau:

Đặc điểm / Khu vực	Địa hình	Khí hậu
Trung Mỹ	?	?
Nam Mỹ	?	?

Vận dụng

2. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy sưu tầm những hình ảnh nổi bật về rừng nhiệt đới ở Nam Mỹ.

Chân trời sáng tạo

Bài 17 ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ TRUNG VÀ NAM MỸ, VẤN ĐỀ ĐÔ THỊ HOÁ, VĂN HOÁ MỸ LATINH

Học xong bài này, em sẽ:

Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ Latinh.

Nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ đã hình thành văn hoá Mỹ Latinh như thế nào? Tại sao khu vực này có các đô thị với quy mô lớn và mức độ đô thị hoá cao?

1. Đặc điểm nguồn gốc dân cư



Dựa vào thông tin trong bài, em hãy cho biết đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ.

Dân cư Trung và Nam Mỹ bao gồm người bản địa, người nhập cư và người lai. Người bản địa chủ yếu là người Anh-điêng thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-it di cư từ châu Á sang. Từ cuối thế kỉ XVI, đa số người nhập cư là người châu Âu gốc Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Đến thế kỉ XVII, người nhập cư chủ yếu là người châu Phi. Sự hoà huyết giữa người gốc Âu, người gốc Phi và người Anh-điêng bản địa đã tạo nên sự đa dạng trong nguồn gốc dân cư của Trung và Nam Mỹ.

Trung và Nam Mỹ có quy mô dân số lớn (gần 654 triệu người, năm 2020), tỉ suất tăng dân số tự nhiên thấp (0,9%, năm 2020) và đang có xu hướng giảm. Dân cư Trung và Nam Mỹ tập trung chủ yếu ở khu vực đồng bằng ven biển có điều kiện tự nhiên thuận lợi, các vùng ở sâu trong nội địa, đặc biệt ở khu vực rừng A-ma-dôn, dân cư phân bố rất thưa thớt. Năm 2020, mật độ dân số trung bình của khu vực là 33 người/km^2.

2. Đô thị hoá



Dựa vào hình 17.1 và thông tin trong bài, em hãy trình bày vấn đề đô thị hoá ở Trung và Nam Mỹ.

Trung và Nam Mỹ có tốc độ đô thị hoá cao. Năm 2020, tỉ lệ dân thành thị của khu vực chiếm hơn 80% số dân. Tuy vậy, đô thị hoá ở khu vực Trung và Nam Mỹ mang tính chất tự phát. Một trong những nguyên nhân là do quá trình cải cách ruộng đất không triệt để, khiến cho dân nghèo không có ruộng đất phải di dân từ nông thôn ra các thành phố lớn để tìm việc làm. Họ phải sống trong điều kiện khó khăn, chất lượng cuộc sống không đảm bảo.

Trung và Nam Mỹ có các đô thị lớn trên 10 triệu dân như: Mê-hi-cô Xi-ti (Mexico City), Xao Pao-lô (Sao Paulo), Ri-ô đê Gia-nê-rô (Rio de Janeiro),... Đô thị hoá tự phát đang tạo ra nhiều sức ép về kinh tế – xã hội và môi trường cho các quốc gia trong khu vực.



Hình 17.1. Bản đồ phân bố dân cư và một số đô thị ở Trung và Nam Mỹ, năm 2020

Chân trời sáng tạo

3. Văn hoá Mỹ Latinh



Dựa vào hình 17.2 và thông tin trong bài, em hãy trình bày một số nét đặc sắc trong văn hoá Mỹ Latinh.

Người dân Trung và Nam Mỹ sử dụng ngôn ngữ hệ Latinh. Tiếng Bồ Đào Nha được sử dụng chủ yếu ở Bra-xin, tiếng Tây Ban Nha được sử dụng ở đa số các quốc gia còn lại.

Sự kết hợp của các nền văn hoá trên thế giới với nền văn hoá bản địa đã tạo nên nền văn hoá Mỹ Latinh đặc sắc, phong phú với lễ hội Ca-na-van (Carnival); các vũ điệu như tăng-gô (tango), xan-xa (salsa), rum-ba (rumba), cha-cha-cha (chachacha),...



Hình 17.2. Lễ hội Ca-na-van, Bra-xin



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Giải thích vì sao dân cư Trung và Nam Mỹ có nguồn gốc đa dạng.

2. Dựa vào hình 17.1, em hãy nhận xét đặc điểm phân bố các đô thị ở Trung và Nam Mỹ.

Vận dụng

3. Em hãy sưu tầm tư liệu và viết một đoạn văn giới thiệu những nét đặc sắc của văn hoá Mỹ Latinh.

Chân trời sáng tạo

Bài 18 VẤN ĐỀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ RỪNG A-MA-DÔN

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn.
- Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng A-ma-dôn.

Rừng nhiệt đới A-ma-dôn có sự đa dạng và phong phú về thành phần loài. Người dân Nam Mỹ đã và đang khai thác, sử dụng và bảo vệ rừng A-ma-dôn như thế nào? Những tác động này ảnh hưởng như thế nào đến môi trường tự nhiên rừng A-ma-dôn?

1. Đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn



Dựa vào hình 16.1, hình 18, bảng số liệu và thông tin trong bài, em hãy:

- *Xác định vị trí của rừng nhiệt đới A-ma-dôn trên bản đồ.*
- *Nêu các đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn.*

Cơ cấu diện tích rừng A-ma-dôn chia theo các quốc gia, năm 2020

Quốc gia	Tỉ lệ diện tích rừng (%)
Bô-li-vi-a (Bolivia)	7
Bra-xin	60
Cô-lôm-bi-a (Colombia)	6
Ê-cu-a-đo (Ecuador)	2
Guy-a-na	3
Vùng lãnh thổ Pháp ở Guy-a-na	1
Pê-ru (Peru)	13
Xu-ri-nam (Suriname)	2
Vê-nê-xu-ê-la (Venezuela)	6

Rừng A-ma-dôn là rừng nhiệt đới lớn nhất thế giới, với diện tích hơn 5,5 triệu km^2. Rừng trải rộng trên nhiều quốc gia, chủ yếu ở Bra-xin (chiếm 60% diện tích). Với khí hậu nóng ẩm, rừng A-ma-dôn có mức độ đa dạng sinh học rất cao.

Rừng gồm 5 – 6 tầng cây với các cây vượt tán có thể cao trên 50 m, dưới đó



Hình 18. Rừng A-ma-dôn nhìn từ trên cao

là các cây gỗ lớn, các cây bụi thấp cùng hệ thống dây leo chằng chịt. Thành phần loài động, thực vật trong rừng hết sức phong phú, đa dạng với hàng triệu loài côn trùng; hàng nghìn loài chim, thú, bò sát và hàng chục nghìn loài thực vật.

Rừng A-ma-dôn được xem là "lá phổi xanh" của Trái Đất, cung cấp oxy cho sự sống, đóng vai trò quan trọng trong điều hoà khí hậu, là nguồn dự trữ sinh học quý giá của toàn cầu.

2. Vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ rừng A-ma-dôn



Dựa vào thông tin trong bài, em hãy phân tích vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên rừng A-ma-dôn hiện nay.

Trong nhiều năm, rừng A-ma-dôn được khai thác và sử dụng để canh tác nông nghiệp, khai thác khoáng sản, lấy gỗ, làm đường giao thông và phát triển thuỷ điện trong lưu vực sông. Vì vậy, diện tích rừng đang bị mất dần. Năm 2016, rừng nhiệt đới A-ma-dôn đã mất khoảng 3,4 triệu ha diện tích rừng nguyên sinh và năm 2020 mất khoảng 2,3 triệu ha. Hoạt động khai thác rừng quá mức gây hậu quả nghiêm trọng cho môi trường, là một trong những nguyên nhân làm biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, các vụ cháy rừng cũng làm suy giảm số lượng loài động, thực vật nơi đây.

Năm 2019, các quốc gia trong khu vực gồm: Bô-li-vi-a, Bra-xin, Cô-lôm-bi-a, Ê-cu-a-đo, Guy-a-na, Pê-ru, Xu-ri-nam đã kí Hiệp ước bảo vệ rừng A-ma-dôn với các biện pháp: hạn chế khai thác gỗ, trồng lại rừng, đẩy mạnh vai trò của cộng đồng bản địa trong phát triển bền vững, hỗ trợ về tài chính để thực hiện các cam kết và sáng kiến bảo vệ rừng,...



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Chứng minh rừng nhiệt đới A-ma-dôn có vai trò sinh thái rất quan trọng.

Vận dụng

2. Em hãy sưu tầm những thông tin về các biện pháp bảo vệ rừng nhiệt đới A-ma-dôn của các nước trong khu vực hiện nay.

Chân trời sáng tạo

Chương 5 CHÂU ĐẠI DƯƠNG

Bài 19 THIÊN NHIÊN CHÂU ĐẠI DƯƠNG

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Ô-xtrây-li-a (Australia).
- Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản.
- Phân tích được đặc điểm khí hậu Ô-xtrây-li-a, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Ô-xtrây-li-a.

Châu Đại Dương có diện tích nhỏ nhất trong các châu lục với nhiều đảo và quần đảo, nhưng phần lớn là những đảo nhỏ. Nơi đây cũng có nhiều loài sinh vật đặc hữu. Vậy, thiên nhiên của châu Đại Dương có những nét đặc sắc nào?

1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

Dựa vào hình 19.1 và thông tin trong bài em hãy:

– Xác định các bộ phận của châu Đại Dương.

– Xác định vị trí địa lí của lục địa Ô-xtrây-li-a.

– Trình bày kích thước và hình dạng lục địa Ô-xtrây-li-a.



Hình 19.1. Bản đồ tự nhiên châu Đại Dương

Phần lớn châu Đại Dương nằm ở bán cầu Nam, phía tây bắc giáp châu Á và phía tây giáp Ấn Độ Dương; bao gồm các chuỗi đảo Mê-la-nê-di (Melanesia), Mi-crô-nê-di (Micronesia), Pô-li-nê-di (Polynesia), quần đảo Niu Di-len và lục địa Ô-xtrây-li-a.

Lục địa Ô-xtrây-li-a trải dài từ khoảng vĩ tuyến 10^0N đến khoảng 39^0N, nằm ở phía tây châu Đại Dương với bốn phía giáp biển và đường bờ biển ít bị chia cắt. Đây là lục địa có diện tích nhỏ nhất trên thế giới.

2. Đặc điểm tự nhiên

a. Địa hình và khoáng sản



Dựa vào hình 19.1 và thông tin trong bài, em hãy trình bày đặc điểm địa hình, khoáng sản của lục địa Ô-xtrây-li-a và các đảo, quần đảo ở châu Đại Dương.

Ô-xtrây-li-a là một lục địa tương đối bằng phẳng với vùng cao nguyên ở phía tây; đồng bằng, bồn địa ở khu vực trung tâm và vùng núi ở phía đông. Khu vực phía tây có độ cao trung bình dưới 500 m với cao nguyên như: Kim-bớc-li (Kimberley), hoang mạc Vích-to-ri-a Lớn (Great Victoria),... Khu vực trung tâm là vùng đất thấp với bồn địa Ác-tê-di-an Lớn (Great Artesian) ở phía bắc và đồng bằng Nan-la-bo (Nullarbor) ở phía nam. Khu vực phía đông là dãy Trường Sơn Ô-xtrây-li-a kéo dài từ bắc xuống nam với độ cao trung bình từ 600 – 900 m ở phía bắc, cao dần về phía nam với các đỉnh trên 2 000 m.

Địa hình ở Niu Di-len và chuỗi đảo Mê-la-nê-di chủ yếu là núi cao, có đỉnh cao trên 4 000 m. Ở hai chuỗi đảo còn lại, các đảo núi lửa là những đảo núi cao trong khi các đảo san hô là đảo thấp.

Châu Đại Dương có nhiều tài nguyên khoáng sản có giá trị như: sắt, đồng, vàng, than và dầu mỏ; phân bố tập trung ở Ô-xtrây-li-a, Niu Di-len.



Em có biết?

Ô-xtrây-li-a đứng thứ năm thế giới về trữ lượng than. Ô-xtrây-li-a cũng là quốc gia xuất khẩu than lớn nhất thế giới (chiếm khoảng 29% tổng sản lượng than xuất khẩu của thế giới năm 2020).

b. Khí hậu và sinh vật

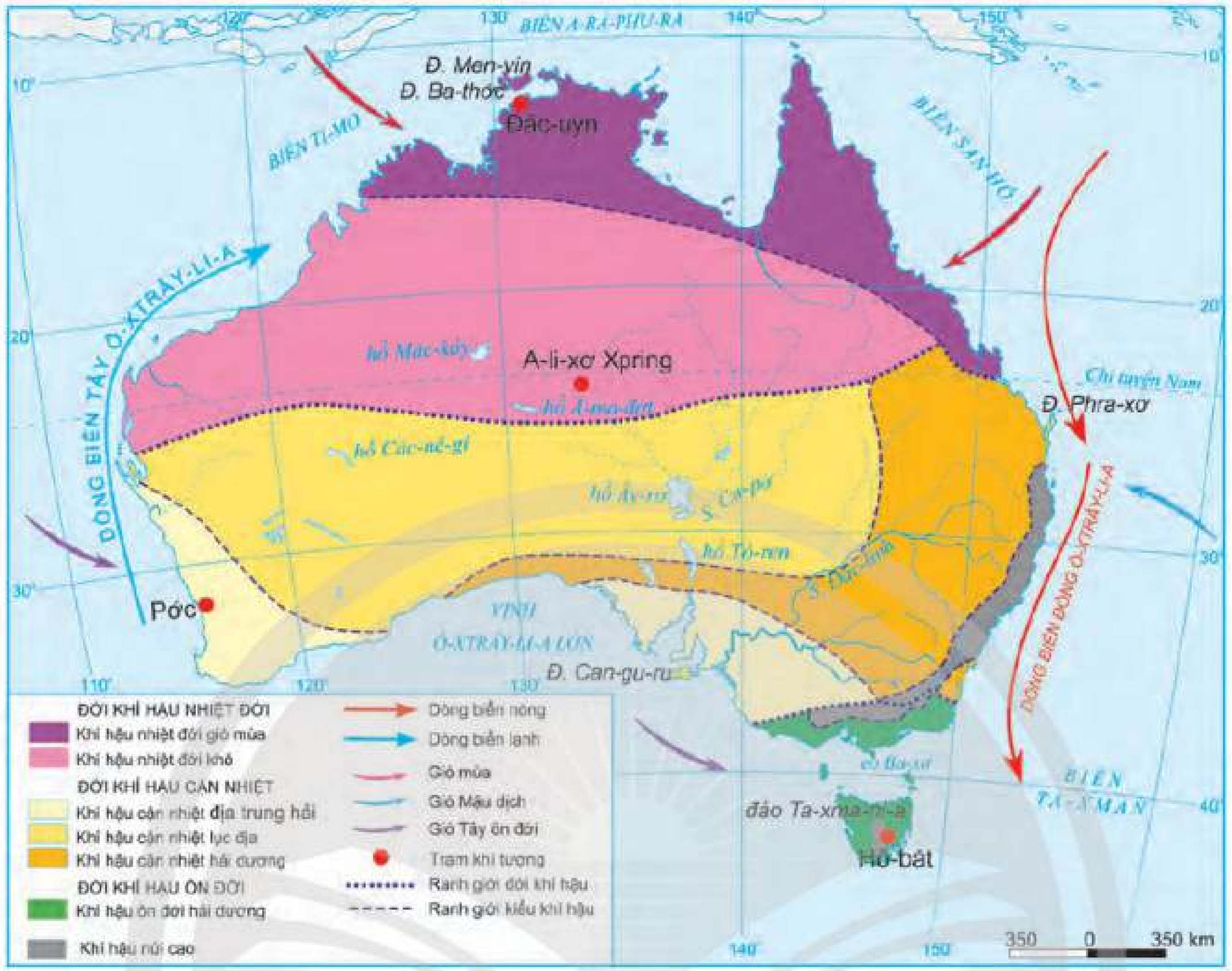


Dựa vào hình 19.2, hình 19.3 và thông tin trong bài, em hãy:

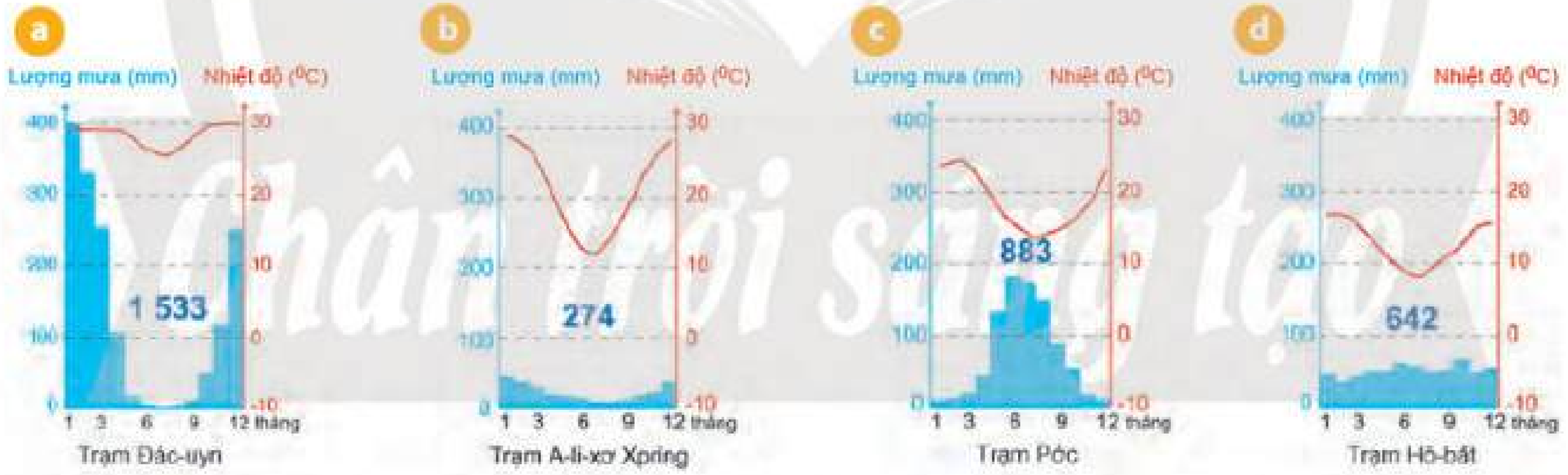
– Cho biết Ô-xtrây-li-a có các đới và kiểu khí hậu nào.

– Phân tích đặc điểm nhiệt độ, lượng mưa của các trạm khí tượng a, b, c, d.

– Kể tên các loài sinh vật đặc hữu của Ô-xtrây-li-a.



Hình 19.2. Bản đồ khí hậu Ô-xtrây-li-a



Hình 19.3. Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa một số trạm khí tượng ở Ô-xtrây-li-a

Phần lớn diện tích lục địa Ô-xtrây-li-a có khí hậu khô hạn và phân hoá từ bắc xuống nam, từ khí hậu nhiệt đới đến khí hậu cận nhiệt đới và khí hậu ôn đới.

Các đới khí hậu còn phân hoá thành các kiểu, trong đó, kiểu khí hậu nhiệt đới khô và kiểu khí hậu cận nhiệt lục địa phân bố rộng nhất. Một phần phía nam có khí hậu ôn đới hải dương. Khu vực phía đông và đông nam có thêm kiểu khí hậu núi cao.

Chân trời sáng tạo

Ngoài ra, khí hậu còn có sự phân hoá từ đông sang tây. Phía đông lục địa Ô-xtrây-li-a là kiểu khí hậu hải dương, lượng mưa lớn. Càng vào sâu trong lục địa, biên độ nhiệt càng lớn và lượng mưa càng thấp.

Ô-xtrây-li-a là nơi có hệ động, thực vật rất phong phú và độc đáo (75% là loài địa phương). Ở đây có hơn 370 loài động vật có vú, khoảng 830 loài chim, 4 500 loài cá; trong đó có những loài đặc hữu như: thú có túi (gấu túi – koala), căng-gu-ru (kangaroo), chuột túi (quokka), thú mỏ vịt,... Các khu rừng nhiệt đới phát triển ở phía nam và trên đảo Ta-xma-ni-a (Tasmania). Ngoài ra, Ô-xtrây-li-a có những cây bản địa đặc trưng như bạch đàn, keo hoa vàng, tràm.



Em có biết?

Quốc huy của nước Ô-xtrây-li-a sử dụng hình ảnh con căng-gu-ru và đà điểu làm chủ đạo trên nền cây keo hoa vàng rất phổ biến ở nước này.



Hình 19.4. Quốc huy của Ô-xtrây-li-a



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Xác định trên hình 19.1 các khu vực địa hình và khoáng sản của Ô-xtrây-li-a.

2. Trong 4 trạm khí tượng ở hình 19.3, trạm nào có nhiệt độ trung bình tháng 7 thấp nhất? Tại sao?

Vận dụng

3. Em hãy sưu tầm hình ảnh về các cảnh quan tự nhiên hoặc các loài sinh vật đặc hữu ở Ô-xtrây-li-a.

Chân trời sáng tạo

Bài 20 ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI Ô-XTRÂY-LI-A

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm dân cư Ô-xtrây-li-a.
- Trình bày được một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Ô-xtrây-li-a.

Ô-xtrây-li-a là một trong những quốc gia có mật độ dân số thấp nhất thế giới, có những nét đặc sắc về lịch sử và văn hoá. Vậy dân cư, xã hội của Ô-xtrây-li-a có những đặc điểm gì nổi bật?

1. Đặc điểm dân cư

a. Quy mô, gia tăng và cơ cấu dân số



Dựa vào bảng số liệu và thông tin trong bài, em hãy:

– Nhận xét quy mô và sự gia tăng dân số Ô-xtrây-li-a, giai đoạn 2000 – 2020.

– Trình bày cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Ô-xtrây-li-a.

Số dân và tỉ suất tăng dân số tự nhiên của Ô-xtrây-li-a, giai đoạn 2000 – 2020

Năm	Số dân (triệu người)	Tỉ suất tăng dân số tự nhiên (%)
2000	19,1	0,6
2005	20,2	0,6
2010	21,0	0,7
2015	23,8	0,6
2020	25,7	0,5

Ô-xtrây-li-a có quy mô dân số không lớn và tỉ suất tăng dân số tự nhiên duy trì ở mức thấp (0,5% năm 2020). Số dân Ô-xtrây-li-a tăng chủ yếu do nhập cư. Từ thế kỉ XVIII, dân nhập cư chủ yếu là người châu Âu. Nửa sau thế kỉ XX, có thêm người châu Á. Những làn sóng di cư khác nhau từ nhiều quốc gia đã ảnh hưởng quan trọng đến sự đa dạng về đặc điểm dân cư Ô-xtrây-li-a.

Từ cuối thế kỉ XX, mức sinh thấp, tỉ lệ tử vong giảm, số lượng người cao tuổi ngày càng nhiều dẫn đến tuổi thọ trung bình tăng. Năm 2020, Ô-xtrây-li-a có cơ cấu dân số già khi dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm tỉ lệ hơn 15% tổng số dân và dự báo có xu hướng tăng trong tương lai; trong khi nhóm từ 0 đến 14 tuổi chiếm khoảng 19% và ngày càng giảm. Về cơ cấu giới tính, cứ 100 nữ thì có 98 nam.

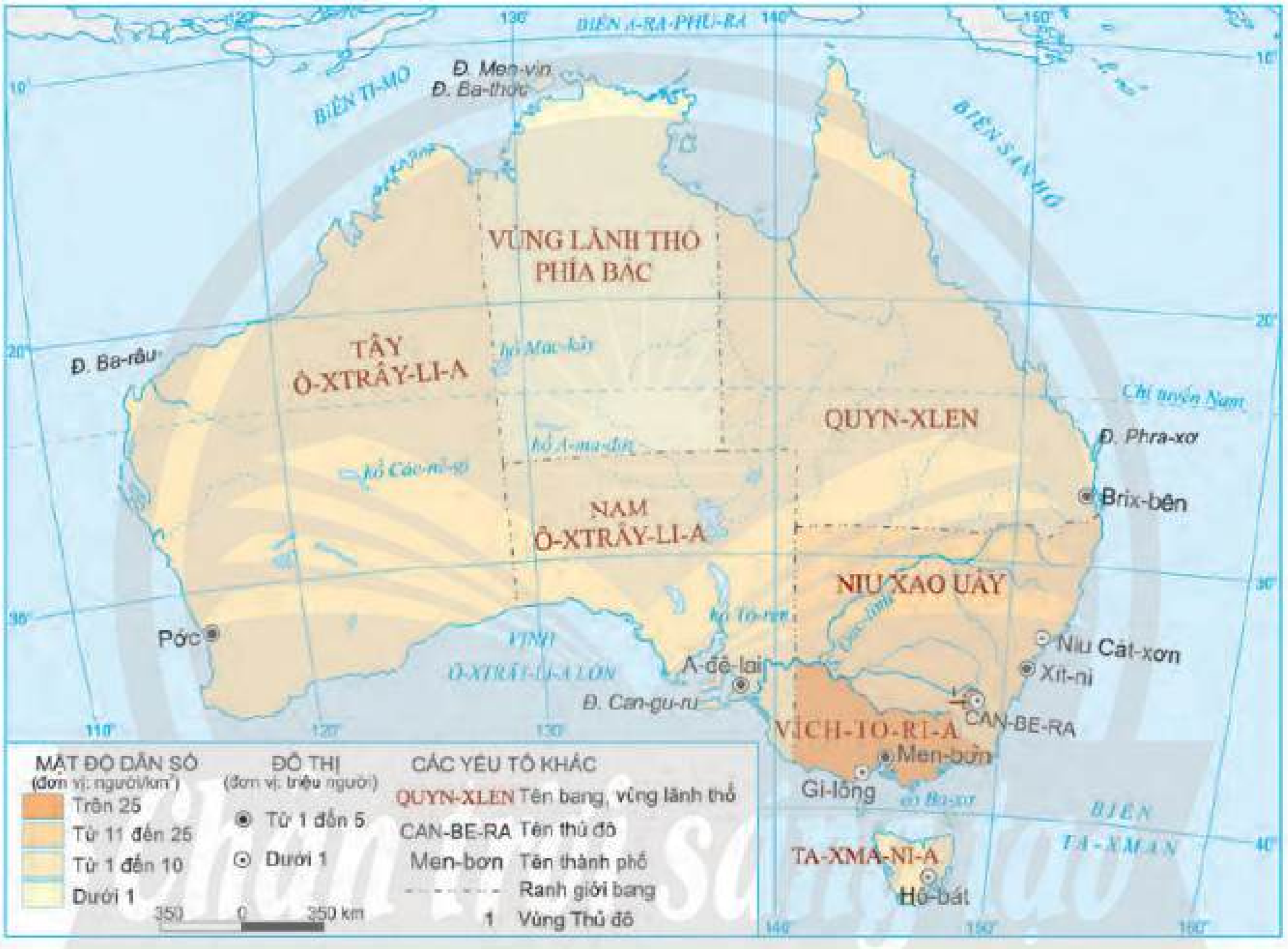
b. Phân bố dân cư và đô thị



Quan sát hình 20.1 và thông tin trong bài, em hãy:

– Xác định khu vực có mật độ dân số cao nhất và thấp nhất.

– Kể tên một số đô thị ở Ô-xtrây-li-a. Cho biết các đô thị thường tập trung tại khu vực nào.



Hình 20.1. Bản đồ phân bố dân cư và một số đô thị ở Ô-xtrây-li-a, năm 2020

Dân cư Ô-xtrây-li-a phân bố không đều, mật độ dân số bình quân của Ô-xtrây-li-a là 3 người/km^2 (năm 2020). Dân cư tập trung chủ yếu ở khu vực Đông Nam (chiếm gần 60% số dân cả nước), thưa thớt ở vùng trung tâm. Ô-xtrây-li-a là quốc gia có mức độ đô thị hoá cao với tỉ lệ dân thành thị chiếm khoảng 86% (năm 2020). Các đô thị phân bố chủ yếu ở khu vực ven biển phía đông nam.

2. Lịch sử và văn hoá độc đáo



Dựa vào hình 20.2, hình 20.3 và thông tin trong bài, em hãy trình bày:

– Một số sự kiện lịch sử nổi bật của Ô-xtrây-li-a.

– Những biểu hiện cho thấy Ô-xtrây-li-a có nền văn hoá độc đáo.



Hình 20.2. Một số mốc sự kiện liên quan đến lịch sử khai phá Ô-xtrây-li-a

Ô-xtrây-li-a có nền văn hoá lâu đời với các cộng đồng thổ dân được hình thành từ hàng nghìn năm trước. Ô-xtrây-li-a có nền văn hoá độc đáo kết hợp văn hoá của người bản địa và văn hoá của người nhập cư.

Nền văn hoá bản địa vẫn được bảo tồn bản sắc với các lễ hội lớn hằng năm như: lễ hội truyền thống Ô Va-lây (Ord Valley), lễ hội thổ dân Lô-ra (Laura); hoà nhập cùng với các lễ hội, sự kiện hiện đại mang tầm thế giới như lễ hội ánh sáng, tuần lễ thời trang quốc tế,...



Hình 20.3. Bu-mơ-rang (Boomerang)

Về ngôn ngữ, ngoài tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức, Ô-xtrây-li-a còn khoảng 300 ngôn ngữ được sử dụng trong giao tiếp. Ô-xtrây-li-a là quốc gia có hệ thống nhà hát, bảo tàng lưu giữ và trình diễn các tác phẩm nhiếp ảnh, điêu khắc, tranh vẽ và nghệ thuật đặc trưng có giá trị.



Em có biết?

Khởi nguồn từ tín ngưỡng của người bản địa, mặt nạ cư dân vùng eo biển Tô-rét (Torres) được làm thủ công từ những vật liệu của địa phương như: mai rùa, sợi thừng nhỏ, sáp ong hoang dã và thường được sử dụng trong các nghi lễ cúng tế. Ngày nay, các mặt nạ được coi là cách thức phục hưng nền nghệ thuật, văn hoá cổ xưa và những nghi lễ sống động cho các thế hệ sau.



Hình 20.4. Mặt nạ vùng Tô-rét (Torres)



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Dựa vào bảng Số dân và tỉ suất tăng dân số tự nhiên của Ô-xtrây-li-a, giai đoạn 2000 – 2020, *em hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện quy mô dân số của Ô-xtrây-li-a.*

2. Vì sao Ô-xtrây-li-a có nền văn hoá độc đáo?

Vận dụng

3. Dựa vào hình 20.3, em hãy sưu tầm thêm thông tin về một nét văn hoá đặc trưng của Ô-xtrây-li-a, viết một báo cáo ngắn và trao đổi với bạn cùng lớp.

Bài 21 PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN Ở Ô-XTRÂY-LI-A

Học xong bài này, em sẽ:

Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-li-a.

Ô-xtrây-li-a có nhiều tiềm năng và lợi thế để trở thành quốc gia có nền kinh tế phát triển nhất của châu Đại Dương. Vậy, người dân Ô-xtrây-li-a tiến hành khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên như thế nào?

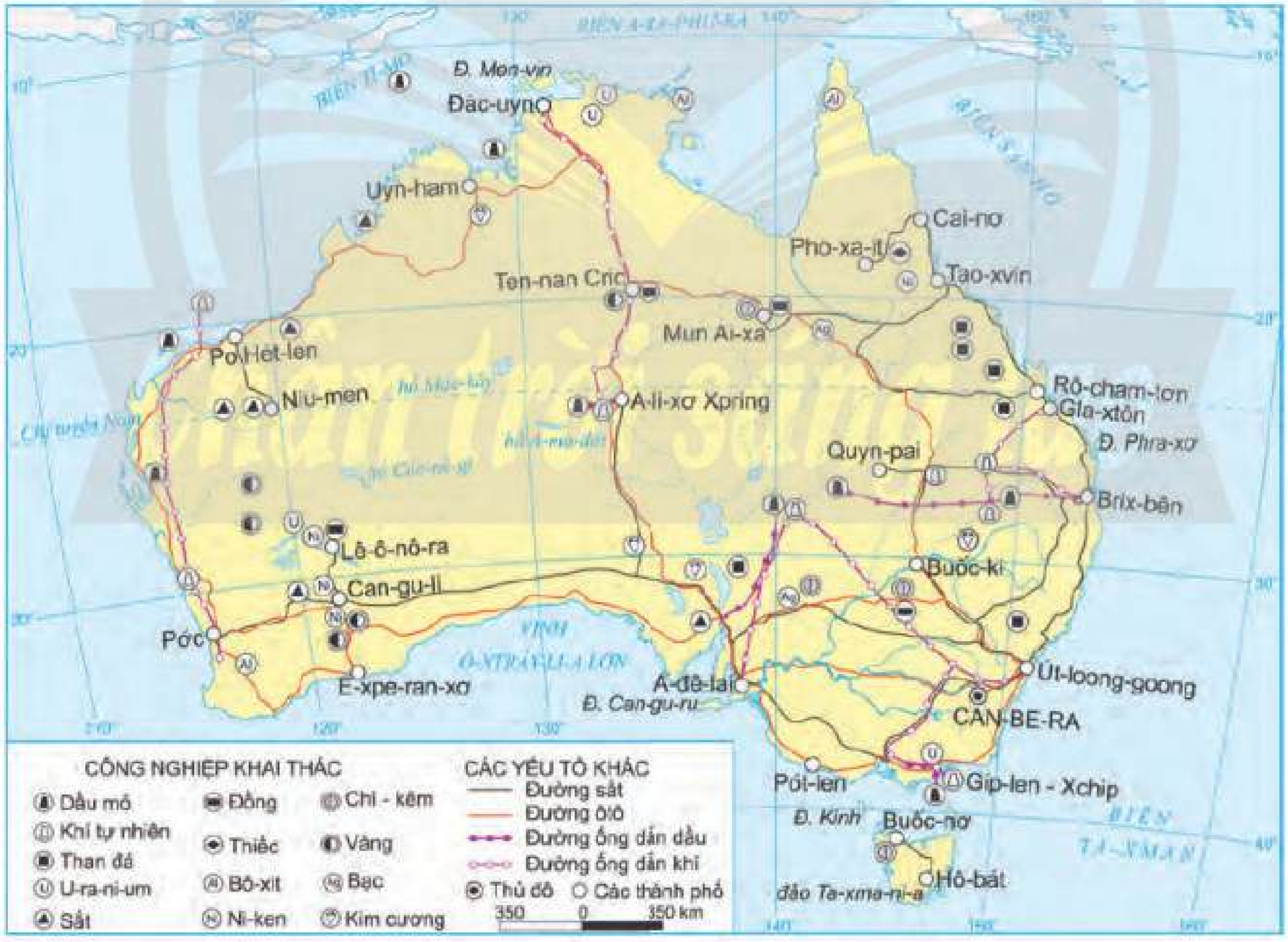
1. Phương thức khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản



Dựa vào hình 21 và thông tin trong bài, em hãy:

– Kể tên các khoáng sản chính được khai thác ở Ô-xtrây-li-a.

– Cho biết Ô-xtrây-li-a đã sử dụng nguồn tài nguyên khoáng sản như thế nào.



Hình 21. Bản đồ khai thác khoáng sản Ô-xtrây-li-a

Ô-xtrây-li-a là quốc gia dẫn đầu thế giới về sản lượng khai thác than đá, u-ra-ni-um, ni-ken, chì và đứng trong nhóm 6 nước khai thác nhiều nhất về bô-xit, đồng, vàng, quặng sắt và kim cương. Ngoài ra, Ô-xtrây-li-a còn khai thác dầu mỏ, khí tự nhiên,...

Ô-xtrây-li-a đã và đang tiến hành khai thác khoáng sản một cách hiệu quả nhờ áp dụng các phương pháp khai thác tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế (sử dụng rô bốt để khai thác, dùng tàu và xe tự hành cỡ lớn để vận chuyển,...). Đặc biệt, Ô-xtrây-li-a đã thành công trong việc kết hợp hài hoà các vấn đề bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội và hiệu quả thương mại. Ngành công nghiệp khai khoáng đã có nhiều đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế.

2. Phương thức khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên sinh vật



Dựa vào bảng số liệu và thông tin trong bài, em hãy:

– Nhận xét sự biến động diện tích rừng của Ô-xtrây-li-a trong giai đoạn 1990 – 2020.

– Cho biết Ô-xtrây-li-a đã thực hiện những biện pháp nào để bảo vệ tài nguyên sinh vật.

Diện tích rừng của Ô-xtrây-li-a, giai đoạn 1990 – 2020 (triệu ha)

Năm	1990	1995	2000	2005	2010	2015	2020
Diện tích	133,8	132,8	131,8	130,7	129,5	133,1	134,0

Ô-xtrây-li-a có tài nguyên sinh vật phong phú. Tuy nhiên, do điều kiện khí hậu khô nóng kết hợp với biến đổi khí hậu đã khiến cho tình trạng cháy rừng ngày càng phổ biến. Điều này đã làm suy giảm đáng kể số lượng các loài động thực vật hoang dã, nhất là các loài đặc hữu.

Những năm gần đây, Ô-xtrây-li-a đã chú trọng nhiều hơn trong công tác bảo vệ đa dạng sinh học bằng những biện pháp: phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, công viên biển, vườn quốc gia,... Đồng thời đề ra những chiến lược bảo tồn các quần thể sinh vật và cảnh quan bản địa, góp phần quan trọng duy trì tính đa dạng của tài nguyên sinh vật quốc gia.

3. Phương thức khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất



Dựa vào thông tin trong bài, em hãy phân tích những biện pháp khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên đất của Ô-xtrây-li-a.

Do nguồn nước hạn chế, phần lớn diện tích đất của Ô-xtrây-li-a thường bị khô hạn, kém màu mỡ. Với điều kiện này, ngành chăn nuôi gia súc (đặc biệt là cừu) được chú trọng phát triển.

Các loài cây chịu hạn được trồng theo hình thức quảng canh. Tuy nhiên, đất dễ bị suy thoái do phải sử dụng nhiều phân bón vô cơ để thay thế. Trước thực trạng đó, từ năm 1989, Ô-xtrây-li-a triển khai *Chương trình quốc gia về chăm sóc đất* để thúc đẩy các phương pháp canh tác mới, phủ xanh đất trống, phổ biến các giải pháp kĩ thuật,... Chương trình đã thu hút đông đảo nông dân tham gia nhờ sự hỗ trợ tích cực của chính quyền liên bang, các bang cũng như các tổ chức môi trường quốc gia, góp phần bảo vệ tài nguyên đất, thúc đẩy sự phát triển ngành nông nghiệp theo hướng mới với nhiều triển vọng.



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Em hãy vẽ sơ đồ thể hiện các phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-li-a.

Vận dụng

2. Em hãy tìm các thông tin về khai thác, sử dụng và bảo vệ một loại tài nguyên thiên nhiên khác ở Ô-xtrây-li-a.

Chân trời sáng tạo

Chương 6 CHÂU NAM CỰC

Bài 22 VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, LỊCH SỬ KHÁM PHÁ VÀ NGHIÊN CỨU CHÂU NAM CỰC

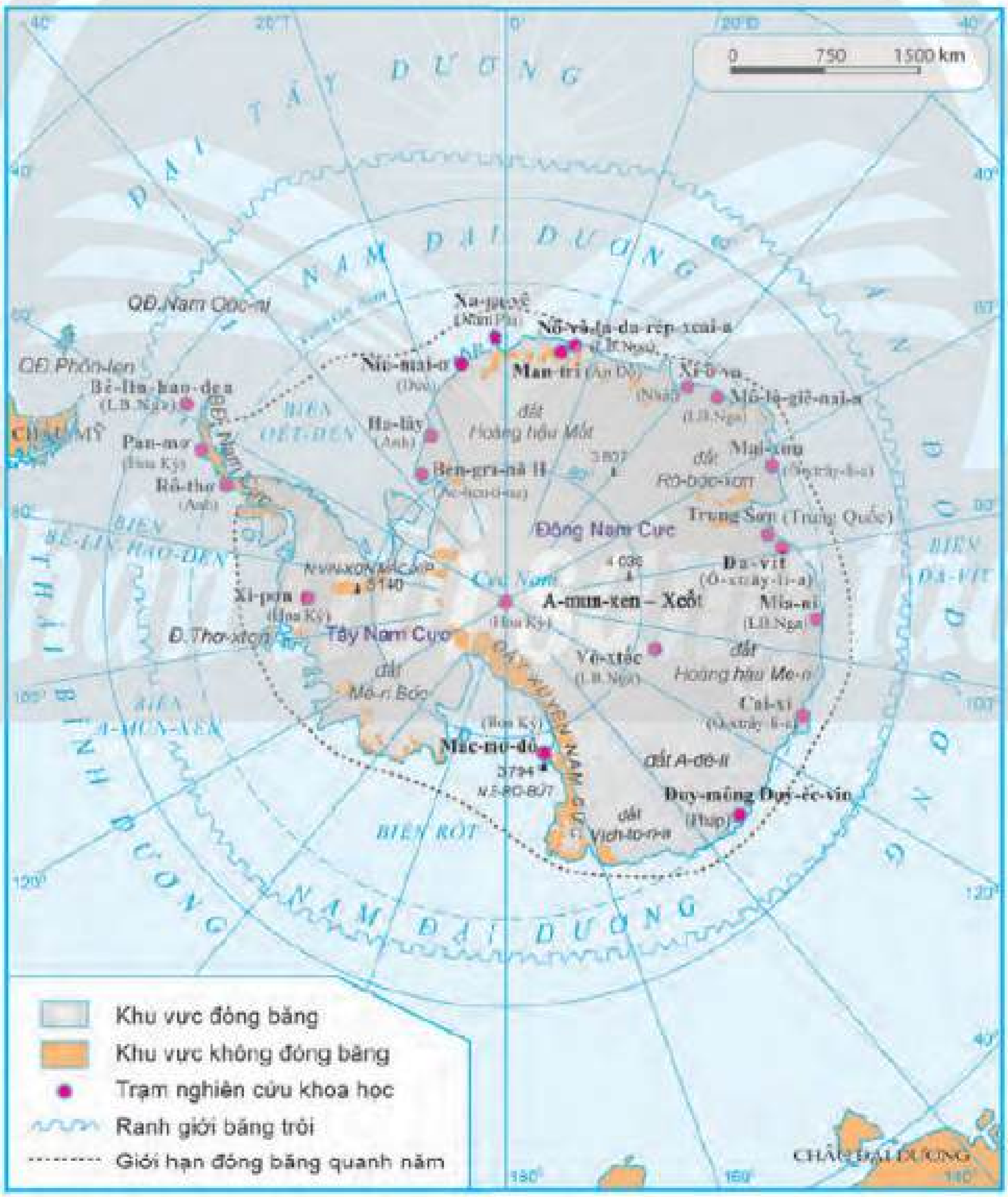
Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực.
- Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.

Trên thế giới có một châu lục nằm hoàn toàn ở bán cầu Nam và tách biệt với các châu lục khác. Châu lục này được biết đến muộn nhất và đây cũng là nơi duy nhất trên thế giới không có quốc gia. Đó là châu Nam Cực.

Vậy, con người đã khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực như thế nào?

1. Vị trí địa lí



Hình 22.1. Bản đồ vị trí địa lí và một số trạm nghiên cứu khoa học ở châu Nam Cực



Dựa vào hình 22.1 và thông tin trong bài, em hãy:
– Xác định vị trí địa lí của châu Nam Cực.
– Cho biết châu Nam Cực bao gồm những bộ phận nào.
– Kể tên các biển và đại dương bao quanh châu Nam Cực.

Châu Nam Cực gồm lục địa Nam Cực và các đảo, quần đảo ven lục địa. Đây là châu lục có diện tích lớn thứ tư thế giới với 14,1 triệu km^2. Đại bộ phận lãnh thổ nằm trong phạm vi của vòng cực Nam.

Châu Nam Cực nằm cách xa các châu lục khác, bao bọc xung quanh bởi các biển và đại dương, được phân thành hai bộ phận: phần phía đông và phần phía tây (lấy kinh tuyến 0^0 và 180^0 làm ranh giới). Phần phía đông châu lục có diện tích rộng hơn phần phía tây. Phần phía tây có một bộ phận kéo dài tạo thành bán đảo Nam Cực và một số đảo, quần đảo.

2. Lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực



Dựa vào hình 22.1, hình 22.2 và thông tin trong bài, em hãy:
– Kể tên một số trạm nghiên cứu của các quốc gia ở châu Nam Cực.
– Trình bày lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.

Nam Cực là châu lục được phát hiện và nghiên cứu muộn nhất. Con người lần đầu tiên phát hiện ra châu Nam Cực là hai nhà hàng hải người Nga. Đến đầu thế kỉ XX, một số nhà thám hiểm mới đặt chân lên lục địa Nam Cực và sau đó tiến sâu vào các vùng nội địa.

Từ năm 1957, việc nghiên cứu châu Nam Cực được tiến hành một cách toàn diện. Nhiều nước như: Liên bang Nga, Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Ô-xtrây-li-a, Đức, Nhật Bản, Ác-hen-ti-na,... đã xây dựng các trạm nghiên cứu ở đây.

Những hoạt động của con người ở châu Nam Cực ngày càng gia tăng, đe doạ đến môi trường. Ngày 1 – 12 – 1959, Hiệp ước Nam Cực



a. Trạm A-mun-xen – Xcốt (Amundsen – Scott) của Hoa Kỳ (thành lập năm 1956)



b. Trạm Đa-vít (Davis) của Ô-xtrây-li-a (thành lập năm 1957)



c. Trạm Bê-lin-hao-den (Bellingshausen) của Liên bang Nga (thành lập năm 1968)

Hình 22.2. Hình ảnh một số trạm nghiên cứu khoa học ở châu Nam Cực

đã được 12 quốc gia kí kết, thừa nhận châu Nam Cực phải được sử dụng cho mục đích hoà bình, không công nhận những đòi hỏi phân chia lãnh thổ, tài nguyên ở châu Nam Cực. Đến năm 2020, Hiệp ước Nam Cực có tổng cộng 54 quốc gia thành viên.

Hiện nay, châu Nam Cực có một mạng lưới các trạm nghiên cứu khoa học, đang tiến hành nghiên cứu tổng hợp các điều kiện tự nhiên bằng các phương tiện kĩ thuật hiện đại.



Em có biết?

Hiệp ước Nam Cực được kí kết năm 1959 và có hiệu lực kể từ năm 1961. Hiệp ước bao gồm 14 Điều với các nội dung chính như sau:

– Thừa nhận trách nhiệm chung trong sử dụng và quản lí châu Nam Cực.

– Duy trì tình trạng phi quân sự hoá ở Nam Cực.

– Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu khoa học.

– Bảo vệ môi trường Nam Cực.

– Dừng lại các yêu sách về lãnh thổ của các quốc gia thành viên trong giai đoạn Hiệp ước có hiệu lực.

Bên cạnh Hiệp ước Nam Cực, các quốc gia thành viên còn tham gia kí kết các thoả thuận liên quan khác nhằm hỗ trợ cho việc thực thi Hiệp ước hiệu quả như Công ước về bảo tồn các loài sinh vật biển sống ở Nam Cực năm 1980, Nghị định thư về bảo vệ môi trường gắn liền với Hiệp ước Nam Cực năm 1991,...



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Chứng minh châu Nam Cực có vị trí địa lí đặc biệt.

2. Liệt kê các mốc thời gian chính trong lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.

Vận dụng

3. Em hãy tìm hiểu về Hiệp ước Nam Cực (1959) và viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) với thông điệp: Nam Cực vì hoà bình thế giới.

Chân trời sáng tạo

Bài 23 THIÊN NHIÊN CHÂU NAM CỰC

Học xong bài này, em sẽ:

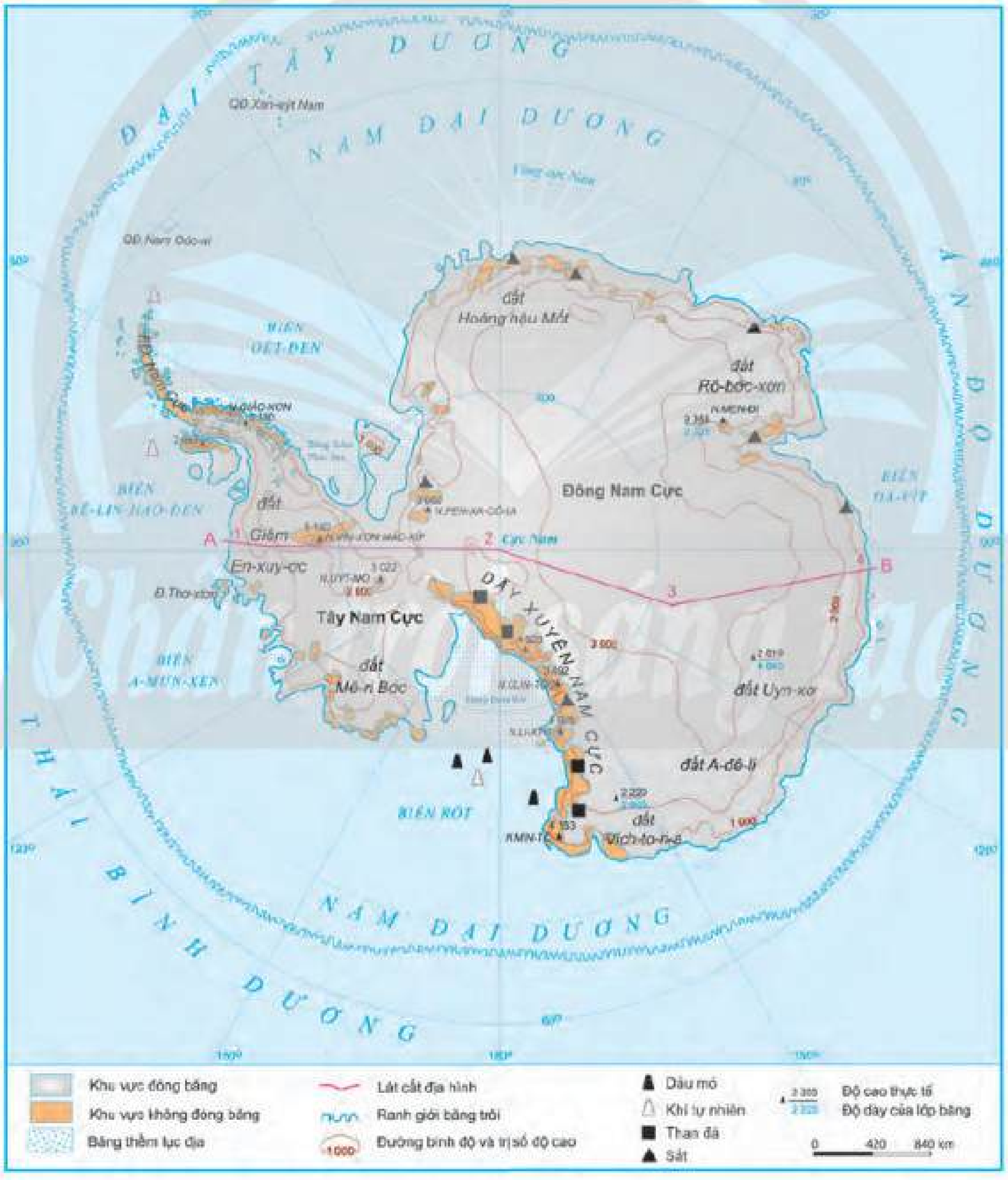
- Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực.
- Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.

Châu Nam Cực – vùng đất của nhiều điều kì thú: nơi băng phủ trắng gần toàn bộ châu lục; nơi có nhiều gió bão nhất thế giới; nơi chỉ có sự sinh tồn của một số loài tiêu biểu như chim cánh cụt, hải cẩu, cá voi; nơi không có người dân bản địa và dân cư sinh sống thường xuyên.

Vậy, điều gì đã tạo nên sự khác biệt cho châu Nam Cực? Hãy cùng khám phá thiên nhiên châu Nam Cực.

1. Đặc điểm tự nhiên

a. Địa hình



Hình 23.1. Bản đồ địa hình và khoáng sản châu Nam Cực



Dựa vào hình 23.1, hình 23.2 và thông tin trong bài, em hãy cho biết đặc điểm nổi bật của địa hình bề mặt châu Nam Cực.



Hình 23.2. Lát cắt địa hình ở châu Nam Cực

Gần như toàn bộ địa hình châu Nam Cực được bao phủ bởi lớp băng dày. Lớp phủ băng làm cho bề mặt châu lục trở nên bằng phẳng, tạo thành các cao nguyên băng rộng lớn, có dạng như những chiếc khiên khổng lồ: ở phần trung tâm địa hình cao, càng đi ra ngoài rìa càng thấp dần.

Ngoài lớp băng bao phủ lục địa, ở Nam Cực còn có các băng thềm lục địa, hình thành chủ yếu trong các vịnh biển và các vùng bờ biển nông. Hai băng thềm lục địa lớn nhất ở Nam Cực là băng thềm Phin-xne (Filchner) và băng thềm Rốt (Ross).



Em có biết?

Bề dày trung bình của tầng băng ở lục địa Nam Cực là 1720 m, nhưng có nhiều nơi đạt tới 3000 – 4000 m. Với lớp băng bao phủ đó, độ cao trung bình của bề mặt lục địa đạt tới 2 040 m và Nam Cực trở thành lục địa cao nhất Địa Cầu.

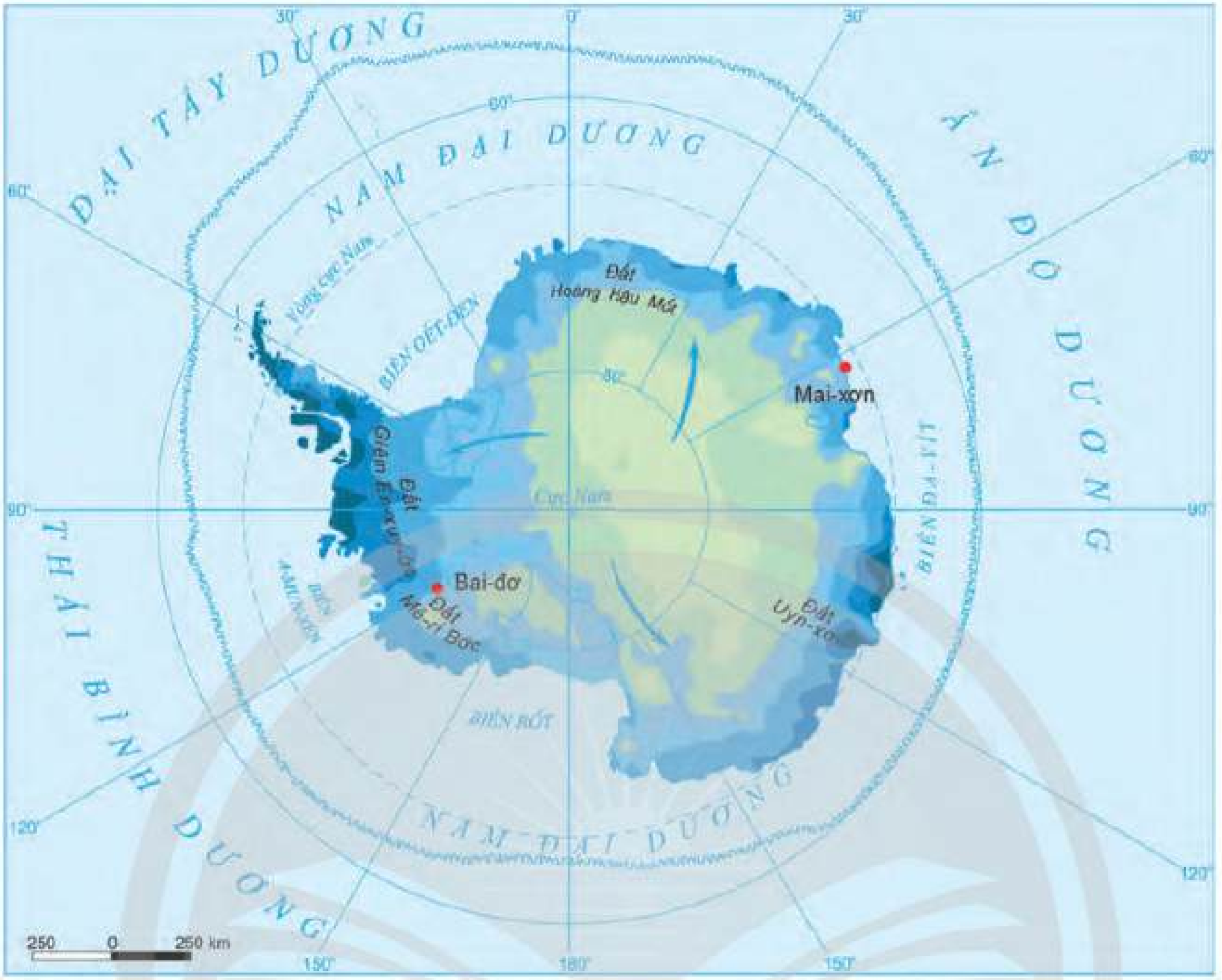
b. Khí hậu



Dựa vào hình 23.3, hình 23.4 và thông tin trong bài, em hãy:

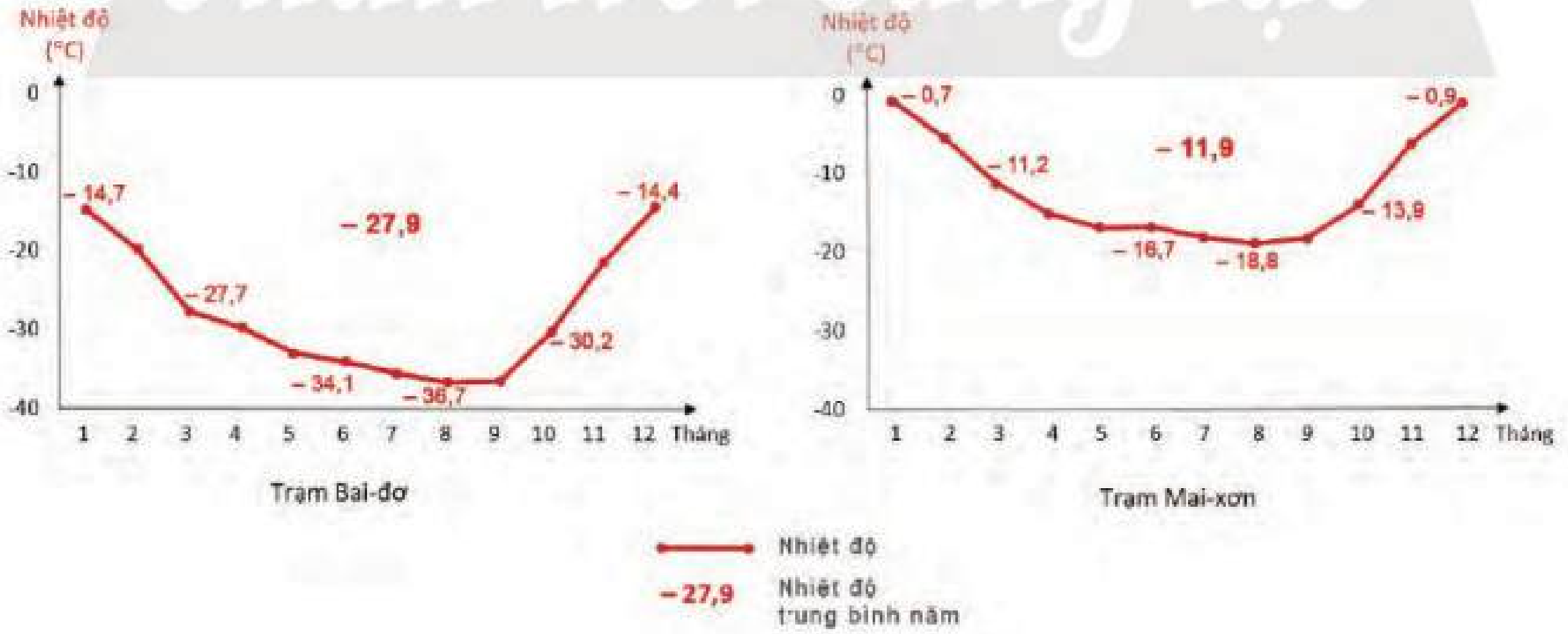
- *Nhận xét lượng mưa hằng năm và sự phân bố lượng mưa ở châu Nam Cực.*
- *Nhận xét nhiệt độ trung bình năm tại các trạm. Cho biết sự chênh lệch nhiệt độ giữa các tháng trong năm như thế nào.*

Châu Nam Cực còn được gọi là hoang mạc lạnh của thế giới. Khí hậu giá buốt với nhiệt độ thấp (không bao giờ vượt quá 0^0C) và ổn định kéo dài trong suốt năm. Càng vào sâu trong lục địa, nhiệt độ càng khắc nghiệt. Nhiệt độ trung bình trong năm có sự dao động lớn giữa các tháng mùa đông và các tháng mùa hạ. Mùa đông (từ tháng 3 đến tháng 10) là thời kì lạnh nhất, nhiệt độ trung bình tháng ở rìa lục địa xuống tới – 15^0C đến – 20^0C còn ở vùng trung tâm đạt tới – 60^0C đến – 70^0C. Vì thế, lượng mưa hằng năm ở châu Nam Cực rất thấp, trung bình chỉ khoảng 166 mm/năm. Mưa chủ yếu xảy ra vào mùa hạ ở các khu vực ven biển và các đảo xung quanh, vùng nội địa gần như không có mưa. Phần lớn mưa ở châu Nam Cực dưới dạng tuyết rơi.



Hình 23.3. Bản đồ phân bố lượng mưa ở châu Nam Cực

Đây là vùng khí áp cao, gió từ trung tâm lục địa toả ra theo hướng ngược chiều kim đồng hồ với vận tốc thường trên 60 km/h. Vùng Nam Cực là nơi có nhiều gió bão nhất thế giới.



Hình 23.4. Biểu đồ nhiệt độ của hai trạm nghiên cứu ở châu Nam Cực

c. Sinh vật



Dựa vào hình 23.5 và thông tin trong bài, em hãy:
– Kể tên một số loài sinh vật chính ở châu Nam Cực.
– Cho biết tại sao các sinh vật tồn tại được trong điều kiện môi trường khắc nghiệt ở châu Nam Cực.



Hình 23.5. Chim cánh cụt

Trên lục địa, do khí hậu giá buốt, băng phủ quanh năm nên thực vật và động vật không thể tồn tại. Ven lục địa có một ít thực vật bậc thấp như: rêu, địa y, tảo, nấm và động vật như thú chân vịt, chim cánh cụt và chim biển.

Chim cánh cụt, hải cẩu, hải báo và các loài chim biển sống ở ven lục địa và trên các đảo, dựa vào nguồn tôm, cá, sinh vật phù du dồi dào trong các biển bao quanh. Cá voi xanh ở vùng biển Nam Cực trước kia rất nhiều, nhưng do con người đánh bắt quá mức nên chúng đang có nguy cơ tuyệt chủng, cần được bảo vệ nghiêm ngặt.

d. Khoáng sản



Dựa vào hình 23.1 và thông tin trong bài, em hãy:
– Kể tên các loại khoáng sản ở châu Nam Cực.
– Cho biết dầu mỏ và khí tự nhiên phân bố chủ yếu ở đâu.

Châu Nam Cực có nhiều than đá và sắt, phân bố chủ yếu ở dãy Xuyên Nam Cực và vùng núi ở phía đông,... Ngoài ra, vùng thềm lục địa còn có tiềm năng về dầu mỏ và khí tự nhiên. Các khoáng sản nơi đây hiện đang trong quá trình nghiên cứu và thăm dò.

2. Kịch bản về sự thay đổi thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu



Quan sát hình 23.6 và dựa vào thông tin trong bài, em hãy nêu kịch bản về sự thay đổi thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.

Biến đổi khí hậu diễn ra ngày càng nhanh trên phạm vi toàn cầu. Theo kịch bản biến đổi khí hậu toàn cầu, trong thế kỉ XXI, nhiệt độ trung bình toàn cầu vào cuối thế kỉ XXI tăng $1,1^0C$ – $2,6^0C$ (dao động đến $2,6^0C$ – $4,8^0C$) so với trung bình giai đoạn 1986 – 2005. Mực nước biển toàn cầu tiếp tục tăng, lượng mưa và các hiện tượng thời tiết cực đoan cũng gia tăng.



Hình 23.6. Băng tan ở Nam Cực

Nhiệt độ Trái Đất tăng lên dẫn đến lớp băng ở Nam Cực tan chảy ngày càng nhiều hơn. Lớp băng có xu hướng di chuyển từ vùng trung tâm ra xung quanh, khi đến bờ, băng bị vỡ ra, cùng với các khối băng thềm lục địa tạo thành các núi băng trôi trên biển, rất nguy hiểm cho tàu thuyền qua lại.

Băng tan làm thu hẹp địa bàn sinh sống của loài chim cánh cụt, làm giảm số lượng loài chim này ở châu Nam Cực. Ngoài ra, băng tan còn làm thay đổi độ mặn của nước biển, làm giảm sút khối lượng các sinh vật phù du, các loài nhuyễn thể vốn là thức ăn của cá voi, hải cẩu, chim cánh cụt.

Điều kiện khí hậu ấm lên cũng làm các loài tảo, rêu, địa y phát triển, dẫn đến cảnh quan môi trường bị thay đổi. Hơn nữa, các loài thực vật này hấp thụ ánh nắng mặt trời, làm nhiệt độ xung quanh tăng lên khiến băng tan nhanh hơn.



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Lập sơ đồ tóm tắt những đặc điểm chính của thiên nhiên châu Nam Cực.

2. Giải thích vì sao châu Nam Cực được gọi là hoang mạc lạnh của thế giới.

Vận dụng

3. Đặc điểm nào về tự nhiên của châu Nam Cực làm em ấn tượng nhất? Hãy thu thập thêm thông tin về đặc điểm ấy.

Chân trời sáng tạo

Chủ đề chung 1.
CÁC CUỘC ĐẠI PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ

Học xong bài này, em sẽ:

- Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.
- Mô tả được hai cuộc đại phát kiến địa lí: C. Cô-lôm-bô tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502) và cuộc thám hiểm của Ph. Ma-gien-lăng vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).
- Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử.

Các em có thể nhìn thấy những thứ đến từ các nơi khác nhau trên thế giới như hoa quả hay ngũ cốc trong bữa ăn không? Rất có thể một số thứ được mang tới từ một nơi nào trên thế giới và chúng ta vẫn coi đó là điều hiển nhiên. Thực ra, lịch sử loài người đã chứng kiến một thời gian dài hầu như không có sự liên lạc hay giao thương nào giữa các châu lục. Tất cả chỉ bắt đầu từ khi có các cuộc phát kiến địa lí vào thế kỉ XV – XVI. Vậy, nguyên nhân và điều kiện nào dẫn đến các cuộc phát kiến địa lí? Các cuộc đại phát kiến địa lí đã diễn ra như thế nào và có tác động ra sao đến thế giới của chúng ta?



1.1 Loại tàu Ca-ra-ven (Caravel) sử dụng trong chuyến thám hiểm của C. Cô-lôm-bô

1. Nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí



– Giải thích nguyên nhân dẫn tới các cuộc phát kiến địa lí.
– Phân tích những yếu tố tác động đến các cuộc phát kiến địa lí.

Từ giữa thế kỉ XV, nhu cầu tìm kiếm vàng bạc, thị trường và hương liệu đã thôi thúc người châu Âu tìm đường sang phương Đông – xứ sở giàu có trong hiểu biết của họ lúc bấy giờ.

Nhu cầu đó càng trở nên cấp thiết hơn khi tuyến đường buôn bán truyền thống với phương Đông trước đó đã bị người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm giữ. Sự bế tắc trong giao thương càng thôi thúc họ tìm kiếm con đường đi mới.

1.2 Nhà thám hiểm B. Đi-a-xơ (người phát hiện ra mũi Hảo Vọng, châu Phi) nói rõ động cơ của cuộc thám hiểm: "... trở nên giàu có là mong muốn của tất cả".

(Giôn P. Mác Kây (John P. Mc Kay), *Lịch sử xã hội phương Tây* (*A History of Western Society*), Công ty xuất bản Hâu-tơn Mi-phơ-lin (Houghton Mifflin), Niu Óóc, trang 508)



1.3 V. Gama gặp gỡ hoàng gia Ấn Độ (tranh vẽ, năm 1898)

Khi nhà thám hiểm Va-xcô đơ Ga-ma tới được cảng Ca-li-cút của Ấn Độ vào năm 1498, người Ấn hỏi: "Người Bồ Đào Nha muốn gì?". Va-xcô đơ Ga-ma trả lời: "Thiên Chúa và gia vị".

(Giôn P. Mác Kây, *Lịch sử xã hội phương Tây*, Sdd, trang 508)

1.4 Người châu Âu thích ăn hạt tiêu vì hạt tiêu phá vỡ chế độ ăn uống nhạt nhẽo truyền thống. Hạt tiêu có giá trị đến mức thế kỉ XV được mệnh danh là "thế kỉ của hạt tiêu". Giá một ki-lô-gam hạt tiêu tại nơi sản xuất ra nó là phía đông của Ấn Độ chỉ 2 lạng bạc, về đến Vơ-ni-đơ (I-ta-li-a) được bán với giá 14 đến 18 lạng bạc, nhưng lên tới 30 lạng bạc một ki-lô-gam hạt tiêu ở các nước ven bờ Đại Tây Dương và phía bắc châu Âu.

(Giôn P. Mác Kây, *Lịch sử xã hội phương Tây*, Sdd, trang 507)

Lúc bấy giờ, người châu Âu cũng đã có quan niệm đúng đắn hơn về hình dạng Trái Đất, họ cũng đã vẽ được bản đồ, hải đồ đi biển, có khái niệm về dòng hải lưu hay hướng gió,... Đặc biệt, sự tiến bộ của kĩ thuật đóng tàu – đã xuất hiện những con tàu có bánh lái, với những cánh buồm lớn và buồm hình tam giác đủ điều kiện vượt đại dương. Bên cạnh đó, sự bảo trợ của một số nhà nước phong kiến ở châu Âu cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà thám hiểm tiến hành các cuộc phát kiến địa lí.

1.5



Hình chụp một la bàn xác định phương hướng

Trong bóng đêm mịt mù của biển khơi, người ta chạm vào kim nam châm. Khi chuyển động của kim dừng lại, điểm của nó chỉ về hướng bắc.

2. Một số cuộc đại phát kiến địa lí



Dựa vào lược đồ 1.6, 1.7 và thông tin trong bài, em hãy mô tả lại cuộc phát kiến địa lí của C. Cô-lôm-bô (1492 – 1502) và Ph. Ma-gien-lăng (1519 – 1522).

a. Cuộc phát kiến địa lí của C. Cô-lôm-bô

Tháng 8 – 1492, Cô-lôm-bô và đoàn thuỷ thủ bắt đầu rời cảng Pa-lốt (Palos) của Tây Ban Nha, đi về phía tây, băng qua Đại Tây Dương. Tháng 10 – 1492, họ đặt chân lên một hòn đảo, sau được đặt tên là Xan Xan-va-đo. Trong vài tháng sau đó, họ khám phá

bờ biển phía đông bắc của Cu-ba và bờ biển phía bắc của Hi-xpa-ni-ô-la. Cô-lôm-bô tin rằng ông đã tới được Đông Ấn Độ, nhưng thực ra đó là vùng đất mới – châu Mỹ. Sau đó, ông còn tiến hành thêm ba chuyến thám hiểm tới châu Mỹ vào các năm 1493, 1498 và 1502.

Nhân vật lịch sử

C. Cô-lôm-bô (1451 – 1506)



C. Cô-lôm-bô, một thuỷ thủ người I-ta-li-a, từ nhỏ đã say mê tìm hiểu hành trình của nhà thám hiểm M. Pô-lô (Marco Polo) sang phương Đông. Những tường thuật sống động của M. Pô-lô đã thôi thúc Cô-lôm-bô quyết tâm mở một con đường biển đến vùng đất kì diệu và giàu có này.



1.6 Lược đồ hành trình khám phá châu Mỹ của Cô-lôm-bô



Em có biết?

Xan Xan-va-đo còn có tên gọi cũ là đảo Oa-lin (Watling), nay thuộc Cộng hoà Ba-ha-ma (Bahamas). Hi-xpa-ni-ô-la hòn đảo lớn thứ hai sau Cu-ba ở biển Ca-ri-bê thuộc Cộng hoà Hai-ti (Haiti) và Đô-mi-ni-ca (Dominica) ngày nay.

b. Cuộc phát kiến địa lí của Ph. Ma-gien-lăng

Đầu thế kỉ XVI, vua Tây Ban Nha là Ca-lốt 1 (Carlos 1) tiếp tục khuyến khích các nhà thám hiểm tìm đường sang phương Đông vì mục đích gia vị và hương liệu. Năm 1519, nhận được sự tài trợ của hoàng gia Tây Ban Nha, Ma-gien-lăng cùng với đoàn thuỷ thủ tìm đường đến quần đảo hương liệu Ma-lu-ku (ngày nay thuộc In-đô-nê-xi-a).

Tháng 9 – 1519, đoàn thuyền 5 chiếc của Ma-gien-lăng bắt đầu rời Tây Ban Nha. Họ đi về phía tây, băng qua Đại Tây Dương, đến được mũi cực nam của châu Mỹ. Tại điểm hẹp nhất, nay là eo biển Ma-gien-lăng, họ vượt Đại Tây Dương, tiến vào một đại dương lớn trong cảnh sóng yên biển lặng, Ma-gien-lăng gọi là Thái Bình Dương.

Sau nhiều ngày lênh đênh trên biển, họ tới được đảo Mác-tan (Phi-líp-pin) cuối năm 1520, nhưng cũng chính tại đây, Ma-gien-lăng chết trong một cuộc đụng độ với thổ dân trên đảo.

Nhân vật lịch sử

Ph. Ma-gien-lăng
(1480 – 1521)



Là một người có tính cách táo bạo, dũng cảm và phiêu lưu, Ma-gien-lăng đã tham gia các chuyến hải trình của Bồ Đào Nha tới Ấn Độ và Ma-lắc-ca (Ma-lai-xi-a (Malaysia)) trong những năm 1505 – 1512. Nhưng vào thời điểm đó, con đường tới Ấn Độ của Va-xcô đơ Ga-ma đã làm lu mờ mọi phát hiện khác. Từ bỏ quê hương Bồ Đào Nha, ông sang Tây Ban Nha, tìm kiếm sự ủng hộ về tài chính của triều đình Tây Ban Nha cho khát vọng trở lại phương Đông.

Những người còn lại cuối cùng cũng tới được quần đảo Ma-lu-ku. Họ chất đầy nhục đậu khấu và đinh hương lên một chiếc thuyền, rồi trở về nhà bằng cách đi vòng quanh mũi Hảo Vọng. Năm 1522, 18 thành viên còn lại về đến Tây Ban Nha, hoàn thành chuyến đi vòng quanh thế giới đầu tiên.



1.7 Lược đồ chuyến đi vòng quanh thế giới của Ma-gien-lăng (1519 – 1522)

3. Tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử



– *Các cuộc đại phát kiến địa lí tác động như thế nào đến hoạt động kinh tế và sự tiếp xúc, trao đổi giữa các châu lục?*

– *Dựa vào thông tin trong bài và các tư liệu 1.8, 1.9 và 1.10, em hãy cho biết hệ quả của phát kiến địa lí đã tác động thế nào tới châu Phi và châu Mỹ.*

– *Nêu một ví dụ về sự thay đổi trong tiến trình lịch sử của các nước châu Á sau cuộc thám hiểm của Ma-gien-lăng.*

Nhận thức của con người thay đổi sau những cuộc phát kiến địa lí. Họ có hiểu biết mới về những vùng đất, đại dương, những con đường,... từ đó mở ra một thời kì giao lưu, tiếp xúc văn hoá, trao đổi hàng hoá, cây trồng, vật nuôi,... giữa các châu lục.



1.8 Sự trao đổi cây trồng, vật nuôi giữa các châu lục sau các cuộc phát kiến địa lí

Châu Âu được hưởng lợi nhiều nhất từ các cuộc phát kiến địa lí. Một khối lượng lớn vàng bạc, nguyên liệu được mang về châu Âu, thúc đẩy sản xuất, thương nghiệp phát triển, đẩy nhanh quá trình khủng hoảng, tan rã của quan hệ sản xuất phong kiến và sự nảy sinh của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở châu Âu.

Tuy nhiên, các cuộc phát kiến địa lí cũng dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa thực dân. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và sau đó là Hà Lan, Anh, Pháp,... lần lượt chiếm đóng và phân chia thuộc địa ở châu Mỹ, châu Phi, châu Á. Cùng với đó, là nạn buôn bán nô lệ da đen, sự huỷ diệt người bản địa châu Mỹ và nền văn hoá của họ.

1.9

Từ năm 1518 đến 1850, gần 11 000 000 người da đen đã bị đẩy xuống thuyền bán qua châu Mỹ, 500 000 người, tức 5% trong số đó bị bán vào khu vực ngày nay là nước Mỹ. Chế độ nô lệ là nguồn gốc của nạn phân biệt chủng tộc ở Mỹ trong lịch sử.

(Giôn P. Mác Kây, *Lịch sử xã hội phương Tây*, Sdd, trang 517)

Chân trời sáng tạo



1.10 Một khoang tàu chở nô lệ da đen từ châu Phi qua châu Mỹ (tranh khắc gỗ, thế kỉ XVII)



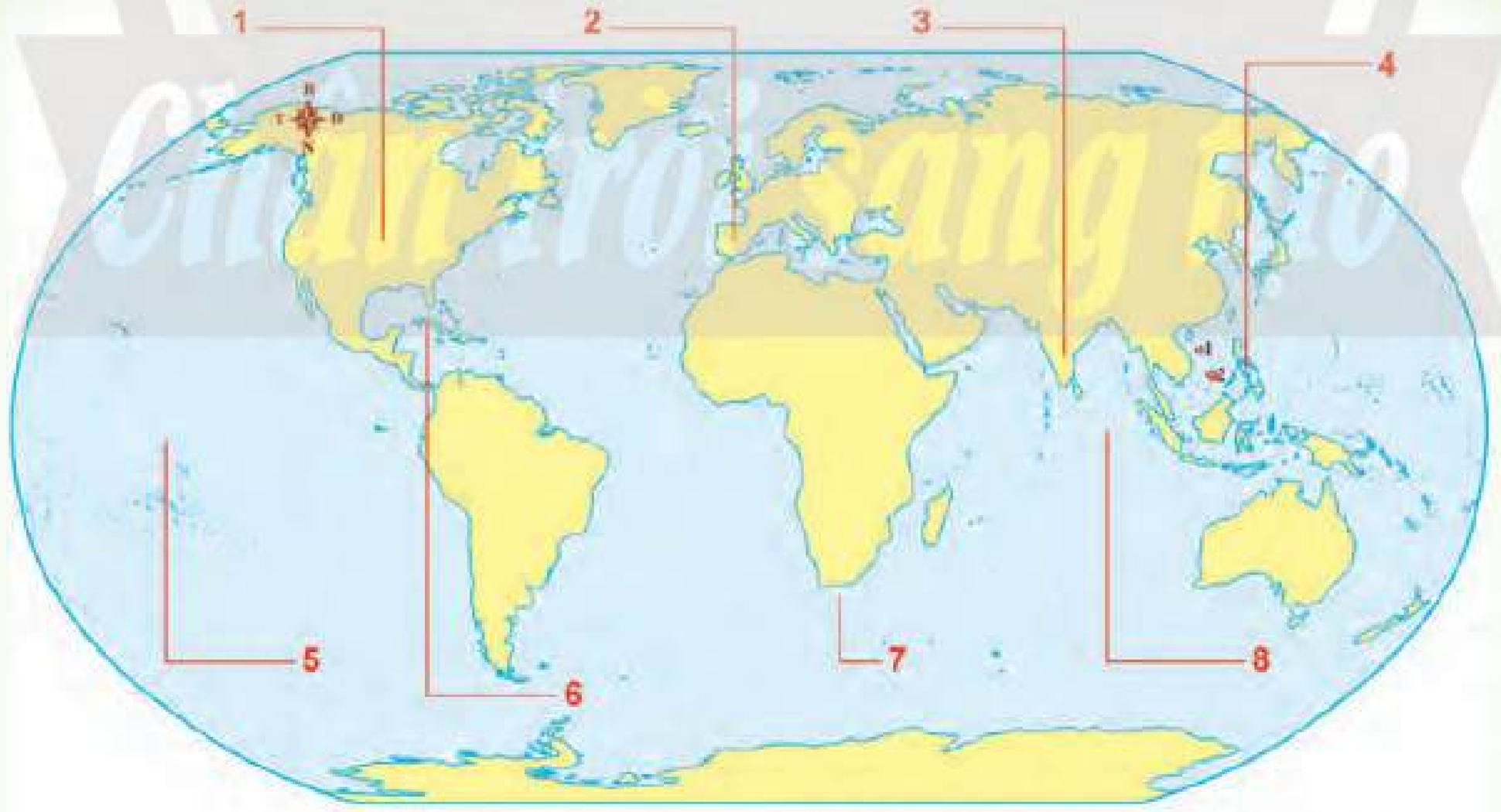
Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. Theo em, cống hiến quan trọng nhất mà các phát kiến địa lí của C. Cô-lôm-bô và Ph. Ma-gien-lăng đem lại cho lịch sử nhân loại là gì? Vì sao?

Vận dụng

2. Quan sát lược đồ sau và cho biết tên các đại dương, lục địa, các quốc gia và địa danh ngày nay gắn với các cuộc phát kiến địa lí (ở các vị trí đánh dấu từ số 1 đến số 8).



1 Quần đảo Hoàng Sa (Việt Nam)

2 Quần đảo Trường Sa (Việt Nam)

Chủ đề chung 2.
ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI

Học xong bài này, em sẽ:

- Phân tích được các điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành và phát triển một số đô thị cổ đại và trung đại (qua một số trường hợp cụ thể).
- Trình bày được mối quan hệ giữa đô thị với các nền văn minh cổ đại.
- Trình bày được vai trò của giới thương nhân với sự phát triển đô thị châu Âu trung đại.

Cách ngày nay khoảng 6 000 năm, thế giới chỉ có một vài thành phố với số dân không đến 100 000 người sinh sống. Điều đó quả là khác xa với hiện tại. Ở bài học này, các em sẽ tìm hiểu về lịch sử đô thị thời kì cổ trung đại: những điều kiện địa lí – lịch sử nào đã góp phần vào sự hình thành, phát triển của các đô thị đó? Giữa đô thị và các nền văn minh cổ đại có mối quan hệ ra sao? Giới thương nhân có vai trò gì trong sự phát triển của đô thị châu Âu trung đại?



21 Thành phố A-ten (Athens) cổ đại ở Hy Lạp (tranh vẽ, thế kỉ XIX)

1. Đô thị và các nền văn minh cổ đại

a. Đô thị và các nền văn minh cổ đại phương Đông



– Trình bày những điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành nên các đô thị cổ đại phương Đông.

– Đô thị có vai trò như thế nào đối với sự hình thành và phát triển của văn minh cổ đại phương Đông? Điều đó thể hiện như thế nào qua trường hợp các đô thị của Lưỡng Hà?

Phương Đông là nơi xuất hiện đô thị đầu tiên trong lịch sử nhân loại. Mô-hen-giô Đa-rô (Mohenjo-daro, Ấn Độ), Mem-phít (Memphis, Ai Cập) hay Lạc Dương, Trường An (Trung Quốc),... ra đời bên những dòng sông lớn và đều phát triển với vai trò là trung tâm tôn giáo, chính trị của các nhà nước nông nghiệp.

Các đô thị Lưỡng Hà cổ đại nằm giữa hai con sông Ti-gơ-rơ (Tigris) và Ơ-phơ-rát (Euphrates) đổ ra vịnh Ba Tư (Persian), đất bằng phẳng, vị trí dễ dàng kết nối với bên ngoài nên Lưỡng Hà là nơi đến của nhiều tộc người khác nhau. Từ khoảng 3 500 năm TCN, họ lần lượt xây dựng lên những đô thị dọc hai bờ sông như: U-rúc (Uruk), Ua (Ur), Ma-ri (Mari), Ni-nê-vơ (Nineveh), Ba-bi-lon (Babylon),...



Em có biết?

Các nhà khoa học dựa vào những phế tích còn lại như bức tường bao quanh thành phố, nhà ở hay công trình công cộng để ước lượng quy mô của một thành phố. Ví dụ, U-rúc vẫn được xem là thành phố đầu tiên của nhân loại chỉ có số dân không quá 4 000 người, Ma-ri và cả thành thị Ua nổi tiếng cũng có con số tương tự. Ba-bi-lon có số dân khoảng 100 000 người vào thời điểm khoảng 700 năm TCN.



22 Lược đồ các đô thị ở Lưỡng Hà cổ đại

Các nền văn minh cổ đại phương Đông hình thành và phát triển gắn với các đô thị – những trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá và điển hình cho trình độ phát triển của một nền văn minh. Ở Lưỡng Hà cổ đại, thành thị là nơi giới thương nhân khắp nơi đổ về để trao đổi và mua bán.

Vào thế kỉ VII TCN, Ba-bi-lon có quy mô lớn và sầm uất nhất thời bấy giờ. Sau thế kỉ IV TCN, Ba-bi-lon và những thành thị khác ở khu vực Lưỡng Hà dần suy tàn. Nền văn minh Lưỡng Hà cổ đại cũng sụp đổ theo những thành thị của nó.



23 Cảnh mua bán gỗ tuyết tùng ở Lưỡng Hà (phù điêu cung điện Xa-gon II (Sargon II), thế kỉ VIII TCN, Bảo tàng Lu-vrơ, Pháp)

b. Đô thị và các nền văn minh Hy Lạp, La Mã cổ đại



– Trình bày những điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành nên các đô thị phương Tây cổ đại.

– Đô thị A-ten và Rô-ma có vai trò như thế nào đối với nền văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại?

Các đô thị phương Tây cổ đại ra đời và phát triển trên cơ sở của nền kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp. Những sản phẩm nổi tiếng và có giá trị cao như rượu nho, dầu ô liu, vũ khí, đồ trang sức, đồ gốm, đồ da,... được đem bán khắp vùng Địa Trung Hải. Đổi lại, họ nhập về phần lớn là ngũ cốc. Nhiều đô thị ở Hy Lạp, La Mã đều có cảng biển. A-ten và Rô-ma là những đô thị có cảng biển lớn nhất thời bấy giờ.



24 Sơ đồ A-ten được vẽ vào tháng 9 – 1785 dựa trên thông tin từ các cuộc khai quật và các văn bản cổ. Bức tường dài được xây dựng để bảo vệ các thương gia khi họ đi từ A-ten đến cảng Pi-rê (Piraeus).

Các đô thị cổ đại ở Hy Lạp, La Mã đóng vai trò là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá của nhà nước và điển hình cho trình độ phát triển của nền văn minh cổ đại phương Tây.

A-ten, đô thị quan trọng nhất của Hy Lạp cổ đại ra đời vào thế kỉ VII TCN và phát triển rực rỡ trong thế kỉ V TCN. Những thành tựu của nền văn minh Hy Lạp cổ đại như: mô hình nhà nước dân chủ, văn học, chữ viết, toán học, kiến trúc, điêu khắc,... hầu hết khởi nguồn ở A-ten.



25 Nhập ngũ cốc ở cảng Ô-xti-a (Ostia), cửa sông Ti-bơ (Tiber) ở thành Rô-ma (tranh khắc trên lăng mộ, thế kỉ III)

Năm 146 TCN, sau khi A-ten và các đô thị của Hy Lạp bị chinh phục bởi người La Mã, Rô-ma bắt đầu giữ vai trò là trung tâm của vùng Địa Trung Hải cho đến năm 476. Những đóng góp cơ bản của La Mã cổ đại cho văn minh nhân loại về hệ thống luật pháp, thể chế cộng hoà, quy hoạch và xây dựng đô thị,... chủ yếu là những đóng góp của Rô-ma.

2. Các đô thị châu Âu thời trung đại và vai trò của giới thương nhân



– Quan sát bảng thống kê 2.6, lược đồ 2.8 và đọc thông tin trong bài, em hãy xác định: Vùng nào ở châu Âu tập trung các đô thị phát triển vào thế kỉ XIV, vùng nào tập trung các đô thị phát triển vào thế kỉ XV. Tại sao lại có sự thay đổi này?

– Hãy nêu vai trò của giới thương nhân đối với sự phát triển của các đô thị châu Âu thời trung đại.

a. Sự ra đời và phát triển của các đô thị châu Âu thời trung đại

Khoảng thế kỉ X – XI, sản xuất thủ công nghiệp trong các lãnh địa phát triển dẫn đến nhu cầu trao đổi sản phẩm. Đó là cơ sở cho sự xuất hiện trở lại của thành thị ở châu Âu. Thế kỉ XIV, châu Âu đã có hàng trăm đô thị, phần lớn đều tồn tại và tiếp tục phát triển cho đến ngày nay.

2.6 Bảng thống kê các đô thị lớn ở châu Âu vào thế kỉ XIV

Tên đô thị	Số dân (người)
Ba-xê-lô-na (Barcelona, Tây Ban Nha)	35 000
Phi-ren-xê (I-ta-li-a)	80 000
Giê-noa (Genoa, I-ta-li-a)	84 000
Na-pô-li (Napoli, I-ta-li-a)	60 000
Rô-ma (Roma, I-ta-li-a)	40 000
Vơ-ni-đơ (Venice, I-ta-li-a)	90 000
Mi-la-nô (Milano, I-ta-li-a)	80 000
Pa-ri (Paris, Pháp)	80 000
Luân Đôn (London, Anh)	40 000
Lu-bếch (Lubeck, Đức)	25 000
Cô-lô-nhơ (Cologne, Đức)	40 000
Hăm-buốc (Hamburg, Đức)	17 000
Nô-vô-gô-rốt (Novgorod, Nga)	10 000 – 30 000

(Mai-cơn Sao-ơ (Michael Sauer), *Diễn biến lịch sử (Geschichte und Geschechen)*, Nhà xuất bản En Clét Vơ-lác (Ernst Klett Verlag), 2018, trang 224)

b. Vai trò của giới thương nhân đối với sự phát triển của đô thị châu Âu trung đại

Thành thị châu Âu trung đại ra đời gắn với sự phát triển của thủ công nghiệp, hơn một nửa số dân trong đô thị sống bằng nghề thủ công, sản xuất hàng hoá như len, đồ lông thú, đồ da, làm mũ,... Thu nhập từ buôn bán cao hơn nên tầng lớp thương nhân càng ngày càng có vai trò quan trọng hơn và trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển của đô thị.

27 Vào thế kỉ XIV, ở thành phố Lu-bếch (Đức), một nghệ nhân bậc thấy làm đồ thủ công chỉ kiếm được mỗi năm khoảng 50 – 60 đồng Mác (Mark) (đơn vị tiền tệ của Đức). Trong khi đó giá trị hàng hoá trong ngôi nhà của một thương gia trị giá khoảng 250 Mác... Từ ngày 18 – 3 – 1368 đến ngày 10 – 3 – 1369, hàng hoá xuất nhập khẩu ở cảng Lu-bếch có tổng giá trị lên đến hơn 390 000 Mác.

(Mai-cơn Sao-ơ, *Diễn biến lịch sử*, Sdd, trang 223 – 224)



Ngôi nhà của một thương gia chất đầy hàng hoá (tranh vẽ)

Thương nhân liên kết với giới quý tộc quyền quý, lập nên hội đồng đô thị, họ trở thành những công dân hàng đầu của đô thị. Thương nhân cũng thường bỏ tiền ra xây dựng những công trình công cộng như nhà thờ, đài phun nước, thuê các hoạ sĩ trang hoàng phố xá, nhà cửa, bảo trợ cho các nhà văn hoá, khoa học có tư tưởng tiến bộ.



Em có biết?

Khởi đầu là một gia đình kinh doanh ngân hàng, sau đó gia đình Mê-đi-xi (Medici) giành được quyền lực chính trị và là một trong những người đứng đầu hội đồng thành phố của nước Cộng hoà Phi-ren-xê (I-ta-li-a). Sự hào phóng với nghệ sĩ và nghệ thuật của gia tộc này đã góp phần quan trọng đưa Phi-ren-xê trở thành trở thành quê hương của phong trào Văn hoá Phục hưng, gắn liền với những tên tuổi lừng lẫy như Mi-ken-lăng-giơ, Lê-ô-na đờ Vanh-xi,...

Thương nhân một số đô thị châu Âu còn tập hợp lại với nhau thành lập các hiệp hội buôn bán (thương hội) với mục đích bảo vệ tự do thương mại, thống nhất thị trường và an toàn cho các thương nhân buôn bán đường dài. Tại nhiều nước, hàng năm họ còn tổ chức các hội chợ để thúc đẩy trao đổi hàng hoá giữa các vùng và giữa các quốc gia. Hiệp hội lớn nhất thời bấy giờ là Liên minh Han-xe-tíc (Hanseatic) của các đô thị thuộc vùng ven biển Ban-tích (Baltic).



28 Lược đồ các thành phố thuộc liên minh Han-xe-tíc đầu thế kỉ XV



Em có biết?

Thế kỉ XV, vào thời kì hùng mạnh nhất của liên minh, Han-xe-tíc bao gồm gần 200 đô thị lớn nhỏ. Hằng năm, họ tổ chức đại hội một lần tại thành phố Lu-bếch (Đức). Ngày nay, ở Hăm-buốc, Lu-bếch,... người dân vẫn tự hào về lịch sử Han-xe-tíc nên trên các biển số xe của họ thường đặt thêm chữ H, ví dụ các loại xe có biển số như HH hoặc HL. Chữ cái đầu tiên là viết tắt của Han-xe-tíc, chữ cái thứ hai là chữ cái đầu tiên của thành phố Hăm-buốc hoặc Lu-bếch.



Luyện tập – Vận dụng

Luyện tập

1. *Em hãy trình bày những hoạt động của tầng lớp thương nhân thời trung đại ở Tây Âu. Vì sao tầng lớp thương nhân lại có vai trò quan trọng với sự phát triển của các đô thị châu Âu trung đại?*

Vận dụng

2. *Những thành tựu nào của văn minh đô thị thời cổ đại vẫn còn có giá trị với thế giới ngày nay?*
3. *Tổ chức thương mại nào có số nước tham gia đông nhất? Tổ chức đó có điểm gì giống với Liên minh Han-xe-tíc? Tham khảo trang web: https://www.wto.org/ cho câu trả lời của em.*

Chân trời sáng tạo

THUẬT NGỮ
PHẦN LỊCH SỬ

1. Bách tác (Cục): cơ quan quản lí các xưởng thủ công nhà nước, sản xuất ra các sản phẩm cần thiết cho nhà nước phong kiến (vũ khí, trang phục, đồ dùng sinh hoạt, tiền).

2. Chữ Nôm: chữ viết của người Việt thời xưa, vận dụng chữ Hán để ghi lại tiếng nói dân tộc.

3. Địa chủ: 1 – Chủ đất (địa: đất); 2 – Người chiếm hữu nhiều ruộng đất, không trực tiếp cày cấy, cho người khác thuê và thu tô người thuê ruộng.

4. Điền trang: ruộng đất tư của quý tộc, vương hầu thời Trần do khai hoang mà có.

5. Đồn điền: đất hoang được nhà nước tổ chức khai khẩn và trực tiếp quản lí.

6. Đồn điền sứ: chức quan của nhà nước phong kiến, phụ trách công việc khai hoang.

7. Giáo hội: hệ thống tổ chức riêng của các tăng lữ và tín đồ đạo Thiên Chúa, đứng đầu là Giáo hoàng ở Rô-ma.

8. Hà đê sứ: chức quan của nhà nước phong kiến, phụ trách công việc liên quan đến đê điều.

9. Hạn điền: chính sách của Hồ Quý Ly nhằm hạn chế số ruộng đất mà quan lại, quý tộc và nhà giàu chiếm giữ.

10. Hạn nô: chính sách của Hồ Quý Ly nhằm hạn chế số nô tì của quan lại, quý tộc và nhà giàu.

11. Hào kiệt: người có tài năng xuất chúng.

12. Hịch: lời kêu gọi tướng sĩ hay nhân dân đứng dậy đấu tranh vì mục đích thiêng liêng, như chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc (*Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn). Hịch còn là tên gọi một thể loại văn học thời xưa.

13. Hồi giáo: hay còn gọi là I-xlam giáo (Islam), ra đời vào nửa đầu thế kỉ VII tại bán đảo Ả-rập, người sáng lập là Mô-ha-mét.

14. Lãnh chúa: người đứng đầu lãnh địa phong kiến ở châu Âu, chiếm cứ một vùng đất và có toàn quyền ở đó như một ông "vua con".

15. Lãnh địa: vùng đất do lãnh chúa chiếm cứ. Lãnh địa giống như một quốc gia thu nhỏ, tự cấp tự túc về kinh tế, độc lập về chính trị.

16. Ngụ binh ư nông (chính sách): binh lính được luân phiên về cày ruộng ở quê nhà trong thời bình. Khi có chiến tranh, nhà nước sẽ huy động tất cả đi chiến đấu.

17. Nho giáo: hệ tư tưởng đạo đức, chính trị do Khổng Tử đề xướng ở Trung Quốc thời cổ, đề cao các nguyên tắc trong quan hệ giữa người với người, được nhà nước phong kiến triệt để sử dụng phục vụ cho sự thống trị của vua chúa.

18. Nho sĩ: người học Nho giáo, thuộc tầng lớp trí thức trong xã hội phong kiến.

19. Nô tì: người phục dịch trong gia đình quý tộc, quan lại thời phong kiến và bị bóc lột nặng nề.

20. Nông nô: nông dân trong lãnh địa phong kiến châu Âu, cuộc sống bị gắn chặt vào ruộng đất. Nông nô có thể bị lãnh chúa đem bán, tặng, chuyển nhượng cùng với ruộng đất mà họ canh tác.

21. Phát kiến địa lí: những phát hiện mang tính khoa học về các vùng đất mới, các đại dương mới, các con đường mới, các dân tộc mới.

22. Phòng tuyến: hệ thống cứ điểm có bố trí lực lượng chiến đấu mạnh nhằm ngăn chặn (hoặc làm bàn đạp tấn công) kẻ địch.

23. Phục hưng (thời kì): thời kì lịch sử ở châu Âu từ thế kỉ XIV đến thế kỉ XVIII. Giai cấp tư sản đã thông qua chủ trương phục hồi tinh hoa của văn hoá Hy – La để đòi giải phóng con người, đả phá các tư tưởng lỗi thời của phong kiến và Giáo hội.

24. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa: phương thức làm ra của cải vật chất trong xã hội tư bản, trong đó quan hệ sản xuất được vận hành bởi hai giai cấp chính là giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

25. Phường hội: hình thức tổ chức sản xuất của thợ thủ công trong các thành thị châu Âu thời phong kiến, tập hợp những người làm cùng nghề với nhau. Mỗi phường hội có quy chế riêng. Trong phường hội có thợ cả, thợ bạn, thợ học nghề; quan hệ mang tính gia trưởng.

26. Quân điền: chính sách chia cấp ruộng đất công cho dân đinh trong làng xã theo quy định của nhà nước phong kiến.

27. Sứ quân: tên gọi chỉ các nhân vật, tướng lĩnh hay quý tộc có thế lực, nổi dậy cát cứ một địa phương ở cuối thời Ngô ở Việt Nam (loạn 12 sứ quân).

28. Sứ thần (sứ giả): viên quan được nhà vua cử đi giao thiệp với nước ngoài.

29. Tao Đàn: tên gọi một hội các nhà thơ, tập hợp 28 người do vua Lê Thánh Tông sáng lập và dứng dầu.

30. Thái ấp: phần ruộng đất do nhà vua cấp cho quý tộc, quan lại làm bổng lộc, thuộc quyền sở hữu của người được cấp (phổ biến dưới thời Trần).

31. Thái sư: chức quan dứng dầu triều đình thời phong kiến.

32. Tư sản (giai cấp): giai cấp chiếm hữu tư liệu sản xuất và bóc lột thặng dư sức lao động của công nhân.

33. Thái thượng hoàng: tước vị của vua cha sau khi đã nhường ngôi cho con, nhưng vẫn cùng vua con trông coi chính sự.

34. Thái uý: chức võ quan cao cấp nhất thời Lý – Trần.

35. Thiền phái Trúc Lâm: một dòng thiền Phật giáo hình thành vào thời Trần, do vua Trần Nhân Tông sáng lập.

36. Tin Lành (đạo): tôn giáo tách ra từ đạo Công giáo, sau các cuộc cải cách do giáo sĩ M. Lu-thơ và G. Can-vanh khởi xướng ở Tây Âu thế kỉ XVI.

37. Vô sản (giai cấp): giai cấp không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động của mình cho chủ tư bản để kiếm sống.

38. Vương triều: triều đại, triều vua (vương triều Gúp-ta; vương triều Trần,...).

PHẦN ĐỊA LÍ

1. Biến đổi khí hậu: sự thay đổi của khí hậu (định nghĩa của Công ước khí hậu) được quy trực tiếp hay gián tiếp là do hoạt động của con người làm thay đổi thành phần của khí quyển toàn cầu và đóng góp thêm vào sự biến động khí hậu tự nhiên trong các thời gian có thể so sánh được.

2. Bồn địa: khu vực có địa hình thấp, trũng dạng lòng chảo.

3. Cao nguyên: dạng địa hình rộng lớn, có bề mặt tương đối bằng phẳng, tạo vách rõ với các địa hình xung quanh.

4. Chủng tộc: tập hợp người có những đặc điểm hình thái bên ngoài giống nhau, di truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác như màu da, tóc, mắt, mũi...

5. Đài nguyên (đồng rêu): thảm thực vật rêu và địa y, ngoài ra còn có một số loài cỏ và cây bụi nhỏ, cây bụi (bạch dương lùn, liễu cực đới,...); cây cối thường thấp bé, rễ ăn nông chỉ ở tầng trên cùng và cách xa tầng đóng băng vĩnh viễn.

6. Đô thị hoá: quá trình biến đổi về phân bố các lực lượng sản xuất, bố trí dân cư, những vùng không phải đô thị thành đô thị.

7. Hoang mạc: vùng đặc trưng có khí hậu rất khô, với những loài sinh vật chịu hạn cao hoặc sinh vật ưa khô hạn.

8. Khu dự trữ sinh quyển: những khu vực hệ sinh thái bờ biển hoặc trên cạn giúp thúc dẩy các giải pháp điều hoà việc bảo tồn sự đa dạng sinh học với việc phát triển bền vững khu vực đó có giá trị nổi bật, được quốc tế công nhận.

9. Khu bảo tồn thiên nhiên: khu vực địa lí được xác lập ranh giới và phân khu chức năng để bảo tồn đa dạng sinh học.

10. La-nốt: đồng bằng ở tây bắc Nam Mỹ. Đây là một vùng các đồng cỏ nhiệt đới và cận nhiệt đới, xavan và cây bụi. Phía đông của đồng bằng La-nốt có vùng đất thấp ven sông Ô-ri-nô-cô gọi là đồng bằng sông Ô-ri-nô-cô.

11. Loài đặc hữu: sinh vật chỉ tồn tại và phát triển trong phạm vi phân bố hẹp (đảo, vùng lãnh thổ,...). Loài đặc hữu không thể tìm thấy ở vùng phân bố khác. Ví dụ: căng-gu-ru chỉ có ở Ô-xtrây-li-a.

12. Lũ: hiện tượng ngập lụt, nước chảy xiết có khả năng cuốn trôi nhà cửa, cây cối. Thông thường lũ mang tính bất ngờ và xuất hiện chủ yếu ở các vùng núi cao với địa hình dốc.

13. Lụt: hiện tượng nước ngập trên một vùng đất trong một khoảng thời gian nhất định, có thể do lượng nước đổ về quá nhiều khiến vỡ đê, đập hay lượng nước lớn không có chỗ thoát.

14. Mật độ dân số: số cư dân trung bình sinh sống trên một đơn vị diện tích lãnh thổ (đơn vị: người/km²).

15. Nam Đại Dương: vùng nước bao quanh Nam Cực. Hội Địa lí Hoa Kỳ đã chính thức công nhận đại dương này vào ngày 8 – 6 – 2021.

16. Nền kinh tế lớn: nền kinh tế phát triển, có vai trò quan trọng và chiếm tỉ trọng lớn trong nền kinh tế châu lục hoặc thế giới.

17. Nền kinh tế mới nổi: nền kinh tế có sự phát triển nhanh chóng trong thời gian gần đây, có vai trò ngày càng quan trọng và chiếm tỉ trọng ngày càng tăng trong nền kinh tế châu lục hoặc thế giới.

18. Quần đảo: nhóm gồm nhiều đảo lớn, nhỏ nằm gần nhau có quan hệ với nhau về nguồn gốc phát sinh và cùng mang một tên chung.

19. Rừng rậm nhiệt đới thường xanh: rừng cấu trúc nhiều tầng từ 4 – 5 tầng, sinh khối lớn gấp 5 – 10 lần so với rừng ôn đới, cây cối luôn luôn xanh tươi vì thay lá suốt năm, rừng kín và tối, nhiều dây leo và cây phụ sinh, hầu như không có cây bụi và cây thân cỏ hạn chế.

20. Siêu đô thị: các khu vực đô thị có số dân hơn 10 triệu người.

21. Sơn nguyên: một phần rộng lớn của miền núi, bao gồm dãy núi, khối núi kết hợp với cao nguyên và vùng trũng giữa núi.

22. Thảo nguyên: đồng cỏ hoà thảo rộng lớn, thường mọc ở vùng khí hậu tương đối khô.

23. Thổ dân: dùng để chỉ những quần thể người sống nguyên thuỷ và đầu tiên hay là lâu dời tại một địa phương nào đó.

24. Thổ Nhĩ Kỳ: quốc gia có lãnh thổ nằm ở cả châu Âu và châu Á. Các dữ liệu về kinh tế – xã hội của quốc gia này được thống kê vào châu Á.

25. Tỉ suất tăng dân số tự nhiên: sự chênh lệch giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô, đơn vị tính bằng %.

26. Tổng sản phẩm quốc nội/ Tổng sản phẩm trong nước (GDP): giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ cuối cùng được tạo ra của nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định (quý, năm).

27. Xavan: đồng cỏ cao, lác dác có các cây gỗ dứng riêng lẻ hay những dám rừng thưa gồm các cây ưa khô.

Chân trời sáng tạo

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: TRẦN THỊ KIM NHUNG – VÕ ĐỨC DI LINH

Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ CÚC PHƯƠNG – ĐẶNG NGỌC HÀ

Trình bày bìa: TRẦN DUY THANH – THÁI HỮU DƯƠNG

Minh hoạ: TRẦN DUY THANH – ĐẶNG NGỌC HÀ

Xây dựng và biên vẽ bản đồ: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC

Sửa bản in: ĐỖ XUÂN GIANG – VÕ ĐỨC DI LINH

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền © (2022) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 (Chân trời sáng tạo)

Mã số: **G2HH7U001M22**

In……bản, (QĐ in số….) Khổ 19x26,5 cm.

Đơn vị in:……

Cơ sở in:……

Số ĐKXB: 176-2022/CXBIPH/24-59/GD

Số QĐXB:…… ngày …. tháng…. năm 20 ….

In xong và nộp lưu chiểu tháng ….năm 20….

Mã số ISBN: 978-604-0-31070-5



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. NGỮ VĂN 7, TẬP MỘT
2. NGỮ VĂN 7, TẬP HAI
3. TOÁN 7, TẬP MỘT
4. TOÁN 7, TẬP HAI
5. TIẾNG ANH 7
   Friends Plus - Student Book
6. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7
7. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7
8. KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7
9. CÔNG NGHỆ 7
10. TIN HỌC 7
11. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 7
12. ÂM NHẠC 7
13. MĨ THUẬT 7 (BẢN 1)
14. MĨ THUẬT 7 (BẢN 2)
15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 1)
16. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 2)

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Chân trời sáng tạo

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.

ISBN 978-604-0-31070-5

9 786040 310705

Giá: 27.000 đ